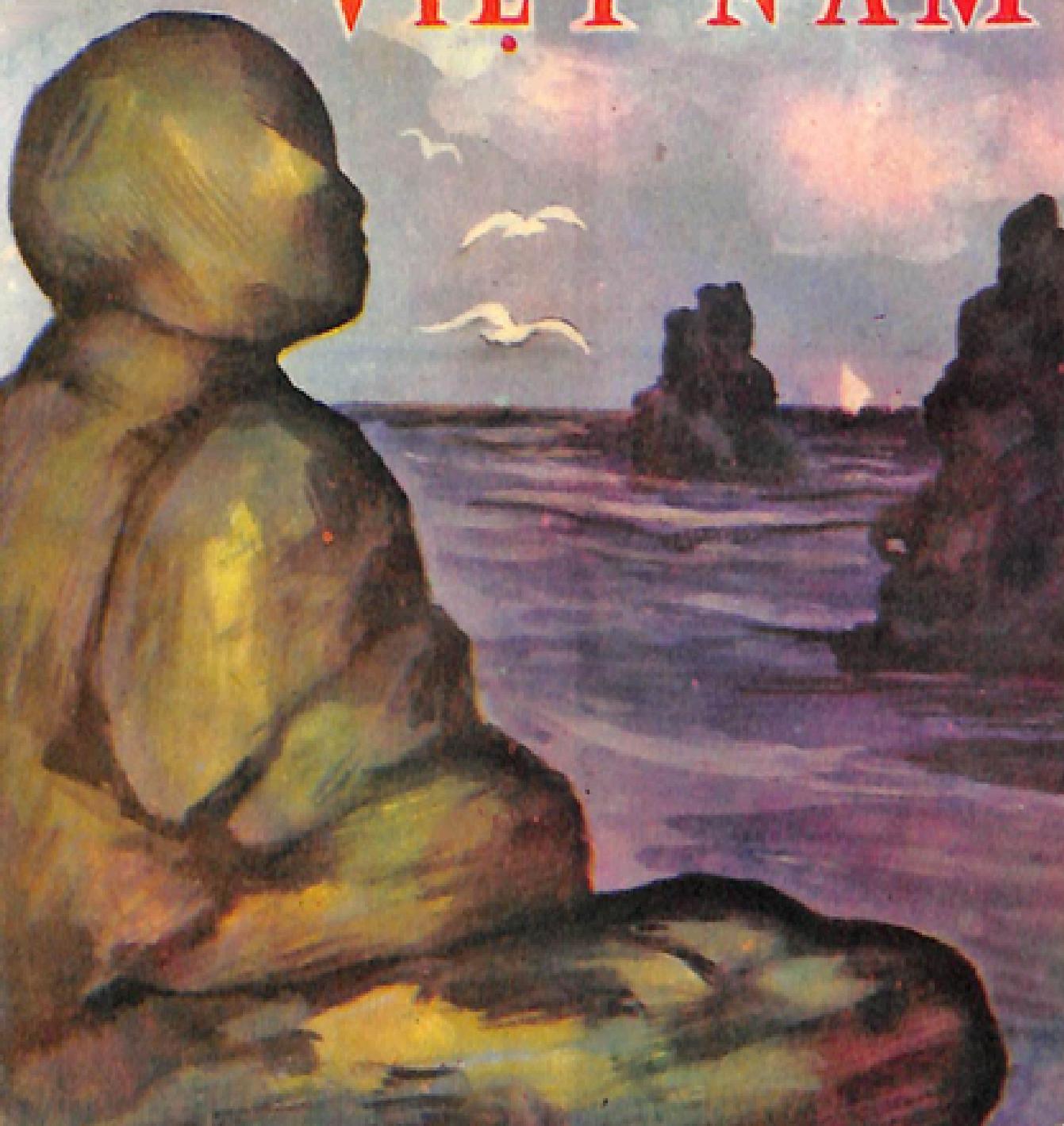


LÊ HƯƠNG

TRUYỆN TÍCH
VIỆT-NAM



LÊ HƯƠNG

TRUYỆN TÍCH
VIỆT - NAM

MỘT NHÓM VĂN-HỮU
xuất bản

Lời nói đầu

Tuy trước đây rất lâu và hiện thời đã có nhiều người sưu tầm hoặt viết lại truyện cổ Việt-nam đăng báo và in thành sách. Lê cõ nhiên có nhiều người biết nhiều chuyện đến thuộc lòng.

Soạn quyền này, chúng tôi đề tra là TRUYỆN TÍCH VIỆT-NAM vì xét rằng thành phần không phải hoàn toàn là truyện cổ đã xuất hiện không biết từ bao giờ cũng như không biết ở nơi nào. Không chú trọng đến văn đề cũ, mới, chúng tôi chỉ cố gắng ghi chép những truyện đã xảy ra ở nước nhà với đầy đủ tên nhân vật, địa điểm và năm tháng. Có truyện nằm trong khoảng cách rất xa cũng như có truyện vừa mới được nhắc nhở. Mục đích của chúng tôi là gìn giữ sự việc ở địa phương mà xưa nay chỉ được một số ít người biết, hầu giới thiệu với đồng bào khắp nơi.

Với lối hành văn quen thuộc, chúng tôi trình bày gọn ghẽ từng sự kiện, khi thì gói ghém trong dăm mười câu, khi thì lê thê trên vài trang giấy. Thỉnh thoảng chúng tôi xen vào vài bài theo lối viết truyện ngắn gọi là đề thay đổi chút ít âm điệu triền miên.

Rất mong quý vị ở địa phương vui lòng chỉ bảo và bồ khuyết giúp chúng tôi những điều cần thiết.

1. ĐỨA CON THỨ 13 CỦA ĐỨC PHẬT

Đầu năm 1939, một thanh niên 19 tuổi tên Võ văn Tư hoạt động chống chánh phủ Pháp ở Mỹ-tho bị đồ bè, trốn lên Sài-gòn, xin giúp việc nhà cho một Án kiều. Vì không dám ra đường sợ bị Mật thám nhìn mặt hoặc hỏi giấy thuê thân, Tư ở trong nhà suốt ngày, suốt tháng làm tất cả việc gì chủ muôn. Tư có màu da sậm như người Miên lại thích mặc cái chăn (sarong) nên xem không khác người Án nếu anh ta cạo đầu và đội cái mũ không vành. Được cái lém mép, lanh lợi và thông minh, Tư học nói tiếng Án với mấy cậu con chủ và anh bếp già. Sau ba năm ăn cà-ri, bánh rế, Tư nói sõi tiếng Án, mặc chăn trắng, áo bành-tô trắng cò đứng, đội cái chớp ní đỏ hoàn toàn giống một Án kiều. Bấy giờ anh ta đãng hoàng ra đường ôm cặp da, cầm cây dù đen đi lang thang khắp phố, thâu tiền góp, giới thiệu hàng giúp ông chủ một cách đắc lực.

Một hôm, người chủ cho anh biết ông sẽ về Án an hưởng tuổi già và hỏi anh có muốn đi theo không? Anh không ngần ngại xin đi liền. Người chủ tỏ vẻ cảm động nói rằng :

— Tao thương mày như con tao, mày muốn làm con nuôi tao không ?

Tư cảm động nắm tay chủ đề trên đầu tỏ ý ưng thuận. Người chủ làm đơn ra Tòa nhận Tư là đứa con riêng, lấy tên Ăn, quốc tịch Anh. Xong thủ tục, ông đắt Tư về thị trấn Benarès, coi sóc một cửa hàng buôn vải, lụa cách tinh ly lối 30 cây số.

Một năm sau, ông cha nuôi cưới cho Tư một cô vợ Ăn là người cháu họ của ông. Thế là Tư hoàn toàn không còn gì giống người Việt-nam. Giá như các ông Mật thám ở Mỹ-tho có gặp Tư, cũng không biết anh ta là kẻ có tên trong sổ bia đèn đạo nào !

*

Trong vùng Tư ở, có một cõi tục không hiều nguyên do vì đâu, cứ ba mươi năm một lần, một số thanh niên và đàn ông Ăn đi «Làm con của Đức Phật». Ai muốn đi thì đi, không bị ép buộc hoặc cấm đoán. Mỗi gia đình cử một người, gọi là đại diện cho giòng họ mình. Nếu người đó thành công thì là một danh dự hết sức lớn không gì hơn nỗi. Điều kiện duy nhất bắt buộc kẻ tình nguyện phải theo là bịt kín hai mắt đi từ đầu con đường xuyên qua một khu rừng dày tới mười hai ngôi chùa liên tiếp, đến ngôi chót thì được nhận là con của Đức Phật. Kể từ khi tục lệ này ra đời đã có 12 người đi tới ngôi chùa thứ 12 và được nhận. Năm ấy người nào thành công sẽ là đứa con thứ 13.

Đúng ngày giờ định sẵn, mỗi gia đình làm lễ cầu nguyện Đức Phật rất thành khẩn, dọn tiệc đãi thân

quyển đề tiễn chân người sắp lên đường. Người này được ăn uống thật no, rồi đi đến ven rừng bịt mắt lại nhầm chừng phương hướng mà đi. May mắn vào đúng ngôi chùa thứ nhất sẽ có sư sãi đón rước từ tết, cho ăn, nghỉ một đêm, hôm sau lại tiếp tục đến chùa thứ nhì. Có người đi lạc hàng tháng mới tới một ngôi chùa, thành thử gần ngót năm mới đến ngôi chót. Rủi ro đi lạc đường thì phải rán mà lần mò tìm lối ra chóp không thể nhờ người nào khác. Dù có người thấy cũng không dám giúp vì họ cho rằng kẻ nào được Đức Phật nhận làm con sẽ đi đúng đường nhờ có Ngài diu dắt. Nếu tìm không ra thì phải nhịn đói hoặc quơ bầy trái cây, lá cây mà ăn, rủi vướng nhầm loại có chất độc thì bỏ mạng giữa rừng. Kẻ xấu số gặp thú dữ xé thây là một điều không thể tránh. Vì thế số người tình nguyện mỗi kỳ hàng ba, bốn chục, có khi hàng trăm mà chỉ có một người đến đích, có khi không có mồng nào. Kẻ sùng đạo rất thành tâm gìn giữ quy định không bao giờ dám đơn sai như hé mảnh vải bịt mắt để thấy đường đi, đem thức ăn dấu trong mình, hoặc dùng một thủ đoạn nào khác để đạt mục đích. Người không đủ kiên nhẫn bỏ cuộc nửa chừng thì phải bỏ làng đi nơi khác ở chứ không dám trở về chịu sự nguyên rủa của gia đình và hàng xóm suốt đời. Bước chân khỏi nhà, thân nhân kè người ra đi sẽ là con của Đức Phật hoặc là... chết mất xác dọc đường.

*

Cuối tháng tư năm 1945, ông cha nuôi của Tư hợp thân nhân lại bàn luận về việc cử người đi làm

con thứ 13 của Đức Phật. Ngày lên đường ấn định nhâm đầu tháng 6. Tuy tục lệ không bắt buộc ai, nhưng vì từ lâu gia đình ông không có người tinh nguyện nên ông đã khấn vái với Đấng Từ phụ và hứa với hàng xóm rằng lần này sẽ có. Ông trình bày lý do và hỏi người nào chịu đi.

Không một ai trả lời.

Ông hỏi từng người thì kẻ bận việc này, kẻ mắc kẹt việc khác, người nói mình còn gánh nặng phải lo, người cho mình không can đảm đem sanh mạng thử thách.

Ông khờ tâm không cùng vì ông sẽ mất mặt với hàng xóm và mang tội với Đức Phật, một trọng tội mà người Ấn thà chết chứ không thể sống dưới sự dày vò của lương tâm. Ông nói rằng nếu ông còn đủ sức khỏe ông sẽ đảm nhận trách vụ này chứ không tìm cách thoái thác, hay nhờ ai. Ông băn khoăn không biết giải quyết cách nào vì không thể thuê người ngoài gia đình được. Ông chết lặng hồi lâu giữa một nhóm người ngồi im không nhúc nhích.

Anh Tư thấy thương ông cha nuôi vô bờ bến, anh không thể nhìn ông trong tình trạng quá bi thảm này. Vả lại, sự việc sẽ diễn tiến có nhiều vẻ kỳ, huyền hoặc rất hợp với tính tò mò của anh, nên anh liền ngỏ lời xin ông chấp thuận cho anh đi. Lời nói của anh được cử tọa hoan nghênh nhiệt liệt. Ông cha nuôi quá cảm động ôm anh khóc ròng. Ông cho rằng có lẽ đưa con nuôi dân Annam của ông là con thiệt của Đức Phật đầu thai nên mới xui khiến ông nhận nó làm con và đem về Ấn-độ để ngày nay nó hoàn thành sứ mạng này.

Cô vợ trẻ cũng hoan hỉ không kém, cô rất tự hào có người chồng mộ đạo và can đảm, dám hy sinh. Nếu sau này chồng cô đạt mục đích thì cô sẽ hân hạnh diện kiến bao nhiêu.

Thế rồi, anh Tư được đưa vào Chùa trình diện với vị Sãi cả đề kê tên tuổi vào danh sách và thí phát quý y. Suốt tháng 5, anh bận rộn vì thủ tục ở Chùa và nghe những điều kiện phải theo lúc đi đường, học hỏi phương hướng các ngôi chùa phải đến. Anh được thán quyến đãi đẳng trọng hậu toàn vật lạ, món ngon đề lòng cảm ơn anh giúp họ và biết đâu những buổi tiệc tùng ấy là lẽ tiễn đưa anh vào cõi chết. Người săn đón anh nhiều nhất là ông cha nuôi. Ông hỏi anh muốn vật gì, muốn làm gì, ông cũng chiều ý tất cả. Ông không ngại tốn tiền, không nề hà khó nhọc, chỉ mong đền đáp ơn anh phần nào hay phần ấy. Nhưng anh không muốn làm phiền ông chủ cũ, ông cha nuôi có lòng tốt với anh, mà trong thâm tâm lúc nào anh cũng nhớ nếu không có ông biết đâu anh đã bỏ xác vì cuộc tra tấn của người Pháp hay ở tù ngoài Côn-nôn mẫn đời? Anh không đòi hỏi gì hơn là nhờ ông săn sóc vợ anh trong lúc anh vắng mặt.

Đầu tháng 6, anh dự buồi tiệc chót tại nhà rồi hăng hái lên đường vào lúc tờ mờ sáng. Những gia đình có người tham dự thỏa thuận với nhau về giờ và ngày xuất trình không trùng hợp để mỗi người đi riêng rẽ một mình. Cả nhà đưa anh đến ven rừng, bit mắt anh, chúc tụng anh, đứng nhìn anh đến khi khuất dạng mới trở về.

Anh loạng choạng đi, hai tay đưa thẳng ra phía

trước sờ soạng vì không có gậy, chốc lại chụp nhầm một thân cây, vấp một mồi đất ngã sõng xoài. Đì được lối hai giờ, anh thấy đói, khát và khó chịu vô cùng. Từ đầu gối trở xuống cái chăn rách mẩy đường và da thịt tết vài chỗ chảy máu. Anh nghĩ thầm rằng vốn dĩ anh là một thanh niên có óc cách mạng chó không phải là kẻ tu hành thì việc làm con, làm cháu của Đức Phật không ăn thua gì đến chí hướng của anh cả. Như thế « vẫn đề » hành xác thân bắt chịu đói, chịu khát, chịu té què giò, đụng u dầu, trầy trán và chịu bỏ thây giữa rừng cho thú dữ ăn quả là một điều tối ư vô lý. Không lẽ cuộc đời đầy hy vọng ở tương lai của một chàng trai Việt-nam lại chấm dứt ở đầu bờ, xó bụi xứ Ấn-độ hay sao ? Gia chi dì từ khi qua đây, anh chưa bao giờ nghe nói đến khu rừng ác ôn này, đến lộ trình oái oăm này, bây giờ lại bịt mắt đi mò hàng mẩy tháng liền quả là một cách tự tử hữu hiệu nhất. Anh không biết người sẽ được nhận làm con Đức Phật được Ngài chỉ đường bằng cách nào chứ mới có hai giờ mà anh gần phát điên rồi. Thôi thôi, Nam Mô A Di Đà Phật, chúc chưởng : « đưa con thứ 13 » anh nhường cho một người Ấn chánh tông, còn anh xin đầu hàng vô điều kiện. Nhưng không lẽ anh tháo chiếc khăn quay trở lại với vợ đê bị ông cha nuôi và hàng xóm nguyễn rửa suốt đời, hay bỏ đi ở vùng khác trốn tránh như một kẻ tù tú hay sao ? Đâm lao phải theo lao, anh chỉ còn một đường phải chọn là đi qua mười hai ngôi chùa đê được ăn và nghỉ rồi sau này ra sao thì ra. Anh dừng lại, lắng tai nghe có tiếng chân người đi gần không và gọi to lên :

— Có ai ở đây không ? Xin giúp tôi một tay !

Anh gọi ba lần không nghe trả lời, mới yên trí đầy cái khăn bịt mắt lên cao một chút. Anh cần thận đầy một bên thôi, đủ thấy đường đi và rủi có gặp người nào thì kéo xuống lẹ làng không sợ lộ tẩy. Anh nhìn quanh thấy toàn là cây cối dày đặc chỉ có vài kẽ hở đủ một người đi một cách chật vật. Anh hú hồn, nếu không sớm suy nghĩ và quyết định thì chắc chắn trăm phần anh hết mong thấy mặt vợ và ông cha nuôi. Böyle giờ anh đi thênh thang, nhẹ tênh tênh, một mạch thẳng đến trạm thứ nhất. Lẽ cố nhiên khi vừa thấy dạng ngôi chùa, anh nhầm đường thật kỹ rồi kéo khăn che thật kín mắt, sờ soạng đi tới. Trong chùa vị Sãi cả biết trước sẽ có người đến, đã cắt phiến các vị Sư túc trực ngày đêm chờ đón tại cổng.

Anh Tư được tiếp rước trọng thể, đãi ăn uống và cho nghỉ một đêm. Tuy nhiên mảnh khăn bịt mắt không bao giờ được cởi ra. Sáng lại, sau buỗi diêm tâm cần thận anh sờ soạng lên đường. Nhầm chừng cách chùa khá xa, anh đầy khăn lên, phóng nhanh như gió. Cứ thế anh qua đủ mười hai ngôi chùa với một tốc độ kỷ lục, chưa bao giờ có người nào đi nhanh bằng. Vị Sãi cả ngôi chùa thứ mười hai tö chức buổi lễ thật long trọng nhìn nhận anh là đứa con thứ 13 của Đức Phật, choàng lên mình anh một cái áo cà sa vàng có chạy chỉ vàng thiệt, cấp cho anh một mảnh băng chứng thật anh đã vượt qua cuộc thử thách và được Đức Phật hướng dẫn anh đến đúng mục tiêu. Đoạn, vị Sãi cả tặng anh một số tiền làm lộ phí trở về nhà bằng xe đò, và cắt một vị Sư đưa anh ra tinh ly.

Anh đến một thành phố cách nơi anh ở hơn hai trăm cây số. Hồi ra thì đường xe đi vòng mẩy thị trấn khác nên xa hơn ngã xuyên qua khu rừng. Thay vì anh vào một ngôi chùa gần chợ ở tạm chờ xe cho đúng là đứa con của Đức Phật, anh lại thuê phòng ngủ, mặc quần áo thường. Anh nhất định dấu hẳn chức vị anh vừa nhận được bằng một phương pháp không xứng đáng. Sẵn có một món tiền riêng khá nhiều và còn thừa nhiều thì giờ, anh định du lịch một phen cho biết đất nước bên vợ.

Lúc ấy Nhật-bản đầu hàng Đồng-minh, thế chiến thứ hai chấm dứt, thiên hạ reo mừng và bàn tán về tình hình chính trị biến chuyển suốt ngày. Lòng yêu nước và chí nguyện của anh lại bùng dậy. Anh tìm những Việt kiều trong tỉnh hỏi thăm tình trạng nước nhà. Anh gặp ngay một số Việt kiều đang sửa soạn hồi hương hợp tác với chính phủ Việt-nam đánh đuổi thực dân Pháp. Anh không ngại tỏ thật thân thế mình và xin gia nhập vào đoàn «Việt kiều hải ngoại». Anh tự xét mình là một công dân Việt-nam, một tay cách mạng kỳ cựu, anh không có quyền trốn tránh nhiệm vụ trong cơ hội may mắn ngàn năm một thuở này. Công trình của anh, của bao nhiêu người đã hiên ngang chống Pháp ngay dưới thời đô hộ cũng đều nhắm vào giờ phút lịch sử này. Không lẽ sau bấy nhiêu lâu chờ đợi mà đến giờ này anh lại ngẩn mặt làm ngơ, chui rúc ở đất người sống vinh thân phì da hay sao? Đối với ông cha nuôi, việc anh tình nguyện nhận gánh nặng của gia đình, của đồng họ ông cũng đều gọi là trả ơn ông dùm bọc phản nào. Hơn nữa anh cũng lo sợ sau này có người

nghi ngờ mà cật vấn lôi thôi, biết đâu lại không lôi mưu mô xảo trá ra ? Chừng ấy không biết hậu quả sự vi phạm quy điều của một cõi tục được sùng bái hàng mấy thế kỷ sẽ đưa anh đến đâu ? Anh liền vô phòng trọ thu xếp lên đường ngay. Anh không viết thư về báo tin cho ông cha nuôi và cô vợ biết vì anh không biết chữ Ảnh, và lại, anh muốn mọi người định ninh rằng anh chết giữa rừng cho xong.

Đoàn Việt kiều hải ngoại phải mất hơn ba tháng mới về đến Cao-miên bằng đường bộ qua ngã Thái-lan vì tàu thủy từ Ảnh thẳng qua Sài-gòn chưa tò chúc kịp. Tình thế bấy giờ đã thay đổi hoàn toàn. Chính phủ Việt-nam độc lập vừa ra đời thì bị ngay quân đội Anh đưa thực dân Pháp vào tái chiếm Sài-gòn và đang bình định các tỉnh. Người Việt phải vào bưng dung lối du kích chống cự. Ở Cao-miên Quốc-vương Sihanouk rước ông thầy cũ trở lại bảo hộ như xưa. Người Miên yêu nước cũng lui vào chiến khu phản kháng.

Nhóm Việt kiều hải ngoại không thể hồi hương, tạm ở lại đất Miên tò chúc cơ sở trong rừng. Anh Tứ được những người ở địa phương đưa ra làm một công cụ tuyên truyền với chiếc áo cà sa và mành bằng cấp đẽ lôi kéo giới Sư Sãi Cao-miên, nhờ họ hô hào người Miên gia nhập, ủng hộ, giúp đỡ...

Sau một thời gian, không nghe ai nhắc đến anh nữa.

2. MIỀU ÔNG HOÀNG

Nhắc đến U-minh, người ta hình dung một vùng đất «xinh lên, xẹp xuống» do cây cỏ tạo thành biệt lập trong tỉnh Kiên-giang (Rạch-giá) giữa 3 tỉnh An-xuyên, Bạc-liêu, Chươn-thiện, nơi có nhiều con rạch nước đỗ như trà, «muỗi kêu như sáo thổi, đỉa lội như bánh canh». Muốn đến đó bằng ngã Tân-bằng thuộc quận Hiếu-lễ, Rạch-giá, ta phải theo hai con đường thủy, vì từ xưa đến giờ chưa có đường bộ cho xe chạy. Một ngã từ tỉnh lỵ Kiên-giang đến quận lỵ Kiên-an theo sông Trèm-trèm vào chợ Tân-bằng, một ngã từ tỉnh lỵ An-xuyên đến quận lỵ Thới-bình vào sông Trèm-trèm. Phía dưới chợ Tân-bằng lối 3 ngàn thước có rạch Cái-bác (xưa kia tên là Ngã-hoác nổi trại ra) đưa vào trung tâm vùng U-minh. Đó là vùng U-minh-thượng thuộc xã Tân-bằng, còn một vùng khác gọi là U-minh-hạ ở từ bến bờ sông Trèm-trèm, đối diện với xã Tân-bằng ra đến biển.

Tại ngã tư sông Cái-bác và kinh Ranh-hạt có ngôi miếu thờ một vị Tướng theo phò Vua Gia-Long tên là Lê Minh-Hoàng, nên tục gọi là miếu ông Hoàng. Miếu được xây cất vào tháng 4 năm 1945 do một trường hợp đặc biệt như sau :

Vào khoảng tháng tư năm ấy, một người đàn bà Miên làm rẫy ở xã Đông-hưng, thuộc tỉnh Bạc-liêu, ngày nay thuộc quận Kiến-an, tỉnh Kiên-giang đang nấu ăn thỉnh lình lên đồng, múa men ợ ngáp rồi rít. Đây là lần đầu tiên trong đời bà ấy, nên thân nhân lấy làm lo sợ, đốt nhang, đèn thành kính hỏi han. Bà bảo gọi Hương chức sở tại và các bậc bô lão trong làng đến bà dạy việc. Trước một số đồng đồng bào, bà nói tiếng Việt rất rành rẽ :

— «Ta là Tướng Lê Minh-Hoàng» theo phò Đức Cao-hoàng Gia-Long rút quân về vùng này. Ta điều khiển một chiến thuyền và bị đánh chìm tại Rạch Cáibắc, mũi thuyền nồi lên gần suối Cây Gội. Nay ta cho dân chúng biết để lấy di tích của ta lên».

Người đàn bà nói xong ngã ra bất tỉnh. Lúc mở mắt được, bà không nhớ gì cả.

Dân làng tin là sự thật vội thành lập một ban Hội đồng do ông Tiên bái Nguyễn văn Liêm chỉ huy và hùn tiền cất một ngôi Miếu thờ vị Tướng nhà Nguyễn, gọi là Miếu Ông Hoàng.

Người ta tin là sự thật vì từ lâu người ta thường bảo dưới vùng đất này có «ghe ô», «ghe sa» chìm từ lúc Cao-hoàng Gia-Long chống Tây-Sơn nhưng không ai biết chắc ở chỗ nào, chỉ thấy có người cuốc đất làm rẫy gặp chén kiều, bông tai, vòng tay, ống ngoáy, ô đồng. Một người đàn bà Miên gọi là bà Thò Mập lượm được một cái ống ngoáy bằng đồng, đến nay còn giữ kỹ. Về đêm, người đi giăng câu neo xuống ngang dọc giữa rạch thường nghe tiếng quân lính hò hét, mà không thấy bóng hình :

— « Ghe xuồng đi câu, dẹp đường đê ghe Quan
lớn đi ! »

Hoặc nghe tiếng trống, tiếng chiêng nồi lên văng
văng như gần như xa.

Vùng này gọi là U-minh-thượng nồi tiếng huyền
bí một thời, mặc dầu làn sóng văn minh lan tràn quá
mạnh ngoài thành phố. Dưới sông, rạch, suối và kinh
đào không biết cơ man nào là cá. Người đi giăng câu,
đặt lợp mà nói đùa :

— « Đêm nay ta đặt lợp chơi ! » thì sáng ra không
có con nào cả. Trái lại, lạy tạ cầu xin cho có cá kiểng
ăn thì tha hồ mà bán.

*

Cắt miếu xong, ban Hội đồng nhóm lại, nhờ người
đàn bà Miên ngồi đồng lần nữa. Ông Tiên bái xin phép
vị Tướng nhà Nguyễn cho lấy chiếc ghe lên đê vào
miếu thờ.

Xác đồng nói :

— « Ta bằng lòng cho phép mũi ghe nồi lên ở gần
suối Cây Gội, lái ghe nằm sâu dưới mảnh ruộng hoang,
trong khoang ghe còn hộp ăn của Vua ban cho ta. Hương
chức trong làng phải nhờ đúng Ngọ ngày rằm sẽ lấy
ta mới giao hòm ăn được ».

Ban Hội đồng mướn dân dọn sạch cỏ quanh suối
trước một ngày. Suối này ở cách ngã tư Rạch Cái-bắc
và kinh Ranh Hạt hai ngàn thước, sau hai ngọn suối
Ông Phó và Ông Cơ.

Khi dẹp xong người ta thấy ngay mũi ghe nồi lên
khỏi mặt nước lối ba tấc dưới bờ suối Cây Gội về tả

ngạn Rạch Cái-bác. Hóa ra ghe đã nồi từ lâu nhưng vì cỏ mọc phủ kín nên không ai thấy.

Vừa thấy báu vật, dân chúng quên lời Thần dặn, ráp nhau kéo lén bờ, và lặn xuống rạch mò tiếp. Từ bờ suối thẳng qua hữu ngạn rạch Cái-bác, người ta chỉ vớt được một số bè ghe mục bè tùng mảnh bằng bàn tay hoặc lớn hơn, một cây cột chèo, một cây chèo thật dài, hình giống chiếc đũa bếp, nước sơn còn lõi dạng, mũi ghe còn được hai mảnh khá to. Toàn thè đều bằng ván hương có mùi thơm.

Dân làng cố sức mò kiếm hòm ẩn theo lời Thần dạy, nhưng không thấy. Mấy mươi người lặn hụp từ trưa tới chiều, phí côngtoi.

Theo hình mũi ghe người ta đoán rằng thân ghe dài lối 20 thước, lòng rạch Cái-bác rộng 6 thước, chắc chắn còn hai phần ba chiếc ghe nằm trên vùng đất hoang ngay chỗ ấy, và có lẽ hòm ấy còn trong khoang ghe.

Ban Hội đồng gom hết các vật mò được để trong miếu, thiết một buồi lễ mừng. Ngay khi ấy, bà Miên 'ại lên đồng. Thần nhập vào xác người, truyền rằng :

— «Vì các người không nhớ lời dặn, lấy ghe đúng giờ nên ta không thể trao hòm ẩn được».

Không ai nhớ người nào phát giác rằng ván ghe ô, ghe sa có tài trị bệnh. Người nào nóng lạnh, thỉnh một miếng về nấu nước sôi uống hết. Người nào bị siềng, đốt ván ghe xong khói cũng hết. Nhức đầu, đau bụng, ỉa mửa, làm cũ rét cũng nhờ ván ghe !

Thấy sự linh nghiệm trước mắt, đồng bào quanh vùng ráp nhau lại xin thỉnh mỗi người một miếng để dành trong nhà. Số người xin rất nhiều đến nỗi bao nhiêu mảnh nhỏ hết sạch, lần hồi đến mũi ghe; cột chèo, cây chèo đều bị cưa chẻ từng mảnh nhỏ. Trong vòng hai tháng, không còn một miếng vụn nào trong miếu.

*

Sau khi người đàn bà Miên lên đồng chỉ chỗ chiếc ghe ô chim, mấy đứa trẻ chăn trâu trong vùng Cái-bắc bắt chước xây đồng khiền tướng, làm trò đùa. Một hôm, có đứa lên thiêt gọi tên tộc của nhiều người trưởng thượng trong làng bảo đến nó dạy việc. Người được gọi trước nhất là Chệt Ngãnh, tục danh là Diêu-An. Đứa trẻ ấy gọi ngay tên tộc mà ra lệnh, khiến dân chúng ngạc nhiên không biết là ai. Sau cùng nó mới kêu là Chệt Ngãnh, người ta mới biết.

Người được gọi kể đây là ông Ba Thuốc, tục danh là Lê văn Thân.

Hai người nghe chuyện lạ vội đến xem, thì đứa trẻ gọi ngay tên mà truyền rằng :

— « Trước đây ta có chỉ chỗ chiến thuyền của ta chìm và được vớt lên rồi, nay ta chỉ thêm một chiếc nữa ở cách đây không đầy nửa dặm thuộc về tả ngạn sông Cái-bắc. Hai người hãy lo tu bồ và cúng kiến tử tể. Ta đi đây ! »

Nói xong đứa bé ngã ra bất tỉnh.

Đã tìm được một lần, dân chúng rất tin lời Thần dạy bèn hội nhau lại đi ngược giòng sông Cái-bắc kiểm dẫu vết chiếc ghe thứ nhì. Người ta bắt đầu đi từ chỗ

vớt chiếc ghe trước lần theo tả ngạn con sông lối vài trăm thước, thì gặp ngay xác ghe.

Đây là một miếng be bằng cây sao, dày lối hai phân, dài hơn ba thước, rộng một thước, nằm từ trong bờ chia ra giữa sông.

Chỉ có thể thôi, vì lòng sông khá sâu và nước quá lạnh nên người thợ lặn không đủ sức chịu đựng phải bỏ dở cuộc tìm kiếm. Người ta cho rằng phân nửa chiếc ghe còn nằm trong lòng đất như chiếc trước, và phần mục nát chìm ngay tại đó, vùi dưới lớp thân cây cỏ giữa giòng sông.

Xác ghe được đê chung với ghe trước tại Miếu Ông Hoàng. Nhờ nó là gỗ sao nên không ai chè ra nấu nước làm thuốc, mới còn đến ngày nay.

Người ta lấy ngày vớt ghe làm ngày vía mỗi năm cúng tế một lần nhằm 16 tháng 3 âm lịch, mỗi lần cúng ba ngày, một ngày giết ba, bốn con heo và hai chầu hát bội.

Trong thời khói lửa, dân chúng không săn sóc Miếu, Đinh, có người đem be ghe ấy bỏ dưới hầm nước ở phía sau Miếu để mỗi không đục khoét.

3. CỜ THỤ CÓ THẦN NHẬP

Sau khi dẹp nhà Tây-sơn, thống nhất đất nước, vua Gia-Long sai ông Nguyễn Kinh lên thủ đô Phnom Penh xin vua Cao-miên một cây trai đẽ làm cờ ở Huế.

Cây trai là một loại gỗ quý, lõi đèn tuyển, chắc rắn như sắt, dùng làm cột cầu ngâm dưới nước hàng mấy trăm năm không mục. Trên đất Miên có nhiều cây trai mọc trong những khu rừng hoang hắng trăm năm không có ai đẽ chân đến.

Vua Cao-miên chấp thuận, cho người đưa ông Nguyễn Kinh vào xóm người Thượng Chlong ở tỉnh Kratié. Giữa khu rừng cách xóm này có một cây trai thật lớn không biết sống từ bao giờ. Tương truyền cỗ thụ có Thần nhập nên thợ rừng và thò dân không ai dám động tới.

Ông Kinh dắt theo mười người thợ chuyên môn đẽn gỗ và thuê thêm mười người Thượng phụ giúp dọn dẹp một khoảng đường để hạ cây và kéo ra bờ sông Cửu long. Khi bắt đầu đốn, những người Thượng đều từ chối không dám dự vào. Ông Kinh cắt một người thợ Việt bồ nhát búa thứ nhất vào gốc. Lưỡi búa chém bay một mảnh vỏ, thân cây úa ra một chất mủ đỏ hồng như máu, đồng thời người thợ ngã lăn quay ra, trợn mắt, lắc đầu, vung tay, vung chân như bị ai đánh phải né, tránh. Khiêng vào trại, người thợ lăn lăn hồi tỉnh thưa rằng anh ta bị một ông Thần đánh, đá tung bừng.

Ông Kinh bảo một người khác và liên tiếp năm người đều bị kẽ vô hình hành hạ giống nhau. Hết mỗi nhát búa cắt đứt mình gỗ thì nước đỏ chảy ra và người thợ ngã lăn quay. Suốt ngày ấy công việc không tiến thêm được tí nào. Nhìn gốc cây vòng quanh bốn người ôm mới giáp, ông Kinh không biết phải làm thế nào mới tròn nhiệm vụ. Ông suy nghĩ suốt đêm, sáng lại, ông dọn lẽ vật, nhang đèn dưới gốc cây, mặc

phàm phục vào quỳ van vái xin vị Thần cây cho ông tròn sứ mạng của Vua giao phó, xong rồi ông sẽ lấy tánh mạng ông tạ tội đã xúc phạm đến linh Thần. Sau ba tuần rượu, ông truyền lệnh các tay thợ sẵn sàng chờ ông chặt nhát thứ nhất xem lời cầu xin có được vị Thần chấp thuận không. Ông cầm búa, khấn nguyện lần nữa, dang tay bồ một cái. Một miếng vỏ cây văng ra, vết bẽ không có nước đỏ. Ông đeo búa xuống xá gốc cây ba xá khoác tay ra hiệu cho đoàn thợ làm việc. Những lát búa chém vào thân cây vạc từng mảnh gỗ như cây thường, không người thợ nào bị phản ứng như hôm qua.

Ông Kinh vào trại viết một lá sớ tâu Đức Vua sự việc đã xảy ra và viết một bức thư cho vợ con. Ba ngày qua, đoàn thợ đeo đến lối cây, chỉ còn bằng bắp tay mà thân cây vẫn đứng sững không ngã. Ông Kinh biết vị Thần chờ mình, bèn gọi thợ vào trại căn dặn cách chờ cây ra bờ sông, kết bè về Phnom Penh và Mỹ-tho, nơi đây có thuyền Nhà Vua chờ đưa thẳng về kinh đô. Ông trao cho người Trưởng đoàn lá sớ và bức thư, căn dặn cách chôn cất ông cạnh gốc cây, đoạn mặc phàm phục ngồi hướng vào thân cây, cầm gươm đâm cõi chết. Thây ông vừa ngã ra thì thân cây chuyền mình rắn rắc ngã ầm xuống đúng theo khoảng đường đã dọn sẵn.

Đoàn thợ chôn ông Kinh, cất ngôi miếu thờ, rồi mới đưa cây về Huế. Từ đó ông Kinh thường hiện linh giúp đỡ Việt-kiều và thồ dân. Người Thượng Chlong rất kính trọng ông, quanh năm tu bồ ngôi miếu thật khang trang. Việt-kiều quen gọi là Miếu Cậu Kinh, đến nay (1969) vẫn còn.

4. CÔNG CHÚA MAI-CHÂU

Đến triều Vua Lê Thánh-Tông niên hiệu Hồng-Đức, Hoàng-hậu sanh một gái là Công-chúa Mai-Châu xinh đẹp tuyệt trần. Lớn lên, Công-chúa thích luyện võ, học binh thơ đồ trận hơn là may vá thêu thùa. Năm Công-chúa được mười ba tuổi, giặc Chiêm-thành ở Ngũ-quảng (Quảng-bình, Quảng-trị, Quảng-đức, Quảng-nam, Quảng-ngãi) ngày nay, nồi lên đánh cướp đồng bào. Lúc ấy có tên Ngô Bất-Ngạo tự xưng là Tướng của nhà Minh bên Tàu cấu kết với quân Chiêm gây rối.

Nhà Vua sai Tướng đánh dẹp mãi không được, hao binh khá nhiều. Bấy giờ Công-chúa tâu với Vua cha :

— Con xin Phụ-vương cho con đi tảo trừ bọn giặc đe thử tài rèn luyện bấy lâu nay.

Nhà Vua thấy con có chí khí, cấp cho mươi chiến thuyền và năm chục ngàn lính.

Công-chúa lanh án, chọn ngày xuất binh. Đoàn thuyền đến hòn núi Án-Ngang tại tỉnh Quảng-bình bỏ neo, chờ sáng sớm sẽ đồ bộ. Giữa đêm, sóng gió nồi lên cuồng loạn, dông mưa chuyền trời động đất.

Công-chúa lên địch lầu đứng xem thấy một vị thần ở dưới nước nồi lên xung là Giang-thần nồi sóng

đánh chìm thuyền quyết bắt Công-chúa làm vợ. Công-chúa nghĩ rằng nếu mình không hy sinh thì hơn năm chục ngàn người phải bỏ mạng, bèn xuống soái phòng gởi các quan Tham-mưu đến nói rõ tình hình hiện tại và truyền rằng :

— Ta phải xuống biển để cứu những người theo ta. Vậy, sau khi sóng lặng gió êm, các quan hãy trở về Triều thật gấp để báo tin Phụ-vương ta hay, để Người vào cứu ta.

Nói xong Công-chúa Mai-Châu nai nịt gọn ghẽ, cầm gươm nhảy xuống biển.

Đoàn-quân hồi kinh. Nhà Vua mất con nỗi giận, thân chinh đến nơi lấy kiêng Minh-kính chiểu bắn đền đài Giang-thần tan nát.

Giang-thần không thể đương cự phải đưa Công-chúa lên mặt nước. Công-chúa đã chết, xác trôi vào vũng Ao-bạch.

Vua Lê Thánh-Tông truyền cất miếu thờ Công-chúa trên bờ Ao rồi đem xác về kinh mai táng.

Công-chúa rất linh, thường phù hộ, cứu giúp đồng bào trong vùng.

Đến đời nhà Nguyễn triều Vua Minh-Mạng, tên Ba-Vành làm giặc khí thế rất mạnh. Quan quân đánh mấy trận không thắng nổi phòng tuyến, Công-chúa Mai-Châu báo mộng nhà Vua rằng :

— Vào canh hai đêm mười tám tháng ba, hễ thấy ngọn đèn xanh trong trại giặc thì xua quân đánh ngay vào sẽ giết được tên Ba-Vành.

Vua Minh-Mạng vâng lời, quả nhiên phá được

giặc. Cảm ơn đức Công-chúa, Nhà Vua phong chức « Hiền ứng thượng đẳng tôn thần », sùng tu miếu võ, cúng tế thường niên.

5. TÔNG ĐỐC NGUYỄN ĐĂNG GIAI

Ông Nguyễn Đăng Tuân người ở xã Lộc-thành, tỉnh Quảng-bình làm quan đến chức Thái-sư. Vợ chồng ở với nhau đến bốn mươi tuổi không có con. Một hôm ông nói với bà rằng :

— Chúng ta ngày nay được hiền vinh tột bậc, tiền của dư dả mà không có con nối dòng thì cũng không vui vẻ gì. Nay giờ vợ chồng ta đến chùa Thiên-mụ cầu tự, ngưỡng mong Trời, Phật nhỏ phước cho.

Bà đồng ý cùng ông sắm sửa lễ vật, nhang đèn vào chùa trình bày ý muốn với vị Hòa-thượng. Nhà chùa bảo ông bà Thái-sư nên đến chùa nguyện hương một ngày hai lần để tỏ lòng thành. Hai ông bà vâng lời thật tâm nguyện vái suốt ba năm vẫn không thấy tin mừng gì cả.

Một đêm kia, ông Thái-sư nằm chiêm bao thấy ông đến chùa, đứng một bên cửa, nhìn vào thấy ba ông Phật ngồi một bàn. Ông Phật ngồi bên trái nói :

— Ba năm nay tên Nguyễn Đăng Tuân cầu tự mà ta chưa cho, sẵn hôm nay có tên ăn mày chết ngoài cửa chùa, ta cho đầu thai vào nhà nó vậy.

Ông Phật ngồi bên mặt nói :

— Tên Tuân là người có phước đức mới được

làm quan lớn, lại thành tâm cầu khẩn mà ta cho nó tên ăn mày nghĩ cũng tội nghiệp.

Ông Phật ngồi giữa nói :

— Cho tên ăn mày không sao, nhưng phải sửa cắp mắt lại ngày sau nó sẽ khá.

Nói rồi ba ông đi ra chỗ tên ăn mày nằm, một ông lấy cây viết trả cán ấn đeo mắt xác chết xuống.

Ông Tuân thấy đến đây thì giục mình thức dậy. Ông thuật lại cho vợ nghe điểm chiêm bao và nói tiếp :

— Từ ngày ra làm quan tới nay, tôi không có làm điều gì xấu hoặc ám hại người nào, việc cầu Trời khẩn Phật cũng thành tâm, hết lòng khấn nguyện, nhưng không hiểu vì sao tôi lại thấy Phật cho tên ăn mày làm con ?

Bà vợ nói :

— Ông thấy trong giấc ngủ chưa biết hư thiệt thế nào, sáng nay ông lên chùa thử xem có đúng vậy không.

Ông Tuân đồng ý, chờ sáng đến chùa quả thấy có tên ăn mày nằm chết ngoài cổng Tam quan. Ông vào cho vị Hòa-thượng hay. Thì ra vị Hòa-thượng chưa biết có người chết trước chùa. Khi tần liệm thi hài, ông Tuân đề ý xem đôi mắt xác chết trũng xuống y như ông đã thấy trong giấc ngủ. Ông về dinh kè lại cho vợ nghe mọi việc và nói rằng :

— Theo lời Phật nói sửa hai con mắt thì tương lai nó sẽ khá.

Sau đó, bà Tuân có thai. Ông chồng cứ ngày ngày đến chùa nguyện vái lầm thăm :

— Trời Phật đã chứng giám lòng tôi cho một đứa

con mà nhầm tên ăn mày thật là một điều xấu hổ cho tôi. Vả lại tôi làm quan không có làm điều gì ác đức, tại sao Trời Phật lại cho tôi đưa con như vầy ?

Mỗi lần lạy Phật, ông nói như vậy hoài. Một hôm ông nằm chiêm bao thấy ông Thồ-thần tại chùa nói rằng :

— Tuy Trời Phật cho nhà ngươi đưa ăn mày, nhưng đã sửa đổi mắt nó sau này nó sẽ làm đến bức công hầu, rạng rõ tông môn. Năm mươi tuổi nó sẽ học giỏi, hai mươi tuổi thi làm quan.

Ông Tuân thuật chò vợ nghe những lời ông Thồ-thần nói. Từ đó hai vợ chồng yên lòng không than thở nữa. Đến ngày lâm bồn, bà Tuân sanh một trai, giòng in tên ăn mày thuở nọ, hai con mắt cũng sâu xuống. Ông Tuân đặt tên là Nguyễn Đăng Giai.

Khi ấy có một ông thầy tướng ở ngoài Bắc vào Huế, ông Tuân nhờ xem tướng con ông, thầy nói :

— Thằng nhỏ này mặt mày tay chân là tướng ăn mày, chỉ có hai con mắt quí vô cùng. Năm mươi tuổi nó sẽ phát, tâm trí thông minh, học một biết mười năm hai mươi tuổi sẽ đậu Tiến-sĩ, ba mươi tuổi làm đến Tòng-đốc; về sau làm Thái-bảo tại Triều, thọ bảy mươi ba tuổi.

Về sau, những lời tiên đoán đều đúng, khi được làm quan ông Giai đúc ba tượng Phật bằng vàng thờ trong nhà để nhớ rằng ông là con của Phật. Lúc giữ chức Tòng-đốc Hà-nội, ông cất một ngôi chùa thật đồ sộ, trong chùa có tạc tượng cha mẹ đê thờ.

6. BÀ HAI ĐỆ Ở CAO-LÃNH

Bà Đỗ thị Đệ, đồng bào quen gọi là bà Hai Đệ là một phú gia vọng tộc ở Cao-lãnh nay là tỉnh lỵ tỉnh Kiến-phong. Theo gia phả họ Lê thì thân phụ bà ở miền Trung di cư vào lối giữa năm 1790. Lúc ấy Cao-lãnh còn là khu sậy, đê hoang vu, những người mới đến lập nghiệp chỉ có mấy gia đình họ Lê, họ Nguyễn và họ Trần mà con cháu còn nối dõi đến bây giờ. Có thè nói chỉ họ này khai sáng quận Cao-lãnh nay thành tỉnh Kiến-phong.

Bà sinh vào năm 1802, kết duyên cùng ông Lê văn Tấn, một vị hương chức trong xã Mỹ-trà. Năm bốn mươi tuổi bà góa chồng thủ tiết nuôi năm người con, cai quản một sự nghiệp không lồ.

Bà ăn ở rất có nhân, thường sửa cầu đắp đường, trùng tu chùa miếu. Gặp năm mùa màng thất bát, bà sẵn lòng giảm bớt địa tô hay không thâu chi cả, lại còn trợ giúp tá điền thêm. Đối với người thiểu nợ không thè trả nỗi, bà không đòi lại cho đốt giấy tờ để họ yên lòng. Một nghĩa cử của bà sau đây có thể chứng minh gia tài to tát đến thế nào ? Năm Tự-Đức thứ mười hai (1859) lúc Việt-nam bắt đầu bị thảm họa ngoại xâm, quân pháp chiếm ba tỉnh miền Tây, Bà giúp rất nhiều

lương thực cho quân sĩ nhà Vua, khi lưu động qua vùng Cao-lãnh. Người ta thường nhắc lại chỉ «một bửa cháo» cho quân lính ăn phải mất ba mươi ghe chài lúa thì đủ biết. Suy về công đức của bà, Vua Tự-Đức ân, từ một bức hoành phi bằng gỗ trầm hương son son phết vàng khắc bốn chữ «Háo Nghĩa Khả Phong» sai một viên quan từ Huế đưa vào. Bức hoành phi này do người cháu bốn đời giữ, đã bị quân Pháp thiêu hủy trong thời loạn 1945.

Một sự kiện khác đã lưu lại trong lịch sử Cao-lãnh là bà cho đồng bào vay tiền bằng một phương pháp hết sức đặc biệt. Số là vào thời nhà Nguyễn, người Việt còn xài tiền điếu. Tiền này để lâu ngày thì mục rã không thể xài được. Thỉnh thoảng bà phải chở từng ghe lường đem xuống «đuôi cá» là khúc sông Cao-lãnh giáp với Tiền-giang mà đồ bỏ. Phần nào còn có thể lưu hành, bà đem ra giữa chợ để một đồng lớn và gọi mọi người đến vay. Ai muốn mượn bao nhiêu thì mượn rồi ghi tên và số tiền vào một cuốn sổ do người giúp việc của bà nắm giữ. Sau khi thiên hạ khuân hết đồng tiền, người cầm sổ đốt ngay. Người ta cho rằng bà muốn những kẻ vay tiền sẽ trả lại bà dưới Âm-phủ hoặc ở kiếp sau.

Bà từ trần vào năm 1886, hưởng thọ tám mươi bốn tuổi. Con cháu bà quàng linh cữu một năm, tổ chức «trong chay, ngoài bội», nghĩa là trong nhà thì mời các nhà sư làm chay cúng tế, còn ngoài sân thì rước ban hát bội hát thường trực, ngày một xuất, đêm một xuất cho đồng bào xem. Suốt một năm, ngày nào cũng bối

thì cơm nước, áo quần cho người nghèo. Ai đến xem hát cũng được ăn thỏa thuê. Đề chuyền quan tài đến huyệt tại xã Hòa-an, thân nhân phải cắt một cây cầu bắt ngang sông Cao-lãnh. Đây là một đám tang hi hữu, sau đây gần một thế kỷ chưa có đám thứ hai. Ngôi mộ của bà ở Xếp Lá xã Hòa-an, do thợ Hoa-kiều xây cất theo mộ thần các quan trong Triều, phía trước có hai gốc cồ thụ, hai ngôi miếu thờ Thồ-thần, trong mộ xây hai vòng thành nội và ngoại, linh cữu chôn theo lối «táng xe»⁽¹⁾ nằm trên nền cao xung quanh chậm trễ kỵ khu, náo thú chim, bông trái bốn mùa, Bát tiên quá hải, Nhị Thập Tứ Hiếu. Công cuộc xây cất phải mất một năm mới hoàn thành.

Người con trưởng của bà mướn một gia đình người Thượng cất nhà giữ mộ bà đúng ba năm. Do đó, người ta đồn con cháu bà giết hai người Thượng ấy để linh hồn theo hầu bà. Sự thật, hai người ấy chỉ ở gần ngôi mộ mà thôi. Ngày nay (1969) con cháu của gia đình này vẫn còn ở Tân-thuận-tây cũng trong quận Cao-lãnh. Trải qua 80 năm, ngôi mộ bắt đầu hư sụp, một người cháu năm đời đang lần hồi tu bồi lại đề giữ di tích của tổ tiên và một công trình kiến trúc có một không hai ở Cao-lãnh.

Về cái chết của bà có một thuyết hoang đường mà người địa phương thường truyền tụng. Nguyên

(1) *Táng xe*: mộ nằm trên mặt đất, xây năm mặt, chừa phia đầu. Quan tài đè trên bốn bánh xe dày vào, rồi trét bít lại làm bia ở ngoài.

một buổi sáng tốt trời dưới sông Cao-lãnh có một con cá vàng bờ dài lối một thước rưỡi, mình to bằng một người ôm, đầu giống như đầu rồng, gọi là cá hóa long, lội nhàn nhơ trước nhà Bà. Nhiều người trông thấy la hét lên và báo tin Bà hay. Người con trai thứ năm của Bà liền lấy khầu súng hỏa mai bắn trúng mình cá. Con vật quay đuôi lặn mất.

Ngay lúc ấy, Bà phát đau, á khẩu, không nói được tiếng nào đến khi thở hơi cuối cùng. An táng Bà xong, gia đình năm người con bắt đầu xuống dốc ngó thấy, nhiều tai họa dồn dập đến, việc làm ăn thua lỗ phải bán đất, vườn, nhà, cửa... Bao nhiêu vàng Bà chôn giấu lần lượt về tay người khác do sự tình cờ đào đất mua của con cháu bà bắt gặp, hoặc tìm thấy trong những món đồ dùng phế thải như cái rương xe có hai đáy, vân vân.

Con, cháu của Bà suy vi và tản lạc ba đời liên tiếp, đến đời thứ tư có một số làm ăn khá giả, nhưng cũng ở mức thường, qua đời thứ năm mới thấy có cơ vượng lại. Tuy vậy, những phần đất đã bán đi không có người nào mua lại được. Những người chủ mới đã dùng làm rẫy trồng thuốc, trồng dưa và thỉnh thoảng được một hũ vàng, hoặc một món đồ dùng bằng vàng như ống ngoáy trầu, ống nhô. Ngay cuộc đất của bà cất nhà tại xã Mỹ-trà, người ta thường thấy có ánh sáng vàng phát hiện vào đêm không trăng sao, bay lơ lửng như quả bóng xung quanh vườn rờn trở lại chỗ phát hiện. Người ta cho đó là Thần vàng đi chơi và quả quyết là dưới nền đất ấy còn một số vàng kềch sù chờ đợi người có duyên số

đến nhận. Nhiều người cháu của bà (hiện thời ở vào đời thứ năm) ở gần đây cũng tin tưởng như vậy và tự cho mình không có phần hưởng của tờ tiền nên không có ý buồn hay oán trách.

Vào giữa năm 1966, một học sinh ở Cao-lãnh đào đất lượm được ba thoi vàng ròng. Cậu học trò này tên Lê Bá-T. 17 tuổi quê ở xã Cá-xinh, xã Nhị-mỹ (Kiến-phong) lên tinh lý ở trọ, học lớp đệ ngũ trường bán công.

Thành phố Cao-lãnh trước kia là một chợ quận nhỏ hẹp với hai dãy phố, bây giờ được chỉnh trang thành tỉnh, công cuộc kiến thiết đang được tiến hành. Trong công tác đặt ống nước, chánh quyền địa phương thuê người đào mương ăn công từng thửa khối. Cậu T. vốn là con nhà nông, lãnh một phần việc vào giờ nghỉ để kiếm thêm tiền qua bánh.

Lưỡi cuốc của cậu chạm nhầm một cái hộp kẽm mõc meo hình dáng cũ kỹ, thô kệch. Cậu cầm lên xem mở ra thấy có ba thoi vàng phủ một lớp ten xanh xanh. Cậu không biết đó là vàng, đây nắp lại đè trong cống gần đó, và tiếp tục làm đến giờ nghỉ; cậu lấy cái hộp mở ra khoe cho các bạn đồng nghiệp xem. Gần hai mươi người cầm ba thoi vàng ngắm nghía đều bảo là vàng thật, loại vàng xưa «đúng chữ» rất quý. Cậu T. vẫn không tin và không mấy gì quan tâm. Trong số người ấy có ba ông nông tánh cầm ba thoi vàng đem xuống chợ nhờ thợ Kim hoàn thử. Quả thật là vàng nén do vàng lá nấu lại không có pha loại kim khí nào khác. Ba người đem ba thoi vàng trả lại cậu T. nguyên vẹn. Không ai có ý nghi ngờ gạt cậu bé hoặc

sang đoạt món bỗng bất ngờ, hoặc mài dũa, xén bít chút ít, hoặc cướp giật luôn. Cả mấy người đều đồng thanh khuyên cậu T. đem về bán lấy tiền và ủng hộ, che chở cho cậu ta về đến nhà trọ. Sau này có người tiếc rằng tại sao mình lại ngây ngô đến nước ấy, không thura cơ hội thẳng бел không biết không tin mà giật phắt số vàng không lồ ấy đi! Có người lại cho rằng vàng tìm chủ, của ai nấy hưởng, kẻ khác khó mong.

Ba thoi vàng ấy quả là vàng thật. Chuyện đồn ra khắp Cao-lãnh ai cũng biết vàng ấy của Bà Hai Đệ vì chỗ tìm thấy chính là đất của Bà khi xưa đã bán cho người khác. Đây là một trong những số vàng của bà chôn dấu mà không kịp cho cõn cháu biết.

Cậu học trò đem hộp vàng về nhà đưa người cha và thuật các việc đã xảy ra. Mừng như bắt được... vàng thật, cha cậu T. lảng lặng mang lên Sài-gòn bán cho một hiệu kím hoàn. Nhà buôn vàng này mừng hơn người bán vì ít khi vớ được loại vàng xưa nguyên chất như thế, bằng lòng trả ngay với giá 17.000đ, một lượng, (theo thời giá vàng từ 22.000đ hạ lần xuống). Hơn ba mươi lượng, bối con cậu T. phút chốc có hơn nửa triệu bạc.

Ông già tỏ ra tay sành sỏi làm ăn, xuất tiền mua một chiếc ghe gắn máy để chuyên chở sản phẩm và xe dịch cho nhanh chóng, đồng thời mua một cái máy cày đem về cày thuê.

Người anh của cậu T. chia phần một số bạc mua thêm ruộng và dụng cụ.

Còn cậu T. thì trở lại Cao-lãnh tiếp tục học cho kịp kỳ thi. Trong tâm, gia đình cậu và chính cậu

đều cảm thấy một tương lai huy hoàng đang chờ đón cậu. Vài người láng giềng có con gái nghe tin này vội đến làm thân với bố cậu và thả lời bông gió muốn kết nghĩa suôi gia ! Tại chợ Cao-lãnh những người biết chuyện nhìn cậu bằng cặp mắt khác hơn trước.

Vài tháng sau, chiếc máy cày phát hư, bố cậu chờ lên Cao-lãnh nhờ thợ sửa hàng tháng mới xong, công việc làm ăn phải bỏ dở.

Anh của cậu béo tốt, mập mạnh thình lình đau bệnh trái giống nấm liệt giường, suýt theo ông theo bà. Người ta cho rằng anh này hưởng của hoạnh tài nên bị tai họa như thế, cần phải đèn hương van vái họa may thoát khỏi hơn là chạy thay, chạy thuốc như lúc đau bệnh thường. Nghe đâu gia đình anh ta có thực hành lời khuyên và bệnh lần lần thuyên giảm.

Còn cậu T. nhân vật chính trong câu chuyện, thì tự nhiên phát khùng, suốt ngày nói bậy bạ, đầu không ra đầu, đuôi không ra đuôi. Cậu vẫn đi học, nhưng với bộ óc lung lay như thế chỉ tò mò thì giờ. Ngoài mặt, cậu nghiêm chỉnh như người thường, chỉ khi nào có trò chuyện với ai thì mới tuôn ra những lời bậy bạ. Người nào không biết có thể giận cậu ngay.

Người ta cho đây là hậu quả của món tiền bất ngờ mà thường thường kẻ còn nhỏ tuổi không thể cầm một số quá to, nhất là số bạc ấy không phải do nơi mồ hôi nước mắt của mình làm được.

7. ÔNG CHÁNH LÃNH BINH NGUYỄN HƯƠNG

dưới triều Vua Minh-Mạng (1820 - 1840), ông Nguyễn Hương sanh ở xã Tân-tịch, không rõ năm nào, trong một gia đình nghèo. Thân sinh ông có ba người con, ông là con út. Bấy giờ xã Tân-tịch thuộc huyện Vĩnh-an, phủ Tân-thanh, tỉnh An-giang, ngày nay đổi là quận Cao-lãnh, tỉnh Kiến-phong. Lớn lên, ông lập gia đình, sống với nghề làm thuê trong xóm, ấp.

Vào khoảng những năm đầu triều Vua Thiệu-Trị (1841 - 1847), có lệnh gọi công dân đến tuổi nhập ngũ, trong xã Tân-tịch có ông Lê văn Bích có một người con tên Lê văn Trà phải thi hành phận sự. Ông Bích có nhiều tiền, không muốn để con cực khổ bèn mướn ông Nguyễn Hương đi lính thế với số tiền năm trăm quan, đưa trước ba trăm quan ngay khi đăng tên, còn hai trăm quan khi gọi tuyển, dù được chấp nhận hay không cũng vậy. Hiện thời, hậu duệ ông Lê văn Bích vẫn còn ở xã Tân-tịch nối dõi một thế gia vọng tộc.

Ông Nguyễn Hương nhập ngũ ở Châu-đốc lúc ấy là tỉnh lỵ An-giang. Bà vợ ở nhà nuôi đứa con trai tên Nguyễn Phú và một cô gái, không rõ tên gì. Ông được họn làm lính, sung vào đội năm. Trong thời gian phục vụ, ông tập dượt võ nghệ tinh thông, thường được quan

trên khen tặng. Đến ngày chờ bạc thuế về Kinh-đô Huế; vị quan đầu tinh gọi từng đội từ 1 đến 5 để hỏi người nào tinh nguyện đi bảo vệ. Trong các Đội 1, 2 3, 4 không có ai, đến đội 5, Ông bước ra xin đi.

Thuở ấy, sự giao thông trong nước chỉ có đường bộ đi chân, ngồi võng, cõi ngựa, và đường thủy đi ghe buồm trên sông, rạch và ngoài biển. Cuộc hành trình rất cực khổ, gian nguy, thường bị bọn cướp Trung-hoa chặn đánh giết người đoạt của. Nếu người áp tải không đủ tài chống cự thì phi vong mạng cũng mất hết bạc tiền. Vì thế vấn đề nộp bạc thuế về Triều-định là một gánh nặng cho các quan đầu tinh trong việc tuyển người theo giữ. Tại tỉnh An-giang, vị quan đặt một điều lệ: Bình sĩ xung phong phải thử tài bằng cách đánh ngã con cọp với tay không, gọi là đả hổ. Người nào bị cọp vồ mang thương tích kẽ như rót. Người nào rủi bỏ mạng thì thôi.

Ông Nguyễn Hương bước vào sân thi võ, giữa tiếng trống trận vang rền. Ông quắc mắt nhìn cọp chờ nó tấn công, nhưng con thú sợ sệt nambi, không đâm ngó ông. Trước sự ngạc nhiên của các quan và lính sĩ đồng đội, ông Nguyễn Hương tiến đến nắm hai chân trước của cọp dơ lên cao định đập xuống đất. Vị quan đầu tinh liền ra lệnh đánh trống hồi, không cho giết cọp, tuy nhiên ông thắng và phong chức chỉ huy áp tải bạc về kinh đô.

Lúc ở Huế, ông được một vị quan gả con gái cho ông làm kế thất. Bà này tên Vung, ở với ông có hai trai tên Nồi và Niêu, bây giờ không ai biết dòng dõi vì khi hồi hương ông không đem về.

Ông được Vua Tự-Đức và Thiệu-Trị (1847-1883) phong từ chức Đội trưởng lên Chánh-đội-trưởng lần đến Chánh Lãnh-binh trấn ở Hà-tiên. Ngày đi nhậm chức, ông được phép về quê nhà bái tồ vinh quy. Đoàn ghe của ông từ Huế đến rạch Cái-bè cách tỉnh lỵ Sa-dec ngày nay lối năm cây số thì dừng lại. Chỗ này có ông Cai tên Bè vốn là lính đàng cựu hưu trí về dưỡng già. Đồng bào lấy tên ông đặt cho con rạch gọi là Cai Bè cũng như Cai Châu, Cai Khoa. Sau này nói trại thành ra Cái-bè. Ông Nguyễn Hương bảo kẻ tùy tùng chờ ông về nhà sắp đặt cuộc tiếp rước cho long trọng. Thật ra, ông không biết vợ con còn ở chỗ cũ hay không hay xiêu lạc nơi khác. Nếu còn, ông cũng không muốn quân lính thấy cảnh nghèo khổ của gia đình ông. Ông mượn bộ quần áo rách và chiếc xuồng của ông Cai Bè một mình bơi về xã Tân-tịch vào sập tối. Từ Cái-bè đến xã Tân-tịch lối 12 cây số đường sông. Ông ghé nhà người anh trước tự xưng mình đã làm nên, dưới trướng có 3.500 binh sĩ (Mỗi vị Chánh Lãnh-binh chỉ huy 7 cơ mỗi cơ 500 người). Ông anh thấy em ăn mặc rách rưới phi cười cho rằng em nói dùa lại bảo ông đừng nói lớn xóm diềng hay, vì ông sợ em trốn lính, đào ngũ ! Sau đó, ông anh thúc hối ông qua nhà thăm vợ con ở cách một cái mương lớn. Bà chị dâu cầm cây đèn khêu thắp bằng dầu cá cho ông thấy đường đi qua cầu khỉ, nhưng ông đến bờ mương nhún mình nhảy ngang qua. Nhà vợ ông bằng lá ợp ép, dột nhiều nơi, phải lót lá chuối. Ông gọi vợ, con thắp đèn giờ các bằng sắc của Nhà Vua phong chức và thuật lại khoảng thời gian nhập ngũ đến lúc bấy giờ. Bà chị dâu ở ngoài nhìn thấy Sắc của Vua

hoảng hồn về cho chồng hay. Ông anh vội vã chạy sang, mới tin lời em nói vừa rồi.

Ông Nguyễn Hương nhờ ông anh gọi gia đình ông Lê văn Bích đến truyền rằng : ông được Đức Vua cho phép về quê lễ tò tiên trên đường đi Hà-tiên nhận chức, vậy các Hương chức trong xã phải cất trại cho đoàn tùy tùng gồm 1000 người ở, dựng rạp để làm lễ và lo cơm nước trong ba ngày, hẹn trong ba hôm phải hoàn tất để đoàn ghe cập bến.

Tức thì, ông Lê văn Bích nồi mõ tựu dân làng đến phân phối phận sự. Ông chọn khoảng đất trống dưới cây đa trên bờ Tiền-giang làm nơi cất trại, sau này đồng bào xây ngôi đình thờ Thần xã Tân-tịch.

Đúng ngày đã định, ông Nguyễn Hương mặc phẩm phục của Triều đình ngồi ghe vào làng. Hương chức làm heo, bò để ông tế gia tiên và dâng thân nhân quyển thuộc cùng binh lính suốt ba ngày, Đoạn, ông đưa vợ con đi Hà-tiên.

— Thuở ấy, trên mặt biển Nam-hải từ cù lao Hải-nam của Trung-hoa đến Vịnh Thái-lan có rất nhiều đám cướp biển, trong đó có một tên thò phì Tàu võ nghệ siêu quần thiện dụng đoàn đao và khiêng. Tên này không thèm đánh các thương thuyền không vũ trang chỉ đỡ bộ lên các hải cảng, thị trấn đoạt kho tiền của Chánh phủ. Hắn đã cướp được bốn nơi rồi mới đến Hà-tiên định làm mě chót về xứ dưỡng già. Khi nghe hắn vừa bỏ neo ngoài khơi, ông Nguyễn Hương cầm cây trường côn đứng trên chiếc xuồng chiến do một tên lính chèo ra gọi tên hải tặc thử tài. Ông nói

trước sẽ giết hắn để báo thù cho các vị Chánh Lãnh-binh và lấy hết bạc hắn đã đoạt ở bốn thị trấn vừa rồi. Tên Tàu lấy khi giới nhảy qua xuống đánh với ông nửa ngày không phân thắng bại. Hắn bèn ngừng tay thách ông nhảy lên bờ đánh tiếp. Ông băng lòng. Từ xuống đến đất liền cách xa lối 50 thước tay (khoảng gần 20 thước tây), mà tên Tàu đậm chân nhảy lên dễ dàng. Ông Nguyễn Hương cũng không kém, dùn mình nhảy theo. Tên Tàu thấy ông đè ghân nhẹ nhàng trên mặt đất, vội vàng sụp xuống lạy ông xin chịu thua. Hắn nói hắn nhờ cái khiêng bọc gió làm cánh mới nhảy lên nồi, còn ông không cần vật gì trợ giúp mà vẫn nhảy được thì quả là người Thần. Hắn chịu nộp hết của tiền đã cướp được và nguyện sẽ giải nghệ.

Năm 1867, quân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây : Long-hồ (Vĩnh-long), An-giang và Hà-tiên, ông Nguyễn Hương chống không lại vì võ nghệ không thể đương đầu với súng đạn nên rút quân về Láng-linh cố thủ. Láng-linh là một vùng đồng ruộng hoang vu ở giữa tỉnh An-giang và Kiên-giang ngày nay. Trong hàng ngũ của ông có ông Trần văn Thành làm chức Quản cơ, gọi là ông Quản Thành. Hai ông cầm quân đánh Pháp tại đồn Bảy Thưa một trận kinh hồn đến giờ vẫn còn được đồng bào nhắc nhở. Nhưng dần dà thế cung lực tận, Triều đình không liên lạc, giúp đỡ được phần nào, hàng ngũ tan rã, ông Quản Thành thọ giáo Đức Phật thầy Tây-An tu hành ăn dật luôn. Hiện nay, nhóm Bửu Sơn Kỳ Hương gọi ông là Đức cố Quản. Ông Nguyễn Hương giả làm thường dân cùng vợ con về xã Tân-tịch ở đến ngày mãn phần.

Có người nói rằng ông bị quân Pháp vây bắt với một số binh lính. Địch biết ông là người có tài khuyên ông hàng sẽ phong quan to, chức lớn, nhưng ông cương quyết không nhận. Bọn Pháp bèn nã súng đồng vào đám binh lính và ông, khiến bao nhiêu người đều chết chỉ mình ông, áo quần cháy rách mà không bị vết đạn nào. Bị một đòn khiếp nhược quá bất ngờ, ông đâm ra thất trí, suốt ngày ngơ ngẩn như tưởng nhớ đến kẻ đồng đội thân yêu đã cùng ông chịu bao nhiêu cảnh khổ cực lúc chống quân cướp nước. Bọn Pháp thấy ông mất tinh thần không cầm tù, không xử tử lại cho về quê. Ông ở xã Tân-tịch với vợ, con trong căn nhà cũ. Suốt ngày ông cầm cái « thòng » rượu (có người gọi là cái ngõng, giống như cái bầu cồ dài) đi lang thang từ đầu làng đến cuối xóm, có lúc ông ngồi bên vệ đường hoặc trên bờ đê mắt đăm đăm nhìn về một phía. Ông không nói chuyện với ai, không quấy phá ai, không đòi hỏi gì cả. Người nào cho ông món gì ông ăn ngay, đồ rượu vào cái thòng thì ông uống; không ai cho thì thôi. Ông sống như thế mấy năm liền mới nhuốm bệnh chết.

Ông Nguyễn Hương quy Thiên ngày 16 tháng 8 Âm lịch vào năm nào không ai nhớ rõ. Ngôi mộ của ông ở tại Xóm Câu thuộc Ấp Tân-thạnh, xã Tân-tịch được gìn giữ đến ngày nay.

Bà vợ nghèo túng phải gỡ vàng trên mào, măng và ngọc đái của ông bán lẩn hời đè độ nhiệt. Sau này bà chết, không ai biết chôn ở đâu.

Người con trai tên Nguyễn Phú đi làm ăn ở phương xa, rồi biệt tích luôn. Có người nói rằng ông Phú làm

kép hát bài, có lần theo đoàn hát trình diễn ở xã Tân-tịch. Hôm đầu ra mắt, vị Chánh Tông cầm chầu nhận biết là con ông Chánh Lãnh-binh vì vị này trước kia theo hầu ông Nguyễn Hương, thường cõng ông Phú đi chơi. Khi hàng ngũ tan rã, vị Chánh Tông ra hàng quân Pháp được phong chức này. Lúc nhận ra Tiều chủ, ông Chánh Tông thay vì đánh từng tiếng một lại vội vàng thích mặt trống, đứng dậy khoanh tay hầu. Ông Phú giật mình trước sự kiện lạ lùng bèn trở vào buồng. Ông Chánh Tông gọi ông bầu gánh hát thay người kép khác và mời ông Phú về nhà ông. Trước mặt anh kép hát nghèo nàn, ông Chánh Tông quỳ xuống lạy ra mắt, khóc mà thuật lại thân thế của mình. Ông thỉnh ông Phú ngồi ở bộ ván giữa nhà dọn tiệc khoản đãi, cấp tiền bạc và khuyên ông nên đổi nghề khác, hoặc vì Tồ nghiệp không thể bỏ thì ông nên trở về quê nhà, mất thề diện của quan Chánh Lãnh-binh. Sau cuộc gặp gỡ này, ông Phú đi luôn không trở lại xã Tân-tịch nữa.

Người em gái của ông có chồng ở xã nhà, rất tiếc không ai nhớ tên bà và ông chồng, chỉ biết người phuợng thờ tám bằng sắc của Vua Thiệu-Trị và Tự-Đức phong chức ông Chánh Lãnh-binh tên Nguyễn văn Tường. Ông Tường không có vợ con, sống một mình trong căn nhà cất giữa một hàng rào tre trồng dày bít như tường thành. Người ta cho rằng ông Tường là cháu ngoại của ông Nguyễn Hương, con của người con gái. Trong nhà ông đẽ một cái bàn thờ nhỏ trên một cái bàn lớn hai bên có hai cái lô bộ cầm binh khi dài lối 4 tấc. Trên bàn nhỏ đẽ cái hộp sơn son thếp vàng có thân qui đụng bằng sắc. Trước bàn thờ có màn che

trông rất uy nghi. Hằng năm, ông cúng lê giỗ vào ngày 16 tháng 8 Âm-lịch.

Lúc bấy giờ quân Pháp đã đặt chế độ thuộc địa ở miền Nam, việc cai trị khác hẳn chánh sách bảo hộ ở miền Trung nên Triều đình Huế không có liên lạc trực tiếp với những viên chức cũ, huống chi tình cảnh của ông Nguyễn Hương được kè như một viên Tướng chết trận mà hậu duệ lại không có người nào, nên nhà Vua không biết để truy phong. Việc thờ phượng chỉ có tánh cách gia đình, cả đến tòng, xã không ai nghĩ tới.

Ông Tường chết, giao bồn phận thờ cúng cho người em trai tên Nguyễn văn Niệm. Ông Niệm chết, lại giao cho người em trai tên Nguyễn văn Tiệm. Ông Tiệm không có con trai mới giao cho người rể tên Nguyễn văn Bửu.

Ông Bửu thỉnh bằng sắc đem về nhà trên kinh ông Hai Hiền, ở Ô-môi trong Đồng Tháp-mười. Ông dùng giây xích sắt cột hộp chuyền giây khóa vào giường ông ngủ để đề phòng bọn trộm. Đạo ấy, có nhiều xá có đình mà không có sắc Vua phong Thần hoặc có đình bị kè trộm ăn cắp mất tờ sắc, nên bọn đạo chích chuyên đi tìm sắc Vua ban để bán gọi là cho «chuộc» mỗi tờ 1.000\$ vào những năm 1940, 1941, dù biết là bao lớn! Có xá biết ông Bửu giữ tám tờ sắc bèn cử người đến điều đình xin chuộc một tờ 5.000\$ để thờ, nhưng ông nhất định không chịu. Thỉnh thoảng ông đem ra giữa đồng trải từng tờ phơi cho khói ẩm, mốc. Con rể ông phải đứng canh chừng sợ có kẻ thấy mà dồn dãi ra! Trong thời kháng chiến (1945) ông Bửu đặt thợ làm

một cái ống bằng thiếc đụcng tám tờ sắc cuộn tròn, bịt đầu cò chì kín lại để vùi dưới bùn mỗi khi bị Tây bắt. Nhà ông bị cháy bốn lần mà ông vẫn bảo toàn được tám tờ sắc.

Vào năm 1946, quân đội Hòa-hảo đóng ở Cầu Bắc Cao-lãnh tại xã Tân-tịch thuộc Đại-đội 41 do ông Đại-đội-trưởng Hồ văn Bài tự Hồ Nhật-Tảo chỉ huy. Hai năm sau, 1948, thi hành theo giáo điều của Đức Huỳnh Giáo-chủ các tín đồ thờ Tam Bảo. Trăm quan cựu thần và Cửu huyền thất tổ, Ông Bài nhẫn người tìm ông Nguyễn văn Bửu để xin thỉnh tám tờ sắc và thờ ở Hội quán giáo phái cùng các sắc Thần xã Tân-tịch. Ông Bửu vẫn còn ở trong vùng Ô-môi chưa ra chợ, chỉ có người rè tên Nguyễn văn Chàm hồi cư trên chiếc ghe nhỏ đậu phía dưới xã. Ông Hồ văn Bài, mà đồng bào quen gọi là «ông 41», cho người mời ông Chàm đến trụ sở ngõ ý muốn của mình cũng như của Tỉnh-hội. Ông Chàm không dám trái lời và cũng muốn được sự che chở của quân đội Hòa-hảo giữa lúc nhiễu nhương nên hứa sẽ thông báo cho nhạc phụ hay và hứa rằng khi quân đội mở cuộc ruồng bỏ thì nhạc phụ ông sẽ theo về, chứ không dám tự động ra đi vì sợ Việt-Minh cho là thân Pháp!

Có người nói rằng «ông 41» biết được sự tích ông Chánh Lãnh-binhh và người giữ tám tờ sắc là do ông Chánh Lãnh-binhh nhập vào xác đồng truyền linh! Đạo ấy, ở Đồng Tháp-mười có một người ngồi đồng tên là Xác ông Đạo Mười. Ông này tản cư ở xã Tân-tịch. Một hôm, tự nhiên ông ợ, ngáp uốn éo mình mẩy tự xưng Nguyễn Hương chức Chánh Lãnh-binhh dưới triều Vua Tự-Đức ra lệnh cho vị chỉ huy quân sự tại Cầu

Bắc phải dọn dẹp ngôi mộ của ông và tìm người cháu đưa tâm từ sắc về thờ thì ông sẽ phù hộ cho đồng bào ở xã Tân-tịch được bình yên trong thời khói lửa. « Ông 41 » vâng lời cho dọn dẹp ngôi mộ, phát cỏ, đắp nấm và có hứa sau này sẽ xây mộ bằng gạch và lập miếu thờ.

Ít lâu sau, ông Bửu cùng gia đình về định cư ở Ấp Tân-long, xã Tân-tịch, cách Cầu Bắc gần hai cây số. « Ông 41 » chọn ngày tốt, tổ chức một cuộc rước sắc rình rang vào buổi sáng, có học trò lễ, giàn cồng nhạc, cờ xí, lô bộ từ nhà ông Bửu đến Hội quán Giáo-hội. Tám tờ sắc vẫn nằm tròn trong ống thiếc. Hôm sau, vào buổi chiều, « ông 41 » tổ chức một cuộc thỉnh tro ở ngôi mộ ông Chánh Lãnh-binh về thờ. Trong đám rước này có thêm một số học sinh cầm đèn giấy đến mộ cách cầu Bắc hơn một cây số rồi trở lại Hội-quán. Tám tờ sắc được đề trên bàn thờ giữa đòn linh, chung với Sắc vị Thần xã Tân-tịch vì đề ở Hội-quán sợ có kẻ ăn cắp. Ngày cúng giỗ vẫn là ngày 16 tháng 8 Âm-lịch.

Năm 1949, Ông Hồ văn Bài đồi xuống Doi-me thuộc xã Mỹ-thọ, quận Cao-lãnh, giao đồn Cầu Bắc cho ông Đại Đội Phó Nguyễn văn Hương. Hiện thời ông Bài vẫn ở xã Tân-tịch giữ chức Hội-trưởng Giáo hội Phật-giáo Hòa-hảo tỉnh Kiến-phong ; ông Nguyễn văn Hương cũng ở tại xã làm nghề lái xe lam.

Từ năm 1948 đến năm 1954, xã Tân-tịch được bình yên trong lúc quanh vùng tiếng súng nồ không dứt. Nhưng đến 12 giờ khuya ngày 19 tháng 7 năm 1954, Việt-Minh đặt cốt mìn giựt sập đòn Cầu Bắc. Một mảnh đạn cắt đứt ngang ống thiếc đựng tám tờ sắc của ông

Chánh Lãnh-binh khiến cho mỗi tờ đứt làm hai đoạn bằng nhau. Tờ sắc vị Thần không hề hấn gì. Trong trận đụng độ duy nhất và cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp (vì sáng hôm sau : 20-7-54 là ngày ký kết Hiệp-định Genève) tại đồn Cầu Bắc, xã Tân-Tịch có 5 chiến sĩ Hòa-hảo tử thương và hàng chục Việt-Minh phơi xác ngoài ruộng. Sáng lại, mọi người lo thu dọn chiến trường, tống táng các thương vong. Quý vị Hương chức trong xã thỉnh tờ sắc Thần giao ban Tế tự giữ, còn tấm tờ sắc của ông Chánh Lãnh-binh thì hoàn lại ông Bửu vì không ai dám nhận cả. Ông Bửu ôm ống thiếc đứt làm hai lùi thui đi bộ về nhà không trống kèn, không một ai đi theo ! Ông thuê người đóng một cái hộp gỗ có chôn, sơn màu đỏ để tẩm tờ sắc đứt hai vào, khóa lại đe trên bàn thờ.

Năm 1958, Ông Bửu từ trần, người rề tên Nguyễn văn Chàm gìn giữ tấm tờ sắc, thờ phụng rất kính cẩn mặc dầu ông sống với nghề làm thuê. Ông không dám động đến, không nghĩ việc dán nối lại, cứ để nguyên như thế, thỉnh thoảng đem ra đồng vắng người dở ra phơi, vừa xoay tròn từng bó chứ không dở ra từng tờ. Câu chuyện ông Chánh Lãnh-binh Nguyễn Hương không được nhắc nhở đến. Ông Chàm thờ trong nhà cũng như thờ tổ tiên, ông bà. Ngôi mộ lại bị bỏ hoang, nấm đất phảng lì, cỏ mọc che kín. Phần đất này thuộc về công điền, Hội đồng xã cho đồng bào mướn lập vườn. Người ở gần mộ không biết sự tích đã làm cái cầu tiêu bên cạnh cho gia đình phóng uế !

Sau ngày 1-11-1963, Cách mạng thành công, Giáo hội Phật-gláo Hòa-hảo được phục hồi tự do tín ngưỡng,

ông Lê Quang-Thuần Hội-trưởng Giáo-hội xã Tân-tịch
tổ chức lễ giỗ ông Chánh Lãnh-binhs Nguyễn Hương hằng
năm tại Giáo-hội tỉnh vào ngày 16 tháng 8 Âm-lịch.
Năm 1964, Ban Trị-sự kêu gọi các tín đồ đóng góp kẽ
ít người nhiều để dọn dẹp phát quang cây cối xung
quanh ngôi mộ và xây một vòng tường bằng gạch, phía
trước có Khánh thờ để lư hương, chén đèn. Ông Vũ
văn Quán ở gần mộ tinh nguyện mỗi ngày thắp hương
và chăm sóc cẩn thận.

Có người nói rằng, cũng như lần trước, hồn ông
Chánh Lãnh-binhs nhập vào xác ông Lương văn Bia ở
Ấp Tân-long, xã Tân-tịch truyền dạy đồng bào nên
trùng tu mồ mả của ông đừng bỏ thắt lạc. Ông cho
biết trước rằng sau này xã Tân-tịch sẽ trở nên trù phú,
thịnh vượng hơn các nơi khác. Sau đó, thỉnh thoảng
hồn ông về một lần hoặc để trị tội kẽ nào xâm phạm
nơi an nghỉ của ông, hoặc để giúp đỡ cho kẽ nào có công
trong việc xây cất ngôi mộ. Những sự linh ứng ấy được
đồng bào xã Tân-tịch thường nhắc nhở và rất tin
tưởng.

8. VÀNG ĐI

Ông Lê văn Quán ở xã Hòa-an, tỉnh Kiến-phong
là một người đi « buôn ghe » nghĩa là chở sản phẩm
trong tỉnh sang nơi khác bán và chở hàng về. Ông dành
dụm được một số tiền khá to, mới mua vàng lá, sắm
nữ trang cho vợ con. Tuy vậy ông vẫn ở trong căn
nhà cột sắn kê táng, lợp lá, nền đất như lúc còn nghèo.

Ông không dám se sua, khoe khoang vì nhà ở xa tinh ly, rất dễ bị bọn cướp viếng thăm.

Vào khoảng năm 1908, nhiều nhà trong vùng bị cướp, ông bàn với vợ nên chôn số vàng đè dành ngày sau. Rủi ro chúng có đến, cũng vờ vét chút ít mà thôi. Bà vợ đồng ý, giữa đêm khuya, cùng ông sẽ lén ra giữa nhà đào một hố nhỏ thẳng xuống lối năm tác rồi đào ngang qua, nhầm ngay cây cột cái thì dừng lại. Bao nhiêu của cải đào ra vàng nén, vàng lá, nữ trang đựng đầy một cái ô bằng vàng, ông bà đè dưới cột nhà kê tảng rồi đắp đất lại. Chôn như thế giống như dỡ cột nhà vậy. Ông bà làm việc trong bóng tối âm thầm không một người thứ ba biết. Ông cần thận lấy nước thoả láng mặt nền nhà y như không có đào xới lên.

Mười năm sau, ông làm ăn thua lỗ, vốn liếng hao mòn lần lần hết sạch. Ông nghĩ đến cái ô vàng, cùng bà vợ đào lên giữa đêm khuya, theo dấu cũ, đào ở ngoài rồi móc vào. Nhưng ông ngạc nhiên xiết bao không thấy cái ô, chỉ thấy lòng đất còn dấu tròn giống như cái ô tiêu ra khỏi vậy. Nếu có người lén ăn cắp thì phải đắp đất lại chứ đâu còn dấu cái ô khuyết tròn? Ông ngờ món vật chôn thường xê dịch cách đại diêm vài tấc, nên cố sức đào gần khắp nửa căn nhà không thấy gì cả. Bấy giờ ông dành chịu mất cửa và nghĩ ngờ trong số thân nhơn có người này lấy hoặc người kia biết ông có tiền lén đào. Ông đề ý theo dõi hàng mấy năm mà vẫn thấy những kẻ ấy nghèo xơ nghèo xác không đủ ăn, và công việc làm ăn trầm trệ, chứng tỏ họ không có đồng tiền dư nào,

Về sau, ông đem câu chuyện thuật lại cho bà con nghe, có người lập luận rằng đó là « vàng đi » vì vàng có Thần không chịu ở với người kém phước. Trong sử sách Đông-phương và trong kho tàng truyện cổ Việt-nam có nhiều trường hợp mất vàng trong kho khóa kín, trong tủ, trong rương và có người đào đất gắp vàng, hoặc nặm chiêm bao thấy Thần chỉ chỗ lấy vàng. Trường hợp của ông Quân biết đâu vì đi buôn ăn loli quá vốn hoặt nhặt được của rơi mà không bối thí, làm già tài riêng nên Thần vàng không chịu ở ?

9. CON ÔNG, CON BÀ

Ông Lê Quang-Mỗ ở xã Mỹ-trà, quận Cao-lanh, Kiến-phong là một người thợ hớt tóc tầm thường trong chợ quận. Năm 1914, bà Mỗ sanh một gái đầu lòng, ba năm sau, 1917, sanh thêm một gái. Ông thân của bà thường gọi đứa là Thúy-Kiều, Thúy-Vân mỗi khi hai cô bé đến thăm ông ngoại. Cô gái lớn giống ông nhiều hơn, cô nhỏ giống mẹ. Bà săn sóc hai con rất chu đáo, nâng giấc, bồng ẵm chứ không giao cho người giúp việc.

Năm 1921, cô nhỏ được 5 tuổi thỉnh linh phát bệnh ngặt. Ngang nhà ông Mỗ có ông thầy thuốc vốn là chổ thâm giao cho biết rằng ông cụ của thầy có thuốc gia truyền may ra cứu được, còn thầy xin chịu bỏ tay. Nhà ông cụ ở xóm Đồn cách đó lối hai cây số. Ông

Mỗ bèn lấy xe đạp đi ngay. Nhưng lợ lùng thay chiếc xe cứ sút giây «sên» hàng chục lần, khi đem gói thuốc về đến nhà thì cô bé đã tắt thở.

Bà Mỗ đau đớn vô cùng. Bà nhớ con đến biếng ăn, biếng ngủ thân thè gầy ốm, võ vàng. Bà van vái «Bà mẹ sanh» cho nǎm chiêm bao thấy đứa con xấu số, và cầu xin sanh một đứa giống như cô bé.

Một đêm, bà nǎm mơ thấy một người đàn bà mặc như người vú em, bồng cô gái từ phía trên chợ vào nhà bà. Cô bé mặc quần áo màu xanh, đỏ như các thiếu nữ Tàu thời xưa trong tranh vẽ, đầu đội cái mǎo có gắn kim cương lóng lánh và kết túi kết hoa. Người đàn bà dề cô bé ngồi trên ván, mình đứng một bên.

Bà Mỗ mừng quá vội chạy đến, ôm con khóc kẽm sòm. Nhưng mỗi lần bà đụng đến mình cô bé, thi cô bé xô bà ra với vẻ mặt không vui. Bà nhận thấy cô bé ngồi trong nhà bà như ngồi nơi xa lạ và không ngồi ngàng đến bà. Trước cử chỉ ấy bà ngạc nhiên con không dám động đến tay chân và không dám nói gì thêm.

Lát sau, người đàn bà nói với bà Mỗ rằng :

— Thôi, dề tôi bồng cô về kèo bà tôi rầy.

Nói xong, người ấy bồng cô bé đi thẳng.

Thức dậy, bà Mỗ tinh ngộ lần lần bót nhớ đứa con xấu số, bà ăn uống, làm việc trở lại như thường và sanh thêm nhiều đứa con.

10. NGƯỜI LẤY MA

Vào năm 1919, tại làng Tân-thuận-dông, quận Cao-lãnh, tỉnh Sa-đéc nay thuộc tỉnh Kiến-phong có một nông dân ở một mình trong căn nhà lá giữa đồng. Anh sống nghè làm rẫy và cấy lúa trên hai mảnh đất của cha mẹ anh để lại. Xung quanh anh không có nhà nào khác, người ở gần nhất cách xa một đám ruộng gần ngàn thước. Sau mùa gặt, căn nhà anh giống hòn đảo giữa mặt nước mênh mông.

Những người quen biết anh đều lấy làm lạ thấy anh không giao du với ai, quanh năm suốt tháng thuỷ thủ giữa nơi vắng vẻ nỗi tiếng nhiều yêu ma. Có người muốn già con cho anh, cậy mai dò ý thì anh lắc đầu bảo rằng có vợ rồi ! Ban đầu người ta cho anh nói đùa, bỏ qua không nhắc đến, nhưng về sau, kẻ có dịp ghé nhà anh mới ngạc nhiên đến cung tột và tin lời anh nói thật. Người vợ của anh là ma chớ không phải là người. Ông khách được chứng kiến những điều kỳ quái trong nhà anh vẽ thuật lại rằng anh vẫn sống một mình không có ai ở chung, nhưng anh luôn luôn nói chuyện với vợ và còn như có người thật. Ví như bảo vợ nấu nước, làm thức ăn, rầy con nghịch thúng gạo. Ông khách ngồi trên võng thì anh ta ngăn lại nói rằng đứa con đang nằm ngủ ! Khách ngần ngại tưởng anh đùa dai thì anh quả quyết đang ở với vợ con mấy năm nay !

Dưới kinh cổ cây cầu chì, khách thấy mặt nước tự nhiên xao động như có người quậy. Anh nói đó là đứa con lớn đang tắm, rồi anh gọi nó lên! Thỉnh thoảng anh kéo vông hát một câu dỗ con ngủ.

Nhiều người nghe chuyện không tin có thật rủ nhau đến coi đều thấy cách anh ta sinh hoạt y như một ông chủ gia đình! Có người bàn nhau rằng, ban ngày ma quỷ không thể hiện hình dưới ánh mặt trời, nên ban đêm họp nhau lén rình xem. Quả nhiên từ ngoài bờ ruộng nhìn vào nhà họ thấy một người đàn bà bồng con, một đứa con trai lối bốn tuổi ngồi trên ván dưới ánh đèn « bánh ú » tù mù. Đoàn người bầm nhau đi lần tới dè nhìn kỹ thiếu phụ là ai, nhưng khi đến gần thì không thấy gì cả.

Cuộc sống lật lùng của anh nông dân hóa thành một giai thoại thời bấy giờ để đồng bào (trong làng Tân-thuận-dông) nhắc nhở và đổi sang các làng kế cận: Hòa-an, Tân-tịch, Tịnh-thói, Mỹ-trà. Tuy nhiên, vì anh không có liên lạc với ai, không làm mích lòng ai nên các vị hương chức không thắc mắc và không chú ý. Người ta cho anh là một nhân vật kỳ dị cũng như các ông Đạo nâm, Đạo nôi, Đạo nọc, không ai buồn tìm hiểu rõ ràng nguyên cớ và những chi tiết về lối sống khác thường này.

Một hôm, anh đang cày ruộng cách nhà khá xa, thỉnh linh trời đồ mưa, một tiếng sét nổ, đánh ngay nhà anh bốc cháy. Anh vội quay về xem rồi bùm mặt khóc ròng. Ba ngày sau, anh bán hai mẫu ruộng cho một vị diền chủ. Trong lúc trò chuyện, anh tiết lộ rằng vợ anh là một cô gái chết oan không chịu đi đầu thai, lại

có duyên nợ với anh mới kết nghĩa được 5 năm, sanh một trai, một gái. Tiếng sét vừa qua đã giết mất vợ con anh. Khi anh về chỉ kịp thấy ba cái xác nằm ngổn ngang, phút chốc tiêu tan như mây khói. Quá đau lòng, anh không thể sống trong căn nhà đầy kỷ niệm êm đềm dành tìm nơi khác làm ăn. Sau đó, anh dọn ít đồ đặc xuống chiếc xuồng bơi đi biệt tích.

11. TƯƠNG TRỞI MẮC ĐỌA

Cứ ở thời vua Hồng-Đức nhà Lê ở làng Thần-dầu, huyện Kỳ-anh, tỉnh Nghệ-an có vợ chồng người tiêu phu nghèo khổ, sanh được hai đứa con trai. Hàng ngày ông bà lên rừng đốn củi bán nuôi con ăn học. Nhiều người thấy gia đình ông bà túng thiếu lại có ý rẻ khinh. Đám hương chức trong làng cũng hống hách, bắt nạt, buộc ông đi làm xâu, canh gác ; động có chút chuyện gì xảy ra thì đánh đập, chưởi mắng, giam cầm. Ông bà vẫn nhẫn nhục chịu trăm điều cay đắng để nuôi con đến ngày khôn lớn. Hai cậu nhỏ rất thông minh, khi vào trường ứng thí, đậu Trạng-nguyễn một lượt. Vua Lê vui mừng lắm, cho phép hai ông Trạng về quê bái tò vinh qui. Đoàn kiệu đi qua tỉnh nào, vị quan đầu tỉnh phải đón rước và tiễn đưa long trọng. Về đến làng Thần-dầu, xóm diềng tối thăm chặt nhà. Ai cũng khen tặng, tảng bốc hai ông Trạng hết lời. Các viên chức thuở trước hiếp đáp ông bà tiêu phu bây giờ phải quỳ lạy chào mừng quan Trạng. Cả Phủ, Huyện đều theo

hầu hạ tö chức tiệc tùng liên tiếp ba ngày, đãi đằng thân bằng quyến thuộc.

Bà tiều thấy sự hiền đạt của hai con lầy làm vui sướng lắm. Bà nghĩ lại lúc còn hàn vi bị mọi người hành hạ, rě rúng ngày nay thì chính những kẻ ấy lại tâng bốc, nịnh bợ. Bà càng nghĩ cho thói đời đen bạc, càng tức giận nên nói với hai con rằng :

— Trước kia người ta đổi xử tệ bạc với gia đình mình làm vậy, bây giờ hai con phải trả thù cho họ biết tay. Người nào tốt thì con trọng thưởng, kẻ nào xấu con ra lệnh chém đầu thi chúng. Có vậy mẹ mới vừa lòng.

Hai ông Trạng nghe mẹ nói gật đầu vâng dạ, hứa sẽ thi hành nhưng trong thâm tâm thì lầy làm bất bình lắm. Hai ông bàn tính với nhau chờ mẹ nguôi giận sẽ phân trần hơn thiệt đề xí xóa những chuyện thường tình của thế nhân hầu giữ tình thân ái với bà con trong làng. Hai ông thọ bầm tánh tốt của cha nên không có ý làm buồn ai bao giờ.

Đêm ấy bà tiều nằm mơ thấy một viên quan xung minh là Dụ-thần của Ngọc-hoàng Thượng-đế vâng lệnh trên đến cho bà biết rằng hai ông Trạng là Tướng Trời mắc đọa, nhận thấy ông bà tuy nghèo mà nhơn đức, nhẫn nhịn mới đầu thai làm con. Không dè ngày nay được hiển vinh, sung sướng rồi bà lại sanh tâm độc ác định giết người để trả thù vặt. Ý định thắt nhơn ác đức của bà khiến Ngọc-hoàng nổi giận, truyền bắt hai Tướng trở về.

Sáng dậy, bà thuật điềm chiêm bao cho chồng nghe tö ý hối hận vô cùng. Bà định bảo hai con đừng làm

theo lời bà dặn hôm qua, nhưng khi gọi đến thì hai ông Trạng đã chết từ bao giờ !

Đồng bào trong làng biết chuyện liền lập miếu thờ gọi là « miếu hai quan Trạng ». Hai ông thường nhập đồng cốt giúp đỡ dân chúng, oai linh hiền hách một thời.

12. CÔ GÁI KHÔNG XƯƠNG

Đầu thế kỷ thứ 20, tại xã Phan-ri cửa thuộc tỉnh Bình-thuận có một gia đình ngư phủ sanh đứa con gái không có xương. Toàn thân cô bé trắng như bông, mặt mày sáng sủa, môi đỏ như son, tóc mọc rất nhiều, đen nhánh, nhưng tay chân, mình mày thì mềm, dịu ợt không cử động được.

Người cha cho rằng nhà vô phước mới sanh loài yêu quái, thường chưởi mắng nạt nộ đứa con. Người mẹ thì trái lại thương yêu, chiều chuộng và che chở cô bé trước những cơn nóng giận của chồng. Bà cho rằng nhò đứa con thứ năm này mà gia đình làm ăn phát tài, đánh lưỡi thường trúng nhiều cá, làm nước mắm, mắm bầm, mắm ruốc có nhiều người mua.

Phía sau gian nhà chính có một khoảng sân nhỏ kế đó là nhà bếp, trên có căn gác chứa vật dụng trong nhà. Người cha bảo dọn chỗ ấy làm phòng cho cô bé năm để tránh sự tò mò của xóm giềng hoặc khách hàng đến mua bán.

Cô bé năm từ ngày sanh đến 5 tuổi không nói,

không cười, không khóc. Bà mẹ cho bú, cho ăn thì bú thì ăn, không đòi. Càng lớn tóc càng mọc dài và rói bồng như ô quạ. Bây giờ cô bé bắt đầu tác quái. Ban ngày cô nằm im trên giường, không ai coi sóc vì cô không xê dịch được nên bà mẹ không sợ cô té ; cô không nói chuyện nên không ai muốn ngồi gần. Hôm nào bà mẹ mua thịt heo đậm về thì hình như cô biết trước, đôi mắt sáng ngời lên, miệng nhóp nhép như thèm lăm. Dù xâu thịt treo ở nhà trên, nhà bếp hay đè trong rồ cách xa chỗ cô nằm bao xa cũng vậy, cô le lưỡi dài hàng năm sáu thước tây cuốn xâu thịt về phòng ăn hết ráo ! Lần đầu tiên mắt xâu thịt, cả nhà kiểm tờ mờ, nghi cho chó, mèo và người lạ vào nhà ăn cắp, qua lần thứ nhì thứ ba, bà mẹ cô đè ý rình thấy con gái le lưỡi ra, bà hoảng hồn té chết giặc. Ông cha nghe chuyện càng thêm tức giận, lấy roi vọt cô gái không tiếc tay. Cô nằm im chịu đòn không kêu khóc, không tỏ vẻ buồn phiền.

Người nhà sợ cô thành quỷ và hàng xóm nghe đồn cũng tán đồng kinh tâm. Không ai dám vào nhà ông bà ấy, nhất là ban đêm, không ai dám nói động đến tên cô gái sợ cô trả thù ! Những người giúp việc sợ cô hơn là cợp ! Phòng cô nằm chỉ có bà mẹ lên, xuống mà thôi.

Về đêm, trong lúc mọi người quây quần ở nhà khách, không ai chú ý đến cô, định tĩnh rằng cô ngủ yên như từ bao giờ, thì cô « đi » ra ngoài đường ! Không ai hiểu vì sao cô đi được và nói chuyện như người thường, chỉ thấy cô mặc quần áo trắng sạch sẽ, tóc chải vén khéo, đứng tại đầu ngã ba, trước quán nước đã dẹp hàng, nghĩa là ở chỗ vắng người. Ai đi ngang qua cô liền gọi đúng tên đúng thứ như chị Hai Tân, cô Ba

Bộ, bà Tư Khoa. Lúc đầu chưa ai biết cô, hỏi lại, cô xưng danh tánh, tức thì người nghe té bò càn, vừa lết vừa la làng chối lối. Cô cười Khanh khách như thấy một trò vui. Lúc thiên hạ đồ xô đến thì cô biến mất. Nhiều người đến mét cha mẹ cô thì cô lại bị một trận đòn roi bời!

Tuy bị cha đánh đậm như đối với một kẻ thù, nhưng cô không hề oán hận, trái lại, còn giúp cha bằng cách báo tin trước nên đánh cá ở vùng nào, hoặc nên ở nhà vì biển động, có bão tố. Những lời cô nói ra toàn về đêm, tự nhiên cô nói với bà mẹ hình như đoán biết ý định của cha sẽ đi hướng nào. Lúc đầu người cha không nghe, cho cô là loài yêu quỷ nói bậy, nhưng sau đó sự việc xảy ra đúng như lời cô nói trước nên hoảng kinh không dám tự chuyên nữa. Mỗi lần đánh cá hay làm ăn việc gì cha cô nhờ vợ hỏi cô. Cô lắc đầu thì thôi, không làm, cô gật đầu thì chắc chắn sẽ có kết quả tốt. Nhờ đó cha mẹ cô phát tài sau vài năm được cô chỉ dẫn và trở thành tiều phú gia.

Cô gái không xương sống đến 12 tuổi, ban ngày nằm liệt giường, đầu tóc rối bời, thỉnh thoảng le lưỡi liếm thịt heo, ban đêm tóc tai chải gỡ vén khéo « đi » ra ngoài chọc ghẹo xóm giềng. Lần lần thấy cô không hại ai, mọi người có cảm tình với cô. Hễ cô gọi thì trả lời lại và đối đáp một vài câu, nhưng không ai dám đến gần cô. Một đêm kia, cô nói với bà mẹ rằng cô vốn là Tiên nữ trên Trời bị đày xuống trần vì có tội với Thiên

định, ngày nay mẫn hận rồi xin giã từ cha mẹ trở về ngôi cũ.

Nói xong cô ngồi dậy lạy mẹ bốn lạy, đoạn lên giường nằm nhắm mắt, tắt hơi.

13. NGƯỜI ĐÉ RẮN

Về đời nhà Lý ở làng Chi-châu, tông Thượng-nhứt huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh có ông Trần Thế-Vinh, vợ là Nguyễn thị Thoại ăn ở với nhau hơn mười lăm năm mà không có con. Năm ông được bốn mươi tuổi, gặp một trận mưa giữa mùa thu, âm i suốt ngày, bà vợ lấy cái hũ lớn hứng nước mái tranh đề uống. Vào khoảng canh tư bà thấy một ngô sao trên trời rót trong hũ, liền gọi chồng đến coi. Ông bà bàn với nhau không cho ai biết, đề riêng vợ chồng cùng uống nước đó.

Một tháng sau, bà vợ có mang, bụng càng ngày càng lớn mà ba năm chưa đẻ. Ông nghe lời hàng xóm nói bà bị chối nước hoặc đau cùi trướng, chạy thảy hốt thuốc năm này qua năm khác mà không hết, nhờ thầy pháp chữa cũng không xong, rốt cuộc phải chịu thua. Tuy vậy bà không tỏ vẻ đau đớn gì cả, suốt ngày làm lụng như người thường. Đến ngày mồng một Tết năm thứ tư, nghĩa là có thai đúng ba năm, bà lâm bồn sanh được ba cái trứng màu xanh. Ông bà lấy làm lạ không dám cho ai biết, đem dấu kín trong góc nhà. Mười tháng sau, ba trứng nở ra ba con rắn, con thứ nhất đầu đỏ, mình xanh; con thứ nhì đầu xanh, mình gấm; con thứ ba đầu đen, mình trắng, mỗi con dài một thước tay (1). Rắn lớn rất nhanh, người nào thấy cũng phát sợ.

(1) *Thước tay, dài bằng từ đầu ngón tay giữa đến cùi chỏ (tay người lớn).*

Ông Vinh đi đâu con rắn lớn đầu đỏ đi theo đến đó. Một hôm ông phát cỏ dọn đất làm rẫy, rủi chặt đứt đuôi rắn. Ông sợ bỏ về. Con rắn bò theo, vào nhà hiện ra một chàng trai xinh đẹp, bờ cao mườn thước, nói với cha mẹ rằng :

— Ba anh em chúng con là quan chức ở trên Trời mắc tội phải xuống trần đầu thai làm người để giúp nước. Ngày nay đúng hạn kỳ chúng con ra mặt mới xui khiến cha chặt nhầm đuôi xác rắn. Con xin từ giã cha mẹ trở về Trời làm mưa làm gió cho thiên hạ biết tài con, còn hai em con ở lại phò Vua.

Nói xong, chàng trai lạy cha mẹ, gọi hai em bảo hiện ra hình người, dặn dò vào triều ứng thí, đoạn bay bồng lên mây.

Hai người em biến thành hai chàng trai lịch sự, văn võ song toàn vào triều trò tài cho nhà Vua xem. Cả hai được phong làm Tướng trấn giữ tỉnh Quảng-nguyên và tỉnh Nghệ-an.

Bấy giờ người Tàu kéo binh qua định cướp vàng, bạc ở Quảng-nguyên, ngà voi và quẽ ở Nghệ-an bị hai anh em đánh bại. Vua nhà Lý trọng nề tài cao, phong hai anh em đến chức Nguyên-soái, nắm giữ binh quyền trong nước. Khi hai vị mãn phǎn, Vua lập miếu thờ đến đời Chúa Nguyễn vẫn còn linh.



14. CHUYỆN ĐẦU THAI

Cuối năm 1946, giữa lúc phong trào kháng chiến bùng bột nhất và thực dân Pháp càn quét, khủng bố dã man nhất, tại xã Tân-an, quận Tân-châu, tỉnh Châu-đốc có vợ chồng một thương gia sanh đứa con trai. Đứa bé ra đời trong lúc cha mẹ nó tản cư ngoài đồng vắng cùng một ít thân nhân. Một điều lạ khi nó mờ mắt chào đời thì con chó cái cũng sanh một con và sau này con chó nhỏ quấn quít bên nó suốt ngày. Nó lớn lên với tiếng máy bay, tiếng súng nồ, với cảnh chạy tránh cơn bão, ráp đến năm 1951, nói năng đầy đủ rồi, đột nhiên nó kè lại kiếp trước của nó. Nó nói rành rọt, tỉ mỉ như một người lớn thuật cuộc đời mình kèm theo những bằng cớ và chi tiết không sai sự thật. Thoạt tiên ai cũng cho nó đặt chuyện nói xàm, có người lại cho rằng vì chiến tranh người chết quá nhiều nên oan hồn yêu tử trà trộn trong thiên hạ nhập và xui nó nói bậy. Nhưng nó nhất định cho rằng đúng và khẩn khoản xin cha mẹ đưa đến «nhà nó» sẽ xác nhận lời nói.

Theo lời đứa bé thì quê nó ở xã Thường-thới, quận Hồng-ngự, tỉnh Kiến-phong. Nó có vợ, hai con sống nghè làm ruộng. Nhà nó ở ngay miếng đất của cha mẹ nó cho, trên bờ kinh nhô. Nó chết năm 29 tuổi, vào tháng 10 năm 1946 lúc nó đang bơi xuồng vào trong đồng giăng câu một mình với con chó mực. Nó bị máy

bay «con đầm già» bắn, con chó cũng chết luôn. Sau đó nó thấy nó dắt chó đi theo một đoàn người đến một tòa lâu đài như dinh thự quan lớn nhưng không có đèn đuốc gì cả. Tòa nhà chìm trong bóng tối âm u. Trước cổng có một ông mặc quần áo như hát bội, đầu đội mao ngồi gọi tên từng người biên vào sô. Người nào được ghi rồi đi qua một khoảng đường vắng đến một cái quán rộng. Trước quán có một ông quan khác kêu tên mỗi người và chỉ chỗ cho đi đầu thai. Nó nghe người được làm con ông Bộ Trưởng, lính Tây, bồi bếp, nhà giàu, nhà nghèo, công chức, lao công, phu xe, ăn mày ; có người phải làm heo, làm chó, làm bò. Riêng nó thì làm con một người buôn bán ở xã Tân-an, con chó của nó cũng được làm chó đi theo nó.

Ban bố xong, ông quan bảo mọi người vào quán ăn một chén cháo mức sẵn đè trên bàn. Ông nói đó là cháo lú, ai cũng ăn đè quên tiền kiếp của mình hồn sống kiếp sau được yên ổn tâm trí. Nó cầm chén cháo làm bộ ăn, thura lúc ông quan coi chừng người khác, nó đồ cháo cho con chó liếm sạch. Đoạn, nó theo đoàn người qua một cây cầu nhỏ và một người đi, dài không biết bao nhiêu vì phía xa tối như mực. Người này đi khuất rồi mới tới người khác. Tại đầu cầu có một người quấn cái chăn bằng da Cọp, ở trần, tay cầm cây chĩa ba, mặt mày dữ tợn đứng ra hiệu cho từng người, khi không còn thấy người qua trước. Nó đi với con chó, chập choạng như mù vì càng xa càng tối, thỉnh thoảng nó bước hụt chân té vào khoảng không. Khi tỉnh lại nó thấy mình là đứa con nít mới sanh

không nói được, mãi đến bây giờ là sáu tuổi nó mới nói đầy đủ.

Nghe nói nhiều lần, cha mẹ nó hoi tin, dắt nó qua xã Thường-thới tìm người đàn bà góa mà nói là «vợ nó». Quả đúng như in, thoát nhìn thấy góa phụ nó gọi ngay tên và kề lề những gì liên quan đến đời sống cách đó mấy năm. Người đàn bà khóc ròng nhìn nhận những lời chú bé nói là đúng sự thật. Hai đứa con bấy giờ đã lớn ngỡ ngàng nhìn nó khi nó gọi bằng con! Hàng xóm nghe tin, tựu đến đầy nhà. Nó gọi tên từng người hỏi thăm sức khỏe, công việc làm ăn và đòi nợ người nào còn thiếu nó! Con chó theo nó tỏ vẻ mừng «vợ nó», «con nó» như chủ cũ.

Trước trường hợp dị thường này, người góa phụ yêu cầu cha mẹ nó thỉnh thoảng đưa nó qua nhà chơi, và cho phép bà đi thăm nó để dỗ nhớ người chồng bạc phước.

15. LONG-VƯƠNG LẤY GỖ

Trong dãy núi Hoành-sơn (Trường-sơn) thuộc tỉnh Quảng-bình có một giống cây quý gọi là trồ trắng, Tường truyền đó là loại gỗ đẽ Long-Vương lấy đem về Thủy-cung sửa chữa hay cất đền dài nên dân chúng không dám đốn. Mỗi lần Long-Vương lấy gỗ thì làm mưa to, gió lớn nước sông dâng lên cao đẽ gỗ trôi ra biển.

Một hôm, Long-Vương làm nước dâng lên lấy một số gỗ không ai biết bao nhiêu, đến khi nước giựt xuống còn sót ba gốc mắc cạn tại bến sông Giang. Dân làng đồ ra xem, nhưng không ai dám động đến. Năm hôm sau, vào lúc sầm tối, người chèo đò ở bến này thấy năm người mặc quần áo đen, đầu đội mao, tay cầm gươm ở dưới nước đi lên bờ vào nhà nó. Tại bến có vài mươi ngôi nhà mà không có người nào thấy năm vị này.

Anh chèo đò kính cần vái chào, mời ngồi uống nước. Một vị nói :

— Tao thày chú mầy có nuôi con heo lớn, chú mầy làm thịt cho chúng tao ăn, tao sẽ trả tiền đàng hoàng.

Tên chèo đò vâng dạ, bắt heo giết ngay, hối vợ con làm thức ăn dọn đầy một bộ ván. Năm vị ở dưới nước ăn một hồi hết sạch, đoạn bảo chủ nhà đi theo ra bến lấy tiền. Tên chèo đò vâng lời đi đến bờ sông thấy vị ấy đi xuống nước, một lát trở lên đưa nó một gói bạc và nói rằng :

— Tao cho mầy một trăm quan. Chúng mầy tử tế với chúng tao lắm. Chúng tao ở Thủy-cung lên lấy cây trồ này về sửa cung điện. Chú mầy về bảo vợ con leo lên cây cao ngồi thật chặt, chốc nữa sẽ có sóng gió, nước dâng cao để đưa gỗ đi. Đừng sợ.

Tên chèo đò lãnh tiền bái tạ năm vị, về nhà dắt vợ con leo lên cây. Quả nhiên, mưa gió nổi lên, nước dâng cao ngập nhà, sét đánh liên hồi, trời gầm dậy đất,

Độ một giờ sau, hết mưa, nước rút hết, nó xuống bến
còn không thấy ba cây trò đùa cả.

*

Năm Nhâm Thìn (1952), tại Phan-thiết, tỉnh lỵ Bình-thuận có một trận nước lụt lớn, nước sông Mương-Mán từ trên nguồn trong dãy Trường-sơn đồ ra biển quá nhiều tràn lên thành phố. Có nhà bị ngập đến mái, nhiều ngôi nhà bị cuốn trôi trên nóc có cả gia đình ngồi ! Khởi đầu là một trận mưa lúc sầm tối, từ đó nước bắt đầu dâng cao, chảy mạnh hướng về biển, đến sáng thì rút dần và chấm dứt vào gần trưa.

Các nhà báo tường thuật tỉ mỉ trận lụt diễn tiến theo giờ khắc và tồng kê những sự thiệt hại giống như tất cả thiên tai xảy ra khắp thế giới. Nhưng bên trong sự việc, nhiều người địa phương tin tưởng ở Thần quyền vẫn cho là một vụ lấy gỗ của Long-Vương.

Người ta nói rằng dọc theo bờ biển Nam-hải từ tỉnh Bình-thuận trở ra đến Thanh-hóa thường xảy ra nhiều trận lụt cấp tốc như thế, mỗi năm một lần hoặc vài năm một lần ở một tỉnh khác nhau, khi thì Quảng-ngãi, khi thì Qui-nhon, v.v... Những chi tiết về thiên tai này đều na ná giống nhau mà mục đích thì lần nào cũng là Long-Vương lấy gỗ.

Ở Phan-thiết người ta thuật lại rằng trước ngày bão lụt lối một tháng, những người thợ rừng ở quận Tánh-linh, gần nguồn sông Mương-Mán nghe đồng bào Thương ở đấy cho biết chợ Phan-thiết sẽ bị nước ngập. Dọ hỏi nguyên do vì sao họ biết thì họ kín cẩn nói :

— « Ông, Bà lấy gỗ ».

Và cho biết thêm về đêm họ nghe dãm cây, đẽo đục và ca hát đến sáng thì hết. Địa điểm làm việc này ở dưới một cái hố sâu giữa hai quả núi không ai có thể xuống được. Họ nói rằng đấy là người của Ông Bà (Long-Vương) lên đốn cây, cưa sẵn và sẽ đưa theo con nước dâng về biển. Sau này, khi trận lụt chấm dứt, một số đồng bào Thượng đến bờ sông thấy còn sót một khúc gỗ to có khắc chữ Nho.

Đêm ấy, tại thành phố Phan-thiết, nhiều người đứng trên lầu dọc theo bến Trưng-Trắc thấy một chiếc bè thật dài trôi về biển, trên bè có nhiều người ngồi chuyện trò vang rân dưới ánh đèn sáng chói! Khi bè trôi khỏi khúc quanh Cà-ti, trên bè có người hỏi:

— Bè sắp trôi qua cầu, nên dâng nước cao thêm hay phá cầu?

Có người đáp :

— Dâng nước cao thì nhiều người chết, phá cầu đi!

Tức thì cây cầu đúc bắc ngang sông Mương-Mán nối liền quốc lộ số 1 ở đầu đường Gia-Long và đường Huế (lúc bấy giờ) bị gãy rời hại nhipy.

Trên tả ngạn sông Mương-Mán ngay đầu phường Hưng-Long (hiện thời là Đài chiến sĩ) có Nha Thương-chánh và tư dinh của một vị Thiếu-tá người Pháp. Ông này thấy chiếc bè có người và đèn đuốc trôi tới, cho rằng Việt-Minh thừa dịp tấn công vào thành phố với lấy súng tiêu liên bắn hết một gấp đạn. Chiếc bè nhắm ngay vào Nha Thương-chánh và tư dinh của ông lùi vào đầy hai căn nhà trôi mất, cuốn luôn cả cái tủ

sắt đựng tiền thuế, đồng thời khoét một mảng đất thật to. Đoạn bè trôi thẳng ra biển.

Ba hôm sau, một chiếc ghe ra khơi đánh cá vớt được một đứa bé mười hai tuổi nằm ôm khúc cây trôi lơ lửng giữa biển. Đứa bé có vẻ không mệt nhọc, yếu đuối, vẫn tươi tỉnh như vừa tắm lội xong. Hỏi nó ở đâu, tại sao lại rời xuống nước thì nó đáp rằng ở Phan-thiết bị nước lụt cuốn giữa đêm khuya, may mắn ôm được khúc cây nên khỏi chết chìm. Nó thấy chiếc bè trôi ra biển và mấy ông trên bè vỗ đầu nó nói rằng:

— Mày có phước lăm, không chết đâu, đừng sợ, cứ đeo khúc cây này sẽ có người cứu. Mày sẽ gặp cọng sen, rau rác trôi gần mày, cứ lấy đó ăn đỡ đói.

Nói xong, bè trôi đi xa, rồi lần lần chìm mất.

16. CHUÔNG, KHÁNH Ở NÚI ĐẦU TƯỢNG

Ngày xưa ở làng Hòa-dục, tỉnh Nghệ-an có một ngọn núi tên Đầu-tượng, mặt ngoài giáp đến biển. Dưới chân núi có một hòn đá hình giống như cái khánh, một hòn giống như cái chuông.

Thuở ấy có một thanh niên tên Đình, tánh tình ngang ngược, không biết sợ ai và không kiêng nề ai, thường mon men lại gần chỗ hai hòn đá lấy cái vồ bằng đá đập vào. Tiếng phát ra giống tiếng khánh, tiếng chuông khiến anh ta thích chí lắm. Ban đầu đánh nhẹ, lần lần phát hứng đánh mạnh hơn, tiếng vang dội khắp làng.

Hồi lâu, thỉnh lình nó thấy một người ở dưới nước nhảy lên, mình mặc áo quần đỏ, tay cầm gươm, mặt mũi hung tợn đến nắm tay nó hỏi rằng :

— Ai biều mày đánh chuông, khánh này ?

Tên Đinh đáp :

— Không có ai biều hết. Tôi đánh tôi nghe chơi cho vui.

Người cầm gươm nói :

— Mày là thằng vô phép. Nếu mày muốn đánh chơi thì tao cho mày đứng đây tới chết.

Nói rồi người đó bỏ đi xuống nước mất dạng. Tên Đinh đứng chết trên đó không dờ chân lên nỗi, mà mở miệng không ra.

Hôm sau, có người đi rừng về ngang thấy tên Đinh đứng làm thinh không nhúc nhích liền cho cha mẹ nó hay. Hai người đến nơi cầu khấn vái lạy suốt ba ngày mà đứa con vẫn tro tro, túng thế phải ở luôn đó. Giữa đêm ấy, hai ông bà thấy người mặc quần áo đỏ, cầm gươm từ dưới nước nhảy vọt lên nói rằng :

— Chuông, khánh này đè làm hiệu lệnh khi có việc cắp bách mà thằng này dám đánh chơi, làm động đến Thủy-cung, phải bắt tội nó đứng đây đè người đời biết mà tránh. Hai người hãy đi về đè mặc nó, nếu không nghe lời ta, có chết đừng trách.

Người ấy nói rồi đi thẳng xuống biển. Cha mẹ tên Đinh hoảng kinh, lật đật đi về bỏ mặc đứa con đứng chết tại chân núi. Khi tắt hơi nó mới ngã xuống đất. Từ đó về sau người ta đến ngắm hai hòn đá cho biết chớ không ai dám đánh nữa.

17. AO TRỜI

Ngày xưa ở tỉnh Quảng-bình có một cái ao rất lớn, dân chúng trong vùng gọi là Ao Trời. Chu vi của ao tính bằng một người đi từ sáng đến chiều mới giáp vòng, bể sâu thì không thể ước lượng được, người ta nói hàng mấy trăm sải tay.

Thuở ấy có một người ở làng Đông-hải rất nghèo khồ, quanh năm sống bằng nghề đi câu cá ngoài biển. Một hôm anh ta muốn câu thử ở Ao Trời xem có cá gì lớn không và nhiều hơn không. Anh ta đến ao từ sáng sớm, ngồi câu khá lâu không được con nào cả. Buồn tinh anh ta vào trong bụi cây ngồi nghỉ.

Thinh linh anh ta thấy dưới ao có hai người trời lên, người nào cũng cao lớn đình đám, mình mặc quần áo đỏ, đầu đội mao, tay cầm gươm. Cả hai đi trên mặt nước lên bờ đòn đáo dác như tìm ai.

Anh thợ câu hoảng sợ, ngồi im thu hình lại, tráo mắt xem.

Lát sau, hai người ấy hình như không thấy kẻ nao khác, bỏ đi xuống ao, chìm mất. Kế đó một hồi, anh thợ câu thấy mười người khác mặc năm màu áo xanh, đỏ, trắng, vàng, đen, hai người một màu. Cả đoàn kéo nhau lên bờ ngó quanh quất, rồi đi giáp vòng bờ ao, đoạn xuống nước mặt dạng.

Anh ta càng sợ thêm, không dám ra mặt, ngồi chết

dí trong bụi, kéo nhánh cây che cho khuất mình thêm.

Hồi lâu, anh ta thấy dưới nước nồi lên ba chục chiếc thuyền đầu rồng, đuôi phượng sắp thành vòng tròn bao quanh một chiếc ghe màu vàng, trên ghe có tàn long, cờ xí dãy dài. Ngoài be ghe có bốn ông quan lớn mặc áo đỏ, tay cầm hốt, truyền lệnh cho ba mươi thuyền rồng chèo quanh chiếc ghe. Những người trên thuyền ca hát tấu nhạc vang lừng. Trên bờ ao, quân lính đứng hầu ba vòng, phắt cờ đánh trống, đánh chiêng.

Anh thợ câu bấy giờ hết sợ lại thấy vui vẻ quái. Anh nghĩ rằng núp trong bụi coi không thích bằng ra ngoài thấy mới rõ ràng, liền ngồi dậy chạy tim chõ cao đứng xem.

Một trong bốn ông quan cầm hốt chợt thấy anh liền sai lính bắt. Ông quan lên bờ hỏi :

— Chú mầy đến đây hồi nào ?

Anh ta hoảng hồn, run bần bật, thưa :

— Trăm lạy quan, tôi đến đây sáng sớm để câu cá, hẵng ngày tôi câu ngoài biển, không hiểu tại sao hôm nay tôi lại muốn vào đây. Từ sáng đến khi nắng lên tôi không câu được con nào nên vô bụi ngồi nghỉ. Tôi thấy hai ông ở dưới nước đi lên ngó quanh quất rồi mười ông lên nữa, ông nào cũng có vẻ dữ tợn, tôi sợ quá ngồi núp không dám ra. Bây giờ thấy có đòn địch, ca xang tôi hết sợ và vui vẻ quá mới chạy ra chõ cao xem cho rõ. Tôi không dám làm điều gì bậy, xin quan tha tội.

Ông quan ấy nói :

— Được, ta tha chú mầy về, nhưng hãy hả họng ra.

Anh thợ câu vâng lời. Ông quan lấy một cái dao hai lưỡi bén ngọt phóng vào. Anh ta giật mình tưởng đâu dao sẽ cắt đứt cuống họng nào dè nó mềm như miếng giấy chui tuốt vào bụng êm rơ.

Ông quan tiếp :

— Chú mày sẽ sống được một trăm tuổi. Ta dặn chú mày một điều là không nên thuật những gì đã nghe và thấy vừa rồi cho ai biết cả. Nếu trái lời ta thì lưỡi dao từ trong bụng sẽ văng ra, cắt đứt cổ họng chú mày. Ta cho chú mày một cái nồi, mỗi ngày nấu ba lần cơm, cứ đồ nước vào nấu sẽ có cơm không cần bỏ gạo. Chú mày không nên đi câu nữa. Đúng một trăm tuổi chú mày sẽ chết.

Anh ta vâng dạ, lanh nề, cúi chào ông quan, lủi thủi về nhà. Anh nghe tiếng ông quan truyền chém đầu mười hai tên lính tuẫn bất cần, lên độ đường mà không thấy anh ta. Anh xây lưng lại xem thì không thấy ghe thuyền cờ xí và quan quân. Mặt nước « ao trời » vẫn phẳng lặng như bao giờ.

Về đến nhà anh đồ nước vào nồi nấu thử quả nhiên có cơm ngon. Anh tin lời ông quan, bỏ nghề câu cá đi làm mướn. Nhờ khéo tốn gạo nên anh đê dành được tiền cưới vợ, cất nhà, mua ruộng. Anh không dám nói câu chuyện này cho ai nghe, mãi đến năm chín mươi tuổi, nhân buổi giỗ cha có đông đủ thân bằng, quyến thuộc, anh uống rượu ngà ngà say cao hứng nghỉ thăm rằng :

« Mình sống đến từng tuổi này cũng gọi là thọ lắm rồi, trong nhà dư ăn, dư đê, con cháu đầy đủ; mình

có sống thêm mươi năm nữa cũng không ích gì, chỉ bằng tiện đây có đồng đủ mọi người mình thuật lại chuyện đó cho bà con nghe chơi, dù có chết vì cái dao hai lưỡi cũng dành bụng ».

Anh ta liền gọi thân nhơn đến kề lại từ đầu đến cuối, khi vừa dứt lời thì cái dao từ dưới bụng bắn vọt lên cõi lời mũi ra ngoài.

Từ đó, dân chúng không dám vào câu cá trong ao trời và kính nề là chốn linh thiêng.

18. THẦY BỈNH

Vào khoảng năm 1918 ở tỉnh lỵ Sa-dec xuất hiện một nhân vật kỳ lạ lối năm mươi tuổi, không ai biết quê quán ở đâu, mình mặc quần áo rách như xơ mướp toàn là của thiên hạ cho, hoặc nhặt ở đống rác, đầu đội nón lá, vai mang một cái bao bỗ tồi. Suốt ngày ông ta đi ngoài đường, gấp cùi thơm, vỏ mít, ngọn mía, vỏ bưởi, vỏ chuối, trái cây hư thì lượm bỏ vào bao. Ai cũng nói ông ta điên, tuy không bao giờ có cử chỉ lố lăng hay nói bậy bạ. Ban đêm ông dụng đậu ngủ đó, khi góc đình, sân chợ, khi trước mái hiên hè phố. Sáng dậy lại tiếp tục đi. Có người thấy tội nghiệp mòi ăn cơm thi ăn ngay, không khách sáo, không cảm ơn. Ai cho thức ăn gì cũng lấy, đòi ăn liền, no bỏ vào bao. Ai hỏi điều gì ông nhẹ răng cười, trả lời một hai tiếng rồi đi nữa. Con nít chọc ghẹo, ông ngồi xuống đất cười hench hêch; chúng sợ bỏ chạy.

Ông đi như thể khắp hang cùng ngõ hẻm, từ thành phố đến làng xóm toàn tỉnh Sa-dec. Một hành động đặc biệt và duy nhất của ông khiến đồng bào ghi nhớ đời đời là khi có người đau thập tử nhát sanh thì hình như ông biết trước, phẫnz phảng đi vô nhà, chen vào đám thân nhân đến tận giường người bệnh. Ai cần cũng không được, lôi kéo, rầy là cũng mặc, ông nhất định nhìn mặt kẻ sắp chết. Rồi ông cười mà rằng :

— Không sao ! Không chết ! Lấy thuốc của tôi uống sẽ mạnh liền.

Có người không tin, đuổi ông đi, thì ông buồn bã, lắc đầu :

— Tiếc thay ! Thượng thay !

Ông lùi thui ra đường. Lát sau, người bệnh hắt hơi cuối cùng.

Có người đã chạy hết thảy, chỉ còn chờ giờ phút chót của con bệnh, nghe ông nói mới thử xem sao. Phước chủ may thầy không biết chừng. Ông lấy một miếng vỏ chuối, một miếng vỏ mít, bẻ một đoạn mía hoặc là một món vật thừa gì trong đó, bảo nấu nước cho người bệnh uống. Chủ nhà tỏ vẻ ngại thì ông giục :

— Nấu mau đi ! Bộ không muốn cứu người hay sao ?

Chủ nhà miễn cưỡng làm theo lời. Uống chén đầu, bệnh nhân thuyên giảm ngay, đời uống "thang thuốc" khác !

Bấy giờ thân nhân mới quỳnh lên chạy tìm ông, think ông về nhà, nhưng ông không đi và nói rằng :

— Cứ đồ nước thêm nấu cho uống sẽ mạnh luôn.

Quả nhiên, người bệnh mạnh thật. Thiên hạ đồn rầm

lên, gọi ông là « thầy ». Gia đình chịu ơn ông rước ông về đai ăn, khâm khoản hỏi tên ông để ghi nhớ. Ông nói cộc lốc :

— Binh !

Thế là danh từ « thầy Bình » được truyền tụng khắp tỉnh Sa-dec. Ông chỉ ăn cơm ở nhà đó một lần mà thôi và nhất định không nhận tiền, nhận quà, cáp gì cả. Đồng bào cho ông là một danh sư có tài cải tử hoàn sanh hoặc là một vị Tiên gia giả dạng xuống trần thử lòng người.

Từ đó, người nào có thân quyền đau nặng đều chạy tìm « thầy Bình ». Có người không tìm, ông cũng biết và tự nhiên đến xem. Khi nào ông ngó người bệnh rồi lắc đầu, lui ra thì có năn nỉ lạy lục xin thuốc ông cũng không cho. Nhân dân chỉ còn nước lo hòm, quách sẵn mà thôi. Ông đi rồi thì con bệnh chầu trời.

Thầy Bình sống ở Sa-dec được năm năm, một hôm thỉnh linh mất tích. Nhiều người tìm ọng xin thuốc khắp nơi không gặp. Mãi ba tháng sau có một ông già ở gần bến tàu thủy Sài-gòn—Phnom-Penh tại làng Tân-hòa-đông, quận Châu-thanh, thuở ấy gọi là Passe Nord, thuật lại cuộc gặp gỡ của ông với thầy Bình. Ông nói rằng :

— Cách đó hơn ba tháng giữa một đêm mưa thật lớn tôi đang ngồi uống nước trà thì thấy thầy Bình ở ngoài đường đi vào. Thầy không mang cái bao bố, không đội nón lá nhưng lạ lùng nhất là quần áo thân thề thầy khô ráo như ở trong nhà. Tôi mời thầy ngồi uống chén nước, hỏi thăm thầy vài câu và mời thầy ở lại nghỉ đêm. Thầy cảm ơn tôi, cho tôi biết rằng thầy là Thái-tử

Long-Vương vì phạm tội bị Trời đày lên trần thế sống năm năm, đêm nay mẫn hận, thay trở về thủy phủ. Chính Vua cha làm mưa gió để đón thầy. Tôi tò mò hỏi thầy về ở đâu thì thầy chỉ dưới nước và nói bì mươi năm sau, chỗ này hóa thành cái vực sâu vì thầy sẽ xây cất đền dài rộng lớn ra. Nói xong, thầy chào tôi đi thẳng ra bờ sông, tôi chạy theo thầy thay đổi xuống nước, mặt nước rẽ làm hai, đồng thời có nhiều đợt sóng nhô lên như nhảy múa. Một lát nước khép lại, tôi không thấy thầy nữa.

Ba mươi năm sau, nhằm năm 1953, đất ở bến tàu lở lấn vào phía trong ruộng, cho đến ngày nay (1969) tinh ra một khoảng dài lối hai cây số, rộng hơn ngàn thước chìm dưới sông và bức đất càng lở thêm hoài. Du khách ngồi xe từ Sa-dec đi Cao-lanh, Cái-tàu-thượng, Mỹ-luông, Chợ Mới ngang qua vùng này thấy tinh lộ nằm sát bờ sông, nếu không biết di tích ngày xưa thì không thể ngờ rằng, hơn nữa thế kỷ trước, bờ sông cách đất hơn ngàn thước !

19. NGỒNG THẦN Ở DINH CẬU

Vào năm 1931-1932, những người lái buôn thương hồ đều khiếp sợ hai lượn sóng Thần thường nhận chìm ghe đi ngang qua Dinh Cậu trên sông Cái-bè thuộc tỉnh Định-tường. Khi thấy dài Ngồng Thần lội vun vút thì họ tìm cách đậu nghe sát bờ, vì lúc chúng lặn rồi là có hai lượn sóng Thần nổi lên như mệt cơn

giông bão. Đồng bào địa phương thường nhắc nhở lẫn nhau đề tránh tai nạn, và nhờ rất nhiều thầy pháp, thầy cúng, bóng chàng, đồng cốt, thư phù, làm phép trấn áp nhưng đều vô hiệu. Ngồng Thần vẫn lội vun vút, sóng Thần vẫn nồi cuộn lên như bão táp đánh chìm ghe xuồng vô ý không đề phòng.

Một hôm, Thần nhập vào cốt đồng bảo rằng :

— Đôi Ngồng ấy chính là đôi Ngựa của Cậu.(1). Đừng rước thầy ém đổi uồng công. Nếu muốn được yên ổn thì phải lập miếu thờ Cậu ở ven sông để Cậu trông chừng cho, và các ghe thuyền đi qua muốn tránh tai họa phải cúng sống đôi gà, hay là một con. Cậu sẽ bảo đôi ngựa nằm êm cho đi qua.

Đồng bào lập tức góp tiền lại lập ngôi miếu nhỏ nhưng họ tin tưởng và quá sợ sệt không dám gọi là miếu mà gọi là Dinh Cậu.

Từ đó ghe thuyền đi ngang sông Cái-bè đều ghé vào Dinh Cậu thả một cặp gà và khấn vái rồi mới tiếp tục.

Chuyện Ngồng Thần thấu đến tai nhà cầm quyền Pháp, sở Mật-thám cho nhân viên đi điều tra. Tuy nhiên họ im lặng không tuyên bố gì cả. Rồi thì những tiếng súng thi nhau nồ khi họ thấy đôi Ngồng Thần nhô lên mặt sông. Ngồng lặn mất và sóng Thần lại nồi lên cuồn cuộn. Họ tuyên bố ầm ĩ là bắn chết một con, mặc dù không thấy xác ở đâu. Nhưng, cũng từ đó sóng Thần không còn cuộn lên trên dòng sông Cái-bè nữa, nên dân quanh vùng đó cũng tin là Ngựa của Cậu

(1) Cậu là vị Thần ở dưới sông.

chết thật rồi. Và câu chuyện sóng Thần dần dần chìm trong quên lãng.

Sau này một nhân viên phòng nồi Pháp, nhân lúc ngà ngà say cao hứng kề lại rằng thuở ấy người Pháp cho đói Ngỗng là một loài linh thú có lẽ từ ngoài biển Nam-hải chạy vào ần nấp, đó là hai con trâu nước, loại thú rất hiếm có. Nó có tài chạy dưới biển như chạy trên bộ. Vì sông nhỏ nên đôi trâu chạy hay đua giốn tạo ra những lượn sóng và hai tia nước trông giống như đôi ngỗng xèo cáu h. Người Pháp tìm cách bắt Trâu, nhưng vì tên cò Mật-thám ở địa phương bắn bậy bạ khiến hai con vật hoảng sợ trốn mất. Có lẽ theo giờ Cửu-long trở ra biển. Tên cò bị khiển trách nặng nề và bị cách chức luôn.

Còn số gà thả xung quanh Miếu Cậu lúc đầu không ai dám động đến, chúng sanh sôi nẩy nở rất nhiều. Khi đói Ngỗng không còn nồi lên nữa và không còn sóng Thần nhận chìm ghe, đồng bào lần lượt thủ tiêu không còn một con.

20. HUYỀN THOẠI VỀ CAO-BIỂN

Cao-Biển là thầy địa lý Trung-hoa nổi tiếng một thời. Khi coi địa lý giúp nhà Vua, ông không nhận vàng bạc của Vua ban, chỉ xin rằng:

— Thần xin Bệ hạ cho phép Thần nhảm mắt chỉ vào một trong những cái kho đồ vật dụng, hễ nhảm kho nào, Thần lấy kho ấy.

Nhà Vua chấp thuận. Cao-Biền nhầm mắt chỉ vào kho chứa viết. Ông lấy một miếng đá, ngồi trước cửa kho, sai lính vào lấy viết đưa ông ta đâm vào đá, đâm mấy ngày liên tiếp bao nhiêu viết đều gãy hết. Gần hết kho, có một cây đâm lủng đá. Ông đem viết về nhà, làm một con diều bằng giấy, dùng viết đi kèm con mắt. Con diều giấy hóa thành diều thật. Cao-Biền cởi diều bay đến nước Giao-chỉ (Việt-nam) lượn trên không tìm huyệt để vương.

Thuở ấy nước ta có nhiều huyệt để vương, Cao-Biền sợ sau này người Giao-chỉ sẽ thôn tính nước Trung hoa nên ếm một số huyệt tốt. Ông lại có ý muốn đề mà tò tiên ông để ông được làm Vua nhưng lại nghĩ thầm rằng :

«Mình già rồi mà không có con trai, dù được làm Vua cũng không được bao lâu, tốt hơn để cho rể mình làm.»

Ông trở về Tàu, bảo thằng rể lấy cốt của cha nó, thiêu ra tro đưa ông đem qua Giao-chỉ táng vào huyệt hàm rồng, sau này sẽ làm Vua. Ông dắt con gái, thằng rể và một người học trò, đem bình cốt đến tỉnh Quảng-nghĩa ngày nay, lén vào một chỗ vắng, chờ đến nửa đêm ra bờ sông Trà-khúc bảo người học trò ôm bình cốt lặn xuống sẽ thấy một cái hàm rồng hả ra, bỏ vào chợ miệng rồng ngậm lại sẽ trồi lên.

Tên đệ tử là tay gian tham có hạng, đã biết được thâm ý của thầy, lén dấu cái bình đựng cốt cha nó trong mình, khi lặn xuống, nó đe vào miệng rồng, còn cái bình của thầy trao nó mang ngoài vì con rồng.

Cao-Biền không biết việc này, gọi riêng thằng rể

mua năm giống lúa, mỗi thứ một thúng đem ra bờ sông ngang chỗ có huyệt hàm rồng chia làm ba đồng chôn ba chỗ giống như ba cái mả đê sau này mỗi hột lúa sẽ thành một tên quân. Ông dấu việc này không cho tên học trò biết, và dặn thằng rè rất kỹ :

— Con phải nhớ đủ ba năm, chín tháng mười ngày thì đến đây kêu lớn lên : « Cha ơi ! Dậy làm Vua ! » Chừng đó con sẽ thành Hoàng đế, với mấy chục ngàn binh. Bấy giờ con ở lại nước Giao-chỉ mua bán làm ăn chờ ngày tức vị. Con nên lui tới nơi này thường xuyên để thăm chừng có ai khuấy phá huyệt không ?

Dặn dò xong, Cao-Biền trở về Trung-hoa, hẹn sẽ trở lại sau ba năm. Tên đệ tử xin phép ở lại giúp đỡ tiểu chủ, kỳ thật nó cũng chờ làm Vua.

Nhưng nguyên gốc của thằng rè là dân kéo xe bò không có số làm Vua nên bị tên hạc trèo bình cốt ngoài vì rồng, nước cuốn đi mất. Còn bình cốt của tên lưu manh kia cũng trôi ra ngoài vì hàm rồng không ngậm lại.

Đến ba năm, chín tháng con gái Cao-Biền sanh ba đứa con trai, một thằng mặt đỏ, tay cầm cái ấn, một thằng mặt thiếc tay cầm dao, một thằng mặt xanh tay cầm gươm. Vừa lọt lòng thì cả ba đã được, chạy ra ngoài leo lên bàn thờ ngồi. Người chồng hoảng hồn cho là ma quỷ, bắt chặt đầu hết ráo. Đoạn, nó sừng sộ với vợ rằng :

— Cha mày chỉ bảo cho tao chuyện tầm bay ném mày mới sanh loài yêu quái như thế !

Nó sực nhớ lời Cao-Biền dặn, chạy ra chỗ chôn ba đồng lúa kêu lớn lên :

— Cha ơi! Dậy làm Vua!

Tức thì dưới đất ủn ủn dậy lên, lở nhổ những hình người, nhưng vì còn thiếu mười ngày nên đi đứng không được, té nghiêng té ngửa nằm thẳng cẳng chết. Người ta gọi « Cao-Biền dậy non » là thế.

Thằng rể Cao-Biền thất kinh chạy về trốn trong nhà không dám ló mặt ra. Cùng lúc ấy, Cao-Biền ở Trung-hoa cởi diều bay qua bị gió ngược đến trễ. Khi đến nơi thì mọi việc đã hư hết, ông nồi giận chém đầu thằng rể và tên học trò, rồi cởi diều bay đi ếm tất cả huyệt đế vương. Ông nói:

— Gia đình ta không được làm Vua thì không đe cho ai làm.

Ông làm phép ếm huyệt hàm rồng ở sông Trà-khúc, chém đứt đầu rồng. Từ ngày ấy đến bây giờ nước sông đỏ như máu, cả ngàn năm không trong lại.

Ông ra tỉnh Nghệ-an thấy trên đỉnh núi đầu rồng có huyệt đế vương, bèn làm một tấm bia bằng gang ếm tại đỉnh. Huyệt đất bị chết, từ khi lan tràn khiến cây cối không mọc được đến ngày nay.

Ở Tỉnh Thanh-hóa cũng có huyệt Đế Vương, nhưng Cao-Biền chè hình con rồng què một chân không thèm ếm. Người ta cho rằng vì đó mà mấy đời Vua Việt-nam sau này đều phát tích ở tỉnh Thanh.

Ngày nay ở tỉnh Phú-yên, gần bờ biển có một cái gò cát giống hình cái mả, các ngư phủ đi qua vùng gọi gò ấy là « mả Cao-Biền ». Đặc điểm của cái gò là sóng gió quanh năm mà cát không bay, không trôi vẫn giữ nguyên hình dáng.

21. THÀNH TÁN-VIÊN

Núi Tân-Viên (1) hình giống cái tán (cây lọng) có ba tùng cao tận mây xanh, đứng dưới ngó lên thấy tùng thứ nhất và thứ nhì có ánh đỏ, tùng thứ ba mây phủ quanh năm. Vì hình dáng giống cây lọng, eo thắt gần đỉnh, trên chót lại xèo ra nên không ai lên được.

Tương truyền trên núi có ngôi đền thờ thánh Tân-Viên tức là Sơn-Tinh ngày xưa cưới được Công chúa Bạch-Hoa Mị-Nương, con Vua Hùng-Vương thứ 18, bị Thủy-Tinh làm mưa gió dâng nước đánh mỗi năm một lần. Tuy Thánh Tân-Viên chống trả mãnh liệt và đầy lui được đổi phuơng nhưng ngôi đền bị sét đánh hư hại ít nhiều. Sau mỗi trận kịch chiến như thế, Thánh hiện thành một ông già râu tóc bạc phơ xuống trần gọi thợ mộc, thợ hồ lên sửa đền. Những người thợ này được đệ tử của thánh đón ở chân núi dùng phép tiên đưa lên đỉnh. Làm phận sự xong, Thánh phát mỗi người một lá trúc đào hình giống dao hai lưỡi, bắt nuốt vào bụng. Thánh dặn khi về nhà không được kẽ cho ai nghe những gì đã nghe, thấy trên cõi tiên, nếu cãi lời sẽ bị lá đào đâm lủng cuồng họng chết tức khắc. Sau này trong đoàn thợ mộc có người uống rượu say, quên lời Thánh dặn lỡ miệng nói ra bị chết ngay, lá trúc đào đâm lủng cõi mũi ra ngoài !

(1) Thường gọi là Tân-Viên,

Dưới đời nhà Lý, người Tàu sang chiếm nước ta, Thánh hiện ra cản đường đọc bốn câu thơ. Vị Tướng Tàu sợ kéo quân trở về. Vua nhà Lý rất tôn sùng, gọi là Đức Thánh Tân-Viên. Từ đó về sau nhà Vua nào cũng tôn thờ Đức Thánh kính cẩn. Mỗi khi trong nước có việc biến cố, Vua sai qui vị đại thần thanh liêm, chánh trực đến cầu khấn. Đức Thánh hiện ra thành một thanh niên, hoặc một thiếu nữ, hoặc một cụ già, hoặc một đứa trẻ cho bốn câu thơ rồi biến mất. Những lời Thánh dạy hết sức linh ứng. Trong dân chúng thì có người cầu được có người không, tùy theo kẻ có phước đức hoặc tâm địa tốt. Hằng năm, đến ngày ba mươi tháng chạp, Quan chức sở tại phải rèn một trâm lưỡi rìu bằng sắt đem dâng lên chân núi dâng Đức Thánh. Đè một đêm sáng lại không còn, người ta cho rằng Thánh đã lấy đem lên đỉnh.

Năm Tự-Đức thứ ba, Quan Tòng-đốc Nguyễn Đăng Giai đang đi kinh lý miền Bắc, nghe tin có giặc nồi dậy ở tỉnh Sơn-tây liền cầm ba ngàn binh lên đánh dẹp. Đoàn quân đi được nửa đường thì Đức Thánh Tân-Viên hiện ra một cụ già chống gậy cản lại. Toán tiền phong la ó om sòn, ông Giai nghe thấy, vội thúc ngựa đến nhảy xuống vái chào kính cẩn. Ông già hỏi :

— Tòng-đốc có biết ta là ai không ? Ta ở trên núi Tân-Viên, có lòng mến Tòng-đốc là người có đức nên đến đây nhắn Tòng-đốc một lời.

Đức Thánh hỏi giấy bút, viết câu « Tướng quân mang dĩ chí hĩ, nghỉ phản hồi » nghĩa là « Tướng quân đến số chết, nên trở về » trao ông Giai.

Ông quỳ xuống bái lạy. Đức Thánh nhẹ nhàng đị

lên núi như bước trên mây. Ông Giai vội ra lệnh hồi binh, về đến nhà nhuốm bệnh từ trấn.

Năm sau, Quan Tông-đốc Viêm trấn Hà-nội muốn lên tầng thứ hai núi Tân-Viên chơi, bắt ba trăm lính dọn một con đường. Làm được năm ngày, Tông-đốc thấy Đức Thánh hiện ra nói rằng :

— Trên đỉnh núi cao là nơi Tiên ở, không phải chốn cho kẻ phàm trần du ngoạn, nếu không nghe lời ta thì đừng hối hận.

Ông Viêm hoảng sợ đem quân lính trở về.

22. ÔNG CHỦ CHỢ CAO-LÃNH

Tuy nhiên khi được đòi là tinh lý Kiến-phong, Cao-lãnh là một quận của tỉnh Sa-déc, xưa kia, dưới trào nhà Nguyễn là Phủ tân-thành. Địa danh Cao-lãnh do đồng bào đặt ra và được chính phủ hợp thức hóa bắt nguồn từ nghĩa cử của một bậc tiền hiền có công trong việc mở mang vùng đất hoang vu thành xóm ấp, quận và tỉnh.

Nguyên vào năm Đinh-Sửu đời Gia-Long (1817) ông bà Đỗ-công-Tường tự là Lãnh từ miền Trung vào vùng đất này lập nghiệp. Vốn giòng nho nhã, thông thuộc kinh sách cõi kim, tánh tình cương trực ông được các chức sắc địa phương cử làm chức Câu-Đương phụ trách việc xử kiện, dàn xếp những vụ xích mích trong làng. Nhân dân tỏ ý tôn kính ông, tránh tên húy, chỉ gọi là

CÂU-LÃNH. Ông bà ở tại xã Mỹ-trà (hiện thời vẫn còn giữ tên này), lập một vườn quít, nhiều người đến mua bán được ông bà tiếp đãi niềm nở nên lần lần hóa thành cái chợ nhỏ. Người nào cũng nhắc tên ông bà suốt ngày đến nỗi quen miệng thành một địa danh.

Năm Canh-Thìn (1820), tại xã Mỹ-trà đồng bào bị bệnh dịch tả chết rất nhiều. Ngày nào cũng có hàng năm bảy người, có khi mười người, có nhiều gia đình chết gần hết. Tiếng kêu khóc vang dậy, cảnh tượng chôn xác một cách hối hả diễn ra suốt ngày, ban đêm tiếng mõ hối một cầu cứu nồi lén từng chập. Thời ấy, người Việt còn tin tưởng ở Phật, Trời, ở Thần linh nên cho bệnh thời khỉ là Diêm-Vương bắt lính; người nào tới số thì chịu bó tay không phuơng gì cứu chữa. Và lại thuốc men thiểu thốn hoặc không đủ sức trị chứng bệnh giết người quá nhanh, nạn nhân chỉ còn mong ở Thần quyền cứu vớt mà thôi.

Không thè ngồi im nhìn cảnh đau thương. Ông bà Cao-Lãnh ăn chay ba ngày mồng sáu, bảy, tám tháng sáu, năm đắt, tắm gội sạch sẽ đặt bàn thờ giữa trời nguyện xin ơn Trên cho ông bà chết thế đồng bào. Đúng mười giờ đêm mồng chín bà thọ bệnh từ trần. Đang lo tẫn liệm bà, thì vào hai giờ khuya mồng mười, ông quy thiên. Nhân dân mai táng ông bà xong thì bệnh dữ hết hoành hành, mọi người thoát khỏi mồng vuốt của Tử thần.

Ôn đức của ông bà được mọi người truyền tụng. Năm 1907, ông Huỳnh-kim-Ngưu Hội-đồng địa hạt cùng ông Hương chủ Bùi-hiền-Giảng cỗ động đồng bào chung nhau lập ngôi miếu thờ và đặt tên chợ là Câu-

lãnh. Dần dần tiếng Câu nói trại ra thành Cao, Cao-lãnh được chánh phủ nhin nhậu năm 1914 đến ngày nay. Năm 1920, ông Hương cả Huỳnh-kim-Sanh đệ trình lịch sử của ông bà về Triều đình Huế. Vua Bảo-Đại sắc phong ông bà : DỤC BẢO TRUNG HƯNG THÀNH HOÀNG CHI THẦN.

Đồng bào ở Cao-lãnh gọi ngôi miếu là Miếu ông bà chủ chợ. Miếu cất trên bờ kinh thầy Khâm cách chợ Cao-lãnh lối ba trăm thước, hiện nay kinh này đã bị lấp bằng. Trải qua thời kỳ kháng chiến hầu hết nhà cửa ở Cao-lãnh bị thiêu hủy mà ngôi miếu vẫn còn nguyên vẹn. Năm 1963, đồng bào hùn tiền tu bồ lại, xây cất mặt tiền và công tam quan, sơn phết rất đẹp. Trải qua mấy thế hệ, Ban Tể tự miếu chăm sóc việc thờ phụng rất chu đáo, hằng năm lễ giỗ một lần vào ngày mồng chín mồng mười tháng sáu. Nhiều nhà hảo tâm cúng dâng những món đồ thờ và trang hoàng trong miếu. Hằng ngày đồng bào đến miếu vái lạy, xin xàm ông bà. Xàm ông bà rất linh thiêng, người nào đã xin qua đều công nhận rằng đúng và hết lòng tin tưởng. Nhiều vị tinh trưởng nhậm chức ở Kiến-phong rất kính trọng ông bà, thường xin xàm mỗi khi có điều gì thắc mắc. Du khách ghé Cao-lãnh không thể quên đến miếu viếng ông bà để hoài niệm bậc tiền bối đã hy sinh cứu nhân dân thoát cảnh tai ương.

Thi sĩ Phan văn Bộ tự Lãng-Ba có bài thơ vịnh ông Chủ chợ Cao-lãnh như sau :

*Muôn miệng như nhau đã nói rành,
Cầu-Đường là chức, Lãnh là danh.*

*Lập làng khó nhọc, công vừa dứt,
 Cắt chợ chăm nom, việc mới thành.
 Dân dụng giặc trời cam thọ tử,
 Cụ đèn nợ nước quyết hy sinh.
 Thoát nàn, bá tánh lo thờ phượng,
 Miễn đó ngàn thu rạng tiết lành.*

23. ĐẠO-SĨ NÚI TÀ-LƠN

Vào năm 1920-1921, trên dãy núi Tà-lơn (Bockor) thuộc tỉnh Kampot Cao-miên có nhiều người đăng sơn tìm sư học đạo. Nhưng không phải ai cũng được mãn nguyện, vì nếu không bị mảnh hồ hambre ngăn cản thì cũng bị măng-xà nằm ngang chắn lối, hay nếu có ai qua được những sợi nguy hiểm ấy, vào được trong động thì thấy trống rỗng với cái lò lửa đang âm ỉ cháy, ấm nau nước và những vỏ trái cây bừa bãi trên mặt đất, tuyệt nhiên không có một bóng người, rồi cũng đâu ra chán nản trở về. Họ đồn rằng trên dãy núi ấy có nhiều vị chư tu biết quá khứ vị lai thường ăn mặt đè lánh xa người trần tục muốn đến khuấy rầy để thỏa chí tò mò, hoặc những viên mật thám của Pháp sai đi bắt bớ. Trừ khi những ai có cơ duyên quý vị mới xuất hiện tiếp nhận.

Đó là những nhà ái quốc chân thành, nhận thấy dân Việt-nam không có súng ống tối tân để chống thực dân Pháp mới nghĩ đến lối tu luyện theo các bậc Tiên gia, dùng bùa phép tàng hình, tránh súng đạn, sái đậu thành binh hầu đánh đuổi bọn xâm lăng, khôi phục lại nước nhà.

Trước đó một thời gian, trên dãy Thất-sơn thuộc tỉnh Châu-đốc đã có nhiều vị khồ công trọn đời nuôi chí lớn ấy.

Dù ý định của quý vị tiền bối không thành đạt nhưng sự hy sinh thân thể cho chánh nghĩa rất đáng cho người Việt-nam ghi vào quyền sô vàng của dân tộc để mọi người đời đời tưởng niệm.

Câu chuyện dưới đây được chép vào lịch sử chống Pháp của quý vị, đánh dấu sự biều dương tinh thần bất khuất của dân tộc Việt-nam.



Ánh tà dương vừa khuất sau dãy núi thấp, bóng đêm lan dài khắp nơi, cây cỏ sắp ần mìn trong bóng đêm dày đặc, trên dãy núi Tà-lon đã hùng vĩ bao la lại càng tăng thêm vẻ âm u huyền bí. Thỉnh thoảng, có những tiếng hú nhẹ rợn người, kẻ nhát gan cho là tiếng hú của ma quỉ trên thâm sơn, kẻ bạo gan hơn cho là tiếng gầm thét của loài ác thú đang săn mồi, và có những tiếng gió rít, những tiếng cành khô rơi, rụng hợp thành những âm thanh quái quái để ngăn cản những ai có ý tò mò muốn tìm hiểu. Tiếng hú quái dị vẫn vang theo hơi gió ngân dài và có những tiếng hú khác đáp lại như tiếng khóc than của loài quỉ núi. Nhưng không ai ngờ được, tiếng hú quái dị ấy chính là của một cậu bé độ chừng mười bốn tuổi, hay mười lăm tuổi và những tiếng hú đáp lại là những nhóm người mặc đồ đạo sĩ tuổi xếp sì bằng nhau lối hai mươi hai, hai mươi ba, Họ nương theo tiếng hú ấy mà tới gặp nhau và họp thành một đoàn người

khá đông. Nếu nhìn kỹ hơn, ta sẽ thấy gương mặt người nào cũng rắn rời và nhanh trai. Đầu đầu là một cậu bé tóc còn dề trái đào. Họ đi mãi trên lưng chừng núi, khi ăn khi hiện qua những chòm cây đèn trông như những bóng ma. Không ai nói một lời gì cả. Vầng trăng lên cao đến đỉnh đầu, rải xuống những làn sáng bạc làm tăng thêm vẻ tinh mịch của rừng núi. Họ đi như thế rất lâu. Đến trước một hang động, bên trong có le lói ánh đèn và có vài ba đạo sĩ già đang ngồi tĩnh tọa. Đứa bé dẫn đoàn người vào trong chia ra thành hai hàng, đến trước các đạo sĩ quỳ xuống, chờ đợi. Vì đạo sĩ già ngồi giữa từ từ mở mắt nhìn đoàn người vừa mới đến khẽ bảo :

— Các con hãy ngồi đây và nghe thầy giảng dạy !

Đoàn người thi lễ xong đều ngồi dậy. Lão đạo sĩ ngồi bên tả liền nói :

— Thưa Huynh Trưởng ! Theo ý ngu của đệ thì đã họp đông đủ như vậy, chúng ta hãy chọn ngày nào để khởi sự di chúc !

Lão đạo sĩ ngồi bên hữu lập tức phản ứng :

— Thưa Chư Huynh đệ ! Theo tôi thì chúng ta hành động e hơi sớm. Vì tôi nhìn thời cuộc hiện tại thì «tại Lang-sa» nó chưa tin lòng dân «An-nam» mình, nên chúng luôn luôn đề phòng, mà lòng dân thì đã chán nản vì cụ Nguyễn-trung-Trực đã thất bại rồi kể đó là cụ Hoàng-hoa-Thám cũng bị chúng giết chết. Hơn nữa tại nhà nước Lang-sa có nhiều súng ống, còn chúng ta thì tay không, vì vậy nên tôi thấy chúng mình phải suy tính kỹ mới được....

Nghe câu ấy, cậu bé không nhịn được nên ngược đầu lên cãi lại :

— Kính thưa sư thúc ! Nếu nói như sư thúc vậy thì công khò luyện của sư phụ tôi và các sư thúc về phép tắc tàng hình, biến hóa, sai đậu thành binh hóa ra vô dụng sao ? Theo ý đệ tử thì nên đánh chiếm Cần-vợt (Kampot) trước là lấy oai cho thiên hạ biết, sau sẽ chiêu binh, mãi mã thêm, dùng Cần-vợt làm bàn đạp để đánh về xứ Hà-tiên thì tiện lắm !

Bỗng lão đạo sĩ già ngồi giữa trừng mắt nạt :

— Sơn ! Con không được vô lễ với các vị sư thúc của con !

Nhưng lão đạo sĩ bên tả mỉm cười nói :

— Thưa sư huynh ! Lời của bé Sơn nói rất hợp với ý đệ. Vì đệ nhận thấy bọn đồ đệ của sư huynh người nào cũng đầy vẻ hào khí, có thể làm nên việc lớn được. Lại nữa bé Sơn đã có học qua phép sai đậu thành binh thì cũng có thể đánh Cần-vợt được lắm ! Ta phải thưa cơ bọn Lang-sa đang khinh thường người dân An-nam mình mà chèn mảng, ta đánh vào chỗ yếu của chúng thì thế nào cũng thắng. Sư huynh thử nghĩ, cũng vì chờ đợi, đợi chờ mà chúng ta từ trai tráng đã trở thành già nua, rồi bây giờ cũng lần lữa nay chờ, mai đợi tôi e cho chúng mình phải xuống hố và bọn người này sẽ già yếu thì ý định dành lại nước An-nam của mình cũng bị chìm sâu xuống dưới đáy mồ.

Những lời yêu nước nồng nhiệt của vị sư đệ cô lẽ đã cảm thông đến tẩm lòng cẩn cỗi của vị đạo sĩ nên ông đã đe rơi hai dòng lệ lăn trên đôi má hóp, nhăn nheo. Thế là chuỗi ngày quá khứ hiện về trong tâm tưởng của lão... Sau trận chiến cuối cùng, bạn đồng đội của lão đều bị ngã gục trước họng súng của quân thù, còn

lão tuy bị thương nặng nhưng may mắn thoát chết, thế là lão cõi lê chiếc thân tàn vào miền rừng núi âm u để tránh cặp mắt của quân thù. Sau bao ngày gian lao cơ cực, lão đã lạc bước đến dãy núi Tà-lon, rất may mắn lão gặp được vị đạo sĩ truyền dạy cho cách tu luyện để sau này cứu dân, độ thế, và dạy luôn cả các phép tang hình biến hóa. Lão cõi gắng học tập để chờ ngày cởi bỏ xiềng xích của quân thù. Thời gian qua... Vị đạo sĩ ấy đã khuất tịch, lão bắt đầu thâu nạp học trò, và liên kết với các bạn hữu có nhiệt tình yêu nước. Có nhiều đêm lão nhìn trăng sao vắng vặc rồi khẽ thở dài hay là lão bấm đốt tay rồi chắc lưỡi than thầm, vì lão toán số âm dương biết nước Việt-nam phải chịu chìm sâu trong đen tối chưa ngang đầu lên được. Rồi đến đêm nay, lão muốn cải số trời, chiêu họp các bạn đạo hữu và bọn đồ đệ góp ý kiến tìm kế hoạch chiến đấu với quân thù. May mắn nhiệt tình của người sư đệ làm cho lão rời lè. Lão nhìn chung quanh nói :

— Sư đệ không nên quá khích như vậy. Phàm hễ làm chuyện gì cũng phải tính toán cho kỹ lưỡng. Ngu huynh hội họp đêm nay cũng không ngoài mục đích cứu nước. Chúng ta phải nhìn cho kỹ, « thời, thế, cơ, » và hoạch định chương trình cần thận mới có thể chiến thắng kẻ thù của dân tộc. Nếu nói về thời, thì hiện nay quân địch đang nắm giữ, vì dân chúng khắp nơi đều quy phục chúng, không một ai dám kháng cự, như vậy là thời chúng ta chưa có; còn nói về thế, thì cái thế của bọn chúng đang vững chắc như trụ đồng, binh tướng đông, súng ống có thừa, còn chúng ta, binh ít, khí giới thô sơ, thiếu kém, như vậy là cái thế chúng ta không bằng kẻ địch,

chúng ta chỉ được có tấm lòng mà thôi thì khó thắng với cái thế của địch được ; còn nói về cơ thì chúng ta chỉ có cơ hội là, vùng đất này là của Cao-miên, chúng không ngờ bọn ta sẽ đánh chiếm. Chúng đang khinh thường nên hời hợt sự canh gác, chúng ta thừa cơ đó mà đánh thì được....

Lão đạo sĩ bên hữu liền ngắt lời :

— Nếu vậy thì chúng ta nên đánh, chúng ta thừa cơ đó mà đánh, thì chiến thắng sẽ tạo thêm thời, để giữ vững vị trí, chả lẽ khắp nước An-nam không có một nhơn tài nào đến phụ giúp chúng mình sao ?

Tất cả đều im lặng đề chờ nghe câu giải đáp của lão đạo sĩ. Lão nhắm mắt lại, có lẽ đề trầm tư mặc tưởng hay là đang toán sổ âm dương. Giây lâu, lão từ từ mở mắt ra buông thòng hai tiếng :

— Không nên !

Cậu bé bức tức gần giọng hỏi :

— Kính thưa sư phụ ! Tại sao ?

— Sơn ! Con không được nóng nảy, thầy đã toán số rồi ! Nếu đánh là bại ! Chúng ta nên chờ cơ hội khác !

Cậu bé khóc òa lên nói :

— Nếu như vậy thì thầy không tin con nữa rồi ! Cha, mẹ con bị lũ Tây nó giết chết từ khi con mới lên ba, nhờ thầy đem về nuôi dưỡng và dạy dỗ, con lớn lên giữa lòng núi Tà-lon hùng vĩ, chí nguyện của con cũng lớn lên như rừng núi bao la, con quyết giết Tây để trả thù cho thầy, cho đồng bào, đất nước. Nếu đêm nay thầy không cho, chắc là con phải tự vận chết trước mặt thầy và các sư thúc !

Rồi cậu bé day qua các đồng bọn nói :

— Xin từ giã các bạn !

Nói xong, cậu bé dợm đập đầu vô bệ đá, thì lão đạo sĩ nạt lớn :

— Khoan ! Sơn con ! Con nên nhớ đây là việc hệ trọng. Thầy rất tin con nhưng thầy không muốn cãi lại số trời. Nếu con quyết chí thì thầy không ngăn cản con, vậy bây giờ hãy hỏi tất cả mọi người nơi đây coi nên đánh hay nên không !

Tức thì, tất cả đều nhao-nhao lên tiếng :

— Nên đánh !

— Quyết chiến !

— Đánh đến cùng !

Lão đạo sĩ khẽ thở dài gọi cậu bé lại gần, bảo :

— Sơn con ! Ý con và các đồ đệ đều quyết đánh, vậy thầy không có lý gì để ngăn cản. Vậy con hãy nghe thầy dặn con lần chót.

Đoạn, lão đạo sĩ móc ra trong người, mấy chục đồng tiền điếu giao cho cậu bé và chỉ bảo cẩn kẽ :

— Đây là những đồng tiền Minh-Mạng ! Con hãy giao cho mỗi người một đồng ngậm vào miệng, phải làm thính không được nói, thì dao, thương, tên đạn không phạm vào mình được.

Cậu bé trịnh trọng cầm lấy những đồng tiền điếu. Lão đạo sĩ dặn tiếp :

— Và còn điều này con nên nhớ, khi con đang tiến quân nếu rủi có một người đàn bà mang thai chạy ngang, thì con nên rút quân trở lại. Con hiểu chưa ?

— Dạ, con hiểu !

Lão đạo sĩ hướng mắt về hai hàng người, bảo :

— Các đồ đệ quyết đánh, vậy các đồ đệ hãy tuân theo sự hướng dẫn của bé Sơn. Tuy nó còn nhỏ tuổi nhưng các môn học của nó hơn các đồ đệ. Các đồ đệ nên ghi nhớ và hãy bền chí !

Tất cả đều đồng thanh :

— Xin tuân lệnh !

Lão đạo sĩ nói :

— Các con hãy về nghỉ để chọn ngày khởi sự ! Thầy và các sư thúc của các con chờ tin của các con !

Bọn người trai trẻ đều cúi đầu “Dạ” rồi đồng đứng dậy đi lẵn ra cửa động, cậu bé cũng theo ra... Ba lão đạo sĩ lại ngồi ngay ngắn để tĩnh tọa, nhưng trông vẻ mặt của lão ngồi gần có vẻ khắc khổ hơn bao giờ hết.

* * *

Hôm ấy, lối bốn giờ, sương khuya còn tỏa mờ cây cỏ, chợ Căn-vẹt (Kampot) bắt đầu nhộm họp. Bên kia cầu... và xa hơn nữa trên con đường chạy dài lên núi “Bockor” có một toán người kẻ mang gươm trường, người mang đoàn dao kéo nhau nhắm hướng chợ Căn-vẹt tiến tới. Khi còn cách cầu qua Kho bạc thì có tiếng la :

— Ý trời ơi ! Có giặc ! có giặc !

— Chạy bà con ơi ! Giặc tới ! Giặc tới !

Liền theo đó, có những tiếng súng nổ vang rền. Lúc ấy những người buôn bán cũng khá đông nên họ kéo nhau chạy tán loạn. Đoàn người do cậu bé dẫn đầu đã qua khỏi cầu và tiến mau. Chợt có vài tiếng súng nổ từ Kho bạc, và có tiếng vang lên :

— Súng bắn không trúng anh em ơi ! Tiến tới !

Cậu bé giật mình vì biết có kẻ đã phạm phép, chợt thấy thấp thoáng có một người đàn bà chửa băng ngang. Cậu bé lắc đầu chắc lưỡi than :

— Trời đã hại mạng ta rồi !

Lại một loạt súng nồ ròn. Có người nói :

— Sư huynh tiến mau lên !

Cậu bé thấy sự thè bất thường xẩy ra, đành đánh liều hô to :

— Tiến mau !

Thêm một loạt súng nồ. Có tiếng la và tiếng người ngã :

— Ối ! chết tôi rồi !

Và những tiếng súng nồ liên tiếp, tiếng người thét lên, tiếng thây người ngã, cứ như thế chỉ chừng ba chục phút thì im lặng tất cả.

Sáng sớm hôm ấy, thiên hạ kéo nhau đông nghịch, để xem những xác người nằm ngon ngang bên vũng máu trước cửa kho bạc. Có người trách móc, sao lại quá đại dột, dám kháng cự với Tây, cũng có kẻ chắc lึc tiếc thương cho những con người bắt khuất. Họ bàn tán với nhau :

— Chính mắt tao trông thấy thằng nhóc nầy dẫn đầu đè đánh với Tây !

— Sao có chuyện nầy lạ quá anh ! Có lẽ người nào cũng có ngậm đồng tiền điếu trong miệng sao mà khi bị bắn chết có đồng thì bị lọt ra ngoài, có đồng thì còn đinh trong miệng họ. Coi kia, đồng điếu kia thấy không ?

Có nhiều người chạy lại xác cậu bé nhìn kỹ nói :

— Ồ ! ồ ! Đồng diều còn dính khóc miệng thằng nhỏ dính máu đỏ lòm, ghê quá !

Trưa hôm ấy, bọn thực dân Pháp chặt đầu hai mươi mấy xác chết đem ghim vào cột tre cầm dọc dài từ đầu cầu Cầu-vẹt đến chân núi Bockor. Thâm ý của chúng là trừu trị những kẻ dám chống lại chúng và trấn áp tinh thần những ai có ý đe quật khởi. Từ đó ít có ai dám đi thẳng con đường kinh tởm ấy, vì đi ngang đó có mùi hôi thối nồng nặc và phải nhìn những chiếc đầu lâu, cái thi hài miệng, cái thi mờ mắt như nhát những kẻ nào yếu bóng vía.

Một chiều giông mưa tầm tã, người ta thấy có lão nông phu đi trên con đường từ chân núi đến đầu cầu Cầu-vẹt, khi đi đến chiếc đầu của cậu bé, lão nhìn dáo dác đoạn lệ làng gõ bỏ vào bọc và cất bước đi hanh. Có tiếng súng bắn theo, nhưng lão đã biến mất dưới làn mưa tầm tã.

24. ÔNG THIÊN-HỘ DƯƠNG

Vào năm Tự-Đức thứ 15 (1862) quân Pháp chiếm ba tỉnh Gia-dịnh, Biên-hòa, Định-tường, bắt buộc Triều đình Huế ký Hiệp-ước 5-6-1862 nhường ba tỉnh này và đảo Côn-nôn và bồi thường bốn triệu đồng bạc, trả làm mười năm. Hiệp ước ký kết giữa Bonard (Pháp) Palanca (Tây-ban-nha) và Phan Thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp.

Đồng bào miền Nam hết sức phẫn nộ, nồi lên chống ngoại xâm ròng rã mười năm trời không lúc nào ngừng (1863-1873). Lịch sử ghi lại bốn cuộc khởi nghĩa lớn nhất :

- Trương-công-Định ở Gò-công.
- Nguyễn-trung-Trực ở Tân-an và Rạch-giá.
- Thủ-khoa Huân ở Mỹ-tho.
- Võ-duy-Dương ở Đồng-tháp-mười.

Ông Võ-duy-Dương là một võ sĩ có sức mạnh vô địch cứ nồi năm trái linh, hai tay cầm hai trái, hai nách kẹp hai trái, miệng cắn một trái, mỗi trái cân nặng sáu chục cân. Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông, Vua Tự-Đức phái ông Nguyễn-tri-Phương vào Nam mở quân tổ chức cuộc kháng địch. Ông Võ-duy-Dương đem sự nghiệp ra chiêu mộ được một ngàn nghĩa quân. Triều đình phong ông chức Thiên-hộ, đồng bào gọi là Thiên-hộ Dương. Về sức mạnh; cứ được năm trái linh ông còn được người đời gọi là Ngũ-linh Thiên-hộ, lúc phát cờ khởi nghĩa ông được Vua Tự-Đức phong cho ông chức Lãnh-binh nên có người còn gọi là ông «Lãnh-binh Dương». Tông hành dinh của ông đặt tại Đồng-tháp-mười, trên nồng cao gọi là «giồng» cạnh ngôi tháp bằng đá, mà người ta lấy tên Tháp-mười.

Thuở ấy Đồng-tháp chưa có những con kinh đào như bây giờ, ở ngoài đi vào bằng đường mòn. Theo bản báo cáo của quân đội Pháp năm 1865 chỉ có ba ngã: một từ Gò Bầu-chiêng gần tỉnh lỵ Kiến-tường đi xuống, một từ rạch Căn-lô trong quận Cao-lãnh, tỉnh Kiến-phong đi lên, và một từ Cái-nứa thuộc quận Cái-

bè, tỉnh Định-tường đi lại. Đến năm 1873 có thêm một đường nữa từ Cai-lậy tỉnh Định-tường.

Tổng hành dinh của Thiên-hộ Dương đóng giữa trung tâm diềm của ba con đồn. Ngã thứ nhất từ Gò Bắc-chiêng đi qua Đồn tả, ngã thứ hai từ Cần-lỗ qua Đồn hữu và ngã thứ ba từ Cái-núra qua Đồn Tiền-ba, đồn này che chở cho Tổng hành dinh. Đồn nào cũng có thành đất cao lối hai thước và dày lối một thước rưỡi, phía trong và ngoài có một hàng nọc cùi bằng cây sao. Thành có cửa ra vào và nhiều lỗ nhỏ để bắn súng. Trong mỗi đồn có từ hai trăm đến ba trăm nghĩa quân. mười khâu súng và bốn chục khẩu súng bắn đá và vài khẩu đại bác mười hai ly. Ngoài ra có năm, sáu đồn nhỏ ở cách xa Tổng hành dinh như đồn Ấp Lý, mỗi đồn có khoảng một trăm năm chục nghĩa quân và từ mười lăm đến ba mươi lăm khẩu súng bắn đá.

Tổng cộng số nghĩa quân hơn một ngàn, trong đó có một số lính Tegal (bây giờ gọi là Lê-Dương) và một binh sĩ Pháp đào ngũ tên Linguet. Khi giới thuốc đạn do ghe chở từ Hà-tiên, Rạch-giá, lương thực do đồng bào quanh Đồng-tháp cung cấp. Ngã vào tiện nhất là đường từ Cần-lỗ, đồng bào thường dùng chở gạo cho nghĩa quân nên gọi là «đường gạo». Về đêm, «mấy ông trong Tháp» ra quyên tiền và gạo của những gia đình giàu. Nhà nào cũng sốt sắng giúp không nhiều thì ít. Những người làm chức vị trong làng không dám hoặc không chịu cho thì bị hạ sát ngay! Địch thân Thiên-hộ Dương cầm quân đánh phá các đồn Pháp ở Cao-lanh, Cái-bè, Mỹ-quí gây nhiều tiếng dội trong nước. Ngày 22-

7-1865 hồi ba giờ sáng, ông dắt một trăm nghĩa quân võ trang hai khẩu đại bác, năm mươi sáu khẩu súng hỏa mai và gươm dao tấn công chợ Mỹ-trà thuộc quận Cao-lanh, tỉnh Kiến-phong ngày nay. Nghĩa quân đốt chợ lợp lá và một số nhà, một chiếc tàu nhỏ. Lực lượng trú đóng chống trả mãnh liệt, ông rút lui bỏ lại một khẩu đại bác, hiện đề trước tượng Vua Lê-Lợi cạnh Tiêu-khu Sa-dec, và hai thùng đạn.

Chánh phủ Pháp rất lo ngại về cuộc kháng chiến dai dẳng này.

Đầu năm 1866, De la Grandière trở qua miền Nam Việt-nam hoạch định kế hoạch diệt trừ Thiên-hộ Dương. Vào cuối tháng ba một toán hai trăm năm chục lính thủy Pháp và lính bản xứ đánh nghĩa quân đóng ở Ấp Lý. Nghĩa quân rút vào Đồng Tháp.

Ngày 1-4-1866, quân Pháp đánh một đồn ven ngoài đồng Tháp bắt được hai nghĩa quân. Ngày 14-4, năm trăm, lính Pháp và bốn xứ chia làm ba đạo tiến vào Đồng Tháp do Đại-úy Boubé đi ngã Cần-lõ, Thiếu-tá Dérôme ngã Cái-nứa. Đại-úy Gally Passebosc ngã Gò Bắc-chiêng.

Ngày 15-4, Boubé đánh đồn Sa-tiền do một trăm năm chục nghĩa quân đóng giữ. Nghĩa quân phản công dữ dội. Trung-úy Vigny bị thương. Nhưng trước hỏa lực hùng hậu của địch, nghĩa quân phải rút lui vào trong, sau khi chôn dấu võ khí dưới bùn.

Trong khi đó, Thiếu-tá Dérôme chiếm được một đồn nhỏ trên đường đi đến Đồn Tiền, và Đại-úy Gally Passebosc chiếm được Gò Bắc-chiêng. Đồn này có một

trăm bai chục khầu súng bắn đá. Số tồn thắt của Pháp về chết và bị thương không bao nhiêu.

Kiểm điểm lại tình hình thì Thiên-hộ Dương bị đánh ép cả ba mặt theo ba ngã đường, chỉ còn một lối dồn nữa là tới Tông hành dinh.

Cuộc tấn công vào Đồng-tháp-Mười quân Pháp sơ nhất là bùn, đĩa muỗi, và nắng. Hơn một trăm năm trước, Đồng-tháp bị ngập nước mỗi năm một lần suốt sáu tháng; trong sáu tháng không bị ngập, mặt đất toàn là bùn sinh. Trên ba con đường mòn có nơi nước ứ động quanh năm từ năm đến mươi tấc! Quân Pháp đi giày ống băng da nặng nề mà lùi xuống bùn thì nguy hiểm vô cùng. Hơn nữa trong bùn và dưới nước có vô số đĩa rất lớn.

Lúc còn đói, chúng chỉ to bằng ngón tay út, mình dẹp, bám vào người, bò vào chỗ kín trong thân thề rất nhẹ nhàng, khi hút máu no rồi thân hình chúng phình lên tròn bằng ngón chân cái và dài lối hai tấc! Một loại khác ghê gớm hơn là đĩa trâu, khi hút máu no, mình tròn bằng cổ chân, dài lối bốn tấc. Người Pháp mới thấy lần đầu tiên nên sợ đĩa lắm. Tuy vậy, họ không sợ băng muỗi. Muỗi bay hàng bầy dày đặc như cát bụi, bám vào người không mở mắt, hả miệng được. Sức nóng giữa Đồng-tháp-Mười còn kinh hồn hơn: xung quanh toàn là lau, sậy cao hơn người, gió không len vào được, trên là hơi nóng dưới là mùi nước thối bốc lên hùng hực làm người nghẹt thở.

Quân Pháp không quen khí hậu bắt thường này bị mất tinh thần không chiến đấu được. De la Grandière

thấy càng kéo dài càng bất lợi, nên ra lệnh tấn công gấp bách.

Ngày 16-4, Dérôme đánh đồn Tiền, bị nghĩa quân bắn ngã một phần ba số lính đi tiên phong, phải dừng binh.

Ngày 17-4, Dérôme tấn công lần nữa, đồng thời Gally đánh vào đồn Tả. Đồn này do Thiên-hộ Dương giữ. Quân Pháp vây ba mặt chặn đường rút lui vào trung tâm Đồng Tháp. Xung quanh đồn có hào nước sâu trên một thước, quân Pháp phải đeo túi đạn vào cõi lội qua hào.

Nghĩa quân chỉ nhắm bắn quân Pháp, không dè lính bồn xứ leo được vào trong. Thiên-hộ Dương ra lệnh rút lui theo ngã bí mật, nên không người nào bị bắt. Quân Pháp hao trên một phần ba mới chiếm được ba khẩu đại bác mười hai ly, mười bảy súng bắn đá và hai mươi bảy chiếc xuồng.

Ngày 27-4, quân Pháp chiếm đồn Tả và đồn Tiền. Thiên-hộ Dương bỏ luôn đồn Tháp-Mười không kháng cự. Đại úy Gally vào đồn nhận thấy mỗi cạnh chừng hai trăm thước, hình vuông, có cửa bằng gỗ rất dày, súng bắn không thủng, có vài chục căn nhà, và nơi chứa đạn, lương thực. Quân Pháp nồi lửa đốt suốt hai ngày mới tắt.

Ngày 19-4, quân Pháp mất hai ngày mới về tới căn cứ, tinh ra số chết và bị thương trên một trăm tên.

Người ta nói rằng khi bắt đầu tấn công vào Đồng-Tháp ngày 14-4-1866, quân Pháp cho một đoàn tàu nhỏ chở lính thủy chạy dọc theo các con sông để chặn bắt

nghĩa quân. Nhưng suốt một tuần lễ không thấy người nào cả. Ngày 22-4, đoàn tàu trở về Tân-an nay là Long-an, bất ngờ bị nghĩa quân lặn dưới lườn đụt chìm một chiếc làm mười một tên Pháp chết đuối. Tài liệu của thực dân ghi : không hiểu nguyên do vì sao tàu chìm ?

Trong trận đánh đồn Tiền ngày 17-4, có người nhắc lại rằng vì không lội được dưới sinh sôi hơn thước, quân Pháp dùng một mảnh khố rất dã man : bắt một số tù Việt-nam bị án tử hình đeo chung một cái gông bằng ván, có khoét lỗ cho lọt cõi và bắt họ lội vào chỗ sinh làm cầu nồi cho chúng đi.

Đồng bào ở Cao-lãnh thường nhắc nhở giai đoạn ông Thiên-hộ Dương đấu kiếm với De la Grandière. Chuyện xảy ra sau ngày thất thủ Đồng-Tháp, ông Thiên-hộ phải ăn trốn theo nhà nhân dân nay đây mai đó. Đề trù tuyệt hậu hoạn và cắt đứt mộng kháng chiến của người Việt-nam, chính Đô đốc De la Grandière đích thân đến quận Cao-lãnh chỉ huy cuộc lùng bắt. Một hôm, được tin ông ở gần chợ Ba-sao, cách Cao-lãnh lối mười tám cây số. De la Grandière đặt một toán lính đến bao vây và bảo viên thông ngôn mời ông ra đấu kiếm. Viên Đô đốc Pháp hứa danh dự rằng không dùng đòn súng và không cho lính bắn.

Ông Võ-duy-Dương cùng người thân tín bước ra so tài bằng thanh kiếm trường đấu với loại kiếm dài quá khổ của vị Sĩ quan Pháp. Đánh nhau độ nửa giờ, hai bên đồng sức nhưng có lẽ ông Thiên-hộ không tin hẳn địch thủ, nhất là ông đang ở vào một tình thế bất

lợi, nên thura cơ nhảy qua hào, thoát thân. De la Grandière không cho lính bắn theo, kéo nhau về Cao-lãnh.

Sau đó ông bị bệnh mất trong Đồng-Tháp. Không ai biết hài cốt ông ở chỗ nào.

Đồng bào Cao-lãnh (Kiến-phong) cất ngôi chợ ở dựa mé kinh xáng Tháp-mười lấy tên chợ Thiên-Hộ để ghi nhớ công đức của ông.

25. NHỮNG VỊ ANH HÙNG CHỐNG PHÁP

Cùng một thời với ông Võ-duy-Dương, ở Cao-lãnh có Nguyễn văn Linh, người xã Mỹ-nại, sanh năm 1815, lia gia đình vào Đồng Tháp Mười tự động chiêu mộ trai tráng lập thành quân ngũ đánh phá các đồn Pháp ở Cần-lố, Mỹ-tho. Nghĩa quân tôn ông làm Thống lãnh binh nên gọi là Thống-Linh. Ông kết liên với ông Nguyễn-tấn-Kiều gọi là Đốc-binh Kiều, nhận làm Phó Tướng chiếm cứ ngoài vòng đai Đồng-Tháp, thường xuyên di động từ vùng này qua vùng khác, không đóng đồn như ông Võ-duy Dương.

Ngày 6-1-1866, tên Việt gian Tòng-đốc Lộc dắt quân Pháp vào đánh úp toán Tiên phong do Đốc-binh Kiều chỉ huy. Trước lực lượng quá hùng hậu, Đốc-binh Kiều bèn nợ nực một cách oanh liệt.

Ông Thống Linh rút quân vào trong sâu cỗ thủ.

Đồng bào Cao-lãnh làm bài thơ nhớ Đốc-binh
Kiều :

Vì nước quên mình được chữ trung,
Thương dân chí sá chõ sinh bùn.
Mấy năm Đồng-Tháp danh vang dội,
Cọp rồng ngoài trường, cáo hải hùng.
Hai thorer im lìm nơi thạch động,
Đồng bào trưởng nhớ đứng thờ chung.
Nỗi lòng nghĩ đến nhiều năm trước,
Hương lửa đều không, cảnh lạnh lung.

Ngôi mộ của Đốc-binh Kiều được đồng bào gìn
giữ nguyên vẹn ngọt một trăm năm, hiện thời Chánh-
phủ Việt-nam Cộng-hòa tu bồ, lập bia để nhân dân
thờ phụng."

Ông Thống Linh một mình tiếp tục gây cho địch
nhiều phen kinh tâm vỡ mặt. Nhưng một hôm, ông lén
về thăm nhà ở xã Mỹ-ngãi, cách chợ Cao-lãnh hai cây
số, bị một người bạn phản trắc báo cho quân Pháp bao
vây bắt ông. Chúng mời ông về cộng tác, hứa sẽ ban
thưởng tiền bạc, tước lộc nếu ông chịu kêu gọi nghĩa
quân về đầu hàng. Ông nhất định không chịu. Chúng
đem ông ra giữa đường cái từ chợ Cao-lãnh đi Mỹ-ngãi
(khoảng nhà thờ Tin-lành ngày nay) chém đầu ! Trước
khi hành hình, ông vẫn bình tĩnh ngâm hai câu thơ :

Rất tiếc thù chung chưa trả đặng,
Sụt sùi chén suối dễ nào nguôi !

Đồng bào xin xác ông đem về chôn ở xã Mỹ-ngãi,
thờ trong chùa ông quan Đề và cất ngôi chợ trong phía

hậu bối, nambi ngay ngã tư kinh thầy kiện Nguyễn văn
Truyết đặt tên là chợ Thống Linh.

Nhân dân Cao-lãnh khóc ông qua bài thơ :

*Lịch sử đáng nêu cụ Thống Linh,
Trung cang vì nước đã quên mình.
Giận người sáng suốt suy ra nhục,
Thương kẻ thác còn nghĩ lại vinh.
Bao tiếng ngọt ngon, lòng chẳng xứng,
Lầm lẩn hăm dọa, chí không kinh.
Ngâm thơ ly hận cười người phản;
Quốc vận từ đây phú hậu sinh.*

Một vị anh hùng khác là Trương Tấn-Minh tức Miên sanh ở xã An-bình, quận Cao-lãnh, bỏ nhà vào Đồng-Tháp đầu quân. Vốn con nhà hào phú, học rộng tài cao, ông Minh được trọng dụng với chức Chánh Lãnh-binh, cầm đầu một toán nghĩa quân chuyên phục kích giết lính Pháp lấy súng.

Ông làm địch khiếp đảm khôn cùng.

Trong trận Pháp tấn công vào Đồng-Tháp phá tan các đồn của ông Võ-duy-Dương, ông Minh chạy lên Cao-miên ăn nấp một thời gian, rủi mang bệnh nặng.

Thủ hạ cố gắng đưa ông về đến nhà thì ông từ trần. Gia sản, ruộng vườn của ông bị thực dân tịch thu làm của công.

26. THÁI-THƯỢNG HOÀNG-MINH

Sau khi Pháp đánh đuổi ông Thiên-hộ Dương, cuộc khởi nghĩa ở Đồng-tháp-mười kè như chấm dứt, nhưng tinh thần nhân dân vẫn còn quật khởi không ngừng. Người trí thức tranh đấu bằng chính trị, nhiều bậc sĩ phu hưởng ứng phong trào Đông-Du, Đông-Kinh Nghĩa-Thục, Duy-tân, Việt-nam Quốc-dân đảng tiếp tục chống Pháp. Nhiều người ở ven Đồng Tháp như Cao-lãnh, Hồng-ngự, Mỹ-tho, Tân-an xuất ngoại sang Tàu, Nhật, Pháp mong nhờ thế lực bên ngoài đánh đòn ách đô hộ.

Nhiều người có óc mê tín tin tưởng ở thần quyền, lên núi cao, vào rừng rậm tu luyện chờ ngày Chúa Thánh ra đời.

Năm 1929, tại Đồng-tháp-mười trong ngọn sông Vàm-cỏ Tây thuộc tỉnh Long-an, có một ông Đạo có ý định khởi nghĩa chống Pháp bằng cách tự xưng mình là Vua. Ông bắt một con ngựa đeo lục lạc vào cổ, giữa đêm dắt chạy khắp xóm. Tiếng chân ngựa và lục lạc gây thành một âm thanh huyền bí cho trí óc người dân chất phác ở thôn quê. Nhiều người rình xem quả thấy có một ông lão dắt ngựa đi trên đường lội qua rạch, băng ngang cầu lắc lư, lắc lư. Sau đó người ta đặt tên con rạch là «Rạch ma reng», cây cầu tên «Cầu rung rinh».

Vài hôm sau, ông đạo loan tin rằng trời sai Tiên Thánh dắt ngựa xuống trần để đánh Bạch quỷ (chỉ người

Pháp) Nhân người con gái của ông sanh một cháu trai ông lén xâm vào hai tai đứa bé hai chữ « Sơn hà » và hai chân hai chữ « Xã tắc ». Ông chỉ cho hàng xóm xem là điềm trời ứng vào gia đình ông, đứa bé này sẽ là Thánh Chúa. Ông tự xưng là Thái-Thượng Hoàng-Minh, cháu ông là Minh-Vương.

Đồng bào quá mê tín đặt lòng tin ở ông đạo, nhất là vì lòng yêu nước không biết phải làm sao để đánh đuổi kẻ thù nên hưởng ứng lời ông kêu gọi bỏ công, bỏ của cất đèn dài và tình nguyện làm lính cho ông trên năm trăm người.

Ông tò chục hàng ngũ đàng hoàng kéo vào rừng tràm thuộc xã Thủ-thừa, tỉnh Tân-an lập chiến lũy để tập dượt.

Nhưng đạo binh của ông chưa xuất trận lần nào thì bị quân Pháp bao vây bắn phá.

Ông trốn thoát, con gái và cháu ông bị bắt rồi bỏ mình trong ngực Nghĩa quân đầu hàng.

Dù bại hay thành, ông Đạo đã chứng tỏ lòng yêu nước thiết tha của ông và Đồng-tháp-mười lại ghi thêm một trang sử vẻ vang.

Bốn câu thơ dưới đây chứng tỏ khí hùng của người dân Đồng Tháp :

*Anh hùng Đồng Tháp,
Oai hùng đấu tranh,
Tận tâm bảo vệ dân lành,
Một trang lịch sử hoàn thành nơi đây.*

27. CHUYỆN TÌM VÀNG Ở ĐỒNG-THÁP-MƯỜI

Giữa năm 1930, có tin đồn ở vùng đất xung quanh ngôi chùa giữa Đồng-tháp-mười có vàng. Chùa này cát bằng gạch, lợp ngói do người Việt tạo lập dưới Triều Vua Thiệu-Trị tại ấp Tháp-mười, xã Mỹ-thọ, quận Cao-lãnh, tỉnh Sa-dec, nay thuộc xã Mỹ-hòa, quận Mỹ-an, tỉnh Kiến-phong. Trong chùa có một tượng Phật độc nhất theo lối thờ cúng của người Miên. Đồng bào ở ngay Đồng-tháp và ở các quận, tỉnh lân cận ùn ùn đến tìm mong trở thành triệu phú trong vài ngày. Có người cho rằng vàng đó là của nghĩa quân Việt-nam kháng Pháp không dám mang theo khi bỏ đồn phải chôn vội dưới bùn, sau đó trở về kiểm lại không được. Điều này không được nhiều người tin bằng thuyết người Miên chôn vàng khi cất chùa, dựng tháp. Thế nên, dạo ấy có phong trào tìm vàng xung quanh nền chùa, đồng bào chèo ghe, bơi xuồng đến đậu chật nghẹt một khoảng kinh xáng. Chợ Đồng-tháp tràn đầy người lạ mặt phần đông là những nông dân nghèo nàn. Người nào cũng có cái xuồng, cái cuốc, hừng sáng đi vào chùa đào từng hố sâu không thấy gì rồi lại lấp, đào chỗ khác. Mạnh ai nấy đào không tranh giành, không cãi cọ người nào cũng có vẻ tự tin nơi nhận xét của mình. Họ đào đến chiều mới kéo nhau về chợ với vẻ mặt buồn hiu. Người này hỏi thăm người

kia không ai nghe nói được chút vàng nào cả. Có người che chòi gần chùa để có thì giờ đào nhiều hơn từ tờ mờ sáng đến tối! Tuy nhiên, mảnh lực kim tiền vẫn mạnh hơn bao giờ hết, những người ôm mộng làm giàu ấy kiên tâm tìm kiếm suốt một tháng trường đến lúc không còn chỗ nào có thè nghỉ ngơi và không tìm được phân vàng nào mới bỏ đi. Kẻ trước người sau họ chán nản rời Đồng-tháp, bao nhiêu tiền vốn chui hết vào m้าย tiệm chạp phô của người Hoa-kiều mỗi ngày.

Trong đám người mê vàng này có một nông dân Miên làm tá điền cho một ông chủ đất người Việt. Anh ta định nhờ một linh vật chỉ chỗ chôn vàng cho anh ta đào! Suốt mười ngày anh ta tìm kiếm khắp các xóm mua một con chó đen lối hai ba tháng, có cái lưỡi đen và đuôi cụp. Đem chó về anh ta cung phụng còn hơn nuôi con cưng, con khẩn. Anh ta cẩm tuyệt không cho vợ đụng đến chó sợ làm ô uế, anh ta cột chó luôn luôn sợ chó đi ăn bậy. Mỗi ngày anh ta mua vài cắt thịt bò cho chó ăn mặc dầu anh ta rất nghèo đến nỗi không có đủ quần áo đẽ mặc. Mỗi đêm anh ta thức thật khuya, đốt nhang cẩm gắn chỗ chó nằm, rồi ngồi bên cạnh thì thầm van vái.

Lối ba, bốn giờ sáng, anh ta thức dậy lấy chén hứng giọt sương trên các tầu lá chuối cho chó uống. Anh ta dấu không cho ai biết việc làm này, cả đến mụ vợ. Có lần anh ta đập người đàn bà một trận vì mụ lén theo dõi lúc anh van vái với con chó.

Tiếng dồn tới tai ông chủ đất. Ông này sợ anh ta điền luyện bùa, làm phép để hại đồng bào mới gọi anh ta đến nhà hỏi. Anh ta trả lời quanh co, yêu cầu chủ đừng nghi ngờ anh ta và nhất định không nói sự thật.

Ông chủ dọa đuổi anh, ta van lạy rồi rít mà cũng không chịu nói.

Anh ta nuôi con chó được chín mươi sáu ngày thì ăn chay ba ngày và đến ngày thứ chín mươi chín, nhẵn đêm trăng sáng, anh ta tắm gội sạch sẽ, thắp nhang van vái con chó một hồi lâu, chờ đúng mười hai giờ khuya xác cuốc, dắt chó đi vào nền tháp. Anh ta thả chó chạy và đi theo đánh dấu chỗ nào chó dừng chân hít đất và quào. Anh ta đào ngay những chỗ đó đến sáng mới trở về, sau khi lắp lại cần thận. Anh ta cột chó, cho ăn thịt bò, van vái thật tha thiết và đúng mười hai giờ khuya đêm sau lại dắt đi tiếp tục đào những chỗ khác. Suốt năm đêm liền anh ta đào mấy chục hố mà không gặp một phân vàng nào cả. Anh chưởi thề om som lấy roi vụt con chó gọi là chó điên báo hại anh ta tốn tiền mua thịt bò và mất công hầu hạ hơn ba tháng! Anh ta dắt chó đến nhà ông chủ đất, kè hết đầu đuôi và biếu ông chủ con vật chó chết. Ông này rất hài lòng người tá điền thật thà tốt bụng, truyền gia nhân bắt nước làm thịt con chó ngay. Con vật được nuôi bằng thịt bò, uống sương nên thịt rất mềm, xào xáo ăn khoái khẩu vô cùng!

28. ĐẦU LÂU TRONG THẠCH ĐỘNG

Cuối năm 1945, nhờ quân Anh tiếp tay, thực dân Pháp tái chiếm miền Nam, đuổi Việt-minh vào chiến khu. Trong cuộc lục soát hang Thạch-động cách chợ Hà-tiên ba cây số trên quốc lộ số 17, một binh sĩ

thấy trong hốc đá giữa hang phía dưới tượng bà Quan-Âm nồi trên vách, một đầu lâu gói trong mảnh vải trắng. Căn cứ vào cái sọ không có tóc và tấm vải loại tốt còn mới, người Pháp cho đó là đầu của lính Nhật do bộ đội chúng tạm cất dấu chờ ngày đem về nước. Lập luận này rất đúng vì người Việt thời ấy không có vải để may quần áo, nhiều người phải mặc quần bằng bao bô tời, bằng đệm kết lại, có đâu đem gói đầu lâu, còn cái đầu trọc thì dù người Việt có kẻ thích xu thời cạo tóc như lính Nhật để lên mặt với vợ con, cũng không ai chặt đem để trong hốc đá. Nếu có kẻ sát nhân thi hành thủ đoạn dã man như thế, hẳn cũng phi tang bằng cách đào đất chôn ngay.

Truy tầm nguyên gốc thì lúc quân Nhật chiếm Đông-dương, tại Hà-tiên có một chàng Trung-sĩ trong quân đội Thiên-Hoàng yêu một cô thôn nữ nhà ở cạnh quốc lộ 17. Nàng có vẻ đẹp yêu kiều, tuy không đến nỗi ngực trambi, nhạt lạc nhưng cũng thừa cho chàng trai Phù-tang say mê đắm đuối. Hằng ngày cô đón mua thồ sản của người Miên bên kia ranh giới đem xuống chợ Hà-tiên bán kiếm lời nuôi bà mẹ già. Bóng dáng yêu kiều lọt vào mắt xanh của kẻ sĩ tình, mỗi khi nàng đi ngang qua đồn lính. Chàng trai Nhật nhờ viên thông ngôn người Việt đưa chàng đến nhà nàng và kính cầu lòng mong muốn với thân mẫu nàng. Cô gái Việt cũng không chê người mã thượng qua dáng dấp hào hoa và tánh tình mềm mỏng.

Hai bên định ngày cưới hỏi xong thì tai họa xảy ra.

Sợ là trong khi chờ ngày tốt, chàng thường đến

nàng trò chuyện bằng những tiếng Việt mà chàng cố học với viên thông ngôn, còn nàng thì thỉnh thoảng ghé trả lời một vài câu hỏi của chàng trước nơi chàng đóng. Viên Đại-Uy chỉ huy thấy nàng liền sanh tâm, quyết cướp đoạt bằng được, bắt chấp lời giải bày của viên thông ngôn. Hắn định dùng vũ khí đến nhà ép cô gái phải thuận tình, nếu không, hắn cũng bắt cóc đem đi.

Nghe tin như sét đánh ngang đầu, chàng Trung-sĩ nòi máu anh hùng võ sĩ đạo, ngang nhiên vào văn phòng thách vị chỉ huy của mình đấu kiếm để rửa nhục và phân định hơn thua, người đẹp sẽ về tay người thắng trận, không được dùng quyền thế ép bức kẻ dưới tay. Viên Đại-Uy nhận lời, hẹn gặp nhau trên mảnh sân sát chân Thạch-Động vào một đêm trăng sáng. Mỗi bên có một người bạn đi theo làm chứng theo thủ tục dân Phù-tang. Chính nhờ sự thách thức này mà cô gái Việt tránh khỏi bàn tay tàn bạo của tên dâm ô.

Đêm ấy, sau giờ thiết quân luật, viên Đại-Uy cùng người làm chứng ngồi xe hơi đến Thạch-Động. Chàng Trung-sĩ đã chờ sẵn với người bạn, ngoài ra còn một khán giả duy nhất là vai chánh trong câu chuyện : cô thôn nữ. Nghe người yêu báo tin dữ, cô lén đến núp trong kẽ đá theo dõi trận đấu. Nàng thầm vái các vị Linh Thần xui cho viên Đại-Uy bỏ ý định điên cuồng để tránh thảm họa cho hai bên và cho nàng. Nàng sợ người yêu không đủ tài thắng nòi tình địch thì thân nàng sẽ ra sao ? Thà chết còn hơn chịu thất tiết với kẻ cuồng bạo. Nhiều lúc nàng muốn nhảy xồ ra kêu gọi hai bên ngừng chiến để nàng nói thẳng vào mặt viên Đại-

Úy những ý nghĩ trong lòng nàng cũng như tình nàng đổi với chàng Trung-sĩ, nhưng hai lưỡi gươm dài sáng chói lấp lánh dưới ánh trăng va chạm vào nhau bật thành những tiếng động rợn người kèm theo những tiếng quát tháo vang dội làm cho nàng khiếp sợ phát run lên. Đây là lần đầu tiên trên đồi nàng thấy một trận đấu gươm Nhật do hai võ sĩ đạo chính tông so tài sống má... vì nàng.

Sau nửa giờ đêm hết tài nghệ thi thoả, chàng Trung-sĩ bị viên Đại-Úy đánh văng kiếm. Kẻ thắng trận nở một nụ cười ngạo nghễ, tra gươm vào vỏ, gọi người làm chứng ra xe về chợ, thì thình linh thấy bóng cô gái núp trong kẽ đá vừa đứng lên xem người yêu có bị hạ sát chăng? Ông ta vụt cười to lên, đúng đinh đi tới, đưa hai tay như đón mồi người đẹp. Cô gái hoảng hồn vụt ú té chạy xuống chân núi biển vào bóng tối. Vị Sĩ-quan không đuổi theo, lái xe về Hà-tiên.

Người thua không thể sống chịu nhục và nhìn người yêu qua tay khác, chàng Trung-sĩ nhò bạn giúp mình xử sự theo lối anh hùng võ sĩ đạo: mồ bụng tự tử (harakiri). Chàng thảo bức thư gởi về cha mẹ và một bức cho cô thôn nữ, đoạn ngồi xếp bằng tự rạch bụng làm đòn. Người bạn đứng sau lưng chém chàng đứt đầu, dùng vải trắng gói lại đem vào hang đè trong hốc đá, rồi chở thân mình về đơn vị làm lê mai táng.

Cô gái không biết thảm trạng này, vì ngay trong đêm ấy, cùng bà mẹ vượt biên giới sang đất Miền lánh thân chứ không chịu làm vợ viên Đại-Úy. Khi ông ta hay liên tiếp hai tin buồn: viên Trung-sĩ tự tử, cô gái

bỏ xứ ra đi vì ý muốn dơ bẩn của mình thì hối hận không cùng. Ông làm lễ hỏa thiêu xác chết và long trọng hứa trước các binh sĩ sẽ đem đầu người quá cố về Nhật sau này thắng trận (?)

Sau đó, ông xin thuyền chuyền di tinh khác để tránh cảnh đau buồn.

Vài tháng sau, quân Nhật đầu hàng, chiến cuộc kết thúc, kẽ quận Pháp trở lại gây sóng gió khắp giải đất Việt-nam. Ở Cao-miền, Việt-kiều gặp phải nạn «cáp duỗi», và cướp bóc, cô thôn nữ theo một số kiều bào hồi cư về Hà-tiên. Nghe bà con trong xóm thuật lại cái chết của chàng Trung-sĩ Nhật, cô gái đau đớn không cùng. Nàng đem vàng, hương đến mảnh sân cạnh Thạch-Động khóc lạy người xấu số. Nàng không biết quân đội Pháp chôn đầu chàng ở đâu để đắp mộ, chỉ đến nơi chàng đầu gươm để trút nỗi nhớ niềm thương.

29. THỢ MỘC ẾM CHẾT NGƯỜI

Người ta thường nói rằng thợ mộc nào lanh cắt nhà mà không ếm gia chủ thì không làm ăn khá vì ông Tồ sẽ quả phạt. Vì thế, khi cắt lên một ngôi nhà cây, ván thề nào người chủ cũng bị ếm, ít nhiều, nặng nhẹ tùy theo sự đối đãi của chủ với thợ. Chủ đối tốt, thợ ếm sơ sài cho chủ đau vặt, rầy rà vợ con; trái lại chủ không «ngợt» thì bị ếm cháy nhà, bị ăn cướp đánh, đau thập tử nhất sanh, và có khi chết bất đắc kỳ tử !

Ông Tam, một nghiệp chủ ở quận Long-thành, tỉnh Biên-hòa mướn thợ cắt một ngôi nhà cột cây, vách ván, lợp ngói. Trong khoảng thời gian xây cất, ông Tam không chịu được lối yêu sách quá đáng của ông thợ chánh có dùng nhiều lời không được đẹp. Người thợ căm thù mới thi hành thủ đoạn. Nhà cất xong, một hôm, ông Tam tự nhiên chết không kịp trối: Ông uống rượu nằm trên võng ngủ rồi «đi» luôn!

Bà Tam tìm hiểu nguyên do, quyết tâm trả thù. Một vị Pháp sư dạy bà phương pháp giết tên thợ ấy mà pháp luật không biết đâu buộc tội cũng như nó đã giết chồng bà. Bà lẳng lặng không nói gì, tỏ ra ngu dại không biết mưu thâm của tên sát nhân, nhờ nó cắt thêm một căn nhà nữa. Tên này hí hòn lanh ngay với một giá mắc hơn người khác.

Đúng giờ Ngọ, gác đòn động ngay trính nhà, tên thợ chánh phải leo lên, tự tay dỡ cây gỗ và tự tay nổ ember bùa.

Bà Tam chờ sẵn ở dưới, minh măc cái quần dinh huyết dư khi có đường kính, nhắm bóng tên thợ rơi dưới đất mà đứng ngay đầu.

Tên này nhìn thấy hốt hoảng bảo bà Tam tránh nơi khác, nhưng bà giả bộ ngu dại, cứ đứng mà trả lời cầm chừng. Nó nồi giận cự bà chủ nhà kịch liệt, nhưng đã trễ rồi nó đã bị đồ ố uế phủ trên đầu ngay lúc nó ember bùa sai khiến Thần Thành. Các vị tò sự không thể giúp nó nữa lại còn quở phạt nó.

Cắt nhà xong, tên thợ phát đau liết giường. Nó trối với vợ nó rằng nó bị bà Tam trả thù, phải bỏ

mạng sau 100 ngày chờ không thể chạy chữa được. Nó ăn năn, tự hối tội ác gây ra, bây giờ phải gánh chịu, không than thở với ai, và dặn vợ không cho con học nghề này.

Đúng ba tháng mười ngày tên thợ tắt thở giữa giấc ngủ trưa y như ông Tam.

30. THẦY PHÁP BỊ «SA ĐAO»

Một ông thầy Pháp ở trong quận Năm-căn, tỉnh Cà-mau thời xưa, chuyên trị bệnh tà ma có tánh họm minh, xem thiên hạ không ai giỏi hơn sư. Mỗi lần lähm đám nào, Sư treo tấm bẳng trước nhà để mấy chữ: «Pháp sư Trần văn X. lähm đám này, ai muốn phá cách nào cứ tự do phá».

Phá đây là dùng bùa ngải cản trở không cho Thần, Thánh nhập vào xác, tức nhiên Sư không trị bệnh được. Nhưng suốt hai mươi năm, thầy chưa gặp ai phá nổi, dù hiều bản lĩnh cao đến bực nào !

Một hôm, xác đồng vừa dùng minh, ở mấy tiếng thình lình ngã ngửa ra ! Vì Thần mới nhập vào vội thăng ngay !

Pháp sư biết có người phá, nhưng vốn tự kiêu, Sư lẳng lặng xoay cách khác. Sư bảo xác trùm khăn đỏ ngồi xếp vành tròn giữa bộ ván, đoạn vào bàn Tô miệng niệm chú, tay cầm dùi nhíp vào mặt trống đánh rụp một cái tức thì xác dùng minh, ở ngáp múa tay, lắc đầu ngay.

Nhưng cũng như lần trước, xác chưa kịp mở miệng xưng tên đã ngã ngửa ra, nắm thẳng chân. Vị Thần gấp bùa yểm, không dám về theo lệnh Pháp sư khiền.

Pháp sư tức mình, dùng phương pháp khác. Sự nhởn nhơ chủ lấy cái cà ràng đem ra giữa nhà đẽ cái nia lên trên, bảo xác ngồi ngay giữa nia, trùm khăn và xếp vành tròn. Pháp sư vào bàn Tồ, thắp nhang, đọc thần chú và nhịp trống lịnh. Thần nhập vào xác liền, rồi cũng xuất ra ngay !

Pháp sư mắt mặt với gia chủ, giận lắm, gọi đệ tử kiểm giây luột lớn và một khúc tre tăm vông dài lối thước rưỡi, cột trên trần nhà thành một cái đú, bảo xác đồng lén ngồi giữa, thòng chân, hai tay nắm giây đú.

Một hồi trống lịnh vừa dứt, xác vụt xếp chân, khoanh tay ngồi chững chạc trên khúc tre tròn. Thần đã nhập theo lệnh Pháp sư, nhưng lại gấp bùa yểm phải xuất ra tức khắc. Xác đồng té nhào xuống đất, suýt bị lỗ đầu vì khúc cây rót theo !

Pháp sư thận đò mặt, không nói được lời nào. Sự biết trong đám người ngồi có tay giỏi hơn mình, cố ý phả vì lời thử thách. Sự muôn giữ giá trị mình trong mấy mươi năm nay, liền đứng trước bàn Tồ thề một câu rất độc :

— «Tôi tên ... xin thề trước chư vị Tồ sư, nếu trong đêm nay tôi không khiền Thần vào xác nòi thì sẽ bị «sa dao» mà chết !

Sa dao là một điều rủi ro nguy hiểm nhất trong nghề thầy Pháp, khi nào trị bệnh điên hay bệnh ngặt nghèo nhất, thầy mới dùng lối múa đao. Thầy cột cái khăn ẩn màu đỏ vào cổ tay trái, chừa cái gút bên cạnh, tay cầm kiếm, đặt nhang trên mép tai rồi vừa múa vừa đọc thần

chú theo nhịp trống của đứa học trò. Hết qua một hồi trống, đến lúc nhịp một cái « rụp » thì thầy dùng mũi kiếm đâm vào cái gút, tháo tung khăn rót xuống đất. Mỗi lần múa phải đâm nhiều lượt như thế.

Bị sa đao là đâm trật cái gút, mũi kiếm trúng vào cõi tay. Rủi ro đâm trật như vậy, pháp sư buông dao, dùng mấy ngón tay bóp giấy vàng bạc « mẫn » chõ rách da một lát, máu sẽ hết chảy; da sẽ lành lại.

Chủ nhà nghe Pháp sư thề, vũng bụng tin tài sứ. Còn người cố ý phá cho bõ ghét, thấy tinh thẽ găng quá không dám ở dự đến cùng với cáo từ ra về, nhưng không quên ngầm vẽ bùa trên mặt đất bằng ngón chân yêm luôn đến sáng.

Về sau nghe lại, Pháp sư không thể khiền Thần được suốt đêm ấy, dành chịu nhục với chủ nhà, không dám lãnh trị bình.

Một tháng sau, Sư mắc lời thề : bị sa đao trong một đêm chưa người điên. Chính tay sư cầm kiếm đâm vào cõi tay mình, cắt đứt tiễn mạch máu lớn. Sư dùng bùa mẫn không được, trị thuốc cũng không xong. Chủ phải dùng ghe lường nhỏ chèo cắp tõi ra chợ Cà-mau nhờ Bác sĩ. Đến nhà thương, thân hình thầy còn da bọc xương, bao nhiêu máu trong người đã chảy đọng dưới khoan ghe hầu hết.

Sau mấy tháng dưỡng sức, Pháp sư bỏ nghề, uy tín không còn giữ được nữa.

Tánh tự phụ hại thầy mất nghiệp. Người ý tài cố ý phá thầy cũng không tránh khỏi hậu quả không hay gần suốt đời làm ăn vất vả, quanh năm khổ sở và bị nhục vì đồng tiền luộn luộn.

31. NGƯỜI CÓ LÒNG TỐT

Năm 1910, ông Huỳnh Văn Chánh ở xã Thường-phước quận Hồng-ngoại nhờ một người thợ mộc lanh cắt ngôi nhà vách ván, lợp ngói. Ông này nòi tiếng hà tiện, khe khắt với kẻ dưới và cư xử không tốt với đám thợ giúp việc cho mình.

Đến buổi cơm, ông và bà luôn luôn ăn một khứa cá lóc khá to kho với nước dừa, còn mấy người thợ thì ăn mắm muối. Ngày nào cũng như ngày nấy, đám thợ không bằng lòng có ý oán ghét ông.

Hôm lên đòn dông, ông giết một con heo cúng đất đai, âm trạch. Mấy người thợ hy vọng sẽ chén một buổi no say, nhưng cúng kiến xong, ông thủ tiêu thịt đâu ráo trọi. Cơm dọn ra, ông bà cũng xơi khúc cá kho, thợ thầy cũng ăn mắm muối.

Người thợ chánh không thể dẫn được cơn tức giận, nhất định ẽm đẽ trả thù.

Xây cất rồi, ông Cai tông dọn một tiệc rượu tiễn chân thợ thầy, tính tiền công và trịnh trọng nói :

— Từ ngày giúp tôi, chắc anh em than phiền tôi không tốt với anh em nhiều lần lắm. Đến nay tôi mới giải thích anh em rõ.

Ông gọi bà đưa khúc cá kho đ𝐞 giữa ván, tiếp :

— Đây là khúc cá kho tôi và vợ tôi ăn mỗi ngày. Nó bằng tre, một khúc tre tôi tiện ngang cái mắt, vợ tôi đẽ trong chén nước mắm. Như vậy anh em thấy rõ rằng tôi cũng ăn uống cực khồ như anh em.

Mấy người thợ lấy làm lạ, tỏ ý hối hận bàn tán rì rầm.

Ông Chánh chờ mọi người im lặng mới gọi người nhà bưng mấy rổ thịt heo muối đem ra, chỉ từng phần cắt đều đặn :

— Hôm trước, giặt con heo tôi không đẽ anh em ăn là vì tôi nghĩ đến vợ con anh em ở nhà đang ngóng trông chồng và cha dì làm việc về sẽ có quà, bánh. Chúng mình là đàn ông, chịu cực khồ giỏi hơn đàn bà. Số thịt ấy tôi chia đều mỗi phần cho anh em.

Người thợ chánh cảm động quá, sụp xuống lạy ông, xin tha tội đã nghĩ làm và trù ếm ngay cửa trước hai hình nhơn cầm siêu dao và búa đồng, đúng một trăm ngày ăn cướp sẽ đến đánh ông, có hai tướng ấy mở cửa và trợ lực. Người thợ xin ông cho phá cửa đẽ lấy bùa ra.

Ông chánh cưỡi xà :

— Không cần phải phá cho hư cửa, anh em biết hối là đủ rồi. Không ai tránh khỏi số Trời định đoạt. Anh em cứ yên tâm về nhà, nếu phải số tôi bị cướp thì không có anh em ếm tôi cũng bị như thường. Mấy người thợ không biết nói gì hơn, kiểu từ ông với một niềm hối tiếc.

Sau đó vài ngày, một bầy ong vò vẽ từ đâu bay lại làm ồ trên cửa nhà sau. Ông Chánh không cho đuổi, đẽ yên cho bầy ong xây ồ lớn bằng cái nia !

Đúng ba tháng mười ngày, một toán cướp đến, cửa cái tự nhiên mở ra, hai hình nhơn hiện hình xuống tay cầm dao, cầm búa. Nhưng thay vì giúp bọn cướp, hai hình này quơ khí giới chém loạn xạ.

Cướp không vào được, chạy vòng ra cửa sau, bị ngay đám ong vò vẽ đánh một trận tai bời, chạy trốn không kịp.

Ông Chánh không mất chút gì cả và từ đó về sau, bọn cướp đồn ông có Thần Thánh hỗ trợ, không dám đến viếng ông.

32. BÙA, NGÀI

Mầm xưa tại quận Long-diền tỉnh Bà-rija có ông diền chủ sanh một trai, một gái. Cậu trai tên Tân, cô gái tên Mai là con nhà nè nếp, được cha mẹ cho ăn học tử tế. Năm mươi sáu tuổi, tự nhiên một hôm, cô Mai có ý trốn nhà theo trai. Suốt ngày cô cứ nghĩ đến sự thoát ly gia đình. Cô tính gối bao nhiêu quần áo, lấy bao nhiêu tư trang, gom bao nhiêu tiền và lên đi giữa đêm khuya lúc mọi người yên giấc. Mặt cô luôn luôn có vẻ buồn, cô dăm chiêu nhìn sự vật như nhìn cảnh nào chứ không quen thuộc như từ thuở nhỏ đến giờ. Có điều lạ lùng là đôi tròng trắng của mắt nồi màu vàng đậm xem rất đáng sợ. Cô không nói, không đứa, không cười nữa, cô ủ rũ như xác không hồn, ngờ ngần như người mất trí.

Má cô gạn hỏi cô không biết trả lời thế nào cho xuôi câu. Thỉnh thoảng cô bảo muốn đi xa, không thích ở nhà, nhưng không biết đi đâu và đi với ai.

Người anh cô lấy làm lạ, tìm thầy hỏi căn bệnh. Vì pháp sư đến nhà ngắm cô Mai một chốc, cười dài và nói riêng với anh cô ấy rằng:

— «Cô em bị bùa yêu. Người con trai đã lén bỏ trên đầu bằng cách đe bùa trong dầu thơm. Bây giờ chú em muốn thử cho biết sự thật hay không ?

Cậu Tân hỏi thử thế nào, Pháp sư đáp:

— «Nếu muốn trị ngay, tôi sẽ làm hết liền, vì ông thầy đã giúp người kia tài kém hơn tôi. Trái lại, nếu chú em muốn đe đúng ngày, đúng giờ, cô em sẽ hành động theo ma lực của bùa ngải thì phải làm đúng theo lời tôi dặn ».

Người anh nhận điều kiện thứ nhì, lanh kẽ của vị Pháp sư rồi yên lặng chờ ngày phép ứng hiện.

Quả đúng như lời tiên đoán, sau đấy năm đêm, tự nhiên cô Mai đang nằm ngủ ngon lành, đúng mười hai giờ khuya, thỉnh linh thức dậy, lấy quần áo xếp lại, mở tủ gói vòng vàng, tiền bạc cho vào rương da, mở cửa sau đi thẳng.

Cậu Tân rình sẵn từ lâu vọt chạy biến vào bóng tối, cô gái làm lùi đi như người máy, không biết đi đâu và sẽ gặp ai. Đến một gốc cây to, cô đứng lại nhìn quanh quần như tìm người nào.

Bóng có tiếng quát gọi cô :

— Mai !

Cô hoảng hồn «Dạ» một tiếng lớn.

Tức thì ánh đèn bấm lóe lên, Tân nhảy lại phía sau thân cây lôi một chàng trai ra ngoài đầm như mưa bắc.

Vừa đánh, cậu vừa quát:

— « Tại sao mày dám bỏ bùa mê rù quấn em gái tao ? »

Tên kia vừa đỡ, vừa chối dài...

Hai ông Hương chức trong làng đã chờ từ lâu theo lời tố cáo của cậu Tân bước đến bắt gã ấy về công sở.

Trước mặt mẹ và anh, cùng các việc, cô Mai nói:

— « Tôi thương anh này nên tôi đi theo, chờ anh ấy không có gạt gẫm tôi. »

Vị Pháp sư cũng có mặt ở đấy, hỏi Tân:

— « Anh gọi tên cô em trước hay tên kia gọi trước ? »

Tân đáp:

— Chính tôi gọi trước, theo lời thầy dặn.

Pháp sư gật đầu :

— Tốt lắm ! Nếu anh gọi sau thì em anh nguy rồi.

Pháp sư thì thăm với Tân. Cậu thưa lại mẹ.

Bà mẹ xin Hương chức tạm giữ gã kia lại, chờ ngày mai sẽ xử.

Đưa cô Mai về nhà. Tân trợn mắt hỏi em :

— Thật tình em thương thằng đó phải không ?

Mai trợn cặp mắt đỏ ngầu nạt lại:

— Phải. Tôi thương anh đó. Anh làm gì tôi không ?

Chưa bao giờ cô dám hỗn láo với anh như thế. Tân tức quá, chạy tim roi định nẹt cô em bướng bỉnh, nhưng vị Pháp sư xua tay, lâm râm đọc thần chú, cầm nhang vẽ bùa trước mặt cô gái và thời ba hơi dài.

Nạn nhân nhắm mắt, từ từ ngã sụm xuống. Bà mẹ đỡ cô lên giường đắp chăn lại.

Vị Pháp sư đeo vào cổ cô gái một sợi giây niết và bảo bà mẹ :

— Bà yên tâm coi chừng cháu ngủ. Đến sáng, dắt cháu lại gấp tê kia rồi sẽ biết.

Cô Mai ngủ một giấc dài. Lúc tỉnh dậy, cô không nhớ những gì đã trải qua ngót tháng nay, cả đến việc xảy ra hồi hôm. Nghe cậu Tân hỏi, cô ngạc nhiên vô cùng.

Khi đưa cô đến công sở, trước mặt gã kia đang bị đóng trăng dưới nhà lao, cô chưởi mắng gã vô cùng thê thảm tệ. Nhớ lại lời ông anh thuật việc làm đêm hôm, cô phát hiện, và nỗi khùng lên lấy chồi đánh gã ấy túi bời.

Sau trận đòn và bị giam mấy ngày tên ấy bỏ làng trốn biệt.

33. VỊ HÒA - THƯỢNG NÚI HỒNG - LINH

Ở tỉnh Nghệ-an có núi Hồng-linh cao tới mây xanh, bề rộng giáp ba huyện : Thạch-hà, Nghi-xuân, Thiên-lộc. Dưới chân núi có chín mươi chín ngọn đồi, chín mươi chín ngôi chùa. Trong tổng số đồi có ngọn Thiên-tượng cao hơn hết.

Dưới triều Vua Minh-mạng, trong ngôi chùa trên đồi này có vị Hòa-thượng tên Nguyễn văn Quang ở tu

hơn năm mươi năm. Đại-đức đã thi đậu Tú-tài ba lần, học cao, biết rộng, thường giảng kinh sách cho các tín đồ nghe để hướng lòng mọi người về cõi toàn thiện. Người thời bấy giờ truyền tụng rằng Đại-đức phát huệ, quán thông quá khứ vị lai. Đại-đức mỉm cười không chịu nhận mình biết điều ấy chỉ thỉnh thoảng nói bâng quơ vài lời để người xin suy nghiệm lấy mà thôi. Người ta lại cho đó là những câu sấm như ông Trạng Trình thuở xưa.

Năm chín mươi chín tuổi, Đại-đức không ăn cơm, chỉ dùng trái cây và nước chín. Đại-đức nói với bồn đạo rằng :

— Bần tăng sắp tịch diệt, xin bồn đạo giúp cho cùi lừa để thiêu xác bần tăng.

Đồng bo trong làng liền họp nhau cử người làm Trưởng ban lo sắm sửa tất cả nghi tiết theo lời Đại-đức dặn. Mọi người hùn tiền kẽ ít người nhiều cất một cái giàn cao sáu mươi thước⁽¹⁾ bốn bên chất cùi bè ngang mười thước, trên giàn để cái bàn. Đúng ngày giờ do Đại-đức chọn, bồn đạo khiêng Đại-đức lên ngồi trên bàn, tay đánh mõ, miệng tụng kinh. Tất cả Sư sai trong chùa và một số Sư sai & các chùa lân cận đứng xung quanh tụng kinh siêu độ. Mỗi ngày tụng kinh một lần, mỗi đêm tụng một lần, tụng suốt bảy ngày đêm như vậy, đồng thời làm lễ cúng chín phuơng Trời, mười phuơng Phật. Sau bảy ngày, vị Hòa-thượng kêt hiệp châm lửa đốt. Trong ánh lửa mù mịt, người ta vẫn nghe tiếng Đại-đức tụng kinh không ngừng. Khi Đại-đức dứt tiếng thì

(1) thước tay

lửa tàn dần, người ta thấy xác Đại-đức đen như cục than, lạ lùng nhất là bàn tay cầm dùi mõ còn nguyên vẹn.

Đồng bào đều đồng thanh cho rằng Đại-đức thành Phật vội quỳ xuống vái lạy, vừa niệm Phật vang Trời.

Vài phút sau, xác Đại-đức rủ xuống, nát vụn ra, bồn đảo hốt tro tàn bỏ vào hũ, còn bàn tay không cháy đựng trong cái hộp lông kiếng đ𝐞 trên bàn Phật thờ.

Trong thời khói lửa, thực dân Pháp chiếm nước ta, bàn tay ấy bị kẻ nào lấy mất.

34. TƯƠNG GIẶC LÀNG LONG-PHANG

Cử ở triều Vua Minh-Mạng ở tỉnh Nghệ-an, làng Long-phang có một người tên CỐ-BU văn hay võ giỏi, biết ngũ hành độn pháp không ai bì kịp. Lúc mới mở mắt chào đời, hai bàn chân có ba sợi lông trắng, lớn lên lặn lội thật nhanh, có thể ở dưới nước mấy ngày cũng như trên bờ. Cố-Bu thấy mình tài ba lối lạc như thế, liền qui tựu bọn đầu trộm, đuôi cướp vào Truông Mây lập đồn, dựng trại làm giặc, thường kéo xuống phá phách xóm làng. Những tay trọc phú, nhà giàu bất nhơn, thất đức bị Cố-Bu viếng luôn luôn. Hắn lấy của đem cho người nghèo, giúp đỡ kẻ khổ khốn khó. Người nào đến nhờ hắn điều gì đều được thỏa mãn ngay, cần tiền hắn cho tiền, cần gạo hắn cho gạo, bị kẻ nào áp bức, ngược đãi, hắn trừu trị liền. Ai muốn theo thì hắn nuôi, ở với hắn không

bị bắt buộc phải đi đánh cướp, muốn làm gì thì làm, chừng nào muốn về thì về. Quan quân không thể nào xâm nhập vào sào huyệt của hắn vì địa thế Truông Mây rất hiểm hóc, một người phục, trăm kẻ khó qua.

Một ngày cuối năm, Cố Bu về làng Long Phang thăm mộ cha mẹ. Tên Thôn Trưởng biết tin lật đật chạy báo Quan Tri Huyện. Quan Huyện không dám tự chuyên vây bắt Cố Bu vì sợ thất bại, phải báo Quan Phủ định đoạt. Quan Phủ sai hai ngàn quân dắt mười con voi trận và đem theo một tấm lưới sắt giăng bắt tên giặc lừng danh.

Ai cũng tưởng phen này Cố-Bu hết thời vì quan quân vây chặt làng vừa người vừa lưới, đồng thời nhiều toán lính đi lục xét từng nhà, hẽ gắp hắn thì chém liền. Nhưng tên giặc bình tĩnh ngồi cười mỉa mai như thách iết. Hắn toán một quẻ rồi nói rằng :

— Số ta còn đỏ lăm, ra khỏi nơi này là một trò đùa của ta !

Hắn biếu hai tên hầu cậu lấy chiếu bô thân cây chuỗi như người chết khiêng đi chôn vừa khóc kẽm sòn. Chính hắn cầm đuốc đi trước, tên đầy tớ vác cuốc xuống đi sau.

Quân lính không biết mặt Cố-Bu, tưởng là đám ma nhà nghèo, gọi nhau mở vòng vây cho hắn đi qua.

Vừa khỏi vài bước, hắn quăng bô đuốc là lên :

— Ta là Cố-Bu đây ! Mấy thằng ngu kia làm gì bắt ta được ?

Quan quân la hét vang dậy, phóng rượt theo. Hắn nhảy xuống sông lặn. Quan Phủ truyền lấy lưới chặn hai đầu, thúc voi càn xuống kiềm.

Cố-Bu thấy lưỡi dò chun ra ngoài, ngồi lên cười sảng sắc :

— Mấy thằng ngu làm gì bắt ta nỗi !

Hắn lên bờ chạy vào rừng mất dạng. Quan Phò, Quan Huyện tức mình ấm ách mà không biết làm sao.

Lần sau, Cố-Bu về làng dự tiệc cưới. Tên Thôn Trưởng chạy báo quan. Quan Phủ bàn với Quan Huyện rằng :

— Thằng đó giỏi về nham độn, ta phải nhờ một vị Pháp sư tài giỏi hơn mới bắt được nó.

Quan Huyện tiến cử một ông đi theo đoàn quân. Lần này Quan Phủ sai ba ngàn lính bao vây quanh làng như tường đồng, vách sắt. Ông ra lệnh không cho một người nào ra khỏi vòng vây, ai vi lệnh sẽ chém đầu, chứng nào lực soát từng nhà bắt được Cố-Bu mới thôi.

Tên giặc vẫn bình tĩnh như thường. Hắn làm phép độn gợi là độn thủy, lấy cái tó múc đầy nước, lấy một chiếc đũa gác ngang miệng tó, đoạn ần, mình trên cắn gác trong nhà.

Quan Phủ đích thân dẫn lính xét nhà, không thấy hắn mới nhờ vị Pháp sư toán quẻ độn coi hắn trốn ở đâu. Pháp sư lầm nhầm tính một hồi, thưa rằng :

— Cố-Bu trốn theo ngã đường cỏ cây cầu bắc ngang sông.

Quan Phủ nói :

— Như vậy, là nó đã về rừng rồi !

Bèn ra lệnh rút quân về Phủ. Cố-Bu nằm trên gác ngủ đến sáng mới về sào huyệt. Hắn đã gạt vị Pháp sư non tay hơn hắn bằng cách gác chiếc đũa ngang cái tó nước như cầu bắt qua sông !

Hắn tiếp tục làm giặc không ai trừ nỗi, mãi cho đến già chết, dư đảng mới giải tán,

35. GỘP ĐÁ THẤT-THẠCH-THANG

Vào hạ bán thế kỷ thứ nhất Dương-lịch một vị Hoàng-thân Ấn-độ tên KAUNDINYA đến miền Nam Việt-Nam ngày nay chinh phục được vị Nữ-vương LIEOU-YE dựng lên Vương-quốc PHÙ-NAM, đóng đô ở VYĀ-DHAPURA, gần xã BANAM tỉnh Prey Veng (Cao-Miên).

Sử ký nhà LU'ONG (502-556) nước Trung-Hoa chép rằng vị Hoàng-tử nổi ngôi Vua KAUNDINYA là HOUEN-P'AN-HOUANG sanh năm 127. Ngài cầm quân chinh phạt mấy chục hòn láng điềng và giao cho con cháu trấn đóng.

Một trong những vị Lãnh chúa này ngự trị trong vùng tỉnh Phước-Long hiện nay, thủ phủ xây cất trên bờ sông. Gốc là người Ấn-Độ, Lãnh chúa tôn thờ Thần Višhnou theo đạo Bà-la-môn trong một ngôi đền cất bên bờ suối ngoài cung điện. Trước đền có một cái cầu bằng đá bắc ngang mặt suối, gọi là Linh-Kiều. Các việc cúng tế tại cầu và trong đền đều do một vị Tu-si coi sóc. Đây là nơi tôn nghiêm nhất đối với tục lệ xứ Phù-Nam, Lãnh chúa cấm không cho một người nào ngoài Lãnh chúa và vị Tu-si được phép đi ngang cầu, vì theo quốc giáo, nếu có người vi phạm, nước Phù-Nam sẽ bị tiêu diệt.

Mười sáu năm qua, một hôm có chàng dũng sĩ nước Lâm-Ấp lái thuyền vượt biển Phù-Nam, ngược dòng sông

Phước-Long ngày nay lên phương Bắc để ngao du sơn thủy. Thuyền của chàng vào địa phận xứ Phù-Nam bị quân tuần tiễu chặn lại, bắt chàng giải vào trinh Lãnh chúa. Ngài hỏi lý lịch và cho rằng Vua Lâm-Ấp sai chàng trai đi dọ thám bèn đánh đập, tra khảo bằng nhiều cực hình. Chàng một mực kêu oan, khai rằng mình thích đi xa cho biết đó, biết đây chứ không có ý gì khác. Lãnh chúa cho xét thuyền và hành lý không thấy có vật gì khả nghi. Bà Lãnh chúa thấy vậy thương tình xin chồng tha chàng khỏi tội chết. Lãnh chúa nhận lời, truyền cậu trai thử tài cho các Tướng Tá Phù-Nam xem.

Dũng sĩ trồ tài bắn cung, trăm phát trăm trúng và đánh ngã một con gấu lớn. Chàng được tạm tha, nhưng dần dần nhờ lòng thành thật và tánh cương trực, chàng được thu dùng trong đoàn quân nội thị, giữ phận sự bảo vệ gia đình Lãnh chúa.

Một hôm, nhân cuộc hộ tống Tiều thơ con vị Lãnh chúa ngoạn cảnh, chàng cứu cô gái thoát khỏi một con trăn toan quấn nàng. Tiều thơ có cảm tình với chàng trai Lâm-Ấp từ ngày ấy. Lãnh chúa thấy con gái mang ơn và mến phục chàng tài cao hơn người nên cũng có nhiều thiện cảm. Nhưng đối với dung sĩ, chàng coi là nhiệm vụ phải thi hành không mấy may bận tâm. Bao nhiêu ước vọng của chàng là trở về cố quốc càng sớm càng tốt. Tuy nhiên đôi trai tài gái sắc có dịp gần gũi nhau thường ngày nên mối tình này nở ra không mấy khó khăn. Vì Tiều-thơ không muốn mất người chồng anh dung nên tìm hết cách giữa chàng. Có lần dung sĩ ngờ ý xin đóng thuyền du ngoạn trên sông Phước-Long, nhưng bị Lãnh chúa cự tuyệt vì cho rằng chàng muốn dùng đường

thủy thoát thân. Ngài họp quần thần bàn cách ngăn cấm chủ rề tương lai. Một Tướng Lãnh đề nghị dùng thân cây chấn ngang dòng sông. Lãnh chúa cho rằng gỗ cây sẽ mục, nên dùng đá mới bền vững. Lệnh truyền ra, dân Phù-Nam lăn đá núi lấp ngang sông Phước-Long làm bảy bậc, đến ngày này di tích vẫn còn gọi là Thất-Thạch-Thang.

Dũng sĩ thất vọng vì ngoài đường sông đưa chàng đến, chàng không biết ngã nào khác có thể về cổ quốc, chàng nghĩ rằng có lẽ chàng phải bỏ xác ở xứ Phù-Nam, nên xin phép Lãnh chúa cắt một ngôi đền nhỏ thờ chư Thần Bà-la-môn. Chàng lấy đất sét nắn tượng bò thần NANDIN để trong đền, lấy trúc làm cái ống sáo để thổi những bản nhạc Lâm-Ấp cho đỡ lòng sầu xú.

Nhân dịp tỏ bày đạo giáo của mình tôn thờ, dũng sĩ được biết một tục của Vương-quốc Phù-Nam về ngôi đền thờ Thần VISHNOU và cây -cầu linh. Sau nhiều ngày dò hỏi, chàng biết thêm rằng qua khôi cầu ấy có ngã đường bộ xuyên rừng về quê hương. Chàng mừng rỡ khôn cùng, vội thu thập hành trang, nửa đêm lén qua cầu, chạy thẳng. Nhưng một toán quân canh gác ngày, đêm mai phục sẵn bắt chàng giải về triều.

Hành động táo bạo của chàng báo trước diềm đại họa : vong quốc, diệt tộc, Vương quốc Phù-Nam sẽ tiêu tan !

Không thể tha thứ được, vì Lãnh chúa bắt chấp lời cầu khẩn van xin của người con gái, lén án tử hình dũng sĩ về tội gây họa cho dân tộc Phù-Nam. Quân lính bắt chàng đứng trên bức đá cao nhất giữa dòng sông, dùng tên bắn chàng rót xuống nước.

Vì Tiêu thơ thương nhớ người yêu, thường lén ra

bực đá ngồi than khóc. Triều thắn và dân chúng bất tỉnh trước cù chi ấy, cho rằng chính nàng cũng có tội như tên gian tể nên kéo nhau đến xin Lãnh chúa phân xử.

Lãnh chúa không có lý lẽ bênh vực con gái và trước tai họa quá lớn lao cho xứ sở, Ngài phải buộc lòng xử tử Tiều thơ như chàng trai, cùng một chỗ chàng thọ hình.

Ngày nay ở thác Trị-An có hòn đá giống hình đàn bà ngồi nhìn xuống sông, mang tên là HÒN-VỌNG-PHU, người ta cho rằng đó là hình bóng của vị Tiều thơ ngồi khóc dũng sĩ đất Lâm-Ấp người đã báo trước diềm suy vi của dân tộc Phù-Nam.

36. MỘT CHUYỆN VỀ NÚI CÚ

Vào đầu thế kỷ thứ 20, đồng bào Phan-thiết rất tôn sùng ngọn núi Cú cách tỉnh lỵ ba mươi cây số trên quốc-lộ số 1, hướng về Sài-gòn. Ở giữa chừng núi có ngôi chùa thờ Phật, tương truyền vị Hòa-thượng trụ trì đã phát huệ, thông hiểu tâm trạng của từng tín đồ, và thu phục được loài ác thú như cọp, mäng xà đè sai khiến. Hằng năm, nhằm ngày Tết và các ngày vía; ngày rằm lớn đồng bào lũ lượt lên chùa cúng lạy. Nhưng không phải người nào cũng dăng son một cách xô bồ như những ngọn núi khác, mà phải là kẻ có lòng thành có lời nguyện có thật tâm lễ Phật mới đi tới chùa, trái lại sẽ gặp những sự ngăn trở dọc đường. Đó là « ông Hồ » hay « ông Xà » đón giữa lưng chừng núi. Đoàn

người thấy lắp lòi một trong hai ông thì biết ngay có người nào không được phép lên chùa. Lập tức mọi người dừng lại hỏi lẫn nhau :

Có bà nào « bận mình » không ?

Bận mình là đang có kinh nguyệt, do dày. Nếu quả có người nhận và trả lại và « ông » thú dữ ấy rút lui thì đoàn người tiếp tục đi yên ổn.

Gặp trường hợp không có phụ nữ ở vào tình trạng này thì trong đoàn đã có người làm điều gì sai quấy, hoặc ăn nói không đứng đắn, hoặc không thành tâm mà Trời Phật không cho phép đến chỗ thiêng liêng. Bấy giờ mỗi người phải tự vấn lương tâm mình và tự động hạ sơn, nhưng phần đông ít có người biết mình lầm lỗi, biết mình đã vô tình nói một đôi lời phạm thượng đến nỗi không được vào chùa. Thế nên, người này nhìn người nọ không ai chịu cho vì mình mà « ông Xà », « ông Hồ » chặn đường. Người ta phải dùng một giải pháp : khấn vái « ông », xin cho đi từng người một trước mặt ông. Người nào ông không cho thì ra hiệu cho người ấy đi trở xuống.

Một trường hợp như trên được đồng bào Phạn-thiết thường nhắc nhở là một nữ thương già mộ đạo, thân chủ của ngôi chùa trên núi Cú, một hôm bị « ông Hồ » đuổi về ! Bà không hiểu nguyên do, nhờ một bà bạn được phép lên chùa hỏi vị Hòa-thượng giúp bà. Hôm sau, người bạn về nhà thuật lại lời Hòa-thượng :

— Phật trong nhà không trọng lại thờ Thích-Ca ngoài đường, đoạn nói thêm rằng vị Đại-đức chỉ nói bấy nhiêu và cả đoàn tín đồ không ai hiểu nghĩa gì.

Bà nầy nghe nói toát mồ hôi, ngồi chết sững hồi lâu. Bà hối hận vô cùng. Bà không ngờ một lời nói của bà, một cách đổi xử bắt hiểu của bà ở tại nhà mà vị Hòa-thượng ở trên núi lại biết rõ như thế.

Nguyên trước một ngày, bà mua hai nải chuối, một chục xoài chín đè trên bàn thờ, chờ hôm sau đem lên núi Cú. Đêm ấy, bà thân của bà tưởng làm trái cây cúng ông bà rồi mới bảo bà đưa chuối ăn. Bà sững số nói :

— Chuối đè cúng chùa Núi đâu có phải đè ăn !

Sáng lại, bà mang lên núi bị cọp chặn đường ! Vì Hòa-thượng nói Phật trong nhà chính là người mẹ của mình, còn Thích-Ca ngoài đường là Phật ở chùa, có ý khuyên rằng : Cha mẹ không thờ trọn đạo mà lo cúng Phật thì Phật nào chứng giám cho.

37. NHỮNG CHUYỆN TRÙ ẾM CỦA NGƯỜI PHÁP Ở VIỆT-NAM

Dưới thời Pháp thuộc, bọn thực dân nhận thấy nước Việt-nam quả là một giang sơn cầm tú, nầy sanh nhiều anh hùng, hào kiệt nên tìm đủ phương pháp đe nén, hãi hụt. Ngoài những hành động công khai chúng còn áp dụng một lối mờ ám là dùng bùa chú ếm dõi các linh huyệt ở rừng thẳm, núi cao.

Thoạt nghe có người không tin rằng người Âu-Tây tin tưởng môn phù phép mà họ thường cho là hoang đường, mê tín dị đoan, nhưng sự thật ngay ở trước

họ, cả bên Mỹ-châu, giới thầy pháp, thầy bùa, phù thủy, bối toán sống đầy đủ, sung sướng, thường được các vị lãnh tụ, công chức cao cấp mời đoán vận mạng, tương lai, cho bùa, cột ngải hằng ngày.

Mẫu chuyện dưới đây do chính những nhân chứng đã thấy tận mắt thuật lại cho nhà cầm quyền Việt-nam vào tháng mười 1945, đồng thời hướng dẫn đến địa điểm đào các vật trấn yểm lên hủy bỏ. Dương sự kè rẳng một người Pháp đã thuê mình gánh đồ lề đi theo suốt một tháng nên đương sự được chứng kiến sự việc từ đầu đến cuối.

* *

Đầu năm 1937, một người Pháp lai nói tiếng Việt rất giỏi mướn ba lao công ở Phan-thiết khiêng đồ đạc cắm trại như lều vải, son chảo, thíc ăn khô, gạo bánh, cuốc, xuồng di lên núi Cú ở cách tỉnh lỵ, bà mươi cây số trên quốc lộ số 1 hướng về Sài-gòn. Người Pháp này là phụ tá của một người Pháp chánh cổng, vốn là một vị phù thủy nổi tiếng ở Paris. Khi đi ngang qua ngôi chùa Phật ở giữa núi, hai ông Tây có ghé nghỉ chân, uống nước và hỏi vị Hòa-thượng vài điều về địa thế. Nhà chùa chỉ vẽ đường đi và khuyên bảo những gì cần thiết cho cuộc đăng sơn. Lên tới đỉnh, ông Tây dựng ba cái lều, mỗi ông một lều còn một lều cho ba người đi theo. Ông Tây ở Paris vót cây làm một cái cung so sài với vài mũi tên.

Tối đến, một ông Tây cầm cung tên, một ông cầm súng trường đeo bao đạn, dắt hai lao công cầm rựa và dao đi về hướng Bắc, dề một anh ở lại coi chừng lều.

Bốn người âm thầm đi bộ độ nửa giờ đến một vùng trống trải, rải rác có vài phiến đá bằng mặt thì dừng lại, ngồi nghỉ. Hai ông Tây rì rầm nói với nhau vài câu rồi cả hai làm thỉnh ngồi nhìn xung quanh như có ý chờ người nào hay một việc gì sắp xảy ra. Hai anh lao công được lệnh ngồi im, không cử động, không được hút thuốc. Trời tối như mực, gió thổi từ biển vút qua lạnh buốt. Thỉnh thoảng có tiếng sột sột của loài thú đi ăn đêm, làm giật mình hai kẻ nhất gan.

Mười giờ, thịnh linh ở phía dưới núi có một ánh vàng bốc lên, bề ngang lối bốn thước. Hai ông Tây bám nhau chú ý nhìn thì thấy một ông già mặc áo quần rộng, đội mao vãi, cõi con nai thủng thẳng đi lên. Toàn thân ông già và con thú là một màu vàng giống như tượng đúc bằng vàng khối. Ông đi tới đỉnh thì dừng lại nhìn ra phía biển, đoạn tiến về hướng Nam đến một gốc cây thì biến mất. Núi Cú rất dài nên đỉnh không phải hình chóp nón mà giống hình thang. Từ chỗ ông già đứng và biến đi cách mấy ông Tây lối hai trăm thước.

Ông Tây cầm cung vội chạy đến gần bắn hai mũi tên ghim vào thân cây ấy, rồi đứng dậy bảo ông Phù-tá và hai anh lao công về lều nghỉ. Sáng lại, ông bảo cả ba anh vác cuốc xêng, dao rựa trở lại gốc cây có hai mũi tên làm dấu, dọn cỏ khai quang xung quanh như cái sân nhỏ, đoạn bắt đầu đào. Nhờ gấp đất cát ba anh hì hục từ sáng đến trưa thành một cái hố sâu một thước, rộng một thước, dài hơn thước rưỡi mà không thấy gì cả. Ông Tây chú ý theo dõi không rời một phút nào, ông bốc cát lên xem, lượm từng cục đá

nhỏ, từng mảnh cây mục. Xế chiều, sau buồm cơm và nghỉ ngơi, ông bảo đào một hố khác bên kia gốc cây, nhỏ và cạn hơn. Nhưng cũng giống cái trước, ông không thấy có vật gì lạ.

Buổi tối hai ông Tây và hai anh lao công đến chỗ đêm trước ngồi chờ. Ông già cõi nai cũng hiện ra lén đỉnh đứng nhìn ra biển. Lần này ông đi về hướng Đông Nam rất lâu, thành thử cách đoàn người khá xa. Ông Tây cầm cung ra dấu cho ba người chạy theo, đến một khoảng không cây cối thì ông già biến mất. Ông Tây bắn mũi tên xuống đất ngang chỗ ấy để làm dấu rồi về lều nghỉ. Hôm sau lại đào hai cái hố ngay ba mũi tên như lần trước và cũng không thấy vật muôn tìm.

Đến tối, ông Tây đến chờ và cũng thấy ông già hiện lên, lần này ông già đi về hướng Tây Nam thẳng vào một vách đá cao sừng sững biển mắt. Ông Tây bắn càn mẩy mũi tên vào đá cho rơi xuống đất và sáng lại đến tìm dấu, ông lắc đầu thấy xung quanh toàn là đá, không có chỗ nào có thể đặt lưỡi cuốc xuống được. Ông xì xồ với ông Phụ tá một hồi, kéo nhau về lều sửa soạn phù phép đựng trong cái hộp bằng sắt chờ đến tối đem ra cái hố đào đầu tiên đẽ xuống, dùng xi-măng trộn cát đắp kín xung quanh, rồi mới xúc cát lấp kín lại.

Sáng ra, nhằm ngày thứ tư ở trên núi, đoàn người thu dọn đồ đạc hạ sơn. Nhưng không hiểu vì lẽ gì mà năm người loay hoay đến trưa thấy trở lại chỗ cũ. Tiếp tục đi đến chiều thì lạc vào bên kia núi về phía

bìen. Hai ông Tây đành cẩn lèu nghỉ tạm một đêm để hôm sau dò đường về. Lần này cũng như lần trước, hai ông lạc qua phía khác và luôn cả ngày sau, tức là ngày thứ ba của chuyến về và ngày thứ bảy của chuyến đi, hai ông chưa tìm đường xuống núi được.

Sáng hôm thứ tám, hai ông có vẻ hoảng sợ vì lương thực khô cạn, đang bàn tính xem nên thao ngã nào thì thấy vị Hòa-thượng ở chùa giữa lưng núi đi đến. Hai ông mừng rõ khôn cùng, rồi rít vái chào vị cứu tinh.

Nhà chùa nói:

— Ông lớn (1) lên núi làm điều thắt lẽ với Chư Thần nên bị phạt không biết đường về. Bần đạo vì đức hiếu sinh không nỡ đe ông lớn thọ nạn nên xin đưa xuống núi.

Đoạn, ông đi trước dắt năm người xuống chùa, đãi bữa cơm chay rồi tiễn đến tận quốc lộ. Hai ông Tây thuê cỗ xe ngựa về Phan-Thiết, tiếp tục công tác trên một ngọn núi trong dãy Trường-sơn cũng thuộc tỉnh Bình-thuận.

* *

Hai hôm sau, đoàn người ngồi xe đến quận lỵ Ma-lâm, rồi bắt đầu đi bộ vào núi. Ông Tây lại làm hướng đạo đưa ông Tây thiệt qua một quả núi nhỏ nằm sát một ngọn thật to. Trên núi có đường mòn của người Thượng thường đem thô sản xuống chợ Phan-thiết đổi muối, cá khô, ché, hũ đựng rượu, và người Việt lên buôn bán với họ. Hai ông Tây và ba anh lao công Việt

(1) Tiếng gọi người Pháp dưới thời đỗ hộ.

đến một xóm Thượng giữa lưng chừng núi thì trời ngã bóng. Ông dắt đường chỉ qua dãy núi trong xa là địa điểm phải đến mà rắng :

— Böyle giờ đi không kịp, phải nghỉ đêm nay ở đây.

Ông kia đồng ý nhìn quanh tìm chỗ dựng lều, nhưng vì xóm nhà cất toàn bằng sàn cao dựa sườn núi, dọc theo con đường mòn độc đạo nên không có khoảng đất nào trống. Hai ông phải vào nhà một người Thượng nghỉ tạm. Tại đây nhìn xuống thấy biển và thành phố Phan-thiết lắp ló ánh đèn điện.

Hôm sau, đoàn người tiếp tục sang dãy núi bên kia và tạm trú trong xóm nhà của đồng bào Thượng. Quả núi này gần giữa lòng dãy Trường-sơn nên nhìn xung quanh thấy toàn là núi. Đứng tại bệ cửa căn nhà trọ, hai ông Tây nhìn về hướng Tây-Nam thấy trên sườn núi bên cạnh có một vùng cỏ tràn rộng độ một mẫu, ở giữa có một gốc cây to lá vàng đậm. Nhờ màu lá mà thân cây nổi bật giữa đám cỏ và trên nền xanh của sườn núi giống một bức tranh ưa nhìn. Tính theo đường thẳng thì từ xóm nhà đến gốc cây cách xa lối một ngàn thước, nhưng muốn đến đó phải xuống chân núi này đi lên núi kia. Ông Tây lai chỉ cho ông Tây thật:

— Đó là nơi chúng ta sẽ thấy việc lạ.

Ông coi đồng hồ tay, lắc đầu tiếp :

— Rất tiếc đã quá giờ. Trời sắp tối. Chúng ta hãy chờ đến khuya.

Ông Tây thiêt lấy ống nhòm quan sát một vòng và chăm chú nhìn vào gốc cây ấy rất lâu, không nói gì cả.

Ba anh lao công không biết lần này sẽ làm gì, phải đào hầm như lần trước và có gấp vùng đất cát chằng?

Đêm ấy, hai ông Tây ăn xong ngồi ngay cửa nói chuyện, mắt không rời gốc cây có lá màu vàng. Nhưng rủi cho hai ông, vào lối tám giờ thì trời đột mưa nặng hột, loại mưa núi dai dẳng không ngừng. Ông Tây thiệt bảo ông Tây lai đi ngủ cho khỏe, ngày mai sẽ hay.

Trận mưa chấm dứt lúc trời rạng sáng, hai ông Tây dừng điềm tâm rồi gọi ba anh lao công cùng đi vòng qua sườn núi về hướng Nam. Hai anh đi đầu dùng rựa rẽ lau, phạt cỏ dọn đường, anh Tây thiệt mang ống nhòm. Gốc cây có lá vàng nằm về phía tay mặt không bị vật gì che khuất. Không ai nói với ai lời nào. Độ vài giờ sau, ông Tây thiệt bảo dừng lại nghỉ. Ông nhìn về phía gốc cây bên kia núi tỏ vẻ hài lòng. Khoảng cách giữa ông và gốc cây gần hơn lúc ở xóm nhà hôm qua.. Ông ngắm xung quanh mình tìm chỗ có nhiều bóng mát, gọi ông kia cùng ngồi xuống. Ông bảo ba anh lao công dọn dẹp sơ sài khoảng đất dưới các gốc cây to làm nơi tránh nắng. Ông xem đồng hồ thấy gần mười một giờ gọi bạn dùng bữa trưa, rồi cả hai ngồi nhìn gốc cây có lá vàng bên kia núi. Thỉnh thoảng ông lấy ống nhòm nhìn một vài phút, xem giờ tỏ vẻ nóng ruột.

Bấy giờ ánh nắng giữa trưa hắt xuống như đốt lửa trên đầu, hòa với hơi nóng trong đá tiết ra khiến mọi người ngây ngất khó chịu. Ba anh lao công không hiểu hai ông Tây định làm gì mà không ngủ trưa như thường lệ, không sai bảo gì cả và không hoạt động, chỉ ngồi làm thịnh ngó gốc cây đằng xa. Cả ba đều nhớ lại hình ông già cõi nai vàng ở núi Cú nên chăm chú theo dõi từng cử chỉ của hai người ngoại quốc.

Thinh linh vùng cỏ xung quanh gốc cây có lá vàng lay động như gấp cơn gió thoáng qua, rồi từ trong một vách núi một người mặc quần áo dài trắng, bit khăn trắng râu dài năm chòm phất phơ, tay cầm cây dao dài, cõi ngựa bạch phóng ra giữa sân. Người ấy nhảy xuống, thả ngựa ăn cỏ, dựng cây dao vào thân cây, ngồi trên phiến đá nhìn về hướng Nam.

Hai ông Tây trợn mắt nhìn hoạt cảnh bên kia sườn núi, mồm há hốc không nói lời nào. Ba anh lao công giật mình kinh sợ, ngồi lặng thính. Vài phút sau, ông Tây thiệt hình như chợt tỉnh, lấy ống nhòm kê lên mắt xem. Nhưng ông ồ một tiếng, lấy ra dụi mắt, rồi kê vào, lại lấy ra. Ông đưa ông Tây lèi-xem và ông này cũng ngạc nhiên như ông. Thì ra ông xem bằng ống nhòm thì không thấy người cõi ngựa, còn nhìn bằng mắt thường thì thấy rõ ràng.

Người cõi ngựa ngồi đăm chiêu một hồi lâu, độ chừng năm phút, đứng dậy cầm dao dắt ngựa đi vòng phía sau thân cây biến mất.

Ông Tây lai nhín ông kia có ý hỏi. Ông này gật gù :

— Tốt lắm ! Quan trọng lắm ! Nhưng thôi ta đi về, chờ đêm nay xem sao rồi sẽ tính.

Đoàn người trở lại xóm nhà đồng bào Thượng ra ngọn suối gần đó tắm rửa, dùng cơm chiều rồi nằm nghỉ. Đến mười giờ đêm, ông Tây thiệt gọi ông Tây lai ngồi ở bệ cửa nhìn lên gốc cây có lá vàng. Trời trong vắt, đầy sao lấp lánh, mảnh trăng mờ mịt chín vừa nhô khỏi đỉnh núi hắt ánh sáng mờ nhạt đủ cho hai ông Tây thấy địa điểm kỳ quặc kia. Hai ông nói chuyện rì rầm ngọt giờ vẫn không thấy gì lạ, nhưng vẫn kiên nhẫn chờ. Kim đồng

hồ vừa chỉ đúng mươi hai giờ thì người cõi ngựa lại xuất hiện. Lần này ông ta thắc on vật cho ăn cỏ ở phía xa, đoạn cầm dao đi một đường vồ. Lướt dao sáng ngời bay vun yút quanh mình che kín toàn thân tưởng chừng nước hắt vào cũng không ướt áo. Múa xong, ông dựng dao vào thân cây ngồi trên phiến đá trầm ngâm nhìn về hướng Nam, chốc lại đứng lên đi qua, đi lại như có điều gì nóng ruột, chốc lại ngồi xuống. Độ mươi phút ông dắt ngựa, cầm dao phóng lên lưng thúc chạy lên đỉnh núi. Hình bóng ông tan nhòa theo đám mây vừa bay ngang qua.

Hai ông Tây tò vè kinh ngạc vô cùng bàn tán với nhau gần suốt đêm. Ba lao công cũng lấy làm lạ không kém, thi thầm cả đêm không chợp mắt.

Sáng lại, ông Tây lại gọi người thương làm Tù Trưởng trong xóm nhở thuê hai thanh niên biết đường đưa qua ngọn núi có gốc cây lá vàng. Viên Tù trưởng vừa nghe qua liền biến sắc, vừa xá ông Tây vừa nói :

— Không được đâu ! Ông lớn qua bên đó Ông Bà (1) quở chết. Không ai lên núi được vì đó là núi của Ông Bà ở !

Ông Tây cho rằng anh ta không muốn giúp mình vì dò trò dọa nạt. Tù trưởng nói :

— Ông lớn bắn tôi chết tôi chịu, bắt đi tôi không đi và không ai dám đi đâu. Bên đó có nhiều ông voi, ông cọp, ông bò cản đường, ông lớn có một cây súng bắn không kịp đâu. Máy ông đó không cho ai lên chỗ

(1) Người thương gọi đăng thiêng liêng là « Ông bà » theo danh từ Việt. Riêng với họ, tùy theo sắc tộc có tên khác nhau.

« Ông Bà » ờ ! Có lên được ban ngày, tối lại mấy ông cũng ra đuổi đi !

Ông Tây thiệt nghe bạn thông ngôn lại, tỏ ý hiểu và tin lời viên Tù-trưởng. Ông xác nhận rằng công tác này quá sức ông, không thể nào hoàn thành việc ếm đồi được đành phải bỏ dở. Ông bảo thu gọn đồ đặc về Phan-thiết rồi sẽ đi nơi khác.

• •

Mục tiêu thứ ba là Đà-lạt. Hai ông Tây cùng ba anh lao công đi xe lửa đến thành phố, nghỉ một đêm, sáng lại nhờ ông Thị-thường Pháp cấp một chiếc xe hơi đưa lên xóm người Thượng cách xa bốn mươi cây số. Hai ông Tây nhờ viên Tù-trưởng tìm người dắt đường đến ngọn suối cạnh sườn một môt hòn núi. Ở đây tuy nằm trên cao dãy Trường-sơn nhưng có nhiều khoảng đất bằng phẳng rất tiện cắm trại, dọn chỗ ở tạm thời. Ông Tây thiệt bảo dựng lều trên bờ suối, cắt hai anh lao công lo sắp xếp, còn một anh đi theo ông và ông Tây lai cùng người Thượng ngược lên nguồn. Ông chú ý nhìn dòng nước và địa thế hai bên bờ vừa hỏi người dắt đường những điều liên quan đến ngọn suối. Qua ông Tây lai, người Thượng bập bẹ một ít tiếng Việt đại khái nói rằng « con sông » này là « sông Thần » phát nguyên « từ trên trời » chảy xuống đất hồi mới khai thiên lập địa, giữa dòng là nơi « ông, bà » ờ. Thường thường trong mấy khoảng vắng dưới đáy có ánh sánh hắt lên, người Thượng cho là « ông bà » đốt đèn ăn lễ hay có tiệc vui. Họ rất kính trọng con sông, không dám

bỏ đồ đơ uể, không dám ở gần phía trên nguồn là nơi « ông bà » cất dinh thự, lâu đài !

Hai ông Tây tỏ vẻ thích thú lắm, khuyến khích người Thượng kề thêm về những hiện tượng gì đã xảy ra từ trước đến nay. Người ấy lắc đầu nói rằng các bô lão trong bộ lạc căn dặn con cháu phải kính nề con sông chó không nói gì nhiều và không cho biết đã thấy những gì phát hiện ngoài ánh sáng từ đáy sông hắt lên.

Đoàn người đi độ nửa giờ đến một gốc cồ thụ không lồ mọc sát bờ trước, nhánh lá che mát cả một vùng rộng lớn, bao trùm gần hết bờ bên kia. Bực sông dốc đứng, lởm chởm đá, đứng nhìn không thấy đáy nhưng thấy cá lội rõ ràng.

Ông Tây thiệt dừng lại quan sát địa thế, gật gù :
— Tốt lắm ! tốt lắm !

Ông coi đồng hồ : năm giờ chiều. Ông bảo anh lao công cùng người Thượng trở về nơi dựng lều lấy thức ăn và áo lạnh cho hai ông, nhưng chỉ một mình anh lao công đem lại thôi, còn người Thượng và hai anh kia ở lại ngủ coi chừng đồ đạc.

Hai ông leo lên gốc cồ thụ, trèo ra phía mặt sông ngồi xuống. Ông Tây lại dùng rựa phát quang cho gọn ghẽ, rồi leo xuống chờ anh lao công. Sáu giờ rưỡi, anh ấy đem đồ lề đến, ba người dùng bữa xong nằm tạm dưới đất nghỉ. Tám giờ đêm, ông Tây thiệt gọi bạn cùng người giúp việc leo lên nhánh cây ve ra mặt sông ngồi chú ý nhìn xuống. Trời tối như mực, gió lạnh thấu xương. Thỉnh thoảng có tiếng thú ăn đêm gọi nhau văng vẳng phía xa, tuyệt nhiên xung quanh đáy thì im lặng như tờ.

Hai ông Tây không nói gì với nhau, không dám cử động mạnh, không hút thuốc, chỉ thỉnh thoảng coi giờ trên chiếc đồng hồ dạ quang. Cả hai đều lấp lè lè vì không thấy con vật nào đến uống nước hoặc lảng vảng gần đấy.

Đúng mươi hai giờ, thịnh linh dưới đáy sông có ánh sáng hắt lên, ửng vàng cả một khoảng dài lối hai mươi thước. Mặt nước bị gió, thời gợn sóng lăng tăng vụt im lặng, phẳng lỳ như tấm gương. Ba người ở trên cây nhìn thấy rõ mồn một hai ông già ngồi đánh cờ trên một phiến đá tận dưới đáy sông. Toàn thân hai ông đều ửng hồng như còn trai trẻ, nhưng tóc râu thì trắng như bông, một ông mặc quần áo đỏ, một ông mặc quần áo lam. Cảnh tượng hiện ra độ vài phút thì mặt nước xao động xóa nhòa hết, ánh sáng phút tắt, bóng tối lại bao trùm như cũ.

Ông Tây thiệt gọi bạn leo xuống ngồi dựa gốc cây bàn tán rì rầm. Anh lao công nằm gần đó ngủ đến sáng. Hai ông về trái, bảo dời lên gốc cây, dọn một khoảng đất trống trải như mảnh sân, dựng lều. Ông Tây thiệt cho biết vào khoảng ba giờ chiều sẽ đích thân lặn xuống sông xem hư thiệt thế nào. Ông có đem theo cái kiêng một mặt đẽ nhìn dưới nước. Cơm trưa xong, hai ông nằm nghỉ một lát chờ bót nắng sẽ bắt đầu làm việc, nào ngờ trời đồ một trận mưa quá lớn, kéo dài đến xầm tối. Nước từ trên nguồn đồ xuống ngầu bùn làm đục hết giòng sông. Hai ông đành bó tay ngồi trong lều nhìn nhau thở dài. Đêm ấy, ông Tây lại định leo lên cây chờ coi hai ông già đánh cờ, nhưng ông kia ngăn lại nói rằng :

— Nước sông quá đục, còn thấy gì nữa mà chờ vội

ich. Tôi nghĩ rằng chúng ta gấp sự ngăn trở của kè vò hinh đây. Bây giờ chúng ta chỉ chờ hết mưa, nước trong lại sẽ hành động.

Sáng lại, trời mưa nữa, mưa không lớn lắm, nhưng dai dẳng suốt ngày và suốt cả ba ngày liền. Nước sông đồ mạnh hơn, đục nhiều hơn ! Bấy giờ ông Tây thiệt mới tò vò buồn rầu mà rằng.

— Đúng là chúng ta bị ngăn trở, không thể nào cưỡng được sức mạnh thiêng liêng. Tuy nhiên, tôi cũng thử một lần chót xem sao.

Ông gọi ba người iao công và anh chàng Thượng nói rằng :

— Anh nào chịu lặn xuống sông, tôi thưởng hai chục đồng (1).

Anh Thượng hoảng kinh, lắc đầu, khoác tay lia lịa. Anh iao công được chứng kiến cảnh tượng đêm trước làm thính, còn hai anh kia rủ nhau cùng lặn một lượt và chia nhau mỗi anh mười đồng.

Ông Tây dặn hai anh gấp gì có thể lấy được thì lấy, thấy gì lạ lên thuật lại. Hai anh mặc quần vắn nắm tay đi lặn xuống nước lát sau trời lên lắc đầu nói :

— Nước đục không thấy gì cả.

Ông Tây đưa cái kiếng cho một anh đeo và bảo lặn đến đáy coi sâu độ mấy thước và cố xem có gì lạ không ?

Hai anh lặn xuống lần nữa; hồi lâu trời lên, lội vào bờ run bần bật. Một anh lắp cắp nói :

— Phía dưới lạnh như nước đá, không biết sâu bao nhiêu mà nói. Chúng tôi không thấy gì, quơ tay

(1) bằng lương một thư ký đánh máy.

cũng không đụng vật gì, lạ lùng nhất là tự nhiên chúng tôi phát sợ như có ma quỷ nhát chúng tôi.

Ông Tây cho tiền, bảo hai anh mặc quần áo đốt lửa sưởi. Ông lắc đầu nói với ông kia :

— «Người ta» không cho mình xuống, có gắng công chỉ chuốc lấy điều hại mà thôi. Böyle giờ tôi làm phận sự của tôi.

Ông chờ đến gần giữa đêm, mang hai hộp sắt đựng bùa phép ra bờ sông. Ông bảo một anh đào cái hố nhỏ dưới gốc cồ thụ chôn một cái hộp, còn một cái ông quăng ra giữa sông ngay chỗ ông thấy hai ông già hiện ra.

Sáng hôm sau, ông ra lệnh nhồi trại về Đà-lạt rồi trở lại Phan-thiết.

* * *

Một trong ba anh lao công thường thuật những gì anh đã dự kiến trong ba lần liên tiếp, đã hướng dẫn nhà cầm quyền đến núi Cú và Đà-lạt đào hai chỗ chôn lấp hai hộp sắt mở ra xem. Trong ấy có hình trái tim gỗ đẽo bằng bàn tay xung quanh ghim đầy kim loại ghim giấy bạc, nhiều cây kim nhỏ đụng trong cái hộp thiếc chứa một thứ nước màu đỏ sền sệt như máu thú vật, một số hình vẽ ngựa mình người (centaure), người mình dê, đầu có sừng, rắn đội mao; xung quanh là dấu ngoặc ngoèo, có tấm vẽ hình quỷ Satan ngồi trên ngai, phía dưới có nhiều hàng chữ quái dị không ai đọc được. Đó là bùa phép của người Pháp yêm trấn không cho dân Việt-nam ngóc đầu lên !

Người ta nói rằng tên phù thủy ấy còn ếm đổi nhiều nơi khác suốt dãy Trường-sơn mà không ai biết,

38. HẠI NHAU BẰNG ĐỊA-LÝ

Đầu thế kỷ thứ hai mươi, thành khố Phan-thiết, tỉnh lỵ Bình-thuận được mở mang thành một trung tâm thương mãi và kỹ nghệ phồn thịnh. Tông số người Hoa-kieu đến cư ngụ trong tỉnh gồm có bốn bang đông nhất: Bang Triều-Châu đón trước tiên, bang Quang-dông thứ nhì, kế là Hải-Nam và Phúc-kiến.

Theo phương pháp tổ chức của người Trung-Hoa ở Hải ngoại thì mỗi bang cử một ông Bang trưởng cầm đầu một ủy ban để thay mặt cho tất cả người trong bang và hùn tiền cất một hoặc hai, ba ngôi miếu, chùa hay đình thờ Thần. Tại nơi thờ phung này, họ làm nơi hội họp như một công sở, làm Tòa án xử các việc tranh tụng lẫn nhau gọi là điều giải hội và làm trường học dạy trẻ học tiếng tàu. Bang nào giàu thì cất trường riêng.

Bang Triều-châu cất ngôi miếu thờ ông Quan-công gọi là «Chùa Ông» ở xã Phú-hải, cách chợ Phan-thiết năm cây số trên đường đi Mui-né, quận Hải-long. Ông thầy địa lý chọn cuộc đất cất chùa cho biết rằng đây là kiều đất hình con cọp đui cả hai mắt, vì thế sau khi cất xong, ông dặn nên mở cửa chính luôn luôn đè con cọp sống nhờ ăn uống được. Trong mảnh sân trước chùa gọi là tam tinh chỉ lót gạch không trét hồ, xi-măng, không đào móng, không khoét lỗ cống đè mạch máu không cử động, con cọp tê liệt nằm một chỗ, không mở

mắt mà sống. Kết quả: người Triều-châu làm ăn tǎn phát, cửa hàng đồ sộ, ruộng đất đầy đầy. Nhưng trong việc làm này không hiểu vì vô tình hay cố ý mà có ảnh hưởng không tốt cho Bang Phúc-kiến. Hầu hết thương gia, nhân công người Phúc-kiến đều làm ăn thua lỗ, buôn bán ế ẩm, đau ốm quanh năm. Trong bang có một ông chủ tiệm tạp hóa ở đường Gia-long rất giỏi về địa lý tìm hiểu nguyên cớ. Ông vào Chợ-lớn mòi mấy thầy Địa-lý người Tàu ra Phan-thiết đi xem các ngôi mộ, nghĩa địa, đình miếu, và khi đến chùa Ông ở Phú-hải các ông biết ngay lý do. Ông này cho rằng bang Triều-châu có bụng xấu định hại bang Phúc-kiến đề thủ lợi nên nhất định dùng địa-lý phá hại.

Thùa lúc không có cúng tế tại chùa, ông đích thân lèn vào khoét hai cửa sổ nhỏ hại bên cửa cái làm hai mắt cọp, đào bốn lỗ cống làm bốn đại động mạnh, đào bốn đường mương làm gân miu nhưng không khai thông cho nước thoát đè út trên sân, gạch đóng rêu. Làm thế, con cọp mờ mắt, hết rụi nhưng máu út lại không hoạt động gì được.

Một tháng sau, ông Bang Triều-châu tự nhiên phát đau chết. Một nhân công trong ủy ban cũng bị bắt đắc kỳ tử. Ông phó Bang mới nhận chức Trưởng cũng lăn ra chết, lại kèm theo một nhân công. Sự kiện này xảy ra hợp với công việc làm ăn thất bại của nhiều vị thương gia Triều-châu khiến cả bang náo động. Một cậu trai vừa mất cha, lái xe cán chết người phải bồi thường và ở tù! Toàn bang họp lại tìm nguyên do mà không biêt vì sao. Tiếp đến ông Bang thứ ba, thứ tư đều chết một cách kỳ lạ sau khi nhận chức vài ngày.

Đến ông thứ năm qua đời thì không ai dám lãnh chức vụ ấy nữa.

Trong lúc ấy, Hoa-kiều bang Phúc-kiến phát rất nhanh buôn bán khá, làm ăn trúng nhiều mối lớn, trái lại hẳn với tình trạng tồi tệ thuở trước.

Vài ông Triều-châu sanh nghi, vội tìm thầy Địa-lý cũ nhờ xem ngôi chùa mới biết thâm ý của người chủ mưu. Lập tức thầy Địa bít hai cửa sô, lắp ống cống và đường mương. Bang Triều-châu hết bị các tai họa. Họ rất tức giận, định kéo đến nhà ông chủ tiệm tạp hóa «làm thịt» nhưng ông ấy nhanh chân trốn vào Sài-gòn cả năm không dám về Phan-thiết. Cửa hàng của ông lại đẽ ế khách và sau đó ít lâu ông bị sát nghiệp phải bỏ đi tinh khát.

39. HẠI NGƯỜI HỎA HẠI MÌNH

Người Hoa-kiều rất trọng môn địa lý và coi mộ ông bà, cha mẹ quý hơn nhà mình. Trong tinh nào họ cũng mua đất làm một nghĩa trang và cử một người trong coi kỹ lưỡng, sắp đặt chỗ nằm cho thân chủ và gìn giữ mồ mà không cho kẻ khác phá phách.

Một hôm trong những ông giř phen sự này vốn là một lao công đang làm ăn phát đạt, sắm xe hơi chờ hàng từ thủ đô về tinh và ngược lại, thỉnh lình gặp nhiều chuyện không may, thua lỗ mấy chuyến lung lay đến vốn nhà. Ông không chịu «nghiên cứu» xem vì lý do nghề nghiệp thế nào mà có sự trở ngại đẽ sửa đổi cho đúng mức lại nhờ thầy Địa-lý coi mồ của người

cha ! Thầy Địa lại là tay ấm ó, học chưa đủ sách mà tự xưng là Thánh sống, phán rằng :

— Ngôi mộ của ông cụ năm đây là tốt nhất rồi. Chính cậu nhóc đấy mới phát tài, từ tay trắng gây nên sự nghiệp to tát. Nhưng giờ đây sở dĩ cậu suy sụp làm ăn không tu, là vì mấy ngôi mộ chôn sau lại nằm phía trước mộ của ông và người ta đãi cái « huynh » (1) khiến ông cụ không nhìn thấy gì ở trước mặt. Tôi nói vậy cậu hiểu phải làm gì rồi chứ ?

Ông ta gật đầu, trọng thường thầy Địa, bắt tay vào việc. Lợi dụng chức vụ giữ nghĩa địa, đem cuốc xèng vào lén phá tắt cả huynh nào án ngữ trước mộ ông thân của ông. Cả đến ngôi mộ nào quá cao ông cũng ngang nhiên hạ bớt xuống. Nhờ nghĩa địa ở gần bờ biển đất cát rất dễ đào xới nên ông làm rất nhanh.

Đây là một hành động tối kỵ trong giới Hoa-kiều. Họ cho rằng phá nhà không buồn bằng phá mả, nên khi có người phát giác ra, lập tức một số đồng nàn nhân kéo đến nhà tìm ông đe « thanh toán ». May cho ông, có người báo tin trước, nên nhanh chân chạy vào Sài-gòn trốn thoát. Một thời gian sau, ông trở về tỉnh nhà vì đau quá nặng. Những người giận ông không nỡ ra tay vì họ cho rằng chính ông gánh lấy hậu quả của việc làm không tốt của ông.

Quả nhiên, ông đau một trận gần chết. Chiếc xe chở hàng từ Sài-gòn ra giữa đường bị sụp cầu nát tàn tành. Vợ ông không dám cho ông biết tin này giữa lúc ông nằm trên giường bệnh. Khi ông lành mạnh rồi thì tiền của sạch không, tay trắng vẫn hoàn tay trắng.

(1) Vòng dài bằng đất hay cát đắp hình vòng cung phía trên ngôi mộ.

40. GIẾT BÒ CÓ THAI

Vào cuối năm 1912, tại xã Thường-lạc, quận Hồng-nghệ, tỉnh Kiến-phong có một vị điền chủ giàu lớn, nhà cửa năm ngăn bảy nóc, ruộng vườn thẳng cánh cò bay. Ông bà có một người con trai duy nhất đã thành gia thất sanh được ba trai hai gái. Vì là con một nên ông bà không cho cậu trai ra riêng, cùng ở chung trong nhà coi sóc sự nghiệp.

Hôm ấy gần tết, ông mua được một con bò cái của bọn trộm vừa lừa bên đất Miền đem qua bán với giá rẻ. Ông định sáng lại sẽ làm thịt cho các tá điền và đê ăn mấy ngày đầu năm. Làm như thế tuy có hơi sớm nhưng ông không muốn đẽ con vật không giấy tờ trong nhà lâu rủi ro lôi thôi thêm phiền. Ông cắt đặt người nhà mỗi người một phận sự, tờ mờ sáng thì cứ theo đó thi hành. Trước khi ngủ, ông có thói quen đi vòng quanh nhà đẽ mắt xem xét một lượt. Khi đi ngang qua con bò ông nghe nó kêu một tiếng dài như than khóc. Ông lấy làm lạ đứng nhìn con vật, ông thấy nó ngó ông bằng đôi mắt hết sức buồn và nước mắt chảy ròng ròng. Ông vào phòng nằm trăn trọc đến khuya mới thiếp một giấc dài. Ông nằm mơ thấy một người đàn bà mặc quần áo vàng có thai vừa lạy ông vừa khóc xin tha mạng cả mẹ lẫn con. Giật mình tỉnh dậy, ông không hiểu người nào bị ông hại mà xin tha? Ông nghĩ đến con bò cái, nhưng

lại không tin con bò biến được thành người như thế. Ông ngồi uống nước trà, đắn đo không thể quyết định nên đè con bò sống hay làm thịt. Đề nó sống ông có thể mang họa về tội mua vật ăn cắp và không có con khác thay thế kịp trong mấy ngày này. Còn đang phân vân thì người nhà đã thức dậy đập đầu con vật. Nó rống một tiếng dài nghe thảm thiết khôn cùng. Ông điền chủ như bàng hoàng như nghe một tiếng trách móc của con bò xấu số. Ông mở cửa ra nhà sau thấy già nhân mồ bụng lôi ra một con bò con. Ông giật mình không dám nhìn vào hai mắt con bò mẹ, lật đật bỏ đi.

Ngay lúc ấy đứa con trai của ông đang ngủ thình lình vụt ngồi phắt dậy ôm cổ rên hờ hờ. Người vợ soán sít hỏi thì hắn không nói được, chỉ chỉ tay vào cuống họng miệng phát ra tiếng ư ư. Vợ hắn hoảng sợ la lên. Ông điền chủ chạy vào, trợn trừng mắt ngó cái mông dưới của cậu con trè ra như mỏ con bò, thỉnh thoảng lại khục khục mấy tiếng kèm hơi thở phát ra như con vật lúc sắp tắt hơi.

Bà điền chủ thương con mang bệnh bất ngờ chạy rước thầy đến hốt thuốc. Nhưng không thầy nào tìm ra chứng bệnh chỉ cho càng đè lấy tiền công. Riêng ông cha thì biết rõ là nghiệp báo của ông vừa sát hại con bò có chửa. Ông đau khổ và hối hận khôn cùng. Suốt ba ngày Tết, gia đình ông buồn bã như có đám ma.

Người con trai vẫn mạnh khỏe như thường lại có vẻ mập, lưng hơi gù. Với cái miệng trè ra, cái đầu hơi chồm tới, trông hắn phảng phất giống con bò đứng hai chân. Hắn không nói được nữa, cứ khục khục, ò ò từng chap cổ gắng lầm hắn bập bẹ vài lời như kè kè nói ngọng

chứ không thể nói suông câu. Ông điền chủ xấu hổ vì đưa con biến hình kỳ quặc như thế, không muốn giao thiệp với ai trong nhà. Một năm sau, ông nhuốm bệnh chết. Người con trai cai quản gia tài, nhưng đúng ra là vợ hắn vì hắn không ăn nói gì được. Hắn sống dưới hình dạng ấy đến bảy mươi tuổi mới mān phần.

41. NGƯỜI ĐẦU CỌP

Ngày xưa ở tỉnh Ninh-bình, huyện Nhơn-lý có một người đàn bà lối hai mươi tuổi đang cấy lúa gần rừng bị cọp bắt. Người chồng cùng bà con lối xóm đi kiểm xác không gặp. Hai hôm sau, người đàn bà trở về bình yên, không bị thú dữ cắn xé gì cả. Bà thuật lại rằng :

— Cọp bắt tôi, cõng tôi chạy vào rừng dấu trong một bụi cây thật kín. Hôm sau thừa lúc cọp đi kiểm ăn tôi chạy về đây.

Người chồng tin lời vợ không hỏi gì thêm và cho mình có phước lớn, vợ bị cọp bắt mà không chết.

Sau đó, người đàn bà có thai sanh một trai, thân hình vạm vỡ, sức mạnh không ai bì. Năm lên mươi tuổi cậu ta làm việc gì cũng được, và làm gì cũng hơn người. Cậu học võ, luyện tập côn-quyền suốt ngày không nghỉ. Năm hai mươi tuổi, cậu đến kinh đô ứng thi mong được thu nhận vào quân ngũ để phục vụ quốc gia. Nhưng gấp lúc kè nịnh chuyên quyền, triều đình

toàn là phường vâ áo túi cơm làm quan nhờ tiền hối lộ chó không phải nhờ tài sức nên cậu không được nâng đỡ, suốt năm bị dìm ép, đèo pha không cất đầu lên nòi. Cậu chán nản bỏ lên núi Thần-phù tu tiên.

Tu được mươi lăm năm, đầu cậu hóa thành đầu cọp, còn thân mình và tay chân vẫn nguyên vẹn là người. Cậu không nói được nữa chỉ gầm gừ như cọp và không ăn ngũ cốc, chỉ ăn thịt sống. Cậu ngủ ban ngày, ban đêm thức đến sáng, bắt thú rừng đem về nhốt trong chuồng đủ loại. Nhiều người đến thăm cậu tha hồ coi các giống thú. Cậu ở với cha mẹ rất có hiếu hàng ngày đem thú đến nhà để cha bán lấy tiền. Ông bà nhờ con sống phủ phê khỏi làm lụng mệt nhọc nữa.

Một đêm kia, cậu ví bắt con nai. Con vật hoảng sợ chạy thẳng xuống làng. Cậu chạy theo, ngồi trong bụi tre rình. Lát sau, cậu thấy tên giặc Quản-nhứt-Tiền lén về thăm nhà. Cậu bèn gầm lên một tiếng, tên giặc giật mình té ngửa. Cậu nắm đầu trói tay chân đem về bô vào chuồng.

Sáng lại, người cha đến bắt thú về bán, thấy tên giặc nằm trong cùi liền chạy về báo Quan phủ. Quan sai lính bắt giam trong ngục thảo sơ tâu Vua. Đây là một tướng giặc rất hung dữ đã quấy rối Triều đình nhiều năm liền không ai trừ nòi.

Nhà Vua phong cho cậu đầu cọp chức : « Chơn Tề Thần, Phù hùng hổ đại tướng quân » và ban thưởng cho người cha nhiều vàng, bạc, gấm vóc.

42. CON VOI CỦA VUA LÊ

Khi nhà Lê mất, con voi của Vua cõi không chịu ở Kinh-thành, bỏ về rừng nơi nó sanh gọi là « Truông đáy thùng ». Ở đấy có một hòn núi tên là Đầu-tượng cây cối um tùm rất kín đáo, bên cạnh có ngọn núi nước chảy quanh năm. Trong mình voi có ba cái đai vàng của Vua Lê đeo cho nó, lâu ngày đóng rêu xanh nên không ai biết. Người Quản tượng tên Mậu làm chức Đội-trưởng nên gọi là Đội Mậu cũng về nhà không phục vụ Triều Vua sau.

Năm Đội Mậu được bảy mươi tuổi, có lần lên Truông-dáy-thùng, kiểm rẽ cây về làm thuốc. Đang lui cui đào xới thỉnh lình ông Đội bị con voi quấn ngang lưng rồi đè xuống. Đoạn voi cắm cặp ngà xuống đất nước mắt tuông ròng ròng.

Ông Đội hoảng kinh tưởng đâu phen này bỏ mạng giữa rừng vì con voi sẽ chà nát thân, nhưng con vật dùng vòi kéo tay ông để vào chỗ mẩy cái đai vàng. Bấy giờ ông mới nhớ ra con voi của Nhã Vua do ông coi sóc, ông vuốt ve nó, cùng khóc với nó. Ông rờ ba cái đai vàng hỏi nó :

— Có phải ông Quận (1) biết tôi nghèo mới biếu tôi lấy đai vàng phải không ?

1) xem trang sau

Con voi gật đầu. Ông Đội nói :

— Mấy cái đai vàng chật quá vì bấy giờ ông Quận mập thêm nhiều, nếu dùng dao nạy ra thì rách da ông Quận, tôi không dám. Thôi ông Quận thương tôi, cho tôi gấp mặt là quí lắm rồi.

Con voi không chịu, cứ bắt tay ông nhận vào cái đai. Ông loay hoay tới tối không lấy được, mới sụp xuống lạy voi :

— Tôi già yếu không còn sức lấy nòi cái đai. Trời tối rồi, xin ông Quận cho tôi về kèo vợ con trông.

Con voi không cho về, bắt ông phải gỡ cái đai. Đến canh hai, ông không lấy được, khóc râng :

— Trời đã khuya làm sao tôi về nhà được, xin ông Quận tha cho tôi.

Con voi quấn ông đê lên cõi đi. Đầu canh tư tối nhà, ông kêu cửa. Vợ còn thấy voi, giật mình định chạy. Ông nói :

— Đây là ông Quận hầu Vua thuở trước, tôi giữ ông ấy, ngày nay ông ấy gấp tôi đưa về nhà, không sao đâu, đừng sợ.

Ông bảo vợ bắt con heo làm thịt đái con voi và mua rượu voi uống. Xong tiệc trời sáng, con voi bắt ông Đội và người con trai lớn bỏ lén lưng đi vào Truông, rồi bắt tay ông nhận vào cái đai.

Ông Đội nhắc chuyện hôm qua cho con nghe và nói :

— Ông Quận nhất định cho, mình phải lấy kèo ông giận.

Hai cha con lấy dao cạy được hai cái, rách da voi, chảy máu đầm đì. Ông Đội thương voi không nỡ lấy cái thứ ba, khóc lạy voi xin thôi. Ông lấy thuốc Nam trong

rừng xúc vào chỗ đau cầm máu lại, đoạn từ giã voi trở về. Nhờ hai đai vàng ông Đội bán được lấy tiền mua ruộng làm ăn tẩn phát.

Qua đời Vua Quang-trung nhà Tây-sơn, có sai người lên núi Đầu-tượng tìm con voi của Vua Lê đem về cõi nhưng voi đã đi mất.

43. LANG LOẠI ĐẠI-TƯỚNG QUÂN

Khi Vua Gia-long đánh nhà Tây-sơn, một hôm thất trận chạy bộ dọc ven biển, phía sau địch noi dấu chân đuôi theo bén gót. Gia-Long ngửa mặt lên trời than :

— Nếu Hoàng Thiên còn tựa dòng họ Nguyễn này thì xin dung rủi làm sao cho quân Tây-sơn lạc lối.

Khấn xong, Vua, tôi lại tiếp tục chạy được một đỗi xa rồi ngồi xuống bãi cát chờ chết, vì quá mệt mỏi.

Chờ cả buổi không thấy địch đến, ai nấy đều lộ vẻ vui mừng vừa thoát khỏi nạn. Vua Gia-Long quay lại đường cũ xem vì sao quân Tây-sơn không đuôi theo. Ngài thấy toàn là dấu của một giống vật gì đã dẫm nát cả một vùng làm mất hẳn dấu chân của ngài. Đức Vua còn đang tìm hiểu thì một bầy Rái từ dưới biển nhô lên chạy vào bãi cát, đôi tay ôm cá, tôm. Vua Gia-Long liền phán rằng :

— Có lẽ nhờ bầy Rái này dẫm mất dấu chân nên quân Tây-Sơn mới bị lạc. Tuy nó là giống vật nhưng có công cứu Chúa. Vậy để đáp lại công ơn, Trảm sắc phong cho chúng là : Lang loại Đại-tướng quân !

Lạ thay, bầy Rái hình như nghe hiểu nên tò vò mừng rõ, múa nhảy lung tung một hồi mới kéo nhau lặn xuống biển cả.

Đức Vua và đám thuộc hạ tiếp tục lên đường.

Sau khi Vua Gia-Long thống nhất đất nước, nhân ngày thái bình, Ngài gọi một « phường chèo » vào Hoàng thành hát cho quần thần xem giải trí. Trong « phường chèo » có một anh kép tên Giáp nuôi một con Rái rất khôn ngoan thường thả lỏng như chó mèo. Lúc anh Giáp đang diễn trò trên võ ca, anh hát thật mùi mẫn, anh chảy nước mắt thật, làm cho các quán hay phu nhân có người phải mũi lòng rơi lệ. Nhưng không phải anh đem hết tài ba ra diễn xuất mà sự thật thì anh khóc cho đòn anh sấp tàn, anh chắc chắn là sau khi diễn xong lớp tuồng, Đức Vua sẽ truyền cho đạo phủ thủ bêu đầu anh để làm gương cho kẻ khác vì con Rái của anh nó đang nhảy chồm chồm trên chiếc long bào của Nhà Vua rồi nằm khoanh trong lòng của Vua nữa ! Hết lớp tuồng, anh vào buồng ngồi cú rũ như kẻ mất hồn, con Rái chạy a vào anh quấn quít. Anh bắt nó chạy tìm cây để đập cho chết. Hành động của anh không lọt khỏi mắt của Đức Vua, vì buồng trò hời xưa trống rỗng, dễ thấy. Đức Vua liền sai lính hầu chạy vào gọi anh cho Đức Vua dạy việc. Anh Giáp mặt xanh, như chàm đồ, mồ hôi rò giọt bước theo tên lính đến quỳ mệt trước Đức Vua.

Đức Vua vội đỡ con Rái lên tay, phán hỏi :

— Nhà ngươi định làm gì nó ?

— Dạ... dạ tâu Bệ hạ, con định giết nó để xử tội nó dám phạm thượng.

Đức Vua đỡ anh kép dậy nói :

— Không ! Nó không có tội gì hết, mà nó rất có công đối với Triều đình này, nên Trẫm đã phong cho nó chức : Lang loại Đại-Tướng quân.

Rồi Đức Vua kè lại chuyện chạy nạn cho anh nghe và ban thưởng anh đã có công nuôi dưỡng con Rái ấy.

Từ đó các « phường chèo » và những đoàn hát bội không ai dám gọi đúng tên con vật tuy nhỏ nhít nhưng đã một lần cứu Chúa, mà chỉ gọi bằng chức tước là Larg Loại Đại-Tướng quân !

44. CON SẤU TRẮNG

Cứ ở thời Pháp thuộc, nhiều kinh, rạch được khai thông và xé thêm, nối liền tỉnh này qua tỉnh khác. Những con kinh mới đào gọi là kinh xáng vì do chiếc xáng múc đất đồ hai bên bờ. Trước khi chiếc xáng bắt đầu làm việc người ta phải đào tay bờ sâu lõi hai thước để nước chảy vào kinh cho xáng di chuyền.

Trong công tác đào con kinh ở Núi Sập (Long-xuyên) thằng qua tỉnh Rạch-giá, một nhóm người làm xâu bắt gặp trong lòng đất sâu hơn thước rưỡi một con sấu bờ dài năm tấc, thân mình lớn bằng vòng tròn miệng chén, màu trắng đục chó không đen, xám. Sấu bị chôn dưới đất không biết từ bao giờ như một món đồ dùng, lu, chén, hũ xung quanh mình toàn là đất bao phủ, nhưng lạ lùng nhất là nó vẫn thở phì phò ! Tuy nhiên nó không cử động được, toàn thân nó mềm mềm như không có xương. Người bắt được bồng lên, đê

xuống như xấp vải. Thiên hạ bu đến coi con vật lạ, người bàn thế này, kẻ nói thế kia. Có người cho rằng đó là con sấu tu đề hóa thành cù, một loài vật thần bí hình giống như con rồng. Sấu tu nằm im dưới lòng sông bao nhiêu năm không ai biết chắc. Phù sa lấp kín thân sấu lần lần thành một cái cồn. Người ở gần đấy cất nhà, làm rẫy, trồng cây trên cồn đến một ngày nào sấu đắc đạo, thân mình biến thành cù thì chuyền mình, quay nát cái cồn rồi bay lên trời! Người ta cho đó là «cù dậy». Con nào tu không thành thì chết luôn dưới đáy sông. Có con vì nircoc xoáy ngược chiều thỉnh linh xoáy lở cái cồn, bắt buộc phải hoàn lại thân hình sấu. Trường hợp này đã xảy ra một lần ở cổng Cây dương tinh Rạch-giá, một con sấu mang trên lưng một cây bần, rễ cây bao thân hình đó, giữ thân cây đứng thẳng như mọc trên đất liền. Mỗi lần sấu lặn xuống sâu thì mất ngọn cây, khi trồi lên thì rõ ràng thân cây nồi giữa sông và dì tới, dì lui như chiếc tàu! Người địa phương nói rằng: con sấu nằm cho đất bồi lên mình, cây cối mọc như miếng đất rẫy, tinh cờ cây bần mọc ngay mình nó và đeo dính luôn!

Thuở ấy, người Việt chưa tin tưởng ở kia là học cho lắm nên thuyết sấu tu đề thành cù được nhiều người tán thành và cả quyết con sấu trắng giữa lòng kinh Xáng quả là loại linh vật này. Giá như ngày nay thì có người cho rằng con sấu kia bị phù sa sông Cửu-long đồ ập xuống quá nhiều một cách bất ngờ nên bị chôn vùi như hải cảng Óc-eo. Còn vấn đề nó nằm giữa lòng đất không biết bao lâu mà vẫn còn sống thì chắc chắn không ai giải đáp được.

Những bạn đồng thuyền với người bắt gặp con sấu khuyên ông ta nên phỏng sanh làm phước để nó tìm chỗ tu đến ngày đắc đạo, nhưng ông ta không nghe, cho rằng thân thể nó mềm như không có xương làm sao bơi lội được, có thả nó sẽ chết đói. Ông gọi mấy người khác cùng xẻ thịt con vật, xào với nước dừa, tương ớt, ăn một bữa ngon miệng vô cùng. Thân sấu toàn là thịt và mỡ không có xương, da mềm như da cá. Ông và năm người bạn làm sấu chén sạch sành sanh, đánh ngã hai lít rượu để.

Ăn xong, sáu ông ngã bên mâm cơm chết không trối được lời nào.

45. CÁ HÓA LONG

Cứ ơi triều Chúa Nguyễn, đồng bào mới di cư vào Nam khai phá vùng đất hoang thỉnh thoảng gặp nhiều hiện tượng kỳ bí như trong sử sách từ ngàn xưa lưu truyền. Một trong những sự kiện ấy là con cá hóa long.

Người ta nói rằng mỗi năm một lần loài cá chép họp nhau ở «Vũ môn tam cốc» là một giòng thác chảy xuống ba bậc đá đẽ nhảy vọt lên. Con nào qua khỏi ba bậc ấy thì hóa ra đầu rồng, đuôi rồng gọi là cá hóa long. Con nào nhảy không khỏi thì rót xuống đá chết.

Có người lại cho rằng cá hóa long là một giống cá tu hằng mấy trăm năm mới biến hình và đến ngày đắc quả nó sẽ «bay» lên trời như loài sấu tu thành cù. Người nào có phước, thời vận hưng vượng mới thấy nó

lúc đang tu. Người nào định bắt nó hay sát hại nó sẽ mang tai họa không thể nào lường được.

Thuở ấy, một nông dân ở ven rừng U-Minh thượng thuộc tỉnh Rạch-giá ngày nay sống với vợ và đứa con trai đầu lòng trong căn nhà lá trên bờ kinh. Anh khai phá miếng đất phía sau nhà rộng độ một mẫu vừa đủ cho vợ chồng làm rẫy, cấy lúa, lợi tức dư xài quanh năm.

Một hôm, vào giữa trưa, anh xuống sông gánh nước chợt thấy cách cây cầu ván lối mười thước một con cá hoá long mình tròn bằng trái dừa, bề dài lối một thước, thân đỏ toàn một màu hồng, đầu bánh ra, hai mắt lồi, bên mép có hai sợi râu dài, trên lưng có một hàng kỳ đụng đứng, đuôi xòe ra như cây quạt, đang thong thả lội về phía anh. Theo chiều hướng của con cá thì nó sẽ chui ngang cây cầu.

Anh liền bỏ đôi gùi trên bờ, vụt chạy lên nhà lấy cây chĩa loại đậm chuột, đầu nhọn có ngạnh rất bén; trở xuống đứng dang hai chân trên cầu chờ. Người vợ chạy theo nấp bên gốc cây tràm xem.

Quả nhiên, cá từ từ lội đến như không biết sự nguy hiểm sắp xảy ra. Nhầm đúng tầm tay, anh nông dân đậm thẳng cánh ngay mình cá.

Cá bị đau, quằn một cái thật mạnh vuột lội mất. Còn người đậm cá tự nhiên thấy tối tăm mày mặt cầm cây chĩa cầm đầu té xuống sông.

Người vợ thấy chồng ngộ nạn vội la làng chói lối. Hàng xóm túa lại vớt lên thì anh á khẩu không nói lời nào, chỉ nắm mở trừng mắt nhìn thẳng lên mái nhà. Một giờ sau, anh tắt thở.

Đêm ấy, trong lúc quá mệt mỏi ngồi canh xác chồng, góa phụ thấy một người đầu rồng dưới sông đi lên, một cánh tay máu chảy thấm ướt áo. Người ấy nói rằng :

— Chồng ngươi cố ý giết ta nên bị ta trừ phạt. Người phải đem đứa con đi ở nơi khác kéo có ngày ta giết luôn thì tuyệt tự.

Nói xong, người ấy trở xuống sông, mất dạng.

Người đàn bà hoảng sợ, không dám nói với ai: Chôn cất chồng rồi, chỉ bán miếng đất và cái nhà, dối rằng về quê, đem con đi mất.

46. CON RÙA BIẾT ƠN

Giữa thời tao loạn, vào đầu năm 1947, ông Trần Văn Tám ở xã Phong-mỹ, quận Cao-lãnh, tỉnh Kiến-phong tản cư vào Đồng-tháp-mười như phần đông đồng bào trong quận. Một hôm, ông thấy có người bán một con rùa nhỏ bằng nắm tay, ông mua cầm vuốt ve một hồi, đoạn lấy con dao cắt móng tay khắc trên lưng rùa tên ông và địa điểm tản cư, ngày tháng năm. Đoạn ông thả rùa xuống sông làm như một trò tiêu khiển trong lúc nhàn rỗi.

Năm 1954, ông lên Sài-gòn buôn bán, ký cỏm đê dành được một số tiền mua căn nhà và chiếc xe chở hàng loại gia đình. Ông tự lái lấy đem hàng hóa xuống các tỉnh miền Tây giao cho các nhà buôn lẽ. Gia đình ông không mấy gì giàu lớn nhưng không thiếu thốn, nợ nần ai.

Vào cuối năm 1967, ông giao hàng ở Ba-xuyên xong,

lái xe không trở về Sài-gòn. Lúc ấy lối chín giờ sáng, ông đi được nửa đường Ba-xuyên—Phong-dinh thình linh thấy một con rùa to bằng trái dừa nằm giữa đường. Ông ngừng xe xuống bắt vào lề ngồi xem thì ngạc nhiên xiết bao, ông thấy mấy dòng chữ ông khắc từ năm 1947. Thị ra con rùa bằng nắm tay sau hai mươi năm đã lớn bằng trái dừa và xiêu lạc từ Đồng-tháp-mười đến tỉnh Ba-xuyên ! Ông vui mừng hết sức vuốt ve nó “nói chuyện” với nó một hồi mới thả nó xuống sông. Ông tiếp tục lên đường được non cây số thì thấy một chiếc xe hàng, hai chiếc xe lam cán nhắm cốt mìn lật xuống ruộng, người chết kẻ bị thương còn nằm la liệt xung quanh !

Ông Tám choáng hồn nhớ lại con rùa vừa rồi đã cứu mạng ông như ông đã thả nó ngày trước. Ông về thuật cho vợ nghe. Vợ chồng đồng rơi nước mắt cảm thương con vật biết ơn.

47. MÓN CANH MÁU LƯƠN

Ngày xưa có một người chuyên môn bán thức ăn bằng thịt lươn hằng ngày tại chợ. Mỗi buổi hắn mua tất cả lươn của người ở thôn quê đem ra bán mà vẫn không đủ cung ứng cho khách. Hắn làm thịt lươn một cách rất ác độc. Hắn sắm một cái thùng tròn, đóng đinh nhọn chĩa vào trong dày đặc, cột đầu con lươn thông vào treo tờn teng. Con vật uốn éo theo bản tính tự nhiên, thân mình chạm vào mũi đinh rách da tót máu. Càng bị đau, lươn càng lăn lộn dữ dội, càng bị té tết thịt thêm đến khi

hết máu mới thôi. Hắn lấy máu nấu một món canh rất ngon, còn thịt thì um xả, xào tương, hấp gừng, v. v... Quán ăn của hắn nổi tiếng nhờ món canh đặc biệt ấy.

Tính ra trong nhiều năm liền hắn giết không biết bao nhiêu lươn bằng phương pháp vô nhân đạo ấy. Mãi đến một hôm khi hắn thò tay vào giỏ bắt lươn để lựa mua thì bao nhiêu lươn trong ấy nhất tề cắn vào cánh tay hắn.

Hắn hoảng hồn rút tay ra thấy lối bốn mươi con lươn ngậm cứng tay hắn như một chùm rẽ cây. Hắn nắm từ con kéo ra không được, nhờ người gỡ không xong. Máu trong các dấu cắn chảy ra ròng ròng. Thiền hạ buồn đến coi đông nghẹt. Người nào cũng cố gắng gỡ giúp hắn nhưng không ai có thể dùng tay banh miệng lươn. Hắn kêu la thảm thiết. Máu chảy đầm đì. Có người lấy kềm sắt bẻ gãy răng lươn mới gỡ được, nhưng làm như vậy thì da tay hắn rách theo một miếng! Sau cùng người ta phải dùng dao cắt đầu lươn, nhưng dù mất khúc mình, miệng con vật vẫn ngậm cứng tay hắn. Cánh tay hắn bị rách nhiều chỗ và chảy máu giống như con lươn lúc bị hắn treo vào thùng đinh.

Hắn chịu đau hơn một giờ thì ngã ra tắt thở. Bấy giờ tất cả đầu lươn mới chịu rời cánh tay hắn.

48. RĂN CHÚA

Tuyệt đây ở quận Giồng-riềng, tỉnh Rạch-giá có một thầy thuốc rắn sống với nghề trị bệnh rắn cắn và bắt rắn bán quanh năm. Ông sống phủ phê với gia

dịnh bằng số rắn bắt hằng ngày. Tính ra đến tuổi bốn mươi, ông sát hại không biết bao nhiêu là rắn. Mỗi lần gặp ồ rắn ông ngang nhiên thò tay vào nắm từ con lôi ra. Tay ông có thoa thuốc, rắn cắn vào như mồi vào cây, vào đá, không ăn thua gì hết.

Một hôm, ông đi với người học trò giỏi nhất. Anh này gánh giỏ đựng rắn. Ông tìm hang rắn rất mau vì quá rành nghề. Vùng đất ông chọn có một lớp cỏ khô, trấp, choại ở trên, rắn làm ồ ở dưới. Chỗ nào có chúng, nhà nghề nghe tiếng bò xào xạt không ngừng. Tìm trúng miệng hang, ông ngồi xuống thò tay vào nắm đầu từ con lôi ra đưa anh học trò may miệng bỏ vào giỏ. Hàng chục con rắn hổ đua nhau cắn vào tay ông, nhưng ông vẫn tro tro, tiếp tục bắt đến con cuối cùng.

Ông tóm tắt cả bốn mươi tám con! Chưa bao giờ ông bùa được một mè lưới to tát như vậy. Ông quơ tay tìm con nào còn sót chăng, thỉnh lình ông bị một con rắn cắn vào hõ khầu. Ông phát rung mình ón lạnh vội rút tay ra thì con rắn còn ngậm cứng chưa nhả. Hình dáng con vật thật là quái dị: đầu lớn bằng bàn chân mà thân hình ốm như cò tay và ngắn chừng ba tấc chớ không dài hơn thước như mấy con bị bắt vừa rồi! Hang rắn này quả là một «triều đình» nhà rắn. Bao nhiêu rắn thường bảo hộ và tim mồi nuôi con rắn chúa ở ngay giữa hang. Rắn chúa không bao giờ bò ra ngoài hoặc đi đâu cả vì không xé dịch được. Khi cần di chuyển, nó cắn vào đuôi con khác đè con kia kéo đi. Nhà nghề bắt rắn rất sợ loại rắn này vì hễ gặp phải thì không thè nào thoát chết.

Ông thầy thuốc rắn biết mình vướng thử dữ rồi

nên chất thuốc thoa trên tay hết linh nghiệm, vội rút gói thuốc phỏng thân giắt trên đầu tóc. Đây là phương thức số một của ông để hộ thân khi cắp bách và khi hết phương chạy chữa. Ông mở gói ra; ngạc nhiên thấy thuốc đã bay mất tự bao giờ. Ông biết mình hết thời mới quên lời thầy dặn về loại rắn này bèn gọi anh học trò chỉ cho mấy loại thuốc mà ông còn dấu và trỗi lại những điều cần thiết nhở nói lại với vợ con, đoạn trào đờm ngã chết trên bờ rắn.

49. MÃ HEO

Vào khoảng năm 1910, ở quận Thốt-nốt tỉnh Long-xuyên có một gia đình nông dân nuôi con heo nái hơn mươi năm. Heo đẻ rất nhiều lần, mỗi lần hàng chục con. Người chủ thâu vào một món lợi khá to, nhưng vẫn không có lòng thương con vật đã giúp mình. Khi heo quá già không còn sanh được nữa, thân hình càng ngày càng ốm, nanh mọc dài ra, người chủ thấy tốn kém vô ích, một hôm tuyên bố với vợ con rằng:

— Hai ngày nữa, cày bừa xong mình nghỉ một ngày làm thịt con heo này ăn. Nuôi nó hoài uổng tiền mà không ích lợi gì hết.

Cả nhà đồng ý, tỏ vẻ vui mừng sắp được nghỉ và có thịt heo chè chén.

Hôm sau, chủ nhà cùng vợ, em trai và mấy người con lớn ra đồng làm việc, ở nhà chỉ có một đứa con

gái tám tuổi chơi một mình ngoài sân. Thinh linh nó thấy con heo lại gần nó nói tiếng người:

— Ngày mai người ta làm thịt tao, mày nhớ đừng ăn, mày ăn thì mày chết.

Con bé ngạc nhiên nhìn con vật thủng thỉnh ra phía sau nhà nằm ngủ. Xé chiếu cha mẹ nó về, con bé thuật lại lời con heo nói, nhưng không ai tin thật, rầy la nó đặt chuyện bậy bạ. Con bé bị mang oan không dám nhắc nữa.

Sáng lại cả nhà giết heo mồi hai người hàng xóm đến nhau nhét. Tông cộng trong buổi cơm có tất cả mười người vừa lớn, vừa nhỏ. Riêng con bé nghe heo dặn, nhất định không ăn.

Tiệc tan, mười người ngã ra chết không kịp ngáp. Hương chúc trong làng đến lập biên bản cho rằng những người xấu số trúng độc trong thức ăn. Riêng hàng xóm nghe con bé kể chuyện thì tin «lời» con heo nói. Người ta tò chør một đám tang tập thể chôn mười người nằm gần nhau và gọi là «Mã heo», để nhớ họ chết vì ăn thịt con heo nái già. Hiện nay Mã heo vẫn còn.

50. THẦN HÒ BA CHÂN

Vào khoảng năm 1937-1938, trong vùng U-Minh Thượng xã Tân-bằng, ngày nay thuộc quận Hiếu-lễ tỉnh Kiên-giang có một con cọp thật lớn. Đồng bào thường thấy cọp đi lang thang trong rẫy, dưới đê sậy, mà tuyệt

nhiên không sát hại một người nào. Dân chúng cho đó là cọp tu nên không có ý sợ.

Một hôm, cọp sa vào bẫy của một nông dân gài bắt heo rừng, gần vàm sông Cái-bác. Sợi giây thòng lọng cột siết một chân trước của cọp khiến cu cậu không tài nào thoát khỏi.

Cọp vùng vẫy dữ dội, sau cùng một chân gãy rời ra, cọp phóng tuốt vào rừng.

Gần vàm sông Cái-bác về hữu ngạn có ngôi Miếu thờ Bà, Cậu do dân chài lười tạo lập để cúng tế quanh năm. Cứ đến 16 tháng giêng âm lịch, đồng bào giết heo làm lễ.

Sau ngày cọp sa bẫy mất một chân, có người nói Bà, Cậu lên đồng cho biết rằng : cọp ấy là con ngựa của Bà, Cậu cõi, họp với con sấu mun là một cặp. Con sấu mun đen như than ở trong « sân sấu » gần ngọn sông Cái-bác.

Nghe vậy, người ta cất một cái Miếu nhỏ phía sau Miếu Bà, Cậu để thờ ông Hồ.

Mỗi lần cúng vái, người ta đê một cái nọng heo, hoặc một cái đầu, rồi đi lánh xa đê cọp đến lấy ăn. Lần nào cũng vậy, Cọp biết trước nên ngồi chờ sẵn.

Thỉnh thoảng, dân chúng quên ngày vía, hoặc vì người chủ tể đi vắng còn phải chờ, hoặc vì công việc đà đoàn người ta hẹn một ngày khác, thì y như rằng cọp đi từ vàm sông Cái-bác dài vào Miếu Ông Hoàng kêu gọi om sòm. Cọp kêu như thế chó không bắt heo, gà hoặc người, nên thiên hạ biết là « ông nhắc ».

Lập tức, người ta lo ngay việc cúng kiến mới êm. Có khi lo chưa kịp thì một vài ông Trường lão lập bàn van vái, hẹn ngày, cọp mới chịu làm thinh. Sau khi

lãnh phần thịt, cọp đi mất biệt đến sang năm gần ngày via thì trở về kêu nữa !

Từ năm 1945 đến giờ không nghe ai nhắc đến cọp ba chân và lè cúng thịt cũng bãi bỏ. Đồng bào ở U-Minh cho rằng cọp đã chết rũ vì quá già trong xó rừng hoặc bị tử thương vì chiến tranh.

51. BẠCH XÀ HẠ MÃNH HỒ

Loại rắn màu trắng rất ít có trên đồi. Trong lịch sử Đông Tây thỉnh thoảng mới nghe một vài con bạch xà nằm trong hang núi, lâu lâu bò ra một lần rồi trở vào. Người Tàu thường nói giống ấy là linh vật, tu luyện ngàn năm biến hóa thành người. Kẻ nào gặp nó đều tránh xa chứ không dám giết. Hơn nữa nó không giết hại ai, thành thử không ai nghĩ đến việc sát hại nó.

Vào cuối thế kỷ thứ mười chín, trên một ngọn đồi trọc trong dãy Thất-sơn (Châu-đốc) có một con rắn mảnh trắng toát như thoa vôi, vầy nồi vồng lên, óng ánh dưới ánh trăng như sóng biển, đôi mắt đỏ ngầu chiếu sáng rực như đèn. Rắn ở trong hang trên đỉnh đồi thỉnh thoảng bò xuống đồng bằng rồi bò trở lên. Không ai biết rắn bò làm gì, đi đến đâu vì không ai dám tò mò theo nó. Người ta chỉ thấy đôi mắt láu lién, đưa qua, đưa lại như cặp đèn rồi từ từ "đi" xuống ruộng. Gặp đêm có trăng thì thân rắn lấp lánh như giòng suối bạc từ từ chảy. Phỏng tính bờ dài có mươi ba thước, bờ tròn bằng

một người ôm. Nhờ ngọn đồi tro bụi và thấp nên người ở gần đây nhìn thấy rắn dễ dàng.

Lâu ngày thành quen, không ai sợ rắn trãi lại còn tôn sùng rắn vì rắn không giết gà, heo, không động đến một người nào trong xóm. Thuyết bạch xà tu luyện thành người được nhắc nhở và ai cũng cho rắn là linh vật trong vùng.

Tiếng đồn thấu tai một thợ săn thiện nghệ. Ông nhất định rình hạ sát rắn để lấy cái sừng trên đầu. Ông định ninh rắn tu tất có ngọc ẩn trong sừng nên cố tâm giết cho được rắn. Ông vờ tráng cung, tên tầm thuốc độc, song kiếm, đoán kiếm và cây lao dài. Ông ngồi dưới chân đồi chổ rắn thường bò ngang chồ.

Lần đầu tiên thấy rắn, ông không hạ thủ, lắng lảng xem rắn đi đâu. Thì ra cu cậu xuống hồ sen tắm lộn! Vùng vẩy chán chê rồi, cu cậu bò về hang.

Qua lần sau; ông thợ săn định nấp sau gốc cây sung trên bờ bắn tên tầm thuốc độc cho rắn chết dưới nước, nếu rắn làm dữ phóng lên thì Ông có thể thủ, ăn mình bên gốc cây dùng dao đâm.

Sắp đặt xong, ông dọn chổ ngồi. Rắn bò đến bờ hồ chưa kịp lao mình xuống nước thì một tiếng ca-um nồi lên, một con cọp từ đâu chạy lại chụp đầu rắn.

Bạch xà giật mình, nồi giận né tránh, rồi cất đầu cao gần hai thước phóng vào mình cọp. Trận chiến bắt đầu. Cọp dùng hai chân vả và chụp. Rắn dùng mõm rộng như chậu máu tấp quặp liên hồi.

Ông thợ săn hoảng hồn leo tuốt lên cây ngồi nhìn cuộc so tài hi hữu.

Quần thảo mệt hối, cọp thảm nọc rắn yếu dần bị rắn quấn tròn rút nát xương.

Tiếng xương gãy rôm rốp làm ông thợ săn khiếp đảm không còn nghĩ đến việc giết rắn. Ông ngồi im ngắm bạch xà bỏ mồi trường xuống hồ vùng vẫy rồi bò thẳng lên đồi, không nuốt cọp. Ông mới tin là linh vật và thế rằng không dám mơ ước chiếc súng rắn.

Chờ rắn vào hang xong xuôi, ông tuột xuống vác cọp về nhà xé lấy da và xương, còn thịt vùi dưới đất để tránh nọc độc.

52. RẮN HẮT NGƯỜI

Giữa thời cực thịnh của nước Chiêm-Thành, trong khu rừng rậm giữa dãy Trường-sơn có một chuyện lạ lùng không ai biết được nguyên cớ. Bao nhiêu tiểu phu, thợ săn, người đi rừng đều mất tích một cách bí mật, cả đến thú dữ, chim chóc cũng vắng tăm. Người ta đồn có ma thiêng, hung thần giáng họa cho kẻ nào dám vào vùng cấm địa, nên trải qua một thời gian không ai dám bén mảng tới.

Gặp lúc quân Việt-Nam tấn công thành Đồ-Bàn để trị tội Vua chiêm đã cử binh cướp phá vùng Nghệ, Tĩnh, có hai anh em họ Trần đi theo trong hàng ngũ nghe chuyện lạ, động tánh hiếu kỳ, xin phép vị Tướng chỉ huy đi xem hư, thiệt thế nào.

Hai người đi từ sáng đến trưa gặp một khúc cây tròn năm chẵn ngang đường. Thân cây xù xì, rêu cỏ mọc đầy, bề cao hơn hai thước. Người anh không hiểu loại cây gì mới bàn với em cùng đi đến đầu hay gốc xem ra sao. Người em trèo qua bên kia cùng đi một chiều với anh vừa gọi nhau làm hiệu.

Đến đầu cây, người em vòng qua trước, thỉnh lình một tiếng hít rợn người phát ra từ đầu khúc gỗ, hít thân thè chàng trai vào trong. Người anh vội lùi lại, chạy thật nhanh về trại vừa khóc thương em. Anh ta biết khúc gỗ đó là giống rắn núi sống cả trăm năm mới có thân hình khổng lồ như thế. Nó không bò đi đâu, chỉ nằm chờ vật gì đi qua mặt thì há mồm hít vào bụng. Sức hít của nó mạnh vô cùng, một bầy chim bay trên cao bị nó hít cũng chui vào bụng.

Chàng trai họ Trần quyết trả thù em. Anh ta trình bày sự việc với quan trên và xin phép về quê mua vị thuốc Hồng-hoàng đem lên ngọn đồi gần đấy đốt lửa bò vào, un thành khói. Gió thổi lửa khói bay đầy khu rừng. Thở nhầm thuốc, quái vật mê man. Bây giờ chàng trai trèo lên đầu rắn, dùng kiếm cắt tiện cái sừng to bằng đầu gối. Bị cắt sừng con rắn chết ngay.

Chàng trai mồ bụng rắn, lôi xác đưa em ra. Thân thè bị tiêu gần đến xương !

Sừng rắn quý giá vô cùng. Người bị phát bối, ghê hèm, sưng thối thịt lấy sừng đặt vào sẽ rút hết máu độc. Mùa sừng xanh bỗng hóa tím, bỏ vào dấm ngâm vài giờ, chất độc tan ra.

53. THẦN KÊ

Vào những năm 1937-1938 nạn khủng khoảng kinh tế chấm dứt, đồng bào miền Nam sống trong cảnh sung túc, thanh bình. Ở mây tinh miền Tây : Phong-dinh, Kiến-phong, An-giang, một số người nuôi gà nòi đá ăn tiền, gây thành một phong trào khá sôi nổi.] Ban đầu thì cuộc tranh tài giữa gà xóm này với gà xóm khác, lẩn lẩn lan khắp tỉnh, rồi gà tinh này chơi với gà tinh kia, sau cùng có người đem gà lên Nam-vang đá với gà của Việt-kiều.

Trước đây, ở Cao-miên có một loại gà tên là Tà-lóc chuyên đá đòn, nghĩa là không dùng cựa nhọn chỉ dùng sức mạnh của đôi chân, vì gà này không mọc cựa dài, nhọn như gà nòi của ta.

Tuy nhiên, chúng cũng đá nhau rất hăng, nhiều khi kéo dài trận chiến đến lúc có một con chết mới thôi. Người Việt tha hương thường nuôi gà Tà-lóc để làm thú tiêu khiển chứ không dùng làm một môn cờ bạc. Khi nghề nuôi gà đá, gà nòi ở miền Nam trở nên sôi nổi, nhiều kiều bào về quê mua gà giống nuôi và mở trường đá gà ăn thua với nhau, các tay nuôi gà có tên tuổi ở miền Nam đều có tham dự vào nơi giỗn tiền này, trong ấy có ông Lê-quang-Hiền tục gọi là ông Hai Hiền ở quận Cao-lãnh, nay là tỉnh Kiến-phong, thường lui tới nhất. Câu thơ :

Gà nòi Cao-lãnh nghề hay nhất,
Chơi với gà Miên-hoàng xứ nòi danh..

Còn truyền tụng trong nhân dân đủ chứng tỏ sự kiện ấy.

Trong số gà tiếng tăm của giới kiều bào có một con vô song địch mà người thời bấy giờ tặng là Thần-Kê.

Đó là con gà ô cựu đuôi của ông Lâm-Minh-Sến & xã Vĩnh-lợi-tường thuộc quận Peamchor (đọc Bim-Cho) tỉnh Prey Veng, giáp giới xã Thường-phuốc, quận Hồng-Ngự, tỉnh Châu-đốc nay thuộc về tỉnh Kiến-phong.

Sở dĩ địa danh lãnh thổ Cao-miên lại mang tên Việt là vì dưới thời Pháp-thuộc, những xã ở gần vùng biên giới có nhiều Việt-kiều được chánh phủ Bảo-hộ lấy tên Việt và cử một vị Xã-trưởng (Mékhum) người Việt cầm đầu, ví như xã Kim-tấn thuộc quận Svay-riêng, xã Mỹ-quý thuộc quận Kôs Thom, tỉnh Kandal. Năm 1943, chánh phủ Hoàng-gia Cao-miên bãi bỏ lệ ấy, đặt lại tên Miên ; xã Vĩnh-lợi-tường gọi là Trapeang Svay Phlaus.

Ông Sến là một Việt-kiều kỳ cựu sanh trưởng ở đất Miên. Tô tiên ông đã phá rừng làm rẫy được làm chủ sở đất theo luật lệ của chánh phủ Pháp, truyền lại cho ông khai thác.

Bà vợ nuôi heo, gà, vịt, chăm sóc vườn rau và cây ăn trái xung quanh nhà như những Việt-kiều khác. Nhà ông cắt bằng ván lợp ngói theo lối nhà sàn ở dọc sông Cửu-long để chịu đựng mỗi năm một lần nước ngập.

Trong mấy tháng nước dâng cao gà, vịt ở trong một cái chuồng rộng phía sau, đầy đủ tiện nghi.

Nhân ngày đầu năm 1938, ông đi xem đá gà trong xóm, thấy hình dáng con gà nòi có vẻ oai phong, hùng hào thì lấy làm thích ý, bèn tìm mua hai cặp trống mái gây giống.

Ông nuôi bốn con gà nòi rất kỹ, khi chúng biết đạp mái, ông nhốt riêng trong góc sân để bầy gà con không lai giống khác. Kết quả cặp thứ nhất được tám con, cặp thứ nhì được bảy con; bị diều sót một.

Trong số mười bốn con gà con có tám con trống màu sắc khác nhau, đặc biệt nhất có một con đen huyền không có đuôi. Ông Sến lấy làm thích thú trước vẻ dị dạng này; ông đặt tên nó là Ô-truy và cho rằng nó là con ngựa của Hạng-võ tái sanh!

Ông cũng đặt tên cho bầy con một tên nhân vật trong truyện Tàu như Tiết-Quí, La-Côn, Tần-Hoài-Ngọc..

Ngoài giờ vắt và với nương sẵn, giồng khoai, ông luân quẩn bên đám anh hùng tí hon chăm sóc thức ăn, nước uống và đề ý xem hết từng cử chỉ, hành động của chúng.

Ông chú ý vào con gà ô cụt đuôi nhiều nhất vì nó có vài nét khác thường. Cùng một bầy nhưng nó ít khi đi chung, một mình lùi thui trong góc sân và mỗi lúc nằm nghỉ, không bao giờ nó nằm dưới đất, nó tìm nhánh cây hay hàng rào nhảy lên đậu.

Ngắm thân mình tròn thu lu một cục vắt trên cao, ông Sến không khỏi bật cười. Ông lấy tre đóng một cái giàn riêng cho nó có chỗ đậu nhất định, để nó không nghỉ ở nơi nào khác.

Khi mọc mồng, tích và biết gáy, bầy gà tí te ngại sị cả ngày. Ông Sến đề ý xem con Ô-truy của ông gáy nghe thế nào thì thấy nó rất ít cất tiếng. Thỉnh thoảng giữa đêm ông nghe có tiếng gáy lạ, trầm trầm thì độ chừng là của nó thôi. Bầy gà trò giờ thích gáy sự đá nhau đe đùa giỡn hoặc dành gà mái, nhưng con Ô-truy

không thích nhập bọn với chúng hình như nó có ý tránh những sự va chạm.

Thảng hoặc con nào cõi tình hiếp đáp nó thì nó nòi giận lên xù lông cõi, quạt cánh, vươn cao mình đứng thủ thế xem đẹp mắt vô cùng. Trước dáng dấp hùng dũng ấy, địch thủ của nó rút lui không dám xông tới!

Ông Sến đã chứng kiến mấy lần như thế lấy làm thích thú và không khỏi ngạc nhiên. Ông cho rằng con gà dị tướng này ắt có cái lông, cái vảy gì quý giá lắm mà tiếc rằng ông không biết khám phá ra.

Có lần ông thấy nó đá lộn với con gà nòi hàng xóm. Con này cũng đồng một cõi với nó, thường hay mò qua đá gà cùng bầy nó và đập mái. Một trận thư hùng diễn ra, con gà cụt đuôi, tuy chân mới lú cựa, đã giáng nhiều đòn chí tử vào đối phương khiến con gà kia cắm đầu chạy thoát mạng. Từ đó, gà bại trận không dám qua sân nhà ông Sến nữa.

Ông Sến hả hê ngồi xem, tự cho mình mãn nguyện lắm rồi.



Trong làng Vĩnh-lợi-tường có ông Xã Nguyễn văn Cập, một Việt-kiều đã từng làm Xã một khóa, rất thích đá gà. Ông mướn một người sành nghề săn sóc mười con gà thiện chiến nhất làng của ông. Hằng tháng, ông tham dự nhiều trận so tài giữa gà của ông và gà ở các xã lân cận với số tiền độ khá cao. Thỉnh thoảng các ông nuôi gà ở Nam, nhất là ở Cao-lãnh đem gà lên dự chiến. Nhờ

năm sát lắn ranh nên làng Vinh-lợi-tường đón tiếp nhiều đồng bào nhất. Tên tuổi ông Xã Cập nổi tiếng một thời với tánh tình hào hiệp, rộng rãi, thích giao du và nhất là nhở mấy con gà nòi đặc biệt của ông.

Một hôm, ông đến nhà ông Sến xin coi con gà cựu đuôi theo lời giới thiệu của người nuôi gà. Ông Sến hân diện được một tay sành gà chú ý đến con Ô-truy. Ông mời ông Xã xuống sân ra phía sau.

Thoạt nhìn bước đi đúng đinh của con vật dị tướng, cả hai đều buột miệng kêu lên một tiếng « ồ » kinh ngạc.

Ông Xã Cập ngồi xồm xuống đất lấy cặp kiếng mang vào, chăm chú nhìn con gà từ đầu đến chân, từ phía sau đến phía trước. Ông lầm bầm : « Quả đúng rồi ! Đúng theo sách rồi ! »

Quyền sách ông nói là cuốn Kinh-Kê của người Trung-hoa sưu tầm về phương pháp nuôi gà nòi mà các tay sành nghề nào cũng có giữ hoặc ghi, chép những điều cần thiết.

Người nuôi gà đi vòng sang gốc sân khom lưng theo dõi từng cử động của con thú. Ông ta gật gù, tặc lưỡi từng chập, đoạn đến gần Xã Cập bảo xin phép coi vầy, coi lông.

Ông Sến không ngần ngại đưa tay tróc. Gà cựu đuôi đứng lại nhìn, thẳng thẳng bước tới. Ông bồng nó một cách tru mến, vuốt nhẹ từ đầu xuống lưng, đưa ông Xã.

Xã Cập đón bồng con gà, đưa lên xem sức nặng rồi đè nó đứng xuống đất, một tay giữ ngực gà, một tay bóp mỏ đè xem lưỡi. Giữa cái lưỡi màu hồng lợt có một cái bót đen,

Ông Xã nói với người nuôi :

— Lưỡi có bót !

Người ấy reo lên :

— Ủi trời ! Từ hồi nào đến giờ tôi mới thấy một con gà như thế này.

Ông Sến ngạc nhiên hai người khách, không hiểu cái bót trong lưỡi gà có giá ở chỗ nào.

Ông Xã mỉm cười :

— Chỗc nữa tôi sẽ nói ông nghe.

Ông vuốt lưng gà, kéo cái cánh bên mặt ra xem từng cái lông, đoạn kéo cánh bên trái.

Ở giữa cánh có một cái lông dài lối một tấc, màu đen và láng như long heo rừng mọc phía dưới cái lông thường. Ông Xã vội buông cánh gà, ôm nó vào lòng, rên rỉ :

— Trời ơi ! Lông voi ! Lông voi !

Người nuôi gà cũng không cầm được vẻ cảm xúc, đưa tay vuốt lưng con gà vừa nói với ông Sến :

— Ông có phước quá ! Thần tài vào nhà ông mà ông không biết.

Ông Sến càng ngạc hết nhìn con gà đến nhìn hai ông khách.

Ông Xã Cập mỉm cười mà rằng :

— Đừng nóng ông bạn, chốc nữa tôi sẽ nói ông nghe.

Ông bồng gà, đưa lên cao coi cặp chân. Ông vạch mấy ngón chân ra, trọn tròn mắt ngó cái vầy rất nhỏ mọc trong kẽ ngón chân giữa.

Ông chỉ cho người nuôi gà xem rồi đè gà xuống đất, không nói lời nào vì quá xúc động.

Ông Sến cũng mở tròn mắt hỏi :

— Gi vậy ông Xã ? Gi vậy ông Xã ?

Người nuôi gà đỡ lời :

— Vầy yêm lông ! Vầy yêm lông !

Ông Sến lại hỏi :

— Vầy yêm lông là vầy gi ? Ở đâu ? Có ăn thua gi đến con gà không ?

Ông Xã Cập không trả lời câu hỏi, thả gà cho đi ra giữa sân, đứng dậy kéo tay ông Sến :

— Chúng ta lên nhà, tôi có chuyện muốn bàn với ông..



Sau ly nước dừa giải lao, Ông Xã Cập thành thật nói với ông Sến rằng :

— Ông có một con gà quý giá vô cùng, đáng gọi là Thần-Kê theo sách vở. Trước khi giải thích những điểm đặc biệt vừa phát giác, tôi muốn hỏi ông một câu : ông định nuôi gà để đá như tôi hay nuôi để coi chơi ?

Ông Sến đáp :

— Ông Xã dù hiều tôi không biết nuôi gà đá và không thích chơi món gà có ăn thua bằng tiền bạc. Tôi nuôi gà để coi chơi thôi.

Ông Xã có ý mừng :

— Tôi nói câu này có vẻ không phải, nhưng nói thật tình có vẻ tốt hơn là nói quanh co, tôi muốn ông nhường con Ô-truy lại cho tôi nuôi đá, chứ đẽ như vầy cho đến già, đến chết thiệt là uồng đời nó lâm, và cũng thiệt thòi cho mình. Thà không biết thì thôi chứ đã hiểu qua chút ít trong nghề tôi không thể bỏ qua được,

Ông Sến làm thịnh một hồi mới nói :

— Ông cho tôi suy nghĩ một vài ngày sẽ trả lời dứt khoát. Böyle giờ ông có thể cho tôi biết con gà cút đuôi hay dở ở chỗ nào chẳng ?

Ông Xã Cập nói :

— Giữa ông và tôi là chỗ anh em quen biết từ lâu, cư ngụ chung một làng, tôi không bao giờ dở thói lưu manh đe gạt ông. Tôi xin nói trước câu này : Nếu ông không nhường con Ô-truy cho tôi thì tôi khuyên ông nên huấn luyện nó thành gà đá, ông sẽ làm giàu nhờ nó đấy. Böyle giờ tôi nhờ ông bạn tôi cất nghĩa cho ông nghe.

Người nuôi gà nói :

— Con gà này có ba điểm đặc sắc mà người nào biết chơi gà cũng mong ước tìm được một điểm thôi ; chỉ cần một điểm cũng đủ gây sóng gió khắp các kê trường. Con Ô-truy lại có được cả ba, quả thật là gà Thần trên đồi, ngàn năm chưa dễ tìm thấy con thứ hai. Trước hết là cái bót đèn trên lưỡi, chứng tỏ nó có một sức mạnh và tài lực phi thường. Dù cho loại gà có bót lưỡi thường có khắp nơi nhưng ít khi có bót nào đèn sậm như nó. Nhiều con chỉ có bót màu đỏ sậm thôi. Thứ đến là cái lông voi, gà nào có lông này là gà vô địch, là gà Thần. Lông voi còn mọc ở đuôi, nhưng con Ô-truy không có đuôi nên mọc ở cánh. Sau cùng là vây yêm lông, cái vây rất nhỏ mọc trong kẹt ngón chân giữa : Gà có vây yêm long không ai có thể đoán biết tài nó. Vây gà mọc nhiều chỗ khác nhau, mỗi vây có tên riêng như vây Nhơn-đầu-hồ, vây Huỳnh-kiều, Điều-tự, Án-dịa, Án-thiên và mọc từ trên đầu gối xuống đến bàn chân. Con nào có vây

nào thì có tài riêng biệt như đá dĩa, đá đòn, đá yết hầu... nhưng có vảy yêm lông thì không có ông thầy gà nào dám quả quyết tài của nó. Tóm lại, con Ô-truy có ba đặc điểm thượng thặng kè trên thì đáng gọi là chúa của loài gà chọi không phải là gà đá thường.

Ông Sến há hốc miệng nghe, mắt sáng rực lên. Ông không ngờ con Ô-truy đáng giá ngàn vàng như thế. Trước sự kiện xảy ra quá đột ngột, ông không biết phải quyết định thế nào ? Bán hay nuôi đẽ đá ? Ông tin lời ông Xã và người nuôi gà là thành thật vì không ai có ý gạt gẫm ông, trái lại còn đề nghị với ông làm việc có lợi nữa. Ông phác họa trong óc cảnh tượng một trường gà, thiên hạ ồn ào khen tụng con Ô-truy sau trận đấu oanh liệt đã hạ đối phương bò mạng.

Ông Xã Cập vỗ vai làm ông giật nẩy mình, mím cười gượng gạo.

Ông Xã hỏi :

— Ông nghĩ thế nào ? Bán cho tôi hay đẽ nuôi.

Ông Sến hỏi lại :

— Ông trả tôi bao nhiêu ? Còn nuôi thì tôi phải làm thế nào ?

Ông Xã đáp :

— Ô-truy là con gà vô giá, nếu ông bán thì nói bao nhiêu tôi cũng mua, còn như ông tính nuôi như tôi và tôi cùng hợp tác với ông, tôi sẽ giúp ông mọi phương tiện sẵn có rồi mỗi trận đá chúng ta sẽ tính toán với nhau.. Tôi nói thật, tôi dám cầm thế nhà, đất đẽ theo con Thần-Kè này.

Người nuôi gà ngỏ ý :

— Nếu ông bạn bằng lòng hợp tác thì tôi sẽ cố gắng tạo cho Ô-truy thành một Thần-kê đúng theo ý nghĩa của sách vở đề mỗi độ tôi trút hết tiền túi vào.

Ông Sến tinh thâm, bán thì tiếc và lại cũng không biết nói giá bao nhiêu, đề nuôi thì thấy không có thiệt thòi gì mà còn hy vọng có nhiều lợi, bèn nói :

— Tôi chịu hùn với hai ông đề thử thời vận.

Bắt đầu ngày ấy, ông Sến làm một cái chuồng riêng biệt cho con gà cụt đuôi, cho ăn uống bằng lúa, bắp và nước lỏng phèn cần thận. Mỗi buổi sáng, người nuôi gà đến xem xét thức ăn, chỉ dặn cách thức gìn giữ đàn gà mái và ăn định giờ giấc thả gà đi quăng ngoài sân trống.

Đến thời kỳ cắt lông, hót mồng và tích, người nuôi gà cùng ông Xã Cập thực hiện rất chu đáo.

Gà cụt đuôi càng ngày càng lớn, cựa mọc dài và nhọn, dáng đi chắc nịch, nét mặt lầm lì.

Ông Xã dặn ông Sến không nên tiết lộ những gì đã biết về con gà để tránh sự sợ hãi của các tay nuôi gà khác. Nếu không chịu cho gà họ đá thì có phải uồng công hay không ? Thỉnh thoảng ông đem « sô » một lần, sô là đá thử, cựa gà bịt lại bằng miếng vỏ của trái dừa khô. Mỗi lần sô như thế ông đem gà ra đồng vắng chỉ có ông Sến và người nuôi xem thôi. Quả nhiên, con Ô-truy đá mỗi lần mỗi có đòn khác nhau, mà đòn nào cũng ác liệt ra trò. Không có con nào chịu nổi nó quá ba hiệp.

Nhiều con vừa gặp nó đã chạy mất, nhất là khi nó đập cánh vươn mình cất tiếng gáy. Điều này khiến ông Xã Cập lo buồn vì nếu con gà nào cũng chạy mất Thần-

kê thì làm sao ông thâu lợi được ? Không lẽ cả ba ông bồ bao nhiêu công phu, tiền bạc để tạo một thần tượng hay sao ?

* * *

Nhưng sự lo ngại của ông Xã Cáp gần như không thành vấn đề. Lần đầu tiên xuất trận ông cáp với một con gà điệu trong xã. Người chủ gà thấy tướng kỳ dị của con Ô-truy có ý khinh thường, đòi tiền độ cao hơn.

Ông Xã cười thầm, chấp thuận ngay. Thật ra con gà điệu cũng là một địch thủ lợi hại đã đâm hai vít vào ngực và một vít vào vai con gà cụt đuôi. Ba vết thương này khiến nó nỗi giận phóng một đòn chí tử, thọc cựa vào cổ gà điệu.

Con vật khốn nạn ngã ra chết tức khắc.

Tiếng tăm của Ô-truy bắt đầu nổi dậy trong lúc ông Xã, ông Sến và người nuôi gà lo săn sóc vết thương cho nó. Số tiền ăn độ nhiều hơn số vốn đã bỏ ra !

Ông Sến thấy vui lòng và tràn trề hy vọng. Một tháng sau, Ô-truy lành mạnh hẳn, ông Xã đem ra trường tìm đối thủ. Lần này, nó đụng với một con gà xám của ông chủ ghe đáy ở xã Mỹ-quí trên hulu ngạn sông Cửu-long, ngang xã Vinh-lợi-tường. Xã Mỹ-quí thuộc quận Kos Thom tỉnh Kandal là một xã có đông Việt-kiều nhất.

Ông chủ ghe nghe tiếng con Ô-truy quyết lòng đem con gà Xám mà ông đặt tên là Bạch-hồ đến so tài. Ông tin chắc rằng Ô-truy bị thương vừa mạnh chưa hồi phục đủ phong độ khả dĩ thắng được Bạch-hồ. Ông bỏ hết tiền túi cáp độ với ông Xã đến nỗi cả ba ông trong công

ty chung đậu vào mồi đú số. Nhưng ông chủ ghe không ngỡ con Ô-truy hình như quen chiến trận đã tỏ ra xuất sắc vô cùng. Suốt hiệp đầu nó đá giàn trên, mỗi lần nhún chân là bay vọt lên cao phóng vào đầu gà xám khiến con này chỉ lo cúi đầu né tránh không phản công đòn nào hữu hiệu.

Vào đầu hiệp thứ nhì, nó đổi chiến lược, xáp-lá-cà. Một ngọn đá thăn tốc mà không ai thấy kịp đã móc rách mí mắt gà xám lòi tròng ra ngoài. Gà xám đâm đầu chạy te. Ông chủ ghe méo mặt ôm gà về ngay vì đã hết tiền.

Trong ngày đó, con Ô-truy dư sức đá thêm độ nữa nhưng không ai dám cáp gà mình với nó. Một số kiều bào trong xóm được khá nhiều tiền nhờ phóng bắt theo nó. Lời đồn đãi càng ngày càng lan rộng khiến những người có gà gần đây tránh mặt Xã Cập, chịu thua trước cho xong. Ông Xã thấy có sự, bàn với ông Sến đem Ô-truy lên thủ đô Nam-vang để đá với gà của hai vị Hoàng-thân trong Triều. Ông Sến thấy ý định quá to thì ngần ngại không dám, và lại ông sợ không có đủ tiền cáp độ.

Ông Xã bèn đề nghị đi qua tỉnh Svay-riêng, chắc chắn sẽ gặp những tay nuôi gà số một ở Trảng-bàng, Gò-dầu-hạ thuộc tỉnh Tây-ninh. Ông Sến bỗng lòng nhưng chưa kịp lên đường thì có tin một vị đại diền chủ ở Cần-thơ bây giờ là Phong-dinh đem con gà nhạn tên Triệu-Tử-Long quyết ăn thua đủ với Ô-truy.

Gà này chỉ có cái vây Yêm lông ở kẹt ngón chân đã hạ hàng chục đối thủ ở mấy tỉnh miền Tây Việt-nam nỗi tiếng là vô địch.

Ông Xã Cập gác chuyện đi Svay-riêng, đưa Ô-truy ra trường.

Trận đấu kinh hồn giữa hai tay kỳ phùng địch thủ biến thành giải thoại trong lịch sử đá gà nòi, được kiều bào nhắc nhở mỗi khi tết trung thu. Lúc hai bên làm giấy tờ về số tiền độ, Triệu-Tử-Long đứng trong bối cảnh Ô-truy vài thưa, vươn mình, đập cánh gáy như khiêu khích. Đáp lại, gà cựu đuôi cũng ngang đầu gáy vang lên !

Hầu hết kiều bào ở Vinh-lợi-tường đều phóng bắt bên Ô-truy còn những người theo vị điền chủ thì theo bên Triệu-Tử-Long. Khi trận chiến bắt đầu, mọi người nín thính theo dõi từng động tác của hai con vật.

Suốt hiệp thứ nhất hai con giữ thế lẩn nhau, thỉnh thoảng xáp lại đá một cái không trúng vào đâu; qua hiệp thứ nhì, gà nhạn vừa rút vào dĩa, chưa kịp phóng chân đã bị gà Ô đá té lăn ra ngoài, chót cựa gà Ô móc rách một đường trầy trên bắp vẻ trái gà nhạn, không sâu lắm. Con gà bị thương hơi nhột một chân nhưng nó nồi xung lên xáp-lá-cà đá dữ dội. Gà Ô bị trúng ở cõi một vết đồ máu.

Qua hiệp thứ ba, nhờ tay làm nước giỏi, hai con gà có vẻ sung sức như thường. Gà nhạn tấn công ngay bằng nhiều cái đòn thật mạnh.

Quả đúng như lời trong sách vở, loại gà có vảy Yêm lông có nhiều thế đá lạ lùng không ai có thể đoán được, vị chủ điền ngạc nhiên nhìn con Triệu-Tử-Long một cách khoái trá. Ông nghiêng đầu nói nhỏ với người đi theo ông, có lẽ là người nuôi gà rằng ông sẽ thắng.

Bên kia, ông Xã Cập cũng ngạc nhiên nhìn con gà

nhạn không chớp mắt và lấy làm lạ trước vẻ nhút nhát của con Ô-truy cứ né tránh đòn không chịu phản công. Gà nhạn đá liền sáu lần thì gà Ô quay lưng hình như muốn chạy khiến ông Xã hốt hoảng gần nhảy vào đầu trường! Kiều bào Vinh-lợi-tường đều «ồ» lên nhiều tiếng kinh ngạc giữa lúc đồng bào bên ông Điền chủ mỉm cười sung sướng.

Gà Ô vừa xây minh thì gà nhạn chồm theo cắn trên lưng đá với một cái, ngọn đá này không trúng vào đâu vì gà Ô bước thêm bước nữa, đồng thời nó xoay trở lại đá vụt lên. Gà nhạn vừa mới đặt hai chân trên đất chưa kịp lấy thăng bằng nên không né tránh nỗi.

Cả hai đầu cựa nhọn của gà Ô đâm lút vào cõ! Gà nhạn ngã xuống giãy đành đạch.

Người nuôi gà của ông Xã Cập hét to lên:

— Trời ơi ! Ngón Hồi-mã-thương của La-Thành !

Tiếng hoan hô Ô-truy vang dậy cả xóm. Kiều bào bàn tán, nhắc nhở, đồn đãi cả mấy tháng liền.

Ông Điền chủ ôm xác gà nhạn chảy nước mắt, không phải ông khóc vì thua tiền nhưng vì thương tiếc con gà có vảy Yêm lông đã có một quá khứ phi thường mà bây giờ bỏ xác ở xứ Cao-miên !

Ông xin phép ông Sến xem con Ô-truy và khi khám phá ba đặc điểm của nó, ông mới ngã ngửa ra. Ông ngó ý muốn mua Ô-truy để đem về miền Nam làm bá chủ nhưng ông Sến nhẽ nhặt khước từ.

Tỉnh ra Ô-truy mới đá ba độ đã đem cho ông Sến và ông Xã Cập một số tiền khá to. Bấy giờ ông Xã quyết định bỏ chuyến đi Svay Rieng để đi Nam-vang trước.

Ông nói rằng nếu muốn cho Ô-truy « danh vang Hết hạ » thì phải đến thủ đô cho nó hạ một vài con gà nòi riêng vô địch của các ông Hoàng Cao-miên.

Ông có nghe trong giới nhà nghề truyền khẩu với nhau có con gà bông đen, trắng mang tên Krong-pha, một danh tướng thời xưa, đã thắng hơn mươi trận mà vẫn còn đầy đủ phong độ. Ông nhất quyết cho Ô-truy thử tài với con gà ấy.

Ông Sến cũng nhận thấy rằng nếu luân quẩn ở trường xã nhà thì không còn ai dám cáp độ với Ô-truy nên đồng ý đi Nam-vang.

Người chủ của Krong-pha là vị Hoàng-thân S.R.N. nghe tin có người đem gà đấu với gà mình thì sung sướng lắm.

Hơn hai tháng qua, ông ôm gà ra trường mà không có đối thủ.

Ông nghe người ta đồn về con Ô-truy nhưng ông không tin hẳn, nhất là quá tự tin ở gà mình nên sốt sắng nhận lời.

Số tiền độ cao gấp ba lần độ vừa qua. Ông Xã Cập, ông Sến và người nuôi gà vét hết tiền túi ra đánh. Hầu hết nhà nghề ở Nam-vang đều có mặt phóng bắt theo phe gà của ông Hoàng. Ai cũng định ninh rằng con gà cự đuôi không thè nào chịu nỗi quá hai hiệp, cũng như tất cả những con gà trước.

Vừa mở màn, Krong-pha đá như vũ bão. Ô-truy thực lùi né tránh đến năm lần mới trả đòn.

Nhưng suốt hiệp thứ nhất không có gì đáng chú ý, Krong-pha bị trầy ở đùi, Ô-truy trầy ở ngực sơ sài.

Qua hiệp thứ nhì, Krong-pha đá giàn trên, mỗi ngọn vọt ra là đôi cánh đậm mạnh đưa thân mình lên cao. Ngón này chính Ô-truy đã dùng rồi, nên nó tránh dễ dàng, nhưng không đá trả lại được. Cả hai đều co đến hết giờ, sang hiệp thứ ba.

Mọi người bàn tán sôi nỗi lối đá kỳ dị của hai đối thủ đồng sức, đồng tài.

Ông Hoàng Cao-miên có vẻ nóng ruột rỉ tai với người ngồi bên cạnh. Người này đi ra ngoài một lát, bắt một người khác vào làm nước cho gà Krong-pha. Đó là ông thầy bùa, tự xưng là có phép làm cho gà đá hăng, đá giỏi giết đối thủ rất mau. Ông ta ngâm rượu phun vào chân gà, đọc thần chú làm thăm, một tay bồng gà một tay đưa qua đưa lại xung quanh cắp cựa.

Khi đến giờ đá, ông thả gà vào trường nhìn ông Hoàng một cách kín cẩn và ra vẻ đắc ý.

Gà Krong-pha hình như nỗi khùng lui vào gà Ô-truy đá thuat mạng. Bị hai vết ở ngực và bụng đồ máu, Ô-truy cũng phát giận cắn trên cổ Krong-pha đè xuống thốc lên ngực.

Mũi cựa không đâm lút vào sâu chỉ rọc rách một đường dài lòi thịt. Krong-pha quá đau, kêu oác một tiếng lùi lại đứng thở.

Con Ô-truy không chút nao núng nghênh địch tức khắc. Nó chui vào dĩa đối phương đá thẳng lên bụng. Một đầu cựa quét rách đùi Krong-pha khiến nó lùi ra lần nữa.

Mọi người chưa biết phản ứng của nó thế nào thì

tiếng chuông dứt hiệp vang lên. Hai người làm nước bắt gà vào góc trường.

Vào hiệp thứ tư, Ô-truy tấn công trước đá tái tấp.

Krong-pha lui một bước tránh được cả hai đầu cựa vào ngực nhưng cái hàm dưới húng chịu một mũi, khiến nó bật ngửa ra, giãy đành đạch máu họng trào như suối. Ô-truy xáp lại cắn vào cổ đá thêm. Krong-pha gượng đứng dậy loạng choạng chạy lùi vào vách trường.

Thanh toán tiền bạc xong, ông Hoàng S.R.N mời ông Xã Cập và ông Sén đến nhà ngỏ ý muốn mua con Ô-truy. Ông Sén không dám từ chối, và lại có giữ con gà vô địch cũng để chơi thôi, nên ông gạt lệ vĩnh biệt Ô-truy.

* * *

Thần-kê Ô-truy bước sang cuộc đời mới. Nó đã thắng bốn trận oanh liệt, đem cho chủ nó một số tiền khá to. Về với chủ mới nó được ở trong một cái lồng tuyệt đẹp, ăn toàn thóc, bắp và cải xà-lách.

Một ông quan trong Triều gốc Phi đề nghị với ông Hoàng đem Thần-kê sang Manille đá với gà Phi, chắc chắn sẽ được nhiều tiền hơn và nổi tiếng ở quốc tế. Vì Hoàng - thân triệu phú nghe nói lấy làm bùi tai bèn tổ chức chuyến du lịch.

Tàu ra giữa biển khơi gặp một trận bão to suýt chìm. Thần-kê bị nhồi lắc ngả té nhiều lượt và chịu không nổi khát khí ngọt ngọt, hôi hám dưới hàm nên chết rụt trong lồng.

Khi sóng lặng, gió êm, ông Hoàng ngàn ngờ nhìn con vật mà ông đã mất hai số tiền khá to, và sau cùng ông cầm luôn cái lồng bỏ xuống nước.

Cuộc đời oanh liệt của con gà thần kết thúc dưới làn sóng Thái-bình-dương, nhưng vẫn còn ghi mãi trong lòng đồng bào mộ điệu và Việt-kiều ở xã Vĩnh-lợi-tường.

54. VỊ ANH HÙNG LÀNG TUẦN-LỄ

Dự ở triều Vua Minh-Mạng nhà Nguyễn tại làng Tuần-lễ, huyện Hương-sơn, tỉnh Nghệ-an có một người tên Lãnh-Tạo, có một cái bớt đỏ ở lỗ tai. Thuở còn bé Lãnh-Tạo rất thông minh, học chữ cũng hay, luyện võ cũng giỏi, nhưng tánh nết hoang tang, cờ bạc rong chơi suốt ngày. Một lần thua hết tiền, Lãnh-Tạo đi ăn trộm, không may bị chủ nhà vỉ bắt giải lên huyện. Vào trong ngục Lãnh-Tạo bẻ xiềng tim cách leo tường trốn lên núi, không dám về nhà. Ở đấy, Lãnh-Tạo tụ tập đồng đảng nồi lên làm giặc, lấy Truông-mây làm sào huyệt. Bọn đầu trộm, đuôi cướp phục tài Lãnh-Tạo rủ nhau theo rất đông. Bọn giặc tồ chức đội ngũ hồn hôi.

Bấy giờ triều đình cử một viên quan ra Nghệ-an trấn thủ, chiêu mộ dân chúng. Thiên hạ đều quy phục nhà Vua, chỉ có một mình Lãnh-Tạo nhất định không hàng. Quan Trấn-thủ liền treo yết thị truyền cho ai bắt

được Lãnh-Tạo sê thường một trăm lượng vàng và cho làm quan tùy theo tài sức.

Lãnh-Tạo nghe tin bèn giả làm Quan Khâm-sai của Vua phái đi thanh tra các tỉnh, cho đàn em ăn mặc làm quân lính theo hầu rầm rộ, cầm cây cờ đỏ viết bốn chữ vàng : « Phụng mạng Khâm - sai » kéo nhau đi thẳng vào phủ đường. Các viên chức và quân sĩ ở ngoài tưởng thiệt không dám ngăn trở, vái chào kính cẩn và vào trong thông báo. Quan Trấn-thủ lật đặt thăng trường tiếp quan Khâm - sai. Vừa đổi diện, thì Lãnh-Tạo nắm tay ông mà rằng :

— Ngài có biết mặt Lãnh-Tạo không ? Có biết nó là ai không ? Lãnh-Tạo là tôi đây. Ngài xem cái bót đỏ ở lỗ tai thì rõ. Tôi đến đây để hỏi Ngài, tôi có tội gì mà Ngài truyền rao bắt tôi. Böyle giờ tôi về tại phủ của Ngài, vậy Ngài tính lẽ nào ?

Ông quan kinh sợ bayほn, ráng giữ lòng bình tĩnh, đáp :

— Ta vâng lệnh Vua đến bình định tỉnh này, thiên hạ đều phục, chỉ có một mình nhà ngươi nên ta phải ra lệnh bắt. Nay nhà ngươi ra mặt rồi, ta ban cho một trăm lượng vàng, ba trăm lượng bạc hãy trả về với triều đình, cùng ta kết bạn, ta sẽ tâu Vua tha tội và ban chức tước hầu trồ tài giúp đời.

Lãnh-Tạo lắc đầu :

— Vàng, bạc thì tôi nhận, còn làm thì không. Tôi thích vùng vẫy ngoài vòng cương tỏa cho thỏa chí nam nhi. Ông hãy cho một trăm tên lính khiêng vàng bạc và đưa tôi về trại.

Quan Trấn-thủ không thè từ chối phải làm theo lời Lãnh-Tạo. Ông tức giận vô cùng, thầm nghĩ:

— “Từ ngày ra làm quan đến nay ta chưa bao giờ bị ai gạt, bây giờ mắc mưu thằng Lãnh-Tạo thật là xấu hổ quá!”

Ông cho rằng lỗi tại các viên chức và quân sĩ canh gác không phân biệt thiệt, hư nên ra lệnh chém đầu hết. Đoạn ông cho người bắt mẹ và vợ Lãnh-Tạo nhốt trên cột chòi cao ba trăm thước, cố ý cho y ở xa cũng nhìn thấy. Ông viết thơ gởi Lãnh-Tạo, đại khái gọi y về đầu hàng, bằng không thì xử tử hai người đàn bà ấy.

Lãnh-Tạo xem thơ, than rằng:

— Dù mình có giàu sang tột bức ngựa cõi, lọng che mà đê mẹ chết thảm thì là đồ bất hiếu. Không có mẹ làm sao có mình, làm con mà bất hiếu thì đứng giữa trời đất sao gọi là người được.

Lãnh-Tạo dắt hết đồng đảng về tinh quy phục. Đến cửa thành, y làm một bài phú; tự cho mình tài giỏi mà không làm chi có ích cho đời, chỉ vì thương mẹ mới quy thuận mà thôi. Quan Trấn-phủ xem bài phú thấy có ý tự phụ và xác xược, lại nhớ chuyện vừa rồi, liền truyền lệnh chém Lãnh-Tạo. Ông làm sớ tâu Vua kèm theo bài phú.

Vua Minh-Mạng trách ông tại sao không đưa Lãnh-Tạo về kinh cho Ngài xem người tài giỏi, và phạt ông không được lãnh lương một năm.

55. NGƯỜI ĐỌC SÁCH TRONG RỪNG MỸ-HÓA

Giữa hai tỉnh Hà-tĩnh và Quảng-bình có ngọn núi Cao-vọng rất cao lớn, phía trong giáp với nước Ai-lao, phía ngoài đến tận bờ biển, giữa núi có một con đường gọi là Đèo-ngang. Gần đèo có làng Mỹ-hoa, trong ấy có một cái lũy cây cối rậm rạp như khu rừng nhỏ. Về đêm, đồng bào nghe một đứa trẻ đọc sách trong rừng, tiếng vang xuống đến xóm. Nhưng ban ngày có người vào kiểm không thấy nhà cửa ai cả.

Đến đời nhà Tây-Sơn thứ mười lăm, trong làng Mỹ-hoa có ông Đặng văn Bình vợ là Nguyễn thị Phước tuổi ngoài năm mươi mà không có con. Một đêm kia, ông Bình thấy một cậu nhỏ trong rừng đi vào nhà.

Ông hỏi :

— Mày đi đâu, đến đây có việc gì ?

Đứa nhỏ đáp :

— Tôi thấy ông bà là người nhân đức nên tôi muốn ở làm mướn giúp ông bà.

Ông hỏi :

— Mày muốn ở mấy năm ?

Đứa nhỏ đáp :

— Dạ, hai mươi năm.

Ông nói :

— Mày còn nhỏ quá mà chỉ ở hai mươi năm thì tao nhỡ mày được bao nhiêu lâu ? Tao muốn mày ở ghiều năm hơn nữa kia,

Đứa nhỏ hỏi :

— Ông muốn cho tôi ở mây năm ?

Ông đứa :

— Tao muốn mây ở một trăm năm, chịu không ?

Đứa nhỏ nói :

— Chà ! Ông tham quá. Ở đời ít có ai sống được
một trăm năm. Chắc ông biết câu : Sơn trung tự hữu
thiên niên thọ, Thế thượng thường vô bá tuế nhơn.(1)

Ông Bình khen :

— Cậu bé giỏi lắm, thôi cậu muốn ở mây năm thì ở.

Đứa nhỏ thưa :

— Tôi chịu ở với ông bà bảy mươi hai năm.

Ông Bình bằng lòng. Kể ông giật mình tỉnh dậy,
té ra nằm chiêm bao. Ông thuật cho vợ nghe. Cả hai
đều cho là một điềm lành.

Một tháng sau, bà Phước báo tin cho chồng hay bà
có thai. Đến ngày lâm bồn bà sinh đứa con trai vào giữa
đêm. Khi ấy cả nhà vui đỏ hồng lên như có ánh hào
quang. Ông bà hết sức mừng thấy thêm một điềm tốt.
Ông đặt tên con là Hòa. Từ hôm đó trở đi, không ai
nghe tiếng trẻ đọc sách trong rừng nữa.

Năm Đặng văn Hòa lên mười thì có nhiều điềm khác
người thường : mắt tròn và lớn, tròng trắng nhiều, tròng
đen ít, giữa tròng đen có một điềm vàng, mặt vuông,
vai rộng, mũi cao, cằm đỗ, hai tai trắng. Cậu học rất
giỏi, nói tiếng thần đồng trong làng.

(1) Trong núi có cây sống hàng ngàn năm

Tren trên thế ít có người sống trăm tuổi.

Năm cậu được mười tám tuổi, quan Phủ nghe đồn
sức trát mời lên tinh, hỏi điều gì cậu trả lời trôi chảy,
lại tỏ cho quan biết mình thông thiền văn, đạt địa lý.

Quan Phủ đưa Đặng văn Hòa về kinh đô triều kiến
Vua Gia-Long, bấy giờ nhà Nguyễn đã dẹp Tây-Sơn,
thống nhất đất nước.

Vua Gia-Long phán hỏi ông Hòa giữa bá quan, quả
thấy tài cao lối lạc bèn phong chức « Hiệp-biện đại-học-
sĩ kiêm quản-khâm thiên-giám sự-vụ ».

Đến đời Vua Minh-Mạng, ông Hòa được thăng chức
« Văn-minh điện đại-học-sĩ », thọ bảy mươi hai tuổi.

56. ANH GIẾT EM

Vào thời Lê-mạt, giòng họ Mạc lộng quyền, trong
triều không ai dám đương cự. Mạc có mười tám người
con trai, một người con gái. Đầu con út tên Ninh, tài
giỏi vô cùng giữ chức Nguyên-soái thống lãnh binh quyền.
Người con rể tên Nam cũng là tay anh hùng vô địch.

Bấy giờ, chúa Nguyễn tên Hiền thấy họa thoán đoạt
sắp đến liền cầm quân đánh họ Mạc để gìn giữ ngôi Vua.
Nhưng Chúa đánh không lại, phải lui về tỉnh Nghệ-an,
đóng ở núi Rum thuộc làng Thành-ngth, lấy đá hàn lấp
sông làm chiến lũy. Họ Mạc sai ông Ninh tiến quân bằng
đường bộ, ông Nam theo đường thủy tấn công đánh
một trận long trời. Chúa Nguyễn bại trận vào Đèo-Ngang
đập trú.

Trong lúc ấy, Mạc Đăng-Dung, là người anh cả thí Vua tức vị tại Thăng-long. Khi nghe tin ông Ninh thắng trận, Mạc Đăng-Dung thấy em tài cao, chí lớn sợ dành ngôi với mình mới có ý giết ông Ninh. Người em út không dè anh có dã tâm ấy. Đánh đuổi chúa Nguyễn xong ông Ninh kéo quân về Nghệ-an vỗ an đồng bào, kêu gọi dân chúng trở lại làm ăn.

Mạc Đăng-Dung thấy em ở lâu không về, viết chiếu triệu gấp, hỏi rằng :

— Đánh giặc thắng rồi sao không về, ở Nghệ-an làm gì ? Sao không thừa thắng bắt giết chúa Hiền để trừ hậu họan lại đe cho nó sống và chiếm vùng Đèo Ngang ?

Ông Ninh phiền giận tâu rằng :

— Binh lực của Vua Lê, Chúa Nguyễn hùng mạnh đương ấy mà chỉ có một mình tôi và ông Nam dẹp tan, gây dựng cơ đồ cho anh hưởng mà anh không tin lòng, đưa em lại đem dạ nghi ngờ. Tôi không bao giờ có ý hại anh đe dành ngôi vì làm như vậy trái lẽ trời đất và đe tiếng xấu muôn đời khó gột rửa được. Bây giờ em về đây anh muốn làm gì thì làm.

Mạc Đăng-Dung truyền quân chém đầu tức khắc. Nhưng ngay khi ấy, thình linh trời liền sụp tối, mặt đất rung rinh như chuyền mình, hàng ngàn ruồi bay đến đậu đầy cổ ông Ninh khiến dao phủ không ra tay được.

Mạc Đăng-Dung liền truyền bắt cột đúra em dưới bụng con voi, thúc voi xuống sông cho em chết đuối, nhưng voi không chịu đi.

Bá quan và đồng bào chúng kiến thảm kịch này đều

tò ý thương xót ông Ninh. Nhưng ông vẫn tươi cười, không lộ vẻ buồn.

Mạc Đăng-Dung thấy không giết được em; truyền đem giam để tìm cách khác. Ba hôm sau, Vua Mạc đãi yến, đưa ông Ninh ra dự. Vua bỏ thuốc độc trong bình rượu cho em uống luôn cả trong thức ăn mà ông Ninh vẫn không chết. Tan tiệc, Vua bắt em nhốt trong ngục tối.

Ông Ninh nghĩ thầm : Minh có người anh tâm địa rất xấu và ác độc, làm cách nào nói cho anh ấy hiểu lòng mình. Anh đã cố tình giết mình nếu mình không chết thì anh không vui lòng.

Nghĩ vậy, ông Ninh thất cổ chết.

Mạc Đăng-Dung hết sức vui mừng, tề chúc vui chơi hỉ hạ suốt một tháng, già phong chức tước cho các quan, phong cho ông Nam làm Tả Thừa-tướng coi cả thủy lâm bộ binh. Ông Nam nói rằng :

— Cơ nghiệp này dựng nên và anh được ở ngôi Cửu ngũ là nhờ ông Ninh khai sáng. Trong lúc tôi cầm quân dẹp loạn ở Cao-bằng, anh lập mưu hạ sát ông Ninh, thật tôi hết sức bất bình.

Bốn viên Tướng theo ông Ninh liền nói :

— Chúng tôi không nhận chức của nhà Vua.

Đoạn cởi áo, mạo trả lại, bỏ về, họp bàn với ông Nam rằng :

— Ông Ninh là em ruột của Vua, lại có công rất lớn mà còn bị tên hồn quân giết hại, chúng ta có hết lòng với nó đến đâu cũng chưa chắc được yên thân. Chi bằng chúng ta đồng tâm hiệp lực giết nó trừ mối họa cho dân.

Bà Công-chúa vợ ông Nam là em gái duy nhất của Mạc Đăng-Dung làm bộ thượng ông Ninh (là em út của bà) tán thành ý kiến của chồng, đồng ý làm loạn thi Vua. Ông Nam tin vợ không đề phòng. Bà Công-chúa lén báo tin cho Mạc Đăng-Dung biết.

Mạc Đăng-Dung liền sai tướng cầm quân vây bắt ông Nam và bốn tướng của ông Ninh.

Bấy giờ ông Nam mới biết vợ hai lòng, chém ngay Công-chúa, rồi đốc thúc bốn bộ binh phá vòng vây. Nhưng vì chưa chuẩn bị và quân số quá ít nên ông Nam và bốn Tướng bị hạ sát ngay trong trận.

57. MỘT CON SỐ, 25 MẠNG NGƯỜI

Vào thời cực thịnh của hai sòng cờ bạc Đại-thế-giới và Kim-chung (1949-1951) tại Chợ-lớn, đường Charles Thomson cũ, số nhà hai mươi lăm có một gia đình người Hoa-kiều gồm hai mươi lăm người vừa lớn, nhỏ sống với nghề làm hộp giấy. Trong nhà có thuê một người làm công cũng Hoa-kiều chuyên cắt giấy bia bằng cái dao lớn gắn vào bàn.

Tên làm công này năm chiêm bao hay coi bói, xin xâm thẽ nào mà mỗi ngày mua con số đề 33, nhất định một con số 33 mà thôi. Bao nhiêu tiền túi, tiền dành dụm, tiền lương hẵn không dám ăn xài, tiêu pha việc gì khác hơn là mua đề. Ban đầu vài đồng, lần lèn vài chục, vài trăm đến mức chót hẵn mua bốn

ngàn đồng một lần thì đủ biết hắn đã « nuôi » con sổ ba mươi ba bao nhiêu lâu và đã đóng góp vào sòng bạc bao nhiêu tiền. Trong lúc ấy, con sổ bốn ngàn đồng không phải là nhỏ, hai tháng lương của hắn đấy.

Hắn thua hết tiền túi, phải mượn trước của chủ. Mỗi lần mượn, hắn nói rõ ý định là cương quyết mua con sổ 33 và nhất định thế nào cũng làm giàu nhờ con sổ này. Người chủ cho mượn tiền, nhưng thường khuyên hắn đừng quá ham mê, tin tưởng những điều huyền hoặc. Những lời « đạo đức » ấy đối với hắn không ăn thua gì cả. Hắn đã mê lú như người mù cõi ngựa lừa nữa đâm ra ao sâu.

Một hôm, người chủ nhất định không cho mượn tiền nữa vì hắn đã thiếu quá nhiều. Hắn năn nỉ thế nào cũng không được và không làm cách nào để có tiền. Hắn lồng lộn như con thú bị nhốt trong chuồng. Thị giờ chàm chàm trôi qua khiến hắn gần phát điên khi thấy gần tới giờ khóa sò mà ông chủ hắn vẫn cương quyết không chịu mở tủ bạc. Sau cùng, hắn nghe chủ đề xò số 33 ! Hắn chạy đến sòng bạc thấy rõ ràng con sổ hắn đã « nuôi » từ bấy nhiêu lâu mà đến giờ nó « ra đời » hắn không được chủ cho mượn tiền đánh !

Hắn lặng lặng về nhà chủ, bước vào, kéo cửa sắt khóa lại, mở cái dao cắt giấy bè dài hơn một thước, bè ngang hai tấc dày hai phân, bén như dao cạo, thẳng tay chém tất cả gia đình 25 người. Căn nhà không có cửa sau nên nạn nhân không chạy đi đâu được đánh bó tay cho hắn hạ sát hết người nọ đến người kia. Tiếng kêu la thảm thiết, hãi hùng vang dậy một khoảng đường, hàng

xóm đồ xô lại xem chặt ních, nhưng không ai có thể phá cửa sắt vào cứu giúp, chỉ trổ mắt nhìn cảnh tượng ghê rợn chưa từng có. Máu của nạn nhân chảy ngược ra hàng ba nhir suối, đọng vũng bên lề đường. Vài người đàn bà hiểu kỹ đứng xem phát xiu tại chỗ. Lính Cảnh sát cũng bó tay phải nhờ sở cứu hỏa đem xe vòi rồng đến xịt nước cho hắn té nhào mới dám phá cửa vào bắt. Lúc ấy đôi mắt hắn đỏ ngầu, đầu óc hắn quay cuồng, hắn không biết gì nữa. Cả một gia đình bỏ mạng dưới tay hắn không ai được toàn thây, người chủ đứt tiệt cái đầu, bà vợ cụt một tay té sọ lồi óc, bà già của ông chủ đứt ruột và cụt một chân, những đứa trẻ thì đứt đầu, té bụng ruột gan lồi hàng đống...

Nhà cầm quyền bắt tên sát nhân và di chuyền nạn nhân đi rồi, niêm phong căn phố lại. Suốt mấy tháng liền một số đông Hoa-kiều có cả người Việt, phần nhiều là đàn bà đến trước cửa cắm nhang thắp đèn cầy si sụp khấn vái. Có người kính cần hướng vào cửa lạy lạy đề. Khách qua đường ngỡ rằng những kẻ có lòng ấy là thân nhân của đám người chết hằng ngày đến lễ bái cầu siêu cho nạn nhân được sớm tiêu diêu nơi cõi họ, nhưng khi điều tra kỹ lại thì đây là những tay chuyên môn đánh đề đã sát nghiệp vì đề đến hồi lộ người chết đề xin báo mộng cho một con số.

58. MƯỜI CÁI TRỨNG CHIM

Đầu & i thời Pháp thuộc, vào khoảng năm 1925 ở tỉnh lỵ Châu-đốc có một tên Cai trong đám lính phòng vệ dân sự địa phương (Garde Civile locale) rất ác độc. Phận sự hắn là coi đám tù thường phạm mỗi ngày đi làm cỏ, quét tường, dọn dẹp trong thành phố. Dura hơi, ý thế, hắn đánh đập tù nhân như con vật. Mỗi khi hắn uống rượu ngà ngà rồi, thú vui của hắn là hành hạ con người cho rên la, cho đồ máu! Ngoài ra hắn nhò lối hành động dã man ấy để làm tiền thân nhân tội phạm. Người nào ở ngoài lo lót cho hắn thì người ở trong được hắn biệt đãi.

Trong số tù nhân năm ấy có một người Việt gốc Miên ở quận Tịnh-biên bị kêu án bốn tháng về tội uống rượu say đánh người có thương tích. Anh bị tên Cai đánh từ sáng đến chiều, đánh trong khám, ngoài chỗ làm việc, cả lúc ăn cơm. Hắn làm như có thù riêng với anh này từ kiếp nào bây giờ mới gặp vậy. Nguyên do chỉ vì anh này quá nghèo, cha mẹ, vợ con không có tiền đi xe từ Tịnh-biên ra thăm anh, cơ dù đâu mà lo hối lộ cho anh đỡ bị đòn. Vì thế anh cam tâm chịu trăm bề cay đắng suốt thời hạn không dám kêu ca một lời. Anh đe ý tìm một vài thói quen của tên Cai để sau này thanh toán nợ máu.

Mãn tù, anh về nhà một tuần lễ rồi trở lại Châu-đốc đến nhà tên Cai vào buổi trưa, đúng giờ hắn ngồi uống rượu. Tên này rất thích ăn trứng chim, trứng cò, gấp ai

bán thì bao nhiêu hắn cũng mua, ai cho thì hắn ăn liền và cảm ơn luôn miệng.

Anh Việt gốc Miên khóm róm mở cái đầu chăn tắm để mười trứng chim trên cái dĩa nhỏ, hai tay bưng lên đưa tên Cai và ngõ lời cảm ơn hắn đã «đối đãi» tốt với anh. Mười trứng này anh đã dùng kim xoi lỗ nhét thuốc độc vào bít lại thật khéo và luộc chín.

Tên Cai đang uống rượu suông thấy mồi quen thích thì mừng, vội cảm ơn, cảm ơn tay bóc lia bở vào miệng. Hắn ăn một hơi hết mười cái trứng, uống bốn ly rượu rồi nằm ngủ. Anh tú vừa mãn, rón rén lui về.

Một tháng sau, khắp thân thè bắt đầu ngứa một cách kỳ lạ như có hàng muôn ngàn con kiến bò dưới làn da. Hắn gãi bằng ngón tay không kịp phải chà vào cột nhà, gốc cây đến tróc da chảy máu vẫn không hết. Thân thè hắn nồi lên từng cục nhô màu đỏ, chảy máu rì rì. Nguy hiểm nhất là mỗi đầu ngón tay phát ngứa. Hắn cào vô vách, xuống mặt bàn đến tróc da, hắn cắn, hắn nhắn rách thịt lòi đến xương mà vẫn còn ngứa. Hắn phải xin thôi việc ở nhà. Bao nhiêu tiền dành dụm đều vào thuốc men hết ráo mà căn bệnh càng ngày càng nặng thêm. Suốt ngày hắn ở trần mặc cái quần cụt đèn ngồi cắn ngón tay đến cụt lần cả ba lóng chỉ còn cái cùi, miệng hắn toe toét những máu, ngực lưng, cánh tay, bắp chân bê bết máu. Hắn lăn lộn, gào thét như con thú sa bẫy! Khi mươi ngón tay hắn cụt hết thì đến mươi ngón chân phát ngứa. Hắn không thể gãi được phải cọ vào chân bàn, chân tủ lần lần đến rụng hết. Bấy giờ hắn nằm một chỗ lăn qua lăn lại, dở khóc dở la đến sáu năm mới chết.

59. VỜ CHỒNG DÌNH NHAU

Trần văn Đặng là con một ông Cai-tông có uy thế trong vùng Châu-giang, tỉnh Châu-đốc dưới thời Pháp thuộc, tánh tình phóng đãng, suốt ngày đi ghẹo gái từ đầu làng đến cuối xóm. Đặng chím được một cô gái người Chàm Châu-giang nhan sắc mặn mà. Cả làng đều hay sự đi lại thầm lén này.

Cha mẹ cô à tuy không chịu gả con cho người khác sắc dân theo tục lệ, nhưng chuyện đã dĩ lở, con mình đã có thai, hơn nữa thấy ông rề bạt mạng cũng là người có máu mặt, có danh vọng nên làm thinh chờ ông Cai-tông cậy người đến hỏi thì bằng lòng ngay.

Ông Cai thì trái lại, cho rằng cưới người Chàm là một điều nhục nhã nên nhất quyết không tán thành, buộc con chọn người khác lập tức.

Lẽ cưới cử hành mấy ngày liền làm tăng thêm lòng căm giận của ông thân cô gái vô phước. Ông không chịu thua, tìm cách trả thù.

Ông già vờ không biết gì đến việc con gái mình, vui vẻ đến giúp ông Cai dọn dẹp nhà cửa, tiếp khách. Giữa lúc rộn rịp ông lén đe một đạo bùa xông khói ngay dưới giường cặp vợ chồng trẻ.

Sau đêm tân hôn, Đặng không thè ra khỏi mùng ! Ban đầu, thân nhơn mìn cười nháy nhau, cho rằng chàng và nàng yêu nhau quá. Nhưng càng lúc càng trưa, cả nhà hốt hoảng tốc mùng xem thì thấy hai người dính nhau không làm sao kéo rời ra được.

Ông bà Cai mắc cở khôn cùng mà chính Đặng và vợ nhục nhã chẳng kém, hàng xóm đồ xô đến xem, người khỏe tay ráp nhau kéo hai người ra cũng không nhúc nhích.

Cùng thế, ông Cai chở hai người đi nhà thương Châu-đốc. Bác sĩ dùng đủ phương pháp về thủ thuật, chích thuốc, cho uống thuốc mà Đặng và vợ vẫn dính nhau như keo sơn.

Một tháng qua hai nạn nhân ốm xanh người, sức lực hầu kiệt quệ mà vẫn không rời nhau.

Ông già Chàm thấy sự trả thù của mình đến đây cũng vừa đủ bèn bí mật nhẫn người cho ông Cai biết và lanh chúa dùm với một số tiền to.

Nhờ ông, Đặng và vợ mới thoát nạn mà sống đến già.

60. CON RỆP GIẾT NGƯỜI

Cậu Trần văn Tùng con của ông Hương-chủ Hân ở xã Mỹ-hội là một công tử được cha mẹ nuông chiều rất mực. Cậu Tùng học giỏi, tánh nết ngoan ngoãn, có hiểu đẽ, trọng thầy mến bạn, khác hẳn với nhiều đứa con nhà giàu trong vùng. Năm 1925, cậu được 17 tuổi, vừa đậu bằng Thành-chung thì ông Hương-chủ cho cậu sang Pháp du học. Ông muốn cậu trở thành một vị Bác-sĩ nở phòng xem mạch ở Sài-gòn. Cậu vâng lời, sửa soạn hành trang lên thủ đô đáp tàu xuất ngoại.

Đêm chót ở nhà, cậu đốt đèn cầy bắt muỗi và rệp

trong giường, loại giường cây có sườn, mùng giăng trùm ở ngoài, có cửa vén lên hai bên. Cậu tờ mờ bắt một con rệp cho chạy vào một lỗ hổng trong thanh giường rồi trét đèn cầy ở ngoài kín lại. Cậu cho rằng giam con vật cho chết đói bõ ghét và cho đấy là một trò vui.

Việc làm của cậu cũng giống những trò chơi trẻ con, không ai biết và không có gì đáng gọi là quan trọng. Sáng lại, cậu lên đường.

Bảy năm qua, Cậu Tùng về quê với mảnh bằng Bác sĩ. Cha mẹ cậu vui mừng khôn tả, mở tiệc mời bà con, hàng xóm đến ăn mừng. Trong nhóm thân nhơn có người em chú, bác rất mến cậu xin được ngủ chung giường để hàn huyên cho thỏa tình thương nhớ.

Tiệc tan, hai anh em vào phòng. Cậu Tùng nhớ lại thú vui thuở nhỏ đốt đèn cầy bắt muỗi, rệp với thằng em. Cậu nhớ lại con vật bị cầm tù đêm ấy liền thuật cho em nghe. Cậu lấy móc tai cạy miếng sáp, rồi đèn vào lỗ, khều con rệp ra. Rệp đói xếp ve, thân hình dẹp lép và trắng bệch. Cậu đẽ rệp trên lòng bàn tay cho em coi.

Thằng em tinh mắt chú ý nhìn một lát, giật mình nói rằng:

— Con rệp còn sống anh ơi !

Cậu Tùng ngạc nhiên đẽ ngọn đèn gần sát tay thì quả nhiên thấy mấy chân nó cử động. Thị ra nhờ có hơi nóng của người, con rệp tỉnh lại sau bảy năm nhìn đói.

Cậu Bác-sĩ không ngăn nỗi tánh tờ mờ, tráo mắt ngắm một hiện tượng lạ lùng nhất đời. Cậu đẽ nguyên con rệp trên tay chú ý xem từng động tác của nó. Vài

phút sau, rệp khỏe hẳn, xé dịch được, rồi thình lình cầm đầu xuống cắn tay cậu Tùng một cái. Cậu và người em thấy rõ ràng giòng máu đỏ thắm lần trong bụng rệp. Cậu đê yên coi chơi, không giết. Khi rệp hút no, rút vòi ra thì cậu Tùng buông cây đèn cầy chui đầu xuống giường. Đứa em kêu anh, đỡ anh lên, thấy anh đã tắt thở!

Ông Hương-chủ nghe tin như sét đánh, hộc tốc vào gõ bàn tay đứa con thấy con rệp còn nằm nguyên và hết cử động.

61. NGƯỜI ĐƯỢC CỘP CHÔN

Ở giữa hai tỉnh Hà-tịnh và Nghệ-an có núi Đại-angan rất lớn, mặt sau giáp nước Ai-lao, mặt trước thì dân chúng ở, có đường cái đến tỉnh lỵ. Núi có hai cửa gọi là cửa Truông-bắc và cửa Truông-mây, giữa truông là đồng ruộng rộng hàng ba mươi mẫu. Từ xưa các tay làm giặc thường hay đóng quân trong truông nhờ địa thế thuận tiện, thức ăn đầy đủ, lại có ngà voi, sáp ong là hai nguồn lợi thiên nhiên. Trên núi có một loại cây quý tên là cây trồ rất cao lớn, thịt cây màu trắng, tượng truyền người đương thế không ai đốn được cây ấy, chỉ dè cho Long-Vương lấy đem xuống Thủy-cung cắt đèn dài. Phía trong truông có một hòn đá rộng mươi trượng gọi là thạch bàn, dưới có bức đê bước lên, hai bên có suối nước, xung quanh có cây rậm rạp, giữa mặt đá có một bàn cờ, có hai hình người bằng đá ngồi hai bên, người ta gọi là hai ông Tiên đánh cờ. Dưới suối có giống cá giếc, ăn sống với giấm rất ngọt.

Dưới Triều nhà Lê, dân chúng vào núi đốn cây làm cột phải đem lễ vật đến cửa truồng cúng vái rồi mới dám khởi công.

Một hôm, Vua Lê sai ông Lý-Khắc-Cần dắt một toán quân lên núi đốn cây. Ông Cần vào rừng lựa gỗ, cắt đặt cho quân lính đốn xong rồi ông treo võng nằm nghỉ. Một tên lính thưa rằng :

— Bầm quan lớn, không nên nằm ở đây vì cọp hay đến lâm.

Ông Cần nói :

— Không sao đâu, mày đừng lo, cứ đi làm việc cho chóng xong.

Tên lính đi một lát, quả nhiên có cọp nhảy ra chụp. Ông Cần đánh với cọp hồi lâu bị cọp vồ chết. Nó không ăn thịt ông, chỉ cắn nát bụng rồi ngồi đó giữ thấy !

Khi quân lính đốn cây rồi, trở lại thấy ông quan bị cọp giết, vội chạy về tinh phi báo. Quan chủ tinh huy động binh sĩ đến đè đuôi cọp khiêng xác ông Cần về chôn. Nhưng chưa đến nơi thì có hơn trăm con cọp chạy ra bao vây, và hàng trăm con voi ra đón đường. Binhsĩ không dám vào phải báo quan chủ tinh đem súng lên bắn mới đuổi bầy thú được. Đem xác ông Cần về chôn tại tinh ba ngày thì giữa đêm hàng trăm con cọp leo về đào mả, kéo áo quan đưa lên chôn ở cửa Truồng. Hôm sau, con cháu ông Cần đến viếng mộ thấy có sự mới theo dấu đến cửa Truồng quả thấy nơi mới chôn, đất dùn lên thành nấm mộ rất lớn. Con cháu ông Cần về báo quan Chủ tinh hay thì quan khuyên nên đè y khuyên như vậy vì Trời xui cho cọp chôn gọi là « hò táng » là một điều đại cát.

Từ đó về sau, ông Lý Khắc-Cần hiền linh, thường đạp đồng lên giúp đỡ đồng bào lên núi lấy cây. Dân chúng lập miếu thờ ông tại cửa Truông gần ngôi mộ gọi là «Đình Ông Già treo võng». Con cháu của ông phát được làm quan mấy đời. Vua Lê phong ông «Trung quân chánh trực thượng đẳng tôn thần hiệp quản sơn lâm».

62. LỄ TA THỜ

Dự ở triều vua nhà Lê, ở huyện Bình-chánh, tỉnh Quảng-bình có tên Ngô-bát-Ngạo gốc người Trung-hoa sang chiếm cứ vùng này làm loạn chống triều đình. Quân lính không dẹp được, thành thử suốt một thời gian, đồng bào địa phương phải sống dưới quyền cai trị của hắn. Mãi đến khi hắn từ trần, dư dãng giải tán, thiên hạ mới sống thanh bình.

Nhưng dù hắn mãn phần rồi mà linh hồn hiện thành yêu quỷ hống hiếp dân chúng cư ngụ trên vùng đất hắn kiểm soát lúc còn sanh tiền. Người nào muốn cất nhà, lập vườn, trồng cây cối phải rước thầy Pháp khiền đồng cốt mời hắn nhập vào để hỏi mướn phần đất mình cần. Hắn lấy thước đo cần thận, đòi tiền mướn mỗi năm bao nhiêu gà, heo, giấy tiền vàng bạc, người mướn đồng ý thì làm giấy tờ đàng hoàng.

Người nào muốn mua đất hắn cũng bán bằng heo, gà hoặc bò, trâu. Có làm như vậy người chiếm đất mới yên, làm ăn phát tài, nếu không thì người trong nhà

đau ốm liên miên, súc vật nuôi bị chết dịch. Người ta cho rằng chính hắn bắt đè trị tội không kiêng nè hắn và cướp ngang đất của hắn !

Đôi khi một vài người giàu có, giữa đêm nằm chiêm bao thấy hắn hiện về nói :

— Tao đánh bài thua nhiều quá, mầy mua đất tao bán rẻ cho.

Chủ nhà chịu thì hắn ra giá bằng giấy tiền, vàng bạc, bắt đốt đủ số. Nếu chủ nhà không chịu thì trâu, bò chết ngay trong đêm ấy, rồi kế tiếp là vợ chồng, con cái thay phiên nhau đau liệt giường. Hằng năm, dân chúng trong huyện phải cúng tế hắn hai lần, mỗi lần hai con heo mới lặng yên.

Một hôm, ông Tông-đốc Giai trấn nhậm ở Hà-nội về thăm nhà ở huyện Bình-chánh, nghe bà con thuật chuyện tên Tàu Ngô-bát-Ngạo tác oai, tác phuớc như vậy, ông Giai bèn mời một ông thầy Pháp tài cao, phép giỏi khiền đồng cốt mời hắn lên. Ông Giai hỏi hắn :

— Tại sao nhà ngươi lại bắt buộc dân lành phải phục vụ nhà ngươi quá lè như vậy ?

Hắn đáp :

— Khi vua Lê Thái-tô khai quốc thì vùng đất này là rừng rậm hoang vu, tôi đến đây khai phá thành ấp, làng rồi đến huyện. Chính nhà vua cho tôi đất này để cai trị, bấy giờ dù tôi chết rồi đất vẫn thuộc về tôi nên tôi có quyền cho mướn hoặc bán.

Ông Tông-đốc nói :

— Nhà ngươi trước kia làm giặc tự do chiếm đất nước Nam, và lại nhà ngươi là người Trung-quốc đâu có quyền lấy đất của nước An-nam làm riêng. Thúy

ấy, nhà ngươi được cai trị một thời là vì quan quân bận lo nhiều việc quan trọng không đánh dẹp nhà ngươi chớ đâu phải vua Lê cho ngươi cai trị đất này. Nay giờ ta giao hẹn với nhà ngươi mỗi năm dân chúng trong huyện cúng tế một lần một con heo với nhang đèn vàng bạc; kè như nhà ngươi là Thần. Đó là một điều vinh hạnh cho nhà ngươi rồi, không được lấy có là đất đai của nhà ngươi mà hạch xách dân chúng nữa. Nếu nhà ngươi bằng lòng thì làm giấy tờ giao ước giữa làng, bằng không ta sẽ có biện pháp khác đối với nhà ngươi.

Tên Ngô-bát-Ngạo không có lý lẽ nào tự binh vực được, đành chịu nhận điều kiện của ông Tòng-đốc. Từ đó về sau, mỗi năm đến ngày mồng một tháng giêng, huyện Bình-chánh cúng tên Ngô-bát-Ngạo một con heo gọi là lể «tá thò». (1)

63. TIỀN THỦ LÒNG NGƯỜI

Ở làng Trảo-nha, tỉnh Hà-tĩnh có một thiều phụ tên Châu thị Phú sống đến sáu mươi tuổi không có anh em, thân quyến chi cả. Buồn vì quá cô đơn, lại thấy tuổi già gần đất xa trời, bà vào chùa Thiên-tượng ở núi Hồng-lanh cạo đầu làm vãi. Một thời gian sau, vị Hòa-thượng thấy bà thành tâm tu niệm mới nói rằng :

— Người tu hành nên làm phước càng nhiều càng tốt. Vãi ở chùa không có dịp thí phước bằng ở ngoài đồi.

(1) Mượn đất,

Vậy, nên xuống chân núi cất cái quán nước, nấu trà thí cho khách bộ hành và các tín chủ lên cúng chùa. Đó là một việc làm phước không nhỏ.

Bà Phú vâng lời, cất quán ở dưới chân núi, hằng ngày nấu nước cho mọi người uống suốt ba năm.

Một hôm, có ông già râu tóc bạc trắng, cốt cách như Tiên, mà giọng nói giống người Trung-hoa ghé quán nghỉ. Ông già nói gì bà Phú không hiểu, nên không trò chuyện nhiều, chỉ hầu nước đầy đủ mà thôi. Nghỉ ngơi một lát, ông già ra đi. Hôm sau lại đến, liên tiếp mấy ngày liền và cũng nói giọng Trung-hoa. Bà Phú không hiểu ý gì chỉ làm thỉnh lo phận sự. Ông già thấy bà quán không nghe tiếng mình được mới lấy giấy viết bốn câu thơ chữ Nho, tạm dịch như sau :

« Người thiều phụ này có duyên mà không biết,
Năm trăm năm mới gặp được một lần,
Đưới ánh hồng, hoa mai tươi cười trên đỉnh núi,
Nhành quế thơm tho bên cạnh gốc tùng. »

Viết xong, ông đ𝐞 trên bàn chì cho bà Phú, rồi ra đi hơn sáu năm không trở lại quán. Bà Phú đọc bốn câu thơ cũng không hiểu ý nghĩa gì, xếp mảnh giấy đ𝐞 trên bàn Phật. Bà thường nhắc ông già với những người quen.

Một buổi chiều trời mưa to gió lớn, thỉnh linh bà thấy ông già đi vào quán. Bà mừng rỡ đón tiếp nồng hậu, pha trà mời ông uống, đốt lửa hơ quần áo. Trời lẩn lẩn tối mà mưa không dứt, bà dọn cơm mời ông già ăn. Ông già không từ chối. Dùng cơm xong, ông nằm dưới đất ngủ khò, Bà Phú lấy chèu đắp cho ông.

Sáng dậy, bà gọi ông già thì thấy ông già chết cứng từ bao giờ. Bà hoảng kinh chạy lên chùa thưa với vị Hòa-thượng rằng :

— Hôm qua trời mưa lớn có một ông già ghé quán tôi đụt rồi nghỉ đêm, sáng lại ông ấy chết cứng, xin Hòa-thượng giúp tôi phải làm sao ?

Hòa-thượng ngồi nhắm mắt nhập định một hồi thấy rõ sự thật, nói rằng :

— Vãi giấu ta, vãi quen ông già ấy từ lâu rồi. Ông ấy là Tiên xuống trần thử lòng người để giúp đỡ tu hành chống thành chánh quả, tiếc vì vãi có duyên gặp ông ấy mà không hiều ông để cầu. Bây giờ ông ấy đã đi rồi, vì ông ấy già chết thôi. Vãi xuống quán mà coi mỗi dùn đất lén lấp kín quán không thè ở được nữa.

Bà Phú xuống núi, quả thấy mõi dùn lấp quán, bà phải trở lên chùa ở. Chỗ mõi dùn này càng ngày càng lớn như một hòn núi đến nay vẫn còn.

64. SỰ TÍCH CHIẾC KHĂN TANG

Ngày xưa, có vợ chồng ông Phú-hộ ăn ở hiện lành sanh được năm đứa con gái. Ông bà cưng con như trứng mỏng, không vì không có con trai mà giảm bớt tình thương. Năm cô lần lượt có chồng và ở riêng.

Ba năm sau, ông bà nhớ con nên bàn tính chia ra mỗi người đi thăm một lần. Bà đi trước thăm đủ năm đứa con gần ba tháng trở về, thay vì hơn nửa năm, với vẻ mặt buồn xo. Ông hỏi tại sao bà đi mau và có vẻ

không vui thì bà nói chúng nó vẫn mạnh và hối ông hãy đi một lần cho biết. Ông không hiểu vì sao bà lại úp mở nên nóng ruột sửa soạn đi ngay.

Ông ghé đứa thứ nhứt, được rè con đón tiếp niềm nở ông rất hài lòng. Rồi thằng rè ra đồng cày cấy, con ông lo nấu nướng. Đến giờ cơm, ông cũng vừa đói mà con ông chờ đến khi chồng về mới dọn và nói :

— Minh ơi, vào ăn cơm cho ông già ăn với !

Buổi cơm chiều và liên tiếp những ngày sau cũng vậy. Ông rất buồn nghĩ thầm rằng : « Thì ra bây giờ con mình xem chồng trọng hơn cha mẹ. Nếu chồng nó không ăn có lẽ mình phải nhịn đói. »

Ông ở chơi ít ngày rồi tiếp tục đi thăm đứa con gái thứ nhì. Ông hy vọng những đứa sau không giống như đứa trước. Lần lượt, ông đi thăm đủ cả năm cô gái quý đứa nào cũng đối với ông như vậy cả. Ông tính lại ngày đi về không đầy hai tháng, so lại còn ít hơn chuyến đi của bà vợ. Ông buồn phát đau hết mấy ngày.

Một hôm, ông sửa soạn đi xa, và nói với bà rằng :

— Bây giờ năm đứa con gái kề như đã chết hết, tôi đi kiếm con trai để nó săn sóc hai vợ chồng mình lúc tuổi già.

Bà không dám ngăn cản, hy vọng cảnh vật bên ngoài sẽ làm cho ông với bớt nỗi buồn. Ông đi từ làng này sang làng khác vừa rao lớn lên :

— Có ai mua tao về làm cha không ? Năm quan tiền thôi ! Có ai mua tao về làm cha không ? Năm quan tiền được một người cha !

Lũ trẻ chạy theo reo cười ầm ĩ cho là ông già điên nhưng ông không nản chí vừa đi vừa rao luôn miệng.

Trong một làng kia, có vợ chồng anh nông phu rất nghèo nghe rao như vậy ngạc nhiên chạy ra đường xem. Anh chồng bàn với vợ :

— Hai vợ chồng mình nghèo quá mà không có con cha mẹ lại mất sớm thật là buồn, vậy mình nên mua ông già này về đê hủ hỉ với nhau cho vui nhà vui cửa.

Người vợ bỗng lòng, anh liền mòi ông Phú-hộ lại nói :

— Thưa ông ! Hai ngày sau ông trở lại đây tôi bỗng lòng trả ông năm quan tiền.

Ông Phú-hộ hỏi :

— Böyle giờ không được sao ?

— Böyle giờ chưa có đủ năm quan, tôi phải bán bớt đồ đạc, hai ngày sau ông lấy trả lại.

Ông già y hẹn, anh nông phu đưa tiền mòi ông vào nhà. Hai vợ chồng lo cơm nước thật là rộn rịp. Ông thấy đầu tóc vợ anh nông phu biến đâu mất ngạc nhiên hỏi :

— Sao đầu tóc của con đâu đâu mất rồi ?

Anh nông phu đáp :

— Thưa cha ! Vợ con phải cắt đem bán mới đủ năm quan !

Ông làm thịnh. Vài tháng sau vợ chồng anh nông phu đã nghèo lại nghèo thêm. Nhiều khi cả hai phải nhịn đói nhường cơm cho ông già. Tình thế như vậy kéo dài độ một năm thì ông già bảo hai con đốt cái nhà bỏ đi. Vợ chồng anh nông phu không dám cãi phải châm lửa. Đoạn ông bảo theo ông đi xin ăn. Hai vợ chồng nghe lời. Ba người đi xin lần hồi về đến nhà được bà ra đón mòi vào. Ông vui vẻ nói :

— Đây là con trai và dâu của chúng mình.

Bấy giờ anh nông phu mới biết cha nuôi của mình

là một nhà phú hộ. Ông bảo đứa con nuôi theo họ ông và từ đó cả nhà sống trong hoan lạc.

Ít lâu sau, ông Phú-hộ lâm trọng bệnh sắp qua đời ông làm di chúc để tất cả sản nghiệp cho đứa con nuôi và trói với bà rằng :

+ Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết, nếu chúng nó biết về dây thọ tang, tôi thấy mặt đứa nào là tôi sẽ bứt néo (1) chớ không thể nằm yên. Đứa con trai đội khăn tang, cạo đầu đội mũ, quấn rơm trên đầu để chứng tỏ nó cực khổ với mình, còn con đâu khỏi cạo đầu vì nó đã hy sinh mớ tóc dài để mua cha thì cho nó bịt khăn.

Sau khi tần liệm xong, bà lén báo tin cho năm đứa con gái, và đón ngoài cổng không cho chúng vào trong nhà. Bà thuật lại lời ông dặn và sắp đặt với con phải dẫu mặt mới vào được. Bà xé khăn tang cho năm đứa con gái thêm một đoạn nữa cho mỗi người che mặt lại. Năm người con gái vào được nhà rồi thì khóc kè và ăn năn thì sự đã rồi.

Từ đó, người Việt-nam theo phong tục này mà thọ tang. Con trai đầu rơm mũ bạc, con đâu thì khăn tang bịt đầu khéo che mặt, còn con gái thì khăn tang phải xé dư thêm một đoạn che mặt lại.

(1) *Bứt néo* : Thời xưa, người ta không có đóng đinh quan tài, chỉ cột dây ở ngài gọi là « néo ». Bứt néo là cách tỏ sự tức giận của người chết, làm cho đứt dây cột và chảy nước ra !

65. CON ĐÒI NỢ CHA MẸ

Cứ ở triều Vua Gia-Long, tại xã Vĩnh-nguơn, quận Châu-phú, tỉnh Châu-đốc có một ông nhà giàu hiếm muộn, cầu Trời khấn Phật nhiều năm liền mới sanh được một đứa con trai. Ông bà nâng niu như trứng mỏng, chiều chuộng Công-tử đủ điều. Nhưng đến năm cậu bé lên bảy thình linh té từ trên ván ngựa xuống chết ngay. Ông đau đớn khôn cùng, lập bàn thờ con cần thận ngày ba lún cúng cơm, dừng nước như lúc sống.

Thuở ấy, những vị Pháp-sư có tài đánh đồng thiếp, nghĩa là đưa hồn người sống xuất ra khỏi xác đi xuống âm cung tìm thân nhân quá cố. Người cầu xuất hồn năm nhăm mắt trên bộ ván, vị Pháp-sư đê ông Tướng bằng gỗ trên ngực đê dắt đường, đoạn ngồi bên cạnh đọc thần chú. Khi hồn xuất rồi thì thấy gì, miệng cái xác nói lên ngay, hoặc cười, hoặc khóc. Thân nhân đứng xung quanh có thể tưởng tượng cuộc hành trình của đương sự.

Ông nhà giàu quá nhớ con, nhờ một vị Pháp-sư nổi tiếng trong vùng đưa hồn ông đi tìm. Ông thấy ông Tướng bằng gỗ dắt ông đi dưới đất đến một thành phố đông người, thiên hạ qua lại rần rộ. Ông gặp nhiều người quen đã chết, nhưng họ không đê ý đến ông, hoặc nhìn ông như người lạ. Ông đi lang thang qua vài khoảng đường, thỉnh linh thấy cậu trai ăn mặc như Công-tử con quan cõi ngựa đạo phố. Mừng quá, ông nhảy xồ ra ôm cậu trai khóc ò lên :

— Con ơi! Con đi đâu bỏ cha bỏ mẹ như vầy!

Cậu trai ngạc nhiên, gõ tay ông ra nói :

— Ông là ai mà kêu tôi bằng con? Tôi đâu phải là con ông!

Ông càng tức tối kè rõ tên tuổi, quê quán và tên của cậu trai, ngày cậu té chết, vân vân. Bấy giờ cậu ấy nói rằn :

— Sở dĩ tôi đầu thai làm con ông bảy năm là vì ông làm giàu bằng lối bất nhơn, ác đức, đã lường gạt cha tôi một số tiền. Tôi sống với ông là đòi món nợ đó, ông phải xài phí, nuôi tôi đến khi đủ số rồi tôi mới chết.

Đoạn cậu quát to :

— Tránh ra! Lão già ăn cướp!

Cậu đạp ông một cái té nhào, quất ngựa chạy thẳng.

Ông nhà giàu trở lại dương thế nhập vào xác, kè lại cho vợ nghe, rồi lập tức đá đỗ bàn thờ của thằng con đòi nợ cha mẹ.

66. ĐỀN THỜ BÀ Ở CỬA QUÈN

Cứ ở i đời nhà Trần, ở cửa Quèn thuộc tỉnh Nghệ-an có một ông già sống với nghề câu cá. Hôm ấy nhầm mồng một tháng sáu, ông ra bãi ngồi câu thấy có một cây Bạch-dàn dài hơn sáu mươi thước (1), bè

(1) Thuốc tay.

ngang hơn ba thước. Ông không biết cây gì, trèo lên ngòi câu. Khi ông cắt mồi đẽ mắc vào lưỡi thì thấy cây chảy máu, có mùi thơm ngào ngạt. Ông hoảng sợ, chạy về làng báo tin lạ lùng này.

Các hương chức bèn họp dân lại, đem trầu rượu, nhang đèn ra bãi biển cúng vái, cầu xin Thần-thánh cho biết nguyên gốc của cây linh và ý muốn của Thần.

Tức thì, Thần nhập vào một xác đồng nói rằng :

— Ta là Hoàng-hậu nhà Tống ở Trung-hoa. Nhà Tống bị nhà Nguyên lấy mất rồi, ta giữ tiết, cùng ba đứa con gái nhảy xuống biển tự tử. Thượng-đế thương ta trung nghĩa cho mẹ con ta nhập vào cây Bạch-dàn trời qua nước Nam là nơi trú ngụ lâu dài. Các ông nên xé cây này tạc hình ta và ba đứa con ta mà thờ, những đoạn cây còn dư thì tiện đồ thờ không nên dùng làm vật dụng bậy bạ. Được vậy ta sẽ phù hộ cho dân chúng bình an.

Ông Tiên-chỉ khấn vái rằng :

— Nếu quả Bà hiền linh, xin Bà dời cây Bạch-dàn này đến nhà làng chúng tôi thì chúng tôi mới tin và sẽ lập đền thờ Bà.

Ông Tiên-chỉ vái vừa dứt lời thì tự nhiên cây Bạch-dàn « đi » thẳng lên đất liền đến trước nhà làng.

Đồng bào hết lòng tin tưởng chung đậu tiền bạc và cất đặt mọi người bắt tay vào việc : tạc tượng, cất đền thờ. Mười hôm sau, trời nổi giông mưa thật lớn, nước sông cuồn cuộn chảy suốt đêm. Sáng lại, người ta thấy nhiều cây cột trời tấp vào bờ. Dân làng liền lấy cột dựng tòa chánh điện ở giữa, hai bên có hai mươi bốn

gian thờ cúng trang nghiêm. Người nào thành tâm đến khấn cầu việc gì cũng được Bà giúp đỡ. Mỗi khi có giặc Tàu-Ô vào đánh cướp, Bà bắt những tên cầm súng bắn dân chúng phải hộc máu chết ngay.

Năm Vua Gia-Long tức vị, phải ra thành Thăng-long (Hà-nội) thụ phong, khi đi ngang cửa Quèn các quan tâu sự tích ngôi đền bèn ghé vào coi. Vua đứng trước bàn thờ nói :

— Có phải Hoàng-hậu nhà Tống, cho ta thử một điều.

Tức thì Bà nhập vào xác đồng nói :

— Nhà Vua muốn thử điều gì ?

Vua Gia-Long truyền lấy ba cây gấm bào may ba cái áo trong một khắc đồng hồ.

Vừa dứt lời, Vua nghe trên trời nồm một tiếng sấm thật lớn và một người con gái từ trong mây đi xuống vào đền lấy ba cây gấm đi trở lên. Đúng một khắc sau, cô gái đem ba cái áo xuống đê trên bàn rồi biến mất.

Vua Gia-Long thất kinh, nói với các quan rằng :

— Bà này thật là linh !

Vua phong Bà chức : « Đại-càn quốc-gia Nam-hải, Tú-vị Thánh-nương Vương-thượng tôn thần », và truyền cho phủ Nghệ-an mỗi năm tế hai lần, mỗi lần Vua ban ba ngàn quan tiền chi phí.

67. BÀ QUÝ Ở VÀM CỎ LAU

gần Vầm Cỏ-lau thuộc xã Phú-hữu, quận An-phú, tỉnh Châu-đốc sát ranh giới Cao-miên, có ngôi mả đất chôn một bà già, nghe đâu là thân mẫu của một vị quan lớn dưới thời đệ nhất Cộng-hòa. Sở dĩ người con có quyền thế, và tiền bạc dư dả mà không xây mộ tử tế cho mẹ là vì bà ấy đã thành quỷ, thường hiện hồn phá phách xóm làng. Hành động hăng ngày của bà là dấu những kẻ nào không kính trọng bà, tỏ ý khinh khi hay không tin tưởng sự hiền linh của bà. Ngay trong quân đội, một anh binh sĩ bị bà dấu mấy ngày gần ngắt ngư, khiến các sĩ quan chỉ huy điên đầu.

Nguyên vào năm 1957, một toán lính công binh xây đồn ở vầm Cỏ-lau, vô tình cắt sát bên ngôi mộ. Đồn xây gần xong, người con mới hay tin liền ra lệnh chọn nơi khác. Nhưng vì đồn sắp hoàn thành và ngân khoản không có để dỡ và cất cái mới nên đành chịu. Đồng bào trong vùng cho anh em binh sĩ biết sự tích ngôi mộ và sự linh ứng của người chết. Một anh binh sĩ theo công giáo tỏ ý chế nhạo những người mê tín dị đoan, một hôm, uống rượu say, anh đứng trên mộ tiêu - xuống vừa lải nhải :

— Ma, quý nào giỏi thì cứ bắt tao thử xem sao ?

Sáng lại, anh đi đâu mất. Vì Trung-úy chỉ huy đi kèm danh không thấy, có ý lo ngại cho anh kia bị lính Miên bắt cóc, hoặc đi lạc qua đất bạn làm bậy thì rắc rối về ngoại giao, vì, đồn chỉ cách biên giới năm trăm thước,

Ông cho lính đi tìm các ngã đường, hỏi thăm ở bến đò xem anh ta có trốn về Châu-đốc du hí chăng ? Nhưng không ai thấy anh ta ở đâu cả. Bên kia lằn ranh có một đám cây diên diền lớn, vị Trung-úy mạo hiềm dắt lính đi ruồng kiếm trong từng bụi mà không thấy dấu vết.

Tối lại, đồng bào đưa ý kiến nhờ thầy Pháp điều khiền xác đồng lên hỏi, vì ai cũng tin chắc rằng anh kia bị bà đó dẫu như những người khác. Vì Trung-úy thấy hay hay, và lại ông cũng muốn tiêu khiền cho đỡ buồn nên chiều ý bà con lối xóm. Xác đồng lên ợ ngáp, uốn éo một hồi bảo rằng nạn nhân bị bắt đi về hướng Tây Nam. Đúng là hướng lên Cao-miên. Hỏi rằng nạn nhân có phải bị lính Miên, Việt-Cộng hay bộ đội của ông Bảy Đởm, ông Trương-kim-Cù bắt giết hay không thì xác đồng lắc đầu mà không dám nói ai là thủ phạm ! Hỏi nạn nhân còn sống hay chết ? Xác gật đầu bảo không sao.

Hôm sau, ông Trung-úy lại đến đám diên diền, quả nhiên thấy anh binh sĩ ngồi cú rũ dưới đất, mình mày dính đầy bùn, miệng ngậm đầy cát và rơm. Đất về đòn hỏi đi đâu thì anh ta trợn mắt vỗ ngực hé : — Tao là Lê thị H. đây !

Lê thị H. là tên của người quá cố nằm dưới mả. Mọi người hoảng hồn trước sự hiền linh đột ngột. Ông Trung-úy không dám đề nạn nhân trong đòn liẹn chờ xuống Châu-đốc, hôm sau đưa đi nhà thương Cần-thơ. Đến ấy, ông nghỉ ở Tiều-khu với một Sĩ-quan trong phòng. Phòng này ở sát bên cái kho chứa cuốc, xèng, dụng cụ. Lối chín giờ ông đang ngồi nói chuyện, thỉnh kinh nghe tiếng ai xốc xèng, cuốc nghe rõ ràng trong

kho. Nghi có biến, ông và ông bạn cầm súng chạy qua xem thì không thấy gì hết. Vị Sĩ-quan tỏ ý sợ ma quỷ khuấy phá, ông Trung-úy cũng phân vân vì chính mắt mình vừa thấy ma dấu anh binh sĩ của mình. Trong lúc ấy, một anh Hạ-sĩ Việt gốc Miên thấy vậy liền cười xòa mà rằng:

— Ma quý gì mà sợ? Tui có bùa Cao-miên đây, Trung-úy cho tôi ngủ tại đây thì không con ma nào dám phá nữa.

Hai ông Sĩ-quan thuận. Anh Hạ-sĩ đem ghế vải đến bên cạnh ngồi đọc thẫn chú rì rầm một hồi mới nằm xuống. Vài phút sau anh ngáy pho pho. Hai ông tiếp tục câu chuyện vừa bỏ dở, thỉnh lình thấy anh Hạ-sĩ thở è è, lưỡi le ra như bị ai bóp cồ.

Hai ông nhảy đến lay gọi. Tỉnh dậy, anh ta lắp bắp :

— Bà già dữ quá, bóp cồ tui gần chết. Tui không dám ngủ ở đây nữa đâu.

Anh ta xếp ghế chạy ngay. Vị Trung-úy lấy đèn bấm qua kho dụng cụ tìm kiếm khắp nơi thì thấy bộ quần áo «Trây-di» của anh binh sĩ bị ma dấu mới thay hồi chiều bỗn nãm trong góc phòng. Ông cho đó là nguyên do của tiếng động và hiện tượng anh Hạ-sĩ bị bóp cồ bèn đem ra sân chẽ đầu đốt. Sau đó, không có gì xảy ra nữa.

Vài tháng sau, một anh nông dân tải hàng bên Cao-miên qua xã Phú-hữu để giao cho người mua ăn tiền công, bị bà quỷ dấu làm vỡ lò cá xóm. Nạn nhân chờ hai bao thuốc hút, dép cao-su, chén, đĩa, lạp xưởng trên chiếc xuồng từ trong nòng rạch Cỏ-lau hơi ga yèm

vào lúc mặt trời vừa lặn. Địa điểm giao hàng là dưới gốc cây gáo phía trong đồn vài trăm thước vào tờ mờ sáng. Cùng đi với anh ta có hai bạn đồng nghiệp mỗi người bơi một chiếc xuồng, giả đi câu tôm. Tới nơi, ba anh cột xuồng trong bụi, giao cho một anh coi chừng còn hai anh vào xóm mua rượu và thức ăn đem về làm tiệc. Câu chuyện hai người tán phieu đọc đường là vấn đề bà già thành quý hay dấu người. Anh bạn của chúng ta nhất định không tin, không sợ, tuyên bố nhiều lời trích thượng và nhạo báng người đồng nghiệp luôn mồm. Hơn nữa, tiện đường đi ngang ngôi mộ, anh nhảy cõn lên đậm chân bình bịch vừa thách đố om sòm. Đến ấy, sau khi ăn nhậu no nê, ba anh em chui vào n López ngủ. Anh chàng gan lỳ nằm trần trọt một hồi tự nhiên chun ra, lên bờ đi thẳng vào bụi tre ngồi trong đó. Hai anh kia không hay biết gì cả.

Trời chưa sáng hẳn, người nhận hàng bơi xuồng đến không thấy người giao. Chạy kiếm không ra, kêu gọi không đáp, người ấy không thể chờ lâu vì phải trả trọng với đoàn ghe đồng bào đi chợ nên phân chung với hai bạn đồng nghiệp lấy số hàng trong xuồng hẹn sẽ tính sau. Hai anh kia rảnh tay không có gì phải lo sợ bèn rủ nhau đi tìm người bạn. Cả hai đều tin chắc nạn nhân bị bà già dấu đè phạt tội đậm chân trên mà và nói khoét. Hai anh lục soát khắp vùng gặp bụi cây nào cũng vạch ra, hốc hẻm nào cũng lủi vào. Nhưng suốt buổi sáng hai anh không gặp ông bạn quý. Đồng bào trong xóm hay tin cũng đồ ra tìm giúp làm náo động cả làng. Đến tối, vợ nн nhân chạy tới khóc lóc xin bà con tiếp cứu. Người ta nhờ thầy pháp khiền

đồng cốt hỏi « hướng đi » của nạn nhân, và hôm sau quả nhiên vợ nạn nhân tìm thấy chồng ngồi ngơ ngẩn trong bụi tre gai, miệng ngậm đầy đất, quần áo rách bươm. Đồng bào phải cắt dọn cả một phần bụi tre mới lôi anh ta ra được.

Vừa cử động tay chân, anh ta móc đồng đắt ra, đấm ngực phành phạch mà rắng :

— Ta là Lê thị H. đây ! Thằng này dám dậm chân trên mà ta phải lạy ta đủ một trăm lạy ta mới tha.

Nói xong, anh ta chạy ủ về phía ngôi mộ. Thiên hạ chạy theo rần rần như bắt kẻ trộm bò ! Tới mả, anh đứng ngay ngắn, xá ba xá rồi bắt đầu vừa lạy vừa đếm đủ một trăm lần. Lạy xong, anh ngã quy xuống mệt gần đứt hơi vì bị đói, khát gần hai ngày hai đêm.

68. CÔNG TỬ VIỆT-NAM DU LỊCH NHẬT-BẢN

Đầu thời Pháp-thuộc, vào những năm 1920, 1921 ở miền Tây Việt-nam có một cậu Công-tử con vị đại điền chủ giàu bậc nhất lúc bấy giờ. Săn tiền của cha mẹ, cậu ăn xài vung vít đúng với câu « ném tiền qua cửa sổ » của tiền nhân. Những cuộc vui của dân Việt-nam thuở ấy chỉ loay hoay ở bốn vách tường : rượu, phiện, gái và cờ bạc. Cậu Công-tử ngã vào một vách nặng hơn là chơi gái. Mỗi lần cậu lên Sài-gòn thì đám bồi phòng, ma-cô, phụ xe kéo được dịp nở say,

còn đám tú thời sung sướng như trúng số. Một trong những hành động coi tiền như rác của cậu còn truyền tụng trong nhân dân là đốt tấm giấy bạc một trăm đồng cho bạn tim đồng một cắc (mười xu) đánh rơi.

Một hôm, cậu sang Nhật du lịch. Người Việt bấy giờ dám đi ngoại quốc viếng thăm thăng cảnh và ăn chơi huỷ hoắc là một việc hiếm có. Quả thật chỉ một mình cậu Công-tử nhà ta mới có đủ phương tiện mà thôi. Cùng đi với cậu có một bạn quen thông Anh-ngữ để làm thông ngôn. Cậu trợ trong một khách sạn sang trọng bậc nhất thủ đô Phù-tang và quen tay xài tiền văng mạng. Cậu cho rằng cần làm như vậy để người Nhật phục cậu! Có lầm cậu để quên cái ống quét máy bằng bạc trên bàn ăn ở tầng dưới. Sáng dậy, cậu thấy người con gái dọn bàn đem lên phòng trả lại. Cậu liền cho cô à một trăm đồng (giá cái quét không tới ba chục đồng) nhưng cô à từ chối bảo rằng phận sự của cô phải làm và người Nhật không bao giờ ăn cắp hay nhặt của rơi.

Cậu ở Nhật một tháng, lấy làm vui thích vô cùng. Về nước một năm sau, cậu lại sang lần nữa, và cũng tới lui những tửu điếm, trà dinh như lần trước. Hôm xuống tàu về Sài-gòn cậu ngạc nhiên thấy một toán mười người Nhật đứng tuổi ăn mặc chừng chạc và một cô gái Nhật trẻ đẹp đứng chờ tại bến để tiễn cậu. Đoàn người cúi đầu lễ phép chào cậu, cô gái làm thông ngôn, nói tiếng Pháp rất giỏi:

— Thưa ông, chúng tôi là một nhóm người Nhật ở thủ-đô được hân hạnh biết ông là nhà Triệu phú ở nước Annam đến viếng tết quốc hai lần, Chúng tôi rất

cảm ơn ông có lòng chiếu cố đến chúng tôi và chi phí một số tiền lớn. Nhưng chúng tôi không khỏi buồn lòng khi nhận thấy ông là một công dân của một quốc gia bị đô hộ mà không đau lòng trước cảnh nô lệ ngoại bang hầu tìm cách giúp đỡ đồng bào ông giữa lúc mang gông xiềng. Tại sao ông không đem số tiền khồng lồ của ông để thoa dịu phần nào nỗi thống khổ của đồng bào, ông lại chỉ nghĩ đến sự sung sướng cho tấm thân mà có những hành động diễn rõ ở xứ ông và ở xứ chúng tôi. Mong ông suy nghĩ lại và xin thưa thật rằng chúng tôi không muốn thấy ông đến đây nữa.

Cô gái nói xong, cùng đoàn người cúi chào cậu Công-tử ba lần rồi quay gót. Cậu choáng ngợp, thử thẩn xuống tàu. Từ đó về sau, không nghe ai nói đến cậu ăn chơi như trước nữa.

69. KHO VÀNG HỌ LƯU

Đoàn Hoa-thương cài trang thư rừng treo võng gai trên nhánh cây cao đã yên lặng nghỉ ngơi sau một ngày rẽ lau, vách cỏ. Chủ nhân là một thanh niên hai mươi bốn tuổi tên Lưu-Tần hợp với em gái Lưu-Kim-Hoa, người bạn sanh tử chí giao Trịnh-Phong và ba người nhà già vờ tìm lâm sản, tiến vào khu rừng Prokor thuộc vùng Kompong Trach xứ Cao-miên đê khai quật một kho vàng.

Tần là cháu ba đời của Lưu-Sanh một bộ hạ thân tín của tướng Mạc Thiên-Tích trước kia có giúp Vua Gia-Long chống nhà Tây-Sơn trong hai tỉnh An-giang và Cam-

cao (Hà-tiên). Họ Mạc được nhà Vua cho trấn thủ tỉnh Hà-tiên, riêng Lưu-Sanh được hưởng lộc tại huyện Giang-thành. Nhân cơ hội loạn lạc Lưu-Sanh vơ vét, dàn hùm được một kho tàng chôn dấu dưới cái hang giữa rừng. Địa đồ và cách hộ thăn lấy của có ghi rõ trong tờ di chúc. Lưu-Sanh giao cho người con trưởng lúc còn tại chức, dặn đem về Trung-quốc cất kỹ chờ cơ hội thuận tiện sẽ sang lấy. Mười năm sau, người này ngồi thuyền sang Việt-nam, nửa đường nhuốm bệnh chết. Người cháu nội của Lưu-Sanh, chính là cha của Lưu-Tần cũng bị yêu mạng nên bây giờ đến lượt Tần lãnh trách nhiệm này.

Vốn là một thiếu niên tân tiến, Tần không ham thích mó của cải mà chàng cho rằng không được lương thiện. Chàng không dám kết tội Tồ-phụ, nhưng chàng cho rằng cả một kho tàng dành dụm được trong thời loạn lạc nếu không phải là mồ hôi, nước mắt, xương máu của dân lành thì ở đâu mà ra ?

Gia phả của giòng họ chàng không có ghi những tội ác của ông tồ chàng, nhưng biết đâu những trò ám muội có bao giờ được phô bày ra ánh sáng ? Cái chết bất đắc kỳ tử của tồ phụ chàng ở Việt-nam, những cảnh chết non của ông, cha chàng giữa biển khơi đã khiến chàng bồi hồi lo sợ. Chàng nghĩ : biết đâu đó là hình phạt của Hỏa-công bắt kẻ có tội không được hưởng những của phi nghĩa và không cho sống lâu trên cõi đời ?

Chàng theo nghề cũ của ông cha, chờ hàng bằng ghe buồm sang trao đổi thô sản đất Việt. Suốt tám năm buôn bán từ tế chàng gây được nhiều cảm tình tốt đẹp với khách hàng cũng như với nhà chức trách. Hôm nay khi cho ghe neo ngoài khơi trước chợ Hà-tiên, chàng bị

mật cải trang vào rừng. Chàng định bụng thực hành theo lời di chúc rồi trở về Tàu mùa ruộng đắt, bỏ nghề vượt biển đầy gian nguy.

* * *

Hành động của Lưu-Tần qua mắt được ông Cò Cảnh sát người Pháp chứ không lọt nỗi mảnh lưới của một tướng cướp ẩn nấp trong rừng đầy. Ấy là Ba Công một tay em út của Ba Tín tự Đơn-Hùng-Tín. Tín bấy giờ đang bị Ty Công-an Mỹ-tho bủa lưới bao vây rất ngặt. Lúc xung Vương ở Biên-hồ, Tín phải mấy đấm đòn em ở rải rác khắp nơi, mục đích mở rộng thanh thế để sau này ngồi không chia của. Ba Công được lệnh chiếm khu rừng Prokor, mở rộng phạm vi hoạt động đến Hà-tiên, trở vào Tịnh-biên, Tam-lập, Xà-tón, liên lạc với người chú của Tín hùng cứ trong vùng Nha-băng thuộc tỉnh An-giang. Công được Ba Tín cho hai người giúp sức, một là Trần văn Thạch, tay mưu sĩ đứng tuổi đã từng giúp Tín nhiều kế nhiệm mẫu, hai là Năm Ngôn người bạn đồng tuổi với Công. Ngoài ra, Công có dắt theo mấy tên lâu la thân tín và chiêu mộ tại địa phương hơn mười tên khác nữa. Nhờ vây cánh đông đảo, sào huyệt bí hiểm, Công có thể theo nghiệp người anh sống vững vàng. Nhưng Công không vì thế mà vênh vang tự đắc, coi Trời bằng vung. Chàng lo sợ thế nào Ba Tín cũng bị bắt, bè đảng tan rã, và biết đâu lại đến lượt mình? Chàng đề ý đến chiếc tàu buôn của Lưu-Tần từ lâu. Giá như có tàu này thì cả bọn « bay » tuốt qua Trung-hoa, nhưng chàng cũng biết không dễ gì định cướp cả tàu trước mặt Hà-tiên. Chàng bàn đến việc bắt cóc Lưu-Tần

hay cô em gái đồi tiền chuộc thì được. Già Thạch và Năm Ngôn đồng ý. Chàng cho bộ hạ theo dõi bước đi đột ngột của họ Lưu và chú ý từng hành động.

Hai tên lâu la thay phiên về báo cáo cho chàng biết rằng, trước khi ngủ, Tần giở một tấm giấy lớn ra xem vừa nhìn cây cối, núi đồi và bàn tán với cô em gái và người bạn. Già Thạch chú ý đến diêm này và cả quyết bọn khách đi tìm kho vàng. Ba Công cũng nhìn nhận ý kiến ấy và tổ chức một cuộc đánh cướp bản đồ trước khi Lưu-Tần tìm được nơi chôn dấu.

* * *

Kết quả như ý muốn, Ba Công phục sẵn dưới gốc cây, chờ Lưu-Tần và đồng bọn vừa đè chân xuống đất thi nô súng, già làm nhà cầm quyền. Ba tên thủy thủ Trung-hoa trúng đạn chết ngay. Lưu-Tần kéo em gái và Trinh-Phong chạy. Ba Công rượt theo vừa huýt còi om sòm làm bọn khách mất tinh thần. Lưu-kim-Hoa vấp chân té vào hốc đá bất tỉnh. Già Thạch móc túi cô gái lấy được bản đồ bèn gọi Ba Công và Năm Ngôn lại.

Lưu-Tần và Trinh-Phong, ra đường lộ đón xe về Hà-tiên không dám trở vào rừng cứu Kim-Hoa. Họ Lưu sợ nhà cầm quyền biết mình đi tìm kho vàng sẽ bị tù tội nên định về chợ tìm cách cứu đứa em.

Đang này Ba Công đưa Kim-hoa về sào huyệt giao Bà Thạch giữ gìn cẩn không cho ai chọc ghẹo. Chàng xem kỹ địa đồ thì ra một bức họa sơ sài chỉ đường lối vào rừng có nhiều chấm đen và một chấm đỏ. Chàng không hiểu ra sao mới hỏi Kim-Hoa thì ban đầu à chối quanh co, sau cùng vì sợ bị tra tấn mới khai thiệt. Bản

đi chúc có cách hô thần lấy của hiện ở trong mình Lưu-Tần.

Ba Công không làm cách gì hơn là giữ Kim-Hoa làm con tin và cho người theo dò mấy người khách.

Giữa khi ấy chàng càng thấy chán nản nghèn thảo khấu thêm hơn nữa. Chàng mơ ước được sống lương thiện với một số vốn thì sung sướng còn hơn có kho vàng. Chàng định sẽ buộc Lưu-Tần chia số của cải làm hai đè đồi Kim-Hoa và cho chàng trốn sang Tàu, nếu không chàng sẽ giết chết hết và đoạt luôn kho báu.

Năm Ngôn không nghĩ gì khác hơn là lừa dịp cưỡng bức Kim-Hoa và cướp tài vật. Dã tâm của hắn bị Ba Công chặn bắt và đánh hắn bất tỉnh. Do đấy hắn căm thù Ba Công, định bụng sẽ bắn lén tên chúa tướng khi lâm trận và giữ chức chỉ huy. Chứng ấy tha hồ mà múa gậy.

* * *

Lưu-Tần và Trinh-Phong về Hà-tiên hỏi thăm ông Bang-trưởng Hoa-kiều mới biết mình bị cướp. Tần không dám cáo báo vì sợ lộ việc làm phi pháp của mình, lặng lẽ bàn mưu kế với Trinh-Phong. Chàng giao thuyền cho người lái già bảo lui ra Hòn-chông chờ tin tức, rủi chàng có mệnh hệ nào thì cứ về thẳng Trung-hoa. Chàng dắt tám thủy thủ võ trang đầy đủ cùng Trinh-Phong lẻn vào rừng tìm Ba Công điều đình.

Nhưng luôn ba ngày ròng rã chàng không gặp ai, không biết đường nào đi tìm tên cướp. Chính Ba Công muốn tránh Tần nên dời căn cứ nơi khác chỉ cho bộ hạ theo dò mà thôi. Hắn đoán rằng Tần không tìm được hắn thế nào cũng khai quật kho tàng. Hắn sẽ « nói chuyện » với Tần trong lúc ấy.

Và hắn đã đoán trúng. Trinh-Phong thấy khó lòng

ở lâu trọng rừng nên ngó ý muốn tải vàng về thuyền trước, tự nhiên Ba Công sẽ tìm Tần đòi tiền chuộc Kim-Hoa. Lưu-Tần thấy không có cách nào khác, cùng Phong lén nhồ trại vào khoảng đầu canh một đèn hầm vàng.

Ông tồ của Tần không dấu vàng trong lòng núi, lại đào hầm dưới đất và trên miệng đè một tượng đá tạc hình người đàn bà ở trần, mặc chăn. Hơn một trăm năm qua người đi rừng thấy tượng đá phải sờ bộ ngực một cái mới bình yên đi nữa, bằng không thì nhức đầu, chóng mặt (!). Ai cũng cho là một trò khôi hài không dè phía dưới lại có một kho vàng vô giá.

Khi thấy bàn đồ có ghi chấm đỏ, Ba Công có ý nghi ngờ nên phái hai tên lâu la nấp quanh tượng ấy, nhò thẽ, lúc Lưu-Tần đến bày lễ vật bái thần thì Ba Công đã hay tin đem quân bao vây xung quanh.

Lưu-Tần lấy một cái áo bào sắc sổ khoác trên vai tượng đá, thắp đèn cầy, đốt nhang quì lạy. Chàng xung tên tuồi, kè sự tích kho vàng và xin phép thần cho chàng lấy của. Đoạn, chàng bảo thủy thủ đào đất dưới chân tượng, dịch qua một bên, lòi nắp hầm. Dở nắp ra, chàng theo bục thang cùng Trịnh-Phong đi xuống. Bọn thủy thủ tắt nhang đèn, chia nhau nấp từ phía đê phong sự bất trắc.

Tần cần thận đi trên những miếng gạch màu trắng đè tránh cơ quan giết người. Khi vào đến đáy hầm chàng thấy lu, hũ, và đựng chau báu bị ai cướp đâu sạch từ bao giờ. Quyền sô kê khai sổ gia bảo còn nằm trên bục y như lời di chúc. Chàng chết lặng người nghĩ đến công lao khổ nhọc của tồ tiên nay đã thành

mây khói. Trinh-Phong định an ủi bạn thình linh nghe tiếng chân người hấp tấp chạy xuống. Một tên thủy thủ báo tin có tiếng động chung quanh và tiếng mèo kêu, khỉ hú vang dội. Hắn chạy càng không tránh máy móc giết người nhưng không thấy gì nguy hại cả. Các cờ quan bí hiểm đã bị phá hư lúc mất kho vàng !

Tần lén miệng hang chưa kịp ra lệnh thì bị viên đạn của Năm Ngôn bắn trúng gãy đùi.

Trận chiến bắt đầu. Hai bên bắn nhau dữ dội. Bọn thủy thủ không phải tay vừa nên chống đỡ rất hăng. Ba Công thấy Tần bị đạn này ra một kế hoạch, vội phóng tới miệng hầm. Trinh-Phong nhảy lên nghinh địch bị Công đấm vào mặt té bất tỉnh. Công vác Tần chạy về sào huyệt.

Cùng lúc ấy, một toán lính tuần do Ông Cò Cảnh-sát chỉ huy bủa vây bọn cướp. Thì ra Ba Tín bị hạ ở Mỹ-tho, tên bộ hạ Tám Búa khai Ba Công ở Giang-thành nên ông Cò dẫn lính đi tìm. Năm Ngôn bị chết trong lúc loạn xạ, còn già Thạch bị bắt sống với bọn lâu la. Toán thủy thủ mất chủ tướng không biết ắt, giáp giùn nã súng vào lính tuần. Hai bên bắn nhau vang động cả khu rừng hoang vắng.

Ba Công vác Lưu-Tần về trại, gọi Kim-Hoa cùng đi ra bờ biển. Công thắng xe ngựa cầm cương đưa anh em họ Lưu về thuyền. Tần ngất đi vì máu ra quá nhiều, nhờ bà Thạch bó thuốc mới tỉnh dậy. Kim-Hoa đỡ anh nằm trên xe hỏi thăm các việc mới biết kho vàng đã mất từ lâu !

Ba Công nhờ một ngư phủ chở ba người ra Hòn Chông lập tức. Người đánh cá biết Công nên không dám cãi lời.

Lưu-Tần nằm trong khoang dặn Kim-Hoa những lời chót. Chàng giải thích rằng đồng tiền phi nghĩa của tổ tiên hại gia tộc chàng tan nát; cả đến chàng cũng phải bỏ thây giữa biển khơi như ông, cha và rốt cuộc cũng không còn đồng nào. Của địa phương phải để người địa phương hưởng đó là luật công bình của Tạo-hóa.

Chàng cảm tạ lòng tốt của Ba Công đã cư xử đàng hoàng với em chàng và đưa chàng ra thuyền. Chàng hỏi Công làm thế với ý định gì xin cho biết để chàng đền đáp:

Công chưa kịp trả lời thì có tiếng máy nổ đến gần. Anh ta ra ngoài nhìn phía sau, thấy hai chiếc xuồng gắn máy chở ông Cò, lính tráng và Trịnh-Phong đuôi theo.

Só là khi Trịnh-Phong tinh dậy nghe tiếng súng rời rạc và thấy mắt Lưu-Tần mới ra lệnh cho thủy thủ ngưng bắn để chàng nói chuyện với bọn cướp. Nhưng cướp đâu không thấy, lại thấy ông Cò ! Hai bên tò hết đầu đuôi, Phong đưa người Pháp xuống hầm xem và bắt già Thạch dắt đường đi tìm Ba Công.

Trên ghe, Công thấy cơ nguy đã đến bèn vinh biệt Lưu-Tần, chào Kim-Hoa rồi nhảy xuống biển. Trịnh-Phong chạy đến thấy Kim-Hoa ngồi khóc, không hiểu nàng khóc vì người anh đang hấp hối hay vì Ba-Công ?

70. KHO TÀNG NHẬT-BỒN Ở VIỆT-NAM

Tháng ba năm 1945, quân đội Nhật-bồn chiếm Đồng-dương xong, một số sĩ quan chuyên những chiến lợi phẩm tịch thâu ở Nam-dương, Mã-lai, Tân-gia-ba về Sài-gòn. Mặc dầu máy bay Đồng-minh thường xuyên oanh tạc tất cả tàu bè trên mặt biển nhưng lộ trình lùi các quần đảo ấy đến Việt-nam không mấy gì xa và rất tiện cho việc ăn nắp, né tránh nên bao nhiêu « hàng » đều về căn cứ an toàn. Vì không thể mạo hiểm chuyên từ Sài-gòn sang Nhật bằng đường biển nên quân Nhật phải tìm cách chôn dấu trong các khu rừng rậm hầu sau này thái bình nhân một dịp tốt, sẽ khai quật đem về xú.

Tổng số kho tàng không ai được biết đích xác là bao nhiêu, nhưng riêng một trong những nơi chôn dấu ở cuối dãy Trường-son là một trăm toa xe lửa chia làm mười chuyến mỗi chuyến mươi toa. « Hàng » đựng trong những thùng gỗ nặng vừa một người vác trên vai, toàn thè giống in nhau. Từ Sài-gòn đến nhà ga cách hầm chôn lối năm chục cây số, binh sĩ Nhật vác thùng tập trung vào kho, chờ đủ số mới cho lên xe hơi vận tải đem vào rừng chất đống trên một khoảng đất bằng phẳng. Từ đó vào hầm chôn, các sĩ quan Nhật không cho người Việt phục vụ trong quân đội dự vào, cả những người nhập quốc tịch Phù-tang cũng vậy. Họ dùng toàn lính Nhật chính tông và tin cậy. Có người nói rằng họ thủ tiêu số phu Việt do họ mướn để dấu bắt việt làm nầy cũng như người Tàu đê của ở miền Bắc thời xưa. Đạo ấy, người nào được quân đội Nhật thuê hoặc bị bắt buộc làm xâu thì thân nhân kề như đã chết rồi.

Toán lính Nhật vác tung thùng đi bộ vào gần chân núi, đem xuống một cái hầm đào từ ngoài ăn luồn ngay phía dưới một ngọn đồi. Trong hầm, người Nhật mua cây của người Việt quanh vùng bè dài hai thước rưỡi, thân tròn, đường kính một tấc rưỡi dựng sát nhau làm vách, ngoài trét xi-măng. Đậy nắp hầm, lấp đất, xóa bỏ dấu vết khả nghi, không ai có thể ngờ dưới ngọn đồi toàn đá có một kho tàng.

Đứng phia ngoài cửa rừng nhìn vào ta thấy ngọn đồi chia làm ba phần rõ rệt bằng ba tầng đá không lồ. Ngay trung tâm tầng ở chính giữa có một đường nứt thẳng từ đỉnh xuống chân, xem kỹ thì hình như do tay người tạo ra chứ không phải tự nhiên. Có người cho rằng đó là người chôn của đánh dấu đè sau này nhân tìm.

Ngoài những kỹ thuật thông thường của kẽ dấu vàng bày vẽ các phương pháp đánh lạc hướng nhóm người tò mò hoặc biết phong phanh câu chuyện, người ta còn nói rằng các sĩ quan Nhật dùng bùa phép trấn áp không cho ai động đến nơi dấu của.



Tháng tám năm ấy, Nhật-bồn đầu hàng Đồng-minh. Nhiều vị sĩ quan tự vận chết, nhiều vị bỏ trốn, nhiều vị bị tập trung làm tù binh. Toàn dân Việt-nam kháng chiến đuổi Pháp. Vấn đề kho vàng không nghe ai nhắc đến, mãi đến năm 1956 có người tự xưng là một nhân viên của quân đội Nhật-bồn thời ấy và có tham dự vào cuộc chôn vàng. Câu chuyện ông này kể lại rất hấp dẫn đến

nỗi một số người có thể lực đương thời thảo kế hoạch săn vàng vĩ đại và bắt tay vào việc ngay. Một nhà văn tên tuổi chuyên viết chuyện khiêu dâm nghe được, với sáng tác thành chuyện dài. Nhưng địa điểm lại ở vùng Cao-nghuyên khác hẳn với nơi kề trên. Người ta cho rằng chắc chắn quân đội Nhật phân chia số chiến lợi phẩm làm nhiều nơi chôn dấu, rủi có mất nơi này còn nơi khác.

Công việc tìm kiếm đang tiến hành thì nhân vật tiết lộ sự bí mật thịnh linh bỏ mạng vì một tai nạn. Người chủ trương bờ vơ không biết đường nào mà lần dành bờ dở dang, hy vọng nhờ người thứ hai nào đó hướng dẫn đê tiếp tục.

Trong lúc ấy, một cựu sĩ quan Nhật gốc Việt-nam đã trở lại quốc tịch Việt từ năm 1946 cất nhà ở cạnh nhà ga xe lửa cuối dãy Trường-sơn, hàng ngày mò vào khu rừng tìm dấu vết kho tàng. Ông tâm sự rằng chính ông phục vụ trong quân đội Nhật với chức Đại-úy có phận sự gìn giữ kho hàng ở nhà ga này. Ông đã thấy tận mắt một trăm toa xe chở thùng gỗ và hàng chục xe hơi chuyền vào rừng. Từ đó, ông không được biết thêm vì bị ngăn cấm, nhưng sau này dò theo dấu vết ông tin chắc rằng hầm vàng nằm ngay dưới ngọn đồi. Ông đã cố gắng tìm tòi hơn mười năm đến năm 1960 mới dám cả quyết như thế. Ông định khi hòa bình tái lập sẽ xin khai phần đất hoang ở vùng này để tiện bề khai quật. Ông đã thuê người đào xới nhiều nơi, tốn kém khá nhiều nhưng không có kết quả gì cả. Ông nhận thấy hình như có một quyền lực vô hình ngăn cản khiến

ông luôn luôn gặp trở ngại. Bấy giờ ông mới nghĩ đến văn đề bùa phép của các sĩ quan Nhật trấn áp và ông tin rằng vì thế mà ông không thể thành công. Hơn nữa ông tự xét không thể cảng đáng việc này một mình mới trình bày cho các sĩ quan Việt-nam đóng gần đấy. Vì nào nghe nói cũng say mê và phác họa trước mắt cảnh minh nằm trên đồng vàng. Từng vị, từng vị họp bàn với ông về các phương thức sẽ áp dụng nhưng lạ lùng thay vị nào nhất định bắt tay vào việc thì thình lình bị thuyền chuyền, bị khrien trách vì một lỗi làm nào trong công vụ, hoặc bị chết vì súng đạn, vì tai nạn bất ngờ.

Ấy thế mà câu chuyện kho vàng vẫn hấp dẫn nhiều người lao vào như con thiêu thân. Đầu năm 1969, một vị Thiếu-tá có công tác gần đấy, gặp ông cựu sĩ quan Nhật, được ông này đưa đến chân ngọn đồi. Vị Thiếu-tá mê mẩn đến nỗi không ngủ được cả tuần. Ông bàn với một vị Trung-úy vốn là Kỹ-sư hầm mỏ bị động viên, nhất định xúc tiến việc khai thác mỏ tiền không lồ này. Ông Kỹ-sư lãnh phận sự thảo chương trình, đặt kế hoạch cả quyết sẽ vượt qua tất cả mọi chướng ngại vật để đạt mục đích. Nhưng chưa kịp khởi công một hôm ông ngồi xe cán nhắm cốt «mìn» chết tốt.

71. CHIẾC ÁO BÀ-BA

Đự ở đời Hùng-Vương thứ 18, từ vua quan đến thứ dân già, trẻ, trai, gái đều mặc áo dài đúng theo nghi lễ. Thuở ấy có một anh ngự phủ ở ven biển rất nghèo mà cũng mặc áo dài như mọi người; Về sau vì quá túng

hụt, chiếc áo dài rách thêm hoài, anh không còn vải vụn để vá, phải xé vạt trước rồi tới vạt sau thành ra chiếc áo của anh là những mảnh vụn ráp lại trông còn xấu xí hơn cái mai Rùa.

Một hôm, anh đang mặc chiếc áo khò ấy đi dọc theo bờ biển tìm nơi đánh cá, thỉnh lình nghe tiếng quân lính la ó vang dội. Anh nhìn xa xa thấy dạng quan, quân thì sợ quá không biết làm sao. Từ chỗ anh đứng lội lên bờ trốn lại quá xa, không thể nào chạy kịp. Quýnh quá, nhân thấy chân lún xuống bùn, anh liền chống hai tay xuống. Minh mặc chiếc áo ngắn lại cứng màu mốc mốc, búi tóc vành lên nhọn nhọn xa trông anh giống như con Rùa. Vừa lúc ấy, Vua Hùng-Vương và các quan, lính đến mé biển.

Anh nghe Nhà Vua bảo quân lính lội xuống bắt con vật lên cho Ngài xem. Anh nghe toán lính vừa lội bùn tảo, người thì bảo Rùa, kẻ thì nói Ba-Ba cãi nhau ỏm tối. Đến khi lại gần chúng ngạc nhiên bắt anh trình Vua. Anh run sợ, mếu máo trình bày hoàn cảnh của anh.

Nhà Vua mỉm cười thương hại bảo: — Khanh đừng sợ! Khanh không có tội gì cả! Thế mà khi nãy Trẫm cứ ngỡ là con Ba-Ba chớ có ngờ đâu khanh mặc chiếc áo... Ba-Ba.

Đoạn Nhà Vua truyền đem vàng bạc, gấm vóc cho anh ngư phủ.

Anh tạ ơn Vua về nhà lòng mừng khấp khởi. Nhờ số vàng bạc ấy anh trở nên khá giả và anh vẫn cất kỹ chiếc áo Ba-Ba để khoe với bạn bè.

Về sau trong dân gian nhiều người nghèo khổ cũng bắt chước anh may áo ngắn để mặc cho đỡ售票 và gọi

là chiếc áo Ba-Ba. Kiều áo Ba-Ba được nhiều người dùng nhất là những Giáo sư, Giáo đầu dạy võ thường mặc để múa men rất gọn và oai. Những người giàu có ham học võ cũng bắt chước sắm mặc. Dần dần trong giới phụ nữ ham nghề cung kiếm cũng thích dùng. Các thanh niên thấy các cô gái mặc áo ngắn thì gọi đùa rằng: «Bà-Ba».

Từ đó hễ nam giới mặc thì gọi là áo Ba-Ba, còn nữ giới thì gọi áo Bà-Ba. Dần dần người ta quên mất sự tích Ba-Ba mà chỉ còn gọi là áo Bà-Ba.

Khi nước ta bị Bắc-thuộc, người Trung-hoa bắt chước may kiều áo ngắn này nhưng có thêm một vạt ta gọi là vạt hò (hồ) hay vạt khách (khách-trú).

Qua bao biến chuyễn của thế hệ, chiếc áo Bà-Ba trở thành một kiều áo đẹp của giới phụ nữ lưu truyền đến ngày nay.

72. TIỀN BẠC Ở NƯỚC NGOÀI

Ông Trần văn Ngọc là một Việt-kiều ở Cao-miên sống sung sướng tại thủ đô Phnom Penh với nghề may y phục phụ nữ. Ông có cửa tiệm lớn tại Chợ Mới, nỗi tiếng một thời. Có thè nói hầu hết Việt-kiều đều là thân chủ của ông.

Đầu năm 1954, ông sang tiệm, bán hết đồ đạc cùng gia đình về Sài-gòn, mướn một căn phố lớn treo bảng hiệu cũ, quyết đem tài nghệ phục vụ đồng bào. Trong lúc chờ đợi khách hàng quen mặt, biết tên, ông la cà vào sòng bạc Kim-chung Đại-thế-giới thua một số tiền lợn. Ngoài ra, ông còn mang bình ghiền thuốc phiện sau

những đêm trác táng, bạc bài. Hiệu may của ông không có ai chiếu cố đến vì không khéo quảng cáo, không có nhiều người giới thiệu, cồ động. Kết quả, ông bán rẻ mấy cái tủ kiếng, bàn máy xoay qua lạp tiệm bán hủ tiếu Nam-vang. Chính ông đứng nấu, vợ con chạy bàn. Nhưng cũng như lần trước, hủ tiếu ẽ đọng, cả nhà ăn thay cơm, thực khách không ai buồn ghé giúp ông, dù là một tách cà-phê.

Ông chịu đựng được một năm, bao nhiêu vốn liếng gây dựng ở nước ngoài tiêu tan ra mây khói. Ông phải sang tiệm, thuê một căn nhà trong xóm, sống chật vật với cơn ghiền hăng ngày. Bấy giờ ông mới nhận thấy lúc sang đất bạn với hai bàn tay trắng, ngày nay trở về với hai bàn tay không !

* * *

Bà Huỳnh thị Ba là một nữ thương gia chuyên tải hàng hóa ở Việt-nam sang Ai-lao theo đường bộ xuyên Cao-miên. Trong những năm khói lửa (1947-1948) những người làm nghề này thu được, nhiều số tiền đáng kể. Đường bay chưa có, người ta phải đi xe hơi theo đoàn hộ tống chở hàng Sài-gòn bận đi, đêm á-phiện lặn lượn về.

Sau hai năm hoạt động, bà Ba mua được một căn phở, một chiếc xe hơi cho ông chồng. Bấy giờ gia đình bà thuộc vào hạng tiểu phú gia, dư ăn, dư đê. Ông Ba khuyên bà giải nghệ vì tình hình chiến tranh căng thẳng, sự nguy hiểm có thể xảy ra bất ngờ. Bà cũng ngán cuộc hành trình khổ cực, nhất là việc mua bán không đàng hoàng chắc chắn sẽ bị phát giác nên bằng lòng ở nhà,

Sẵn số vốn to, bà mở cửa tiệm tạp hóa, ông lái xe chạy hàng.

Nhưng chưa thu được đồng lời nào, bà gặp nhiều tai họa đến tối tấp. Trong khi chờ hàng, ông cắn một đứa bé, phải vào tù năm chờ ngày Tòa xử. Bà bán dầu lửa, bắt cần đè cháy hết căn phố, suýt lan cả xóm, phải bán chiếc xe đạp trang trải mọi phí tồn và lo chạy cho ông. Khi được tự do thì bao nhiêu tiền bạc tom góp ở Ai-lao đều hết sạch.

73. SỰ TÍCH CÂY ĐÀN KÌM

Về cuối đời nhà Trần, vì bận đương đầu với quân Mông-cồ, nên Vua Trần Nhân-Tôn đêm Huyền-Trân Công-chúa gả cho Vua Chiêm-thành đồi lấy hai Châu Ô và Rì. Huyền-Trân Công-chúa vì nước vì dân phải hy sinh mối tình đầu dành vinh biệt viên võ tướng Trần Khắc-Chung về kinh thành Phật thệ. Đêm đêm Công-chúa thường lên lầu Vọng-nguyệt nhìn về phương Bắc... hay ngắm mảnh trăng trong đè âm thầm than khóc cho kiếp tài hoa bạc phước. Thông minh từ thuở nhỏ, Công-chúa hiều rành về thơ, ca.

Nước Việt-nam từ nghìn xưa đến đời Trần Nhân-Tôn chưa biết âm nhạc, nếu rủi bị Bắc-thuộc thì Vua Chúa, Quan quân chỉ được nghe nhạc của Trung-hoa truyền sang mà thôi. Thuở ấy nhạc của Trung-hoa thông dụng là Trống, Chiêng, Mõ, Sênh, Phách, êm dịu hơn thì có Thiết-tranh (đòn băng sắt n hamstring), Thiết-tỳ-bà

(đòn bằng sắt 4 dây), Thiết-tiêu, Thiết-quyền và Thiết-dịch.

Công-chúa Huyền-Trân có dịp thấy đàn Thiết-tỳ-bà nên rất ưa thích. Mỗi đêm nhìn trăng nhớ đến người xưa, Công-chúa bỗng nảy ra ý chẽ một cây đàn đèn nói lên tiếng lòng thăm kín mà không ai hiểu được. Công-Chúa xin với Vua Chiêm tạo ra cây đàn theo ý của nàng. Vua Chiêm rất mừng liền truyền cho các thợ rèn đến Triều cho Công-chúa sử dụng.

Công-chúa nghĩ đến mảnh trăng trước nhứt nên hình dáng cây đàn phải giống như mặt trăng chó không thể giống như Tỳ-bà, vì mặt trăng tượng trưng cho lời thề của mối tình tan vỡ. Kế đến là con Bướm miệng ngậm bốn sợi tơ, là tượng trưng hiện thân của Công-chúa dù hiện giờ nàng là Hoàng-hậu nhưng tơ lòng vẫn còn thương nhớ người xưa, cũng như con tằm dù thành Nhộng hay thành Bướm thì vẫn còn vương tơ mãi. Đầu cần thì gắn con Cọp ngồi đỡ bốn sợi tơ như con Bướm là tượng trưng cho viên Võ-tướng Trần Khắc-Chung, dù cách xa muôn dặm nhưng tơ lòng vẫn quyện bên nhau. Toàn thân cây đàn phải luyện bằng đồng chó không phải bằng sắt. Thật là một cây đàn tượng trưng cho mối tình sâu đậm.

Khi các ông thợ rèn hoàn thành xong cây đàn theo thước tắc; kiều mẫu của Công-chúa đem dâng lên, Vua Chiêm trầm trồ khen mãi thật là vừa lạ lùng, vừa sang trọng và tình tứ. Vua Chiêm hỏi :

— Ái hậu! Đây là cây đàn gì vậy ?

Công-chúa đáp ngay :

— Tâu Bệ-hạ ! Đây là cây đàn Kim-nguyệt nghĩa là đàn trăng vàng.

Công-chúa vẽ năm Cung theo lối ngũ hành và biến ra ngũ âm, có bốn Cung phụ thêm cho cao (theo cung đàn của Trung-hoa là : Cung, Thương, Giốc, Chúy và Vũ).

Từ đó Công-chúa lo sáng tác nhạc và lời ca, lòng của Công-chúa như vậy dĩ nhiên những bản vui thi ít, bản buồn thì nhiều không kè xiết.

Một năm sau, Vua Chiêm thăng hà. Trần Khắc-Chung được lệnh Vua Trần sang điếu tang và ngầm trước Công-chúa về. Công-chúa không quên mang theo cây đàn chung tình ấy. Thay vì đi đường bộ, viên Tướng đà tình lại dùng đường thủy.

Đôi trai tài gái sắc say sưa trên mặt biển, ân ái quên cả không gian và thời gian. Hơn hai tháng trời thuyền mới về đến Thăng-long. Vua Trần biết được chuyện thông gian thì giận lắm. Ngài quyết định không tác thành cuộc hôn nhân Huyền-Trân và Khắc-Chung và truyền Công-chúa phải hủy bỏ hết những bản nhạc và lời ca trữ tình.

Công-chúa rất đau lòng nhưng lệnh Vua không dám cãi đành hủy bỏ hết, chỉ còn dấu lại một bản Nam-Binh, ý nàng muốn phản đối Vua cha rằng dù sao thì Bình phuong Nam là do công trạng của nàng. (Bản Nam-Binh của Công-chúa Huyền-Trân được lưu truyền đến ngày nay) Công-chúa chán nản xin vào ở trong một kiềng chùa với cây đàn Kim-Nguyệt.

Từ đó trong dân gian, có ai đến viếng chùa, hỏi Công-chúa tên cây đàn thì Công-chúa nghĩ rằng đã vào chùa không nên nhắc đến cái tên đầy tình ái mà chỉ nói là : « Cây đàn Kim ».

Sau khi Công-chúa mất, cây đàn lạc trong dân gian. Dần dần, dân chúng theo kiều mẫu đó mà làm những cây đàn bằng cây (có lẽ vì nghèo nên không thể làm bằng đồng) mà làm bằng cây, thì khó mà gọt nắn mệt con Cọp nên người ta nghĩ đến con thú khác, khi thi con thỏ, khi thi con chuột lăn hối đến con ếch, con nhái hay con cóc. Lại nữa cây đàn bằng cây thì không thể gọi là đàn Kim, mà trong dân chúng thì ít thông chữ Hán nên gọi trại là « đàn Kim ». Cây đàn Kim, đàn bằng dây tơ, rung rung ngón tay thấy hay hay nên dần dần người ta bỏ bớt hai dây chỉ còn hai dây mà thôi.

Cây đàn Kim vừa sang trọng, tao nhã và tình tứ nên được truyền mãi cho đến ngày nay.

Có thể nói, ông Tô âm nhạc cồ diền và sáng tạo cây đàn Kim là một bậc tài sắc song toàn chính là Huyền-Trân Công-chúa vậy !

74. QUẢ BÁO NHÃN TIỀN

Dưới thời Đệ-nhất Cộng-hà (1955) Lương Mỗ là thuộc hạ của vị Cố-vấn trong Chánh-phủ được cử làm Tỉnh-trưởng ở miền Tây. Mục đích của họ Lương nhằm không phải là chăm lo bồn phận chăn dân, nâng

cao đồi sống đồng bào mà chỉ nhắm vào việc làm tiền, tóm góp của thiên hạ gây vốn riêng để phòng khi chế độ sụp đổ, quan thầy về vươn sê sống an nhàn với túi bạc. Không một thủ đoạn hèn hạ nào hắn từ chối miễn có lợi là đủ.

Trong đám thủ túc của hắn có tên Thò-Khê là người địa phương, chuyên bày vẽ những phương pháp trực lợi, kinh tài cho hắn tóm thâu để chia chát chút ít và dựa uy thế của hắn «xây dựng» cơ sở riêng.

Kết quả sau ba năm tặc oai, tặc phúc, Lương-Mô bị nhiều người tố cáo thái quá, quan thầy không thể che dấu, phải thuyền thuyền hắn ra miền Trung. Tên Thò-Khê cất một ngôi nhà gạch khá lớn, một ước vọng mà suốt đời gã không bao giờ tin rằng gã thực hiện nòi.

Đứng đầu một tinh giàu có, họ Lương mở túi tiền tóm góp mạnh hơn trước. Bảo nhiêu kinh nghiệm sẵn có, hắn đem ra áp dụng trong từng địa hạt và thu được kết quả rất khả quan. Đồng bào phải khóc thầm dưới những thủ đoạn cực kỳ tinh xảo của hắn. Một thành tích của hắn lưu lại là đến từng nhà giàu có «xin» mỗi nhà một món đồ dùng, một món vật quý. Tồng cộng số «chiến lợi phẩm» ấy là năm chiếc xe mười bánh chở mới hết.

Khi cách mạng (1-11-1963) bùng nổ, quan thầy chầu Chúa, Lương-Mô bị lá chuối dắt tay ra khỏi chính trường. Hắn về Nha-trang cất một cái biệt thự rộng lớn giữa trung tâm thị trấn, sống cuộc đời vương giả với gia đình gần mười bảy người. Đạo ấy, thiên hạ thuê nhà rất cao giá hắn cho mướn biệt thự, rút xuống

căn bếp, rồi trở lại Sài-gòn mang gõ gạc theo các quan mới. Hắn có vợ lớn hơi điên và vợ bé còn trẻ. Cả hai đều sống với hắn, thỉnh thoảng hắn đi Nha-trang thăm tiền nhà và ở tạm với người bà con dưới căn bếp mà hắn nhờ coi sóc dùm hắn.

Tết Mậu-Thân (1968), hắn về Nha-trang thăm nhà gấp ngay đêm Việt-Cộng tấn công. Một toán hơn hai mươi tên định chiếm Ty Ngân-Khố, tràn vào biệt thự họ Lương đóng làm diêm tura. Nhưng quân đội quốc gia chặn đứng tại đó và tiêu diệt hoàn toàn đối phương, luôn cả họ Lương. Khi dẹp tan địch thủ, ban vệ sinh ra đèo Rù-Rì trên đường đi Ninh-hòa đào một cái hố lớn, xúc tung mó xương, thịt rã rời, thối tha bỏ chung đắp lại. Ngôi biệt thự bị đạn hư hại gần hết, đồ đạc hao mất, hóa thành ngôi nhà hoang. Vợ con hắn không biết xương cốt hắn ở đâu mà tìm để cải táng!

Tên-Thò-Khê trong lúc dựa hơi họ Lương có bắt buộc một người Hoa-kiều cho mượn một số tiền. Sau đó gã định giựt luôn vì không có giấy tờ, bằng cớ gì cả. Người Hoa-kiều rất ức lòng không biết làm cách nào để đòi. Một hôm, anh ta cởi xe gắn máy tình cờ gặp Thò-Khê cũng đi xe gắn máy ngược lại, liền mờ hết tốc lực đâm vào tên cướp cạn vừa hé tét lên!

Tai nạn xảy ra, Thò-Khê chết liền tại chỗ, người Hoa-kiều bị thương nặng nhưng còn sống.

75. TRÁNG SĨ THUỒNG-LUỒNG

dưới đời Vua Hùng-Vương thứ mười bốn, có một đứa bé độ chừng mười bốn, mươi lăm tuổi tên

là Mun sớm mồ côi cha mẹ, nhờ vợ chồng người chú nuôi dưỡng. Người chú phải đi làm thuê, bỏ bé Mun ở nhà một mình.

Một hôm, bé Mun đóng cửa đi chơi trên bờ biển. Nó mải mê rượt mấy con còng gió đến trưa quên cả đói, thỉnh linh thấy sóng dâng lên cuồn cuộn như sắp có cơn bão. Cơn sóng mỗi lúc mỗi dồn dập thêm, rồi từ dưới biển nhô lên hai con vật không lồ, đen ngòm kéo lên bãi cát nhau dữ dội. Nó hốt hoảng toan chạy trốn nhưng tay chân bùn rùn ngã khuya xuống. Hai con vật đang hăng máu không để ý tới nó.

Bấy giờ nó mới hoàn hồn ngồi xem trận chiến kinh hồn. Những giọt máu của hai con vật bắn ra đóng thành khối dưới bãi cát. Hồi lâu chừng như một con đuối sức chạy xuống biển và con kia cũng lặn theo. Mặt biển trở lại yên tĩnh như trước.

Bé Mun chạy lại chỗ hai con vật vừa cắn nhau lượm khối máu lên xem. Gió biển hắt vào mũi, nó thấy có mùi hăng hăng và thấy đói. Nó phuid lớp cát xung quanh khối máu, le lưỡi nếm thử thấy vừa mặn vừa ngọt, bèn bỏ vào miệng nhai và nuốt luôn. Thấy ngon ngon, nó lượm khối máu khác ăn nữa. Khi ăn hết tất cả máu rơi rã, nó cảm thấy trong người nóng bức khó chịu, xương cốt hình như muốn nổ tung ra, mồ hôi tuôn như xối nước. Nó chạy xuống biển ngâm mình cho bớt nóng, bất ngờ bị hụt chân chìm xuống một vực sâu. Nó nghĩ phen này chắc chết, nhưng không dè vẫn thở đều đều không bị sặc nước, mắt mờ to nhìn thấy mấy dặm xa. Nó đưa tay lên, không bị sức nước cản

và nó cảm thấy trong người dần dần hết nóng bức. Khi trở lại trạng thái bình thường nó mới bước lần mẩy bức đất đi lên như người ta leo núi vậy. Thì ra nó đã ăn phải máu của loài trâu nước nên mới đi dưới nước như cá vậy. Nó trở về nhà thì trời đã sầm tối.

Sáng hôm sau, chú nó nhìn nó hoảng hồn kêu lên:

— Trời ơi! Mới hôm qua đây, sau bữa nay thằng Mun phát lớn quá vậy?

Nó mỉm cười nói với chú:

— Có lẽ đến lúc cháu bắt đầu lớn rồi đấy!

Hai hôm sau, chú thiểm nó nhìn nó bằng con mắt sợ hãi vì nó cao lớn bằng rưỡi chú nó. Bao nhiêu gạo trong hũ cũng không đủ cho nó ăn. Chú thiểm nó có ý định bỏ nhà trốn đi nơi khác vì nghĩ nó là ma quỷ chớ không phải người.

Bấy giờ nó giải thích việc ăn nhầm máu của hai con vật dưới biển, nên sức mạnh gấp trăm người và hơn nữa có tài lội dưới nước như rái. Chú thiểm nó nghe vậy mới yên lòng.

Một hôm, chú nó buồn rầu hỏi nó:

— Cháu! Cháu có muốn đi coi lễ kỳ yên với chú không?

Nó hờn hở đáp:

— Chú cho cháu đi với! Chắc là vui lắm hở chú?

— Không vui đâu cháu! Vì mỗi kỳ lễ như vậy phải mất hai mạng người để cúng Thần!

Nó ngạc nhiên hỏi:

— Trời! Lẽ gì kỳ vậy?

Chú nó đáp:

— Nếu không vậy còn hại nhiều hơn nữa!

Nó lặng lẽ đi khắp xóm mượn được con dao ngắn
dầu trong mình để đi xem cuộc lẽ ra sao.

Hai chú cháu theo đoàn người đến bờ sông thấy
dân làng tựu lại đông đảo đứng chung quanh hai người
bị trói, mặt mày hốc hác. Đó là đôi vợ chồng phạm tội
ăn cắp bị bắt đem nạp cho Thần.

Mun hỏi :

— Thần ở đâu?

Mọi người thấy Mun to lớn dì thường nên bu lại
xem, chừng nghe Mun hỏi, một người nhanh miệng đáp:

— Thần ở dưới sông đó! Chờ một lát mà xem,
ghê khiếp lắm!

Mun nói với chú :

— Chú ở đây để cháu đi dâng kia một chút!

Không đợi chú trả lời, Mun rẽ đám đông vào nỗi
nhỏ với hai nạn nhân :

— Ông bà đừng sợ! Có tôi cứu cho!

Hai người vội nhìn Mun với tia mắt mừng rỡ. Mun
lên ra khỏi đám đông đi mất.

Sắp đến giờ dâng hiến lễ vật cho Thần, dân chúng
khiêng hai vợ chồng xuống một chiếc ghe không mui.
Hai vợ chồng người ấy đảo mắt tìm Mun nhưng không
thấy. Dân làng đứng nghẹt trên bờ sông để xem tǎn kịch
hãi hùng bi đát. Khi thấy mặt sông cuộn sóng họ xô
ghe ra và giống trống để trợ oai cho Thần.

Không lâu, mặt sông đã bắt đầu nồi sóng càng lúc
càng lớn, dân chúng xô chiếc ghe cho trôi ra giữa dòng
và nồi trống lên inh ôi. Đàm bà con nít không dám xem
bở đi vào trong. Có tiếng thét vang, một người từ trên

bờ chạy xuống ; người ta nắm tay cô gái vừa thét lại. Cô ta ngất xỉu. Đó là con của hai kẻ sắp chết. Ngoài khơi hai nạn nhân cũng thét lên kinh khủng và ngắt lịm.

Bỗng một khúc minh đèn ngòm cuộn lên rồi lặn xuống và một khúc đuôi dài quặt văng nước tung tóe.

Mọi người thì thào :

— Thần đã đến rồi ! Ghê quá !

Trong khi đó có tiếng thét khác nồi lên :

— Trời ! Thằng Mun ! Thằng Mun nó dám . . .

Dưới sông, thằng Mun cầm con dao ngắn lặn hụp với Thần và không hiều máu của Mun hay của Thần nhuộm đỏ cả mặt nước. Dần dần, Mun và Thần chìm mất và mặt sông im lặng trở lại, chiếc ghe chở hai nạn nhân vẫn trôi lèn bờ. Lát sau, Mun lù lù đi lên tay nắm xác con Thuồng-luồng to lớn tanh hôi đè trên bờ sông rồi lội ra kéo chiếc ghe vào bờ.

Người ta gọi nạn nhân và cô gái tinh dậy. Ba cha con ôm nhau khóc lóc mừng rỡ. Mọi người nhìn Mun bằng con mắt thán phục và kính sợ. Họ cho Mun là Thiên Thần giáng thế để cứu người. Một vị bô lão nói với Mun :

— Chú em giết đây là con đực, tôi e rằng còn con cái nữa.

Mun nói :

— Không sao, tôi đã thấy hang chúng nó rồi đè tôi xuống giết luôn cho tuyệt hậu hoạn.

Mun nhảy xuống nước. Giây lâu trôi lên nói :

— Tôi đã giết nó rồi ! Bà con khỏi lo nữa.

Dân chúng mến phục Mun tặng cái danh hiệu là « tráng sĩ Thuồng-luồng ». Mun được vợ chồng nạn

nhân gả con đè đèn ơn cứu tử. Chú Mun băng lòng ngay. Từ đó bắt cứ nơi nào có nạn Thuồng-luồng thì người ta thỉnh cầu Mun ra tay nghĩa hiệp.

Một hôm vợ của Mun có việc phải chèo thuyền đi suýt bị chết vì một con Thuồng-luồng nồi lên quật thuyền chìm. Rất may Mun còn đứng trên bờ trông thấy vội nhảy xuống cứu kịp. Sau nạn đó, Mun chích cánh tay mình chảy máu cho vợ uống, rồi kéo vợ xuống sông lặn thử, thì vợ Mun cũng thở được như Mun và cũng mạnh khỏe hơn xưa. Vợ chồng Mun tạm biệt chú thiêm và mẹ cha đi ngao du giang hồ để trừ quái vật cứu dân.

Hôm ấy, vợ chồng Mun nghe đồn trên khúc sông Bạch, có một đỗi Thuồng-luồng to lớn và sống lâu năm có lẽ đã thành tinh thường nhiễu hại dân chúng quanh vùng đó, và ăn hiện bắt ngòi nên thiên hạ rất sợ. Vợ chồng Mun đồng nhảy xuống đáy sông đi hồi lâu thấy tận dưới đáy sâu cõi cái hang rộng lớn, liền lẩn bước vào. Đi một đỗi, vợ chồng Mun thấy từ trong hang có 2 bóng người đi ra vừa thấy vợ chồng Mun thì dừng lại, Mun nhìn kỹ là một trai, một gái rất đẹp, lấy làm lạ bèn hỏi :

— Hai người là ai ? Tại sao xuống đây được ?

Chàng trai đáp :

— Kính chào Tráng-si ! Có phải đây là Tráng-si Thuồng-luồng không ?

Mun đáp :

— Sao người biết tôi, vậy người là ai ?

Chàng trai nói :

— Tôi là Thuồng-luồng thủy chúa ! Và đây là vợ tôi.

Có phải Tráng-sĩ tìm chúng tôi không ?

Vợ của Mun nghe nói kinh hãi, còn Mun thì bình tĩnh nói :

— À, vậy là Thủy quái đã thành Tinh, ta phải giết các người để trừ hại cho dân lành.

Mun toan động thủ nhưng chàng trai cản lại :

— Khoan ! Tráng-sĩ không thể giết chúng tôi được đâu vì chúng tôi biết biến hóa, chúng tôi có thể tránh nạn được. Vậy Tráng-sĩ hãy nghe tôi giải thích, vì trong dân chúng vùng này nảy sanh nhiều người hung dữ, độc ác, nên đức Thượng-đế giáng họa sai chúng tôi biến hóa, sanh sản giống Thuồng-luồng để tìm tận diệt những kẻ bất lương. Có lẽ những kẻ ác bị giống Thuồng-luồng chúng tôi diệt gần hết nên trời mới sai Tráng-sĩ uống máu Trâu nước có sức mạnh hơn người phàm để tìm diệt hết giống Thuồng-luồng. Vậy tôi xin nói thật giống Thuồng-luồng đã hết và Tráng-sĩ vui lòng cứu chúng tôi không ?

Mun lấy làm lạ hỏi :

— Cứu người à ? Người có bị nạn gì mà cứu và cứu bằng cách nào ?

Chàng trai đáp :

— Xin Tráng-sĩ chích cánh tay Tráng-sĩ chảy máu cho vợ chồng chúng tôi hút để không còn hoàn lại hình dáng Thuồng-luồng nữa, và chúng tôi sẽ lên trên cạn đời đời không sợ ngạt hơi. Chúng tôi sẽ tìm non cao tu luyện thành chánh quả.

Mun suy nghĩ rồi hỏi tiếp :

— Có gì chúng chắc rằng giống Thuồng-luồng đã

bị tiêu diệt hết? Nếu còn thì dân chúng phải làm sao để tránh nạn đó?

Chàng trai đáp :

— Vì luật trời đã định như vậy, còn sót lại chăng là những giống Cù hay Rắn Nước mà những loài ấy không hại người đâu, nhưng muốn chắc hơn Tráng-sĩ về bảo dân chúng hãy vẽ chàm lên thân thề, bắt cứ con Thuồng-luồng nào thấy cũng tưởng là đồng loại sẽ không hại mạng.

Mun thấy hắn thật tình, bèn chích cánh tay cho chảy máu cho hắn và vợ hút rồi bốn người đồng lên bờ, chàng trai há miệng nhả ra viên ngọc sáng lóng tảng cho Mun, nhưng Mun không lấy. Hắn năn nỉ bảo :

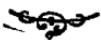
— Tráng-sĩ nên lấy và nuốt vào sẽ trừ được tật bệnh biến hóa như vợ chồng tôi và có thể trừ được yêu quái.

Nói xong hắn bỏ đại vào miệng Mun bảo Mun nuốt. Mun vừa nuốt xong thì hai vợ chồng kia biến mất.

Vợ chồng Mun trở về bảo dân chúng nên vẽ chàm vào mình để tránh nạn Thuồng-luồng. Ban đầu người ta vẽ ngoằn ngoèo lên mình, dần dần người ta tìm cách đậm vào thịt để vết chàm dính lâu hơn. Tục lệ xâm mình của giống dân Giao-chi có từ đời Mun cho đến nghìn sau.

Dần dần chú thiếm và cha mẹ vợ Mun qua đời, Mun lại dắt vợ ngao du sơn thủy và biệt tích luộn từ đó.

Dân chúng nhớ ơn Mun lập miếu thờ gọi là ông Thánh Đen.



76. ÔNG PHÓ BẢNG HUY

Ông Nguyễn-sanh-Huy quê ở Nghệ-an đậu Phó Bảng khoa thi Hội dưới triều Vua Thành-Thái, làm quan Thị-độc dạy chữ. Nho cho Hoàng tử Duy-Tân.

Khi Vua Thành-Thái thoái vị, các quan trong triều không ưa ông, kiếm chuyện biếm chức dời ông lên miền Thượng-du Bắc-Việt làm Thái-thú. Ông đến nhiệm sở mới, bắt được một bọn cướp điều tra ra tên đầu dọc là một Hoa-thương có thể lực. Tên này dùng tiền bạt kiện ông làm ông mất chức.

Thất chí, ông giả điên, cạo đầu, mặc quần áo đạo sĩ, nay ở chùa này, mai ở chùa khác. Ông nghe tin một người học trò cũ tên Diệp-văn-Kỳ vào miền Nam cưới con gái ông Lê-quang-Hiền điền chủ ở làng Mỹ-trà, quận Cao-lãnh bèn đến nơi tìm gặp. Họ Diệp rất mừng, tiếp đãi ông hết sức tử tế. Nhưng ông không ở Cao-lãnh, thường đi Sài-gòn ở với thân phụ ông Kỳ là Diệp-văn-Cương. Có lần ông uống rượu giả say ngoài đường bị lính hành hung, ông nằm lăn ra, la ó om sòm. Ông Cương năn nỉ không được. Hôm ấy, ông Lê-quang-Hiền mới lên thăm rẽ thấy vậy liền kề tai nói với ông Huy rằng :

— Ngày xưa, Tôn-Tần giả điên ăn cứt mà người ta còn biết, còn ngài có giả say nằm đây thì thiên hạ cũng biết Ngài là ông Phó-Bảng.

Ông Huy nghe xong, đứng dậy vào nhà.

Người con trai ông vào thăm và trình việc xuất dương, thấy ông tiêu tụy, thiếu thốn thì động lòng rơi

lụy. Ông bảo con năm xuống phạt năm roi quở trách
một hồi và dạy rằng :

— Mày là nam nhi, đừng làm thói đàn bà, mỗi
việc mõi khóc.

Viên Phó Soái Nam-Kỳ tìm ông, hỏi :

— Ông có thiếu thốn chi Nhà nước giúp cho?

Ông đáp :

— Tôi già cả và có một mình, làm thuốc đủ tiền sống qua ngày. Cám ơn quan lớn.

Vài năm sau, ông Diệp-văn-Cương qua đời, ông trở lại Cao-lãnh vào ở trong chùa Hòa-Long-Tự gọi là Miếu Trời Sanh và chùa làng Tân-thuận-tây, rồi di ở núi Thất-sơn, giảng kinh Phật, dạy các nhà sư xú quanh! Năm 1929, ông lại về Cao-lãnh ở nhà ông Lê-văn-Giáo làng Hòa-an là một cụ già sống độc thân. Ông dạy ông Giáo làm thuốc hoàn, thuốc tán bán độ nhụt. Một hôm, ông làm đơn khai tên là Nguyễn văn Điều vào xin ông chủ quán Lê-quang-Tường cho phép làm nghề thầy thuốc Bắc. Ông chờ đến giờ làm việc đi vào văn phòng bị lính cản lại bảo chờ. Ông ngồi quá lâu không được phép gấp quan, bức mình xé đơn bỏ về.

Tháng 10 năm ấy, ông Hội-đồng Nguyễn-chánh-Vị rroc ông trị bệnh mẫu thân. Ông hốt thuốc gần một tháng, bệnh nhận từ trần. Ông di cữu đối điếu tang:

- Thỉnh chẩn bắt dung tu, vì hiểu tâm nhơn tri
hữu mẫu.
- Đầu thang phi thi ngũ, duy trình tiết phụ tiê
tùng phụ s.

Dịch nghĩa :

« Rõrõc xem mạch không nỡ từ vì kẻ tháo tâm biết có mẹ,

« Đầu thuốc thang chỉ phải lộn, nhưng bà trinh tiết nguyên theo chồng. »

Tháng 11 ông mãn phần tại nhà ông Lê văn Giáo. Ông Hội đồng Vị cúng một cái áo quan xứng đáng. Ông Lê-quang-Hiền và ông Nguyễn văn Sành ở làng Hòa-an lo chôn cất ông bên cạnh miếu Trời Sanh. Không bao lâu, người con gái lớn của ông vào làm lễ thành phục thọ tang, có đem theo đôi liễn của một vị Tuần Phủ điếu :

« Thường mạn vạn lý minh hồng khứ,

Thành quách thiên niên hóa Hạc qui. »

Dịch sát nghĩa :

« Minh mông muôn dặm cánh hồng tách,

Thành quách ngàn năm hóa Hạc về. »

Dịch ý :

« Cánh hồng bay bồng minh mông,
Mặc đầu thơ bắn khôn trong phuong trời.

Xa chơi muôn dặm thành thời,

Tinh hồn hóa Hạc về nơi cố thành. »

77. CHUYỆN HAI KHẨU SÚNG ĐỒNG Ở VŨNG-TÀU

Dự ờ i thời Pháp thuộc, chính phủ thực dân đặt hai khẩu súng đồng ở Vũng-tàu để phòng thủ nước Việt-nam về mặt biển. Hai khẩu súng này do Pháp tịch thu của Đức quốc sau trận thế chiến 1914 - 1918

mà người Đức đã dùng nã đạn vào Thủ-đô Paris. Đây là loại súng lớn nhất thời bấy giờ. Quân đội Pháp dè một khẩu giữa lưng chừng ngọn núi phía trước chợ Vũng-tàu, lẽ cỏ nhiên chia mũi ra biển và một khẩu ở trong hang đá ngoài Bãi sau (Ô-quǎn) cũng chia miệng ra khơi.

Khẩu trước nằm cạnh trại lính Pháp có phận sự kiềm soát mặt đại dương. Không ai được vào trại nếu không có giấy phép và không ai được láng vắng xung quanh đấy.

Khẩu sau nằm trong hang đá trên cái giá có bánh xe, khi bắn thì đầy ra ngoài. Phía trước hang có cánh cửa sắt dày khóa cẩn thận, có lính canh gác ngày đêm.

Với hai « ông » đại bác thần công này, người Pháp tự hào rằng mình vô địch, có thể giữ yên đất Nam-kỳ thuộc địa, bắn chìm tất cả tàu chiến nào dám tấn công vào Vũng-tàu. Nhưng may mắn thay cho dân Annam thích hòa bình suốt nửa thế kỷ dài áng ngữ ngõ vào đất Việt, hai ông đại bác chưa có dịp trổ tài vì không có quốc gia nào gây chiến với Pháp. Vì thế, dè tập dượt cho lính pháo thủ quen tay và xác nhận súng còn hoạt động được cũng như phô trương cho dân ở Vũng-tàu ngán sức mạnh của Nhà nước, thỉnh thoảng quân đội bắn thử vài mươi phát ra khơi.

Năm 1938, có lệnh thử khẩu trên đồi. Đồng bào ngừ phủ nhận được lời truyền rao tránh xa vùng đạn rót hoặc nên nghỉ đánh cá trong ngày ấy. Đồng bào chợ Vũng-tàu nhận được lời truyền rao sẽ có

tiếng nổ « lớn lầm », dừng giật mình, sợ hãi, cứ bình tĩnh làm ăn.

Đúng giờ, ông Sĩ quan Pháp ra lệnh :

- Chuẩn bị !
- Nạp đạn !
- Sẵn sàng !
- Bắn !

Toán lính pháo thủ thi hành rầm rộp theo từng giai đoạn, rồi ông xạ thủ bóp cò.

Viên đạn đại bác chạy lên đến giữa nòng súng thì nambi lại, không ra khỏi miệng mà cũng không lui trở về vị trí cũ.

Ông Sĩ quan lấy làm lạ ghé mắt nhìn vào thấy tối om, toán lính loay hoay không biết phải làm cách nào tống viên đạn đi hoặc lấy trỏ ra. Sau cùng, đúng theo sách vở, ông Sĩ quan báo cáo lên thượng cấp.

Ở Sài-gòn, các quan hay tin lập tức phái thợ sửa súng ở Ba Sơn (Arsenal) ngồi phi cơ ra ngay xem xét. Thuở ấy máy bay rất hiếm chỉ dành cho quan to mà thợ được đi thì đủ biết tình hình quan trọng thế nào.

Hai ông thợ một Pháp, một Việt đến nghiên cứu kỹ lưỡng, tuyên bố rằng :

— Nên dời trại xuống chợ, cấm không cho ai lại gần khẩu súng vì nó sẽ nổ không biết vào giờ nào !

Hòn vía lên mây, tất cả quân nhân mang đòn lè hạ sơn tức khắc. Món gì quá nặng thì bỏ lại, không ai dám nán ná sợ chết không toàn thây. Đồng bào trong chợ nhận được lời truyền rao « không ai được phép đến gần chân đòn sẽ gặp điều nguy hiểm cho tính

mạng ». Không ai biết vì lý do gì cả cứ lầm lết nhìn lên trại lính ở giữa lung chừng.

Hai ngày sau, một tiếng nổ đánh ầm chát tai nhức óc. Thiên hạ hoảng hồn đóng cửa rầm rầm, mạnh ai nấy chui vào nhà nấp trốn. Viên đạn nổ tung làm tết cây súng, lật đổ chồng kẽm xuống đồi, một góc trại lính bị sập. Quân lính gom góp xác « ông đại bác » chất thành một đống sắt vụn, bán cho chêt ve chai.

*
* *

Lực lượng phòng thủ Nam-kỳ hao mất năm chục phần trăm, còn lại một khẩu đại bác ở Bãi Sau, quân Pháp quyết tâm o bế kịch liệt, luyện tập xạ thủ thật chuyên cần. Mỗi lần bắn thử súng và thử tài múa ông lính, đồng bào trong chợ nhận được lời truyền rao « không cho ai đến Bãi Sau tắm hoặc hóng gió từ sáng sớm đến 12 giờ trưa. » Đúng giờ H, một chiếc tàu thủy kéo cái bè gỗ, trên có một tấm vách bằng lá buôn bề ngang 4 thước, bề cao 10 thước, chạy thẳng ra khơi, thủy thủ mở bè bỏ trôi lờ đờ theo sông. Chiếc tàu chạy vào bến tránh đạn: Đúng trong bãy nhìn ra, người ta thấy tấm vách lá to bằng manh chiếu.

Bấy giờ, Ông Sĩ quan Pháp ra lệnh mở cửa hang, đầy « ông » đại bác thần công lù lù ló họng chĩa ngay chiếc bè. Toàn lính pháo thủ đứng vào chỗ, Ông Sĩ quan hô to :

- Chuẩn bị !
- Nạp đạn !
- Sẵn sàng !
- Bắn !

Mọi người thi hành rùm rụp theo từng giai đoạn.

Âm !

Rồi, ầm ! ầm !

Lần này đạn phut ra khỏi nòng bay thẳng xuống biển ai cũng ngó thấy rõ ràng. Mục tiêu là tấm vách lá tượng trưng cho chiến hạm địch, xạ thủ phải tiêu diệt cho kỳ được.

Ông Sí-quan thấy « ông » đại bác chịu làm việc thì khoan khoái lắm, hô to hơn trước :

— Bắn ! Bắn !

— Ầm ! Ầm !

Ngoài xa nước văng lên trắng xóa quanh chiếc bè lắc lư, lắc lư. Tòng cộng buồm sáng hôm ấy số đạn bắn đi là 20 quả. « Ông » đại bác hoàn tất nhiệm vụ rút lui vào hang yên nghỉ sau khi được ông Sí-quan vuốt ve tớ vẻ cảm ơn.

Chiếc tàu thủy chạy ra kề cái bè vào bờ với tấm vách lá còn nguyên vẹn.

Năm 1941, quân Nhật vào Đông-duong được người Pháp khóm nóm tiếp đón tử tế. Năm 1942, chính phủ thực dân bị lật nhào trong đêm 9-3 gần như không có tiếng nổ. Rồi 1954, thất trận Điện-biên-phủ, các quan rút lui về xứ không có dịp cho « ông » đại bác trở tài lần nào.

78. TÍCH CHIẾC BÈ THỊ HƯƠNG

dự ớ i triều Vua Gia-Long, có một vị Tri-phủ được thăng chức, bày lễ ăn mừng. Ông rước một Phường chèo danh tiếng đến trình diễn trong ba ngày thỉnh vua, bá quan và cho dân chúng xem.

Khi phường chèo đến chung bày trướng, lộng, cờ xí xong thì cô đào chánh phát đau nặng không thể trình diễn nổi. Khô thay, vị Tri-phủ lại am hiểu tuồng tích ít nhiều nên lựa tuồng thật gay cấn, bí ẩn nhất định phải hát ba thứ «Tái sanh duyên» tức là Mạnh Lệ Quân giả trai, Mạnh Lệ Quân chẵn mạch và Mạnh Lệ Quân thoát hài.

Ông bầu luýnh quýnh liền trình quan xin cho đài tuồng khác vì cô đào Mạnh Lệ Quân đang nằm bẹp trên giường. Vì quan không chịu còn đang la ó thì từ phía sau rèm, cô tiều thư ái nữ của Quan bước ra xin hát thế cho cô đào. Vì Quan ngần ngừ không chịu, sau nghe con nói có thể hát được, vị quan xiêu lòng cho con diễn thử. Vì tiều thư liền xin bồn tuồng vai Mạnh Lệ Quân để học, vì tuồng này không thể hát cương như những tuồng khác.

Trong ba đêm hát vị tiều thư làm tròn bồn phản và có phần xuất sắc hơn cô đào vì tiều thư có cái vẻ dài các đặc biệt làm cho cả Vua, Quan và anh kép chánh là Hoàng-Phủ Thiếu-Hoa phải sững sờ, ngạc nhiên. Tuy nhiên kẻ hài lòng nhất chính là vị Quan, cha của nàng. Còn vị tiều thư sau ba đêm ấy lại mê anh kép trẻ đóng vai Hoàng-Phủ Thiếu-Hoa. Dĩ nhiên anh kép trẻ không thể từ chối cuộc tình duyên ngang trái này.

Thị Hương — tên của nàng — yêu cầu cha mướn hát thêm một tháng cho cuộc lễ gia quan thêm long trọng. Vị Quan cũng mê phường chèo như con nén bắng lòng ngay.

Ít hôm sau, Thị Hương mang bệnh, đã được, thèm chua. Lương y chẩn mạch bảo nàng đã tắt kinh và có thai. Cha nàng nỗi lôi đình tra khảo không tiếc tay. Nàng thú thật đã tư tình cùng anh kép trẻ và xin cha cho nàng được kết duyên với chàng. Vị quan quá giận truyề bắt anh kép giam lại và giam cả Thị Hương chờ ngày xử tội chém đầu. Bà quan khóc lóc năn nỉ xin giảm tội cho con, và đỗ lối tại Quan xui con ra hát nên trai, gái gặp nhau như lửa với rơm làm sao tránh khỏi cháy. Cuối cùng, vụ án chém đầu được bãi bỏ nhưng Ông Tri phủ nghĩ rằng mình là Quan, Phụ Mẫu chi dân mà đè cho cái bụng của con gái bêu diếp như vậy thì còn gì thề thống nữa nên quan ra lệnh quân lính đóng một chiếc bè tre thả nàng trôi theo giòng sông, sống chết do Trời Đất định.

Đến ngày xử tội, dân chúng xem đông đầy, có người than khóc cho số kiếp Thị Hương, vì phần nhiều đều mến nàng trong vai Mạnh Lê Quân. Toàn thè kéo đến công đường xin thả luôn anh kép, như vậy mới công bình

Quan cũng rất thương con, nhân được dân chứng cầu xin như vậy, liền thả cho anh kép chung bè với Thị Hương. Quan giận anh kép trèo đèo, ở dưới thấp mà dám xác tới nàng «Thiên Kim tiêu thơ» thì không còn tôn ti trật tự gì nữa, nên sai quân cắm một mảnh vải giữa bè viết bốn chữ «Xướng Ca Vô Loại».

Chiếc bè được xô ra, vợ chồng ông Tri-phủ khóc như mưa. Trên bè Thị Hương và anh kép nhìn nhau mỉm cười, đây mới thật là «Tái sanh duyên».

Vì câu chuyện này nên từ đó về sau Phường chèo Hát bội và Cải lương đều bị mang tiếng xấu chung. Nếu có ai thương mến thì được gọi là Nam nghệ sĩ hay Nữ nghệ sĩ, trái lại, thì cho là «Xướng Ca Vô Loại».

79. ÔNG THÙA-TIỀU

Ông Thùa-Tiêu họ Trần quê ở tỉnh Quảng-bình, theo ông Phan-bội-Châu làm cách mạng chống Pháp. Năm 1930, lúc trên hai mươi tuổi, ông ở Huế, hoạt động rất mạnh bị Mật thám theo dõi sắp xét nhà tìm bằng cớ bắt ông. Trong triều có một vị quan to thường ông còn trẻ có tài lén cho ông biết trước vài giờ. Ông bèn ra ngoài chuồng heo lấy xấp tài liệu đốt hết. Vừa xong thì lính ập vào nhà, nhưng không thấy gì đáng buộc tội. Tuy nhiên, tên ông đã có trong sổ bìa đen, trước sau gì Nhà nước cũng «cắt» hỏng cho rảnh mắt. Vì quan kia gọi ông đến nhà khuyên ông nên chọn một trong hai điều : làm Thùa-phái (thư ký trong Hoàng triều Việt-Nam) tại một tỉnh xa hay là ở nhà chờ ngày năm khám. Ông nghĩ rằng vào tù thì không giúp ích gì được cho đại cuộc nên bằng lòng làm việc. Vì quan nhận đơn, đề nghị cử ông đến Phan-thiết tinh ly tỉnh Bình-Thuận làm ở phủ quan Tuần-vũ.

Ông đến nhiệm sở năm 1931, thuê nhà ở với vợ và hai đứa con gái còn nhỏ, về sau bà sanh thêm 2 trai. Việc phụng sự cho cách mạng tạm gác lại vì lụa đất, lạ người ông không dám liên lạc với ai. Đồng bào địa phương gọi ông là Thừa-Tiêu, thành danh xưng như nhiều công chức khác.

Tháng Giêng năm 1933, ông đau mắt nặng, trị đủ loại thuốc Tây không giảm. Bạn bè khuyên ông đến « Bạch thủy Am » xin nước Thánh nhỏ vào sẽ hết ngay. Am này ở Phủ Hàm-thuận, gần ngoại ô chầu thành Phan-thiết do một bà cốt coi sóc tên là Thiểm Nhứt, chuyên trị tất cả bệnh tật bằng nước lạnh nên mới gọi là Bạch-thủy. Tương truyền Thiểm Nhứt là một đồng cốt bị đọa về tội không chịu cho một đấng linh thiêng nhập vào. Thiểm mang cả bốn chứng bệnh : phung, què, mẻ, sứt, chận trái bị phung lở lói không lành, có vòi bò lúc nhúc, chân mặt bị què, thui hẵn một khúc xương ống, trên trán bị mẻ một miếng xương vì một ồ vòi ăn khuyết, cánh tay trái bị sứt vì một ồ vòi khác. Thiểm bị bốn chứng bệnh hành xác mới chịu để vì linh thiêng nhập vào trị bệnh và nói điều họa phước cho thiên hạ. Vì này không nói mình là Phật, Thánh hay Tiên chỉ xưng tên là Văn-Linh-Kiền vâng lệnh Thiên đinh xuống phàm tăm « bốn ông thầy » gọi là ông thầy 12, ông thầy 13, ông thầy 14 và ông thầy 15, ngày nào gặp đủ bốn ông thì trở về ngôi cũ gọi là chấm dứt một giai đoạn, và người cốt cũng hết nhiệm vụ. Thiểm Nhứt là người liên lạc giữa đấng linh thiêng với người phàm, chọn « ông thầy » trong đám con bệnh đến xin thuốc hoặc những người tin tưởng Trời Phật thường đến am cúng vái. Danh từ « ông thầy » của đấng linh

thiêng gọi để chỉ vào người có căn cơ, có đạo đức, hoặc kiếp trước là một vị Thánh, Tiên mắng dọa, kiếp này phải tu hành để chuộc tội.

Trước khi ông Thùa-Tiêu nhở tri binh, Thiểm Nhứt, hay đúng hơn là vị Văn-Linh-Kiến, đã chọn được hai ông thầy, ông thứ 12 tên Nguyễn văn Hân ở xã Khánh-thiên, Mũi-né (cách Phan-thiết 32 cây số) quê quán ở xã Phan-hậu, huyện Đồng-xuân, tỉnh Phú-yên, ông thứ 13 tên Nguyễn văn Mạnh gốc ở miền Nam Việt-Nam, không ai biết rõ vùng nào.

Sau mấy lần tiếp xúc, ông Thùa-Tiêu thỉnh thuốc lᾶ nước lạnh nhô vào mắt khỏi bệnh, và được đấng linh thiêng chọn là ông thầy thứ 14, pháp danh là Huyền-Am (1). Ông thường đến am học đạo ngoài giờ làm việc, ban đêm ở nhà tọa thiền. Bấy giờ ông thay đổi chí hướng, không hoạt động cho cách mạng chỉ nghiên cứu về Đạo pháp. Ông gia nhập vào Hội Thông-thiên-học ở Sài-gòn, viết rất nhiều bài bình luận, sưu khảo đăng trên tạp chí Từ-bi-âm và dịch nhiều sách cho Hội xuất bản. Ông chuyên tọa thiền đến mức thông đạt, thỉnh thoảng tiên đoán nhiều việc sắp xảy ra rất đúng. Từ năm 1942, ông biết trước từng giai đoạn chánh trị đổi thay trên đất nước không sai mảy may.

Đồng bào địa phương thấy cách sinh hoạt của ông hằng ngày đồn ông tu Tiên. Có người cho rằng ông vốn là một vị Tiên có tên trong truyện Phong-thần bên Tàu

(1) Năm 1934, vị Văn-Linh-Kiến chọn được ông thầy thứ 15 tên Bùi-ngọc-Đèng, giáo viên ở xã Tân-xuân, phủ Hàm-thuận (Phan-thiết). Thiểm Nhứt xong phán sự, từ trần. Từ đó về sau, không nghe ai nói đến đấng linh thiêng nữa. Hai ông thầy 12 và 13 đều biệt tích, còn ông thứ 15 đến năm 1970 vẫn còn ở Phan-thiết dạy học.

đầu thai để giúp dân Việt-Nam. Có người nói ông là « Thập tứ tổ sư » căn cứ vào danh từ « ông thầy thứ 14 » do Bạch-thủy-âm gọi ông.

Ngày 1 tháng 6 Âm-lịch năm 1944 ông từ giã vợ con lên « núi Ông » ở quận Tánh-linh thuộc tỉnh Bình-tuy cất am tu hành. Chuyện ông xuất gia được đồng bào địa phương bàn tán, truyền tụng và « thần tiên hóa » rất nhiều, cho đó là một sự kiện lạ lùng, đặc biệt : giữa thế kỷ 20 mà có người tu tiên. Có người nói thỉnh thoảng ông về chợ Phan-thiết thăm vợ con, ông đi như bay trên mặt đất và có phép tang hình, muốn cho ai thấy thì cho. Những người đi lên rừng mua gỗ, tìm cây (1), tìm thuốc hoặc mua bán với đồng bào Thượng thường gặp ông ngồi tĩnh tọa trong am hoặc đi hái thuốc trên ven đồi. Người nào được ông tiếp chuyện dù một vài câu thì lấy làm sung sướng vô cùng, cho rằng mình có phước lớn.

Có lần ông gặp một người đem hàng hóa đồi lâm sản, ông bảo nên trở về nhà ngay kẻo trễ. Người ấy hỏi việc gì, ông làm thính. Tin lời ông, người ấy vào xóm gởi hàng, lật đật về nhà vừa kịp nghe cha trói mấy lời cuối cùng.

(1) Tìm cây là người chuyên mòn đi trong rừng tìm những cây còn sống để chỉ cho người có giấy phép đốn tiền công.

Có lần ông thấy ba người đi tìm cây bèn gọi lại bẻ một nhánh đầy lá đưa cho một người dặn rằng khi gặp gì nguy hiểm hãy đẽ nhánh cây trước mặt lảng lặng đi sẽ khỏi nạn, xong rồi bỏ. Ba người bái tạ, lanh nhánh cây tiếp tục đi. Vài giờ sau, ba người thấy một con cọp ngồi trên phiến đá. Người đi trước đẽ nhánh cây trước mặt bình tĩnh như thường. Con cọp ngồi yên như không thấy ai đi gần mình. Qua khỏi một khoảng xa, cả ba quỳ xuống hướng về ông lạy tạ và chia nhau mớ lá cất trong mình như bùa hộ mạng.

Đồng bào Thượng rất kính trọng ông, gọi kính là « ông bà » nghĩa là Thần, Thánh theo tín ngưỡng của họ. Nhiều người ở dưới chân núi thường đem gạo, muối, trái cây dâng ông dùng. Trong xóm có người đau, họ lên xin ông chỉ thuốc họ tìm hái về cho uống. Thỉnh thoảng họ đi chợ Phan-thiết thường kè chuyện ông cho những người quen nghe.

Đồng bào dưới chợ muốn gặp ông đẽ hỏi chuyện tương lai, hoặc thỏa ý tò mò, chịu khó lặn lội đi tìm nhưng rất ít người được may mắn thấy ông. Có người đến đúng am nhưng không có ông ; có người không biết lối nào mà lầm.

Đầu năm 1946, một toán thanh niên vũ trang ở Phan-thiết đi ngang căn lều cổ định vào bái kiến ông, nhưng chỉ thấy một nồi nước trà tươi nóng hôi và vài

cái gáo dừa. Anh em biết ông không muốn cho gấp, nên uống nước rồi tiếp tục đi. Sau đó, có người ở Phan-thiết tản cư lên Tánh-linh tình cờ thấy ông đi bên ven rừng. Người ấy vái chào ông rất kính cẩn, xin ông chỉ bảo phương cách tránh nạn giữa thời nhiễu nhương. Ông nói nên về nhà ở, đừng làm việc cho Tây, chịu nghèo mà bình yên. Rồi ông nói tiếp tội nghiệp cho thầy B. già mà không trót.

Người ấy vâng lời ông thuê xe bò chở đồ đạc đến ga xe lửa Suối Kiết đi Phan-thiết, bất chấp lời ngăn cản và hăm dọa của xóm diêng. Quả nhiên người ấy sống an toàn qua cơn khói lửa tuy phải chịu cơ cực vì không làm việc cho người Pháp. Còn thầy B. là một công chức có tiếng tăm dã về hưu rồi còn xin làm Công an, hạch xách đồng bào đủ điều, bị kẻ lạ mặt đâm chết trước một tiệm cơm. Trên lưỡi dao «boa-nha» có khắc tên thầy thật khéo.

Năm 1970, có người nói ông Thừa-Tiêu vẫn còn mạnh khỏe, tóc bạc như bông, râu dài tới bụng. Bên người con của ông có gia đình tử tế, gái làm Y tá, trai làm Sĩ quan nối chí ông phụng sự chánh nghĩa.

80. CHUYỆN ĐÁNH THUỐC CỘP

Vào đầu thế kỷ thứ 20, miền Nam Việt-Nam chưa khai phá đúng mức, loài thú dữ ẩn nấp trong bụi rậm, đồng hoang sát hại người thường nhật. Thuở ấy, ở ấp Văn-tâu gần bờ biển thuộc tỉnh Bạc-liêu có một xóm người Triều-châu cư ngụ, phần đông sống với nghề làm

rãy. Trong xóm có anh Ho cất nhà cạnh vườn rau, phía sau có cái ao đầy nước. Anh bắc cây cầu ra gần giữa ao để xách nước tưới rau, và tắm giặt. Hằng ngày sau khi dọn cỏ, chăm sóc rau cải xong anh về nhà, ra ao tắm rồi dùng cơm. Anh sống bình yên ở ấp Văn-tâu trên mười năm dành dụm được ít tiền định cưới cô gái con ông Hương ấp.

Một buổi chiều, anh về hơi trễ, lối xóm đã đốt đèn rồi, anh mới đi tắm. Người ta nghe anh xối hai lần nước kẽ anh la lên :

— Cứu tôi ! Cứu tôi ! Chết rồi !

Lần lần tiếng kêu nhỏ đi và mất hẳn.

Mọi người ngạc nhiên cầm đèn chạy ra không thấy anh Ho, chỉ có cái áo sơ ở trên cầu và cái thùng xách nước trôi trên mặt ao. Người ta kêu anh ôm sờm nhưng không nghe anh trả lời, bèn rời đèn dưới đất tìm dấu vết và thấy nhiều dấu chân cộp và một vũng máu. Đúng là anh Ho bị cộp tha đi rồi ! Lập tức mọi người về nhà lấy gậy gộc, dao mác họp thành một đoàn đi theo dấu máu tìm anh Ho. Đi một khoảng xa thì hết máu và dấu chân cộp không còn in trên đất ; mệt mỏi quá họ trở lại chờ sáng mai sẽ tiếp tục. Họ dành phó thác nạn nhân cho số mạng chờ không biết làm sao giải cứu kịp thời.

Ở nhà, những người già và phụ nữ lo sợ bàn tán xôn xao. Cả xóm náo động vì tin đồn quá nhanh và đây là lần đầu tiên cộp bắt người ngay trong ấp. Suốt đêm ấy nhiều người không ngủ yên. Họ e rằng con thú sẽ quen mồi đến tha người liên tiếp thì hết làm ăn được. Người

nào cũng phác họa một lối giết cọp để trừ tuyệt hậu hoạn, định sẽ thảo luận với nhau để thi hành.

Sáng lại, mặt trời vừa mọc, 20 người đã tập họp tại nhà anh Ho, mỗi người cầm một món khí giới khác nhau. Họ đồng ý chia làm hai toán đi tìm, mỗi toán có một con chó săn ; toán nào gặp được xác nạn nhân thì thôi từ và ba lượt cho toán kia biết. Cả hai mươi người đi khắp cánh đồng hoang mà không ai thấy anh Ho, nhờ con chó bắt mùi xác chết sủa om sòm. Thị ra cọp ăn phân nửa thân mình người xấu số, còn lại đem dấu trong bụi cây, kéo nhánh lá che kín lại.

Người toán này thôi từ và gọi toán kia lại khiêng anh Ho về nhà mai táng theo tập tục người Triều-châu, nhưng vị cao niên ngăn lại mà rắng :

— Ta không vội gì chôn anh ấy, phải nhân dịp này mà trừ con vật cho xong. Theo thói quen, mỗi khi cọp ăn người hay thú không hết thì đem dấu đê hòm sau đến ăn lần nữa và lần nữa chứng nào thật hết mới thôi. Nếu ta tìm được cái xác và đem chôn ngay thì cọp sẽ đào mả ăn cho kỳ được mới vừa lòng dù ta chôn nơi nào thật kín đáo cũng mặc. Ở miền Cao-nghuyên đã có nhiều người gặp phải trường hợp này. Bây giờ ta khiêng anh Ho để trong nghĩa địa chờ cọp đến ăn, tôi có cách giết nó.

Mọi người nghe lời, đem xác nạn nhân để nằm tại nghĩa địa. Vị cao niên về nhà lấy một gói thuốc độc thoa trên mình anh Ho, rồi cắt 5 người trèo lên dây gần đó xem cọp chết. Thuốc độc chế bằng cái râu

cọp cắm vào mục măng một thời gian thì râu ấy hóa thành con sâu, còn mực măng thui chết khô. Người ta đào hầm trong nhà nuôi con sâu bằng thịt sống. Sâu lớn dần đến bằng con Mèo. Phần sâu là thuốc độc giết người cực mạnh, bỏ vào nước uống chết ngay, không thuốc gì cứu kịp. Mực măng thui vì râu cọp cũng là món độc được, ông lão ở ấp Văn-tâu tán ra thành bột thoa trên mình anh Ho.

Đêm ấy, cọp theo đến nghĩa địa tiếp tục ăn xác chết vài miếng thì nhào lộn một hồi tắt thở.

Người ta khiêng anh Ho về chôn cất tử tế, còn xác cọp thì xé ra lấy da, lấy râu, lấy xương làm thuốc cao, trừ được mối hại cho toàn dân trong ấp.

81. ĐÀO ĐƯỢC TƯỢNG PHẬT

Dưới lòng đất quận Cao-lãnh thuộc tỉnh Kiến-phong thỉnh thoảng đồng bào bắt gặp nhiều tượng Phật bằng đồng, bằng gang mà không ai tìm hiểu xuất xứ hoặc truy tầm nguyên gốc.

Năm 1920, ông Nguyễn văn Thủ tục gọi là Bảy Thủ ở rạch Ông Đá, ấp Hòa-hưng, xã Hòa-an, cách chợ Cao-lãnh lối ba ngàn thước đào mương chứa nước trồng thuốc lá thấy ba tượng Phật bằng đồng đen mỗi tượng bề cao lối 3 tấc. Không ai biết tượng ấy do người Miên hay Việt tạo nên. Ông đem về nhà để trên bàn thờ hằng ngày thắp nhang cúng vái cầu phước, cầu tài. Tin đồn đến tai một vị điền chủ ở xã

Mỹ-trà, ông này đến xem ngỏ ý muốn thỉnh về thờ và tặng ông Thủ 50 đồng bạc. Ông Thủ thấy số tiền quá to, có thể mua mấy mảnh ruộng, cất cái nhà liền bẳng lòng. Vị điền chủ giữ ba tượng ấy đến thời kháng chiến, nhà cửa bị đốt không biết còn hay mất !

Năm 1941 ông Nguyễn văn Xoài ở rạch Bà Phàng, gần rạch ông Đá Cào mương làm rẫy gấp 7 tượng Phật đúc bằng gang theo khuôn, mỗi tượng đều khác nhau : như Đức Thích-Ca ngồi, bà Quan-Âm, Đức Di-Lặc, ông Địa, v. v. . . Thiên hạ đồn rầm lên, kéo nhau đến coi chật nhà. Có người nói rằng trước chỗ ấy có ngôi chùa Phật, hiện cõi nền vẫn còn.

Ông Đốc phủ sứ Đỗ văn Công, trấn nhậm ở Cao-lãnh từ ngày 2-11-1940 đến 18-3-1945, nghe tin liền thân hành tới xem và bảo ông Xoài đưa hết ông gởi về « Viện Cố tích » ở Sài-gòn chỉ giữ lại một tượng để thờ mà thôi. Ông Xoài không dám cãi lệnh sai con là Hà để 6 tượng vào thúng đội ra quận đường. Ông Phú Công có gởi lên Viện Cố tích hay không chẳng ai biết, chỉ thấy ở Bảo tàng viện không bao giờ có mấy tượng ấy.

Tượng Phật còn lại là Bà Quan-Âm bồ cao hai tấc đúc theo hình dáng của người Tàu, chắc chắn do thợ Hoa-kiều ở Chợ-lớn tạo ra, hiện thời (1970) do người em ông Hà tên Nguyễn văn Đạo 58 tuổi thờ rất kính cẩn.

Năm 1967, ngày mồng 7 tháng giêng vào 6 giờ chiều, cô Huỳnh thị Kim-Hồng 19 tuổi tắm dưới rạch Bà Phàng mò được một tượng Phật bằng đồng đen bồ cao

mười hai phân tạc hình Đức Thích-Ca ngồi xếp bằng đúng theo lối của người Miên. Theo lời phụ thân cô tên Huỳnh văn Khởi hiện đang giữ gìn và thờ tượng Phật thì có nhiều đứa trẻ cùng tắm với cô gái thấy tượng mà không lấy, đứa thì cho là cái ve chai, đứa thì nói cái ống lon ! Ông nói rằng trước đó vài ngày, vợ ông nằm chiêm bao thấy một ông Vua bảo vợ ông «nuôi» một thời gian sẽ được Vua phù hộ làm ăn khá giả. Đến khi cô gái thấy tượng Phật thì ông nghĩ rằng đức Thích-Ca trước kia là Thái-tử Síđat-ta tức là Vua rồi ! Sự linh ứng đầu tiên ở gia đình ông là cô gái vốn là một thôn nữ làm rẫy từ thuở bé mà được một vị sĩ quan cấp Ủy cưới dang hoàng, sung sướng rất mực. Do đó ông thờ tượng Phật hết sức thành kính,

Cũng trong năm 1967, ông Trần văn Thang ở xã Thiện-mỹ, quận Mỹ-an gần bờ Đường Thét đào mương sâu một thước ruồi thấy một tượng Phật 6 tay bằng đồng cao hơn 20 phân, tượng đứng trên một cái dia tròn. Ông Thang giữ trong nhà, thờ cúng rất kính cẩn.

Người ta cho rằng trước kia có nhiều ngôi chùa bỏ hoang hoặc bị lụt lội nên tượng thờ bị chôn vùi dưới lòng đất mà người nào có cơ duyên mới thấy và phải thờ phụng tử tế, nếu không thì sẽ bị các đấng thiêng liêng trừng phạt về tội bất kính,

82. THÂM TÌNH TRÊN BỜ THÁC

Năm 1948, một Sĩ quan Pháp đóng đồn ở vùng Cao-nghuyên gây một thảm cảnh không thể nào phai lạt trong lòng một số đồng bào Thượng.

Chúng tôi xin mạn phép thay đổi lối trình bày để đổi thay không khí đôi chút như đã thưa trước từ đầu.

*

Ánh nắng ngã dài trên phiến đá, hắt màu vàng sậm vào ngọn thác chảy triền miên soi rõ những giọt nước li ti bắn tung toé trước khi rơi mình xuống lòng suối cạn. Trên bờ, một hàng cây hoang dại kéo thẳng tắp một chiều như bức tường thành che kín một cấm cung.

Vào giữa tháng hè khô hanh, ngọn thác chỉ còn một phần tư bờ rộng, bao nhiêu nước từ trên nguồn tuôn xuống không lấp đầy chỗ lũng sâu nhưng không làm giảm vẻ hùng vĩ thiên nhiên đã có từ nghìn xưa cũ.

Trước cảnh đẹp, như bức tranh, lòng chàng trai Thượng đang đứng loay hoay bên phiến đá không thấy rung động chút nào. Giờ hẹn qua khá lâu rồi, bóng chiều gần tắt mà người yêu của chàng vẫn chưa thấy đến. Chàng băn khoăn lo lắng. Trí óc thơ sơ của người dân miền sơn cước còn nhiễm nhiều điều mê tín, chàng cho rằng đó là một điềm không lành cho cuộc tình duyên sau này.

Chàng yêu nàng, một cô gái đẹp nhất xóm, ái nữ của viên Tù-trưởng. Ái tình này nở trong lòng đôi lứa qua những buổi nhảy múa hội hè. Không ai dám nói thẳng với ai sự thật lòng mình, tánh rụt rè đáng

quí của tuổi trẻ đã giữ lòng chàng và nàng hoàn toàn trong sạch. Càng giữ, nhiệt độ của tình yêu lại càng tăng. Sắc đẹp của nàng, tánh tình mềm mỏng, ngoan ngoãn của nàng, khiến nhiều cậu trai khác mê mệt. Nhiều tay mối lái già mồm đã đến gõ cửa viên Tù-trưởng. Sự kiện ấy thúc đẩy chàng phải chiếm nàng, phải cưới nàng trước hơn các bạn. Muốn biết chắc ý nàng, chàng đánh bạo mời nàng ra bờ thác tố hết nỗi lòng ấp ú bấy lâu nay. Thì giờ thuận tiện nhất trong ngày là sau lúc đi tắm, nàng có thể nói dối bà mẹ chạy đến chỗ hẹn trước khi về nhà.

Chàng không tin nàng quên lời hứa, vẫn vơ lo ngại một điều không may. Vắng xa xa tiếng quốc gọi hè còn óng á. Vài con gà rừng gáy lần cuối cùng trong ngày, vang từ dãy đồi xa.

*
**

— Sao em đến chậm như vậy ?

Nàng thở hồn hồn :

— Xóm mình có chuyện lạ, anh không hay sao ?

Chàng kinh ngạc :

— Chuyện gì ? Xảy ra hồi nào ?

Nàng ngồi trên mặt đá :

— Mới vừa rồi có toán lính ông Tây đến đóng gần nhà em. Anh ở ngoài này nên không biết.

Chàng gật gù :

— Ồ ! Ồ ! Nhưng họ đóng để làm gì ? Và tại sao em lại không ra đây sớm ?

Nàng lo ngại nhìn người yêu :

— Em nghe ông chỉ huy nói với cha em ông ở đây lâu lâu đề đánh giặc. Em sợ ông đó lắm. Ông cứ nhìn em và chọc em hoài.

Chàng mỉm cười :

— Ai thấy em đẹp lại không muốn ghẹo. Có gì mà sợ. Nay em, anh gọi em để thú thật rằng anh muốn cưới em làm vợ. Như thế đủ tỏ rằng anh yêu em lắm. Em bằng lòng không ?

Nàng cúi đầu mân mê tà áo, đỏ mặt không đáp.

Chàng giục :

— Sao, em không nói ? Em không chịu à ?

Nàng ngẩng lên nhìn chàng cười nhẹ và gật đầu.

Mắt sáng lên, người trai trẻ đắm đuối nhìn vào mắt người yêu :

— Anh sung sướng lắm. Anh sẽ nhờ ông mai đến hỏi và định ngày làm lễ. Ngay bây giờ anh lo cất nhà trước để chúng ta ở riêng. Anh có ba miếng rãy, sau này anh sẽ phá thêm hai miếng nữa, thừa cho chúng ta sống an nhàn.

Chàng chỉ ngọn thác :

— Em hãy xem dòng nước chảy ngày đêm không dứt, tình anh yêu em cũng trường cửu như ngọn thác này. Anh hứa sẽ hết sức gây hạnh phúc cho đôi ta và cho con chúng ta.

Nàng ngồi im nghe chàng nói, lòng tràn ngập một nguồn vui không bờ bến. Sự mong ước của nàng đã thành tựu. Hình dáng oai hùng của chàng trai trẻ đã in

sâu vào tim nàng từ lâu, nay sắp thuộc về nàng, sắp che chở nàng trong cơn sóng gió, sắp ấp ủ, nâng niu nàng như đứa em, vỗ về, an ủi nàng mỗi khi nàng buồn. Nàng tin hai cánh tay mạnh mẽ, trí óc thông minh, tánh tình siêng năng, chịu khó của chàng khả dĩ cùng nàng sống bình yên, đầy đủ bên sườn đồi tình mịch này. Nàng hứa với chàng sẽ cư xử trọn đạo người vợ hiền, săn sóc chàng sau những giờ vất vả, sẽ cùng chàng xuống chợ sắm áo, sắm vòng vàng đeo cổ, đeo tay.

Mặt trời đã khuất dưới chân núi mà đôi bạn nói chua hết lời. Bên kia bờ thác, tiếng bà mẹ mất con gái kêu, hú om om.

*
**

Lẽ vấn [danh cử hành tại nhà ông Tù-trưởng. Cô con gái của ông đã gật đầu khi ông hỏi ý kiến. Riêng ông bà cũng bằng lòng tánh nét của chú rể tương lai. Ông tin ở tài mãnh canh tháo vát của chàng, có thể gây dựng nên người khá giả. Ngoài ra còn một mối lo sợ ám ảnh ông không ngót là sự có mặt của toán binh sĩ người nước ngoài. Tên chỉ huy nè ông là người cầm đầu 'trong xóm không quá sốt sàng với ái nữ của ông; nếu không, số phận cô gái sẽ không được an toàn, trong sạch nhìu nhiêu cô khác. Hành động như một thú vật của hắn đã hại một số phụ nữ thất tiết với chồng, gây một sự kinh khủng đến cùng độ. Đã có gần chục gia đình lảng lặng bỏ đi. Các cô gái dậy thì không dám nghêu nghéo ngoài sân, ngoài đường. Thế nên ông Tù-trưởng muốn gả phút con mình

cho nó có nơi nương tựa và nếu eắn thì vợ chồng nó dắt nhau đi ở xóm khác. Ông chỉ còn chờ lão phù thủy chọn ngày lành, tháng tốt cho hai trẻ kết duyên.

Ông cẩn thận dặn con không đểng rời mẹ, không cho di dạo xóm, ra bờ thác một mình. Mỗi ngày ông cho phép cô gái đi tắm vào lúc quá trưa với mẹ một lần mà thôi.

Nhưng tánh dè dặt của ông cũng không ngăn cản được tên khốn nạn.

Không dám ngang nhiên xông đại vào nhà ông như các nhà khác, hắn tức tối vô cùng. Cơn thèm khát lên đến cực độ, hắn thấy cuộc lê vừa qua là một cái gai trước mắt. Hắn dò la sự di lại của cô gái và nhất định giờ trò, bất chấp lòng phẫn uất của song thân cô, và có thể, sức bùng dậy của dân làng.

Thế rồi việc phải đến, đã đến, sau nửa giờ rình trong bụi cạnh đường ra suối, hắn bắt cóc nàng mang đến bờ thác ép nài.

Trước sự bạo động giữa ban ngày, bà mẹ cô gái kinh hồn lạc phách chạy về nhà la ó vang dậy. Cả xóm náo động, nhưng không ai dám hó hé một lời trước họng súng của cường quyền, mà cái chết có thể đến với họ trong giây phút.

Tiếng than khóc của hai vợ chồng già nua trong gian nhà rộng có thể làm não lòng người, nhưng tên ngoại nhân kia cho đó là không quan hệ.

Hắn ngang nhiên dạo xóm ngay lúc vừa thỏa mãn. Hắn mỉm cười trước vẻ sợ sệt của đám người

chất phác mà sự sống còn nằm trong tay hắn trong mấy hôm nay. Khẩu súng đeo bên hông sẵn sàng nhả đạn vào kẻ nào dám chống lại hắn, mà từ lúc đóng đồn trong khu yên tĩnh này hắn chưa có dịp thử tài lần nào. Hắn cho rằng đám người cõ lồ này không có chí quật cường gì cả, quanh năm lo ăn, ngủ, no ấm tẩm thân, chờ ngày xuống lỗ, theo ông, theo bà.

Nhưng hắn làm.

Trong căn nhà mới dựng xong, chàng trai Thượng quắc mắt nhìn hắn không chớp. Lửa căm hờn bốc đỏ ngầu, đồi tròng trắng, tạo cho chàng một vẻ dữ tợn khôn cùng. Chàng nhìn kẻ giết mất đời chàng, hại đời người yêu của chàng, mấy lần định nhào ra một cơn một mất.

Bè bạn chàng hay tin kéo nhau đến hỏi chàng định đổi phó cách nào? Tất cả đều nóng lòng quyết nỗi loạn đốt đồn rồi chạy vào rừng sâu. Nhưng chàng lắc đầu không đồng ý. Chàng không nói gì hơn, chỉ hứa với anh em đề mình chàng lo liệu, làm thế nào không hờ mặt thanh niên là đủ.

Hôm sau, chàng bỏ nhà đi mất. Chàng không nói với ai một lời từ biệt, cũng không cho người vợ sắp cưới hay. Cứ chi này khiến nàng cho rằng chàng khinh bỉ nàng, chê bai nàng. Nàng khóc như mưa, như gió, nhiều phen xin phép cha mẹ đi tìm chàng tỏ nỗi üz oan.

Viên Tù-trưởng không bằng lòng để con lẩn lội trong rừng, nên hẹn lần, hẹn lứa và nhờ người đi tìm chàng.

Nàng không mong gì hơn là gặp chàng một lần dù có chết cũng vui. Hết mong cầu cứu với ai, nàng chỉ còn trông ở vị Thần Sáng tạo vạn vật. Nàng van vái hết lời, cầu khẩn ngày đêm.

Ngày qua ngày, cuộc sống trở lại bình lặng. Tên đám ác bận việc canh tuần suốt buổi không có thì giờ dạo xóm. Câu chuyện của nàng phai nhạt dần dần.

Thấy không có vẻ nguy hiểm gì lăm nàng theo mẹ ra suối tắm như trước.

Nàng lén thuê người tìm chàng trả giá bằng những xâu chuỗi, vòng tay của nàng. Kết quả tốt đẹp, chàng nhẫn nại về gặp nàng lúc đi tắm. Tin ấy giúp nàng thêm can đảm. Nàng không thấy sợ, không rụt rè, bình tĩnh theo mẹ mỗi ngày.

Một hôm, nàng sửa soạn xuống nước thì chàng xuất hiện. Vẻ mặt khỏe sờ và cương quyết của chàng làm nàng đau xót khôn cùng, chàng không âu yếm nhìn nàng, chỉ lảng lặng hồi lâu mới nói :

— Em xin phép mẹ đến ngọn thác chờ anh một lát.

Rồi cuí xuống đất lấy cây chà gạc di vào rừng.

Nàng không hiểu lòng chàng đối với nàng ra sao, trước cử động ấy nàng không thè yên tâm. Một áng mây đen xâm chiếm tâm lòng trong trắng của nàng.

Chàng trai Thượng cầm chà gạc lùi vào bụi rậm. Chàng nấp kín dưới khóm tranh, không để lộ hình tích ra ngoài. Mấy hôm nay, chàng đi qua một xóm khác, biệt tích trong đồi xa không có bóng một ngoại nhân nào. Chàng dò hỏi chỗ ở, nơi phá rừng làm rẫy để trở về rước nàng đi, sau khi thanh toán với kẻ thù.

Chàng không giận nàng, chỉ buồn cho số kiếp. Chàng sẽ tha thứ cho nàng, cùng nàng xa lánh nơi gây mối đau thương để nối lại bản đàm dang dở. Chàng nghỉ đến lúc nàng nghe chàng kề lề nỗi lòng đau khổ và phác họa chương trình ngày mai, chắc nàng sẽ sung sướng đến bậc nào. Chàng miễn cười vui vẻ, tự an ủi rằng chàng qua số mạng khiến xui, tai nạn tình cờ bay đến cho chàng và nàng, chứ không phải tự ai muốn cũng có, hay muốn gây ra. Kẻ muốn tạo nên cơn sóng gió tất phải trả bằng máu.

Lửa thù lại bốc lên khoé mắt, chàng nhồm dậy nhìn ra con đường mòn.

Tiếng giày da lộp cộp đến. Tên chỉ huy cho hai tay vào túi, vừa huýt sáo vừa lơ mơ ra bờ suối. Chính nơi đây là chỗ hắn bắt nàng, đã thành công trong thủ đoạn đốn mạt.

Chàng nghiến răng, nấp mình xuống bụi. Tên chỉ huy không ngờ lần lần đi ngang qua.

Pháp !

Lưỡi chà gạc cắm mạnh xuống đầu hắn. Hết lên một tiếng hắn lui mình tới phía trước, rút súng, quay phắt lại.

Đoàn !

Viên đạn bay bỗng trên không vì lưỡi chà gạc thứ nhì đã tiện đứt phăng bàn tay hắn. Tiếp đến nhát nữa, đầu tên Pháp gần rời hắn ra ngoài.

Chàng trai Thượng cất tiếng cười khoái trá, nhặt khẩu súng quăng xuống suối, phóng mình chạy ra bờ thác.

Phía sau, nhiều tiếng giày rầm rộ tiến đến. Tiếng súng nổ báo động khắp đồn. Một viên Hạ sĩ chỉ huy mười tên lính chạy ra tìm nguyên cớ.

Chàng trai chạy đến phiến đá ngạc nhiên không thấy người yêu. Chàng cất tiếng gọi, không nghe trả lời.

Tiếng giày lẩn lẩn rõ hơn, gần hơn.

Chàng hốt hoảng chạy ra bờ thác, trợn mắt nhìn xuống lòng suối lởm chởm những đá. Người yêu của chàng nằm dưới đáy tự bao giờ. Thân thể nàng giập nát, máu tuôn trót cả áo chăn.

Thì ra lúc ngồi trên phiến đá, nơi đã xây mộng ban đầu, nàng tự thấy mình không xứng với chàng, hờn nữa, trước vẻ đối đãi với nàng vừa rồi nàng tưởng làm chàng, sẽ phi nhô vào mặt, hay đánh mắng nàng! Nàng nhất định quyên sinh để giữ vẹn tình yêu chàng bên kia thế giới.

Tiếng giày hấp tấp tiến ra bờ thác kèm theo nhiều tiếng la ó vang dội.

Chàng có thè vác nàng chạy thẳng vào rừng không ai đuổi kịp, nhưng còn đe làm gì nữa? Nàng chết là hết. Chàng thấy mình còn sống nữa cũng là thừa. Ôm xác người yêu vào lòng, chàng ngồi trên gop đá khóc như đứa trẻ thơ. Lưỡi chà gạc đẫm máu nằm bên cạnh hắt tí ánh sáng vào đôi mắt rớt đầm của chàng.

Tên Hạ sĩ Pháp thấy cảnh tượng ấy cho rằng viên Chỉ huy hiếp cô gái bị chàng trai giết chết, liền rút súng bắn vào ngực chàng không hỏi qua một lời nào cả. Chàng trai không tỏ vẻ đau đớn, lại mỉm cười nhìn hắn như ngỏ ý cảm ơn, đoạn gục xuống xác người vợ chưa cưới thở hơi cuối cùng.

83. TỤC LỆ VĂN ĐẦU CỦA PHỤ NỮ MIỀN BẮC

T *ruớc* thời Trung Nữ-vương, phụ nữ Việt điểm trang theo lối Trung-hoa, là vắt trâm, cài đầu, búi tóc đứng lên gần trước trán, mặc áo dài tay rộng che cả cùm tay.

Khi ông Thi-Sách bị Thái-thú Tô-Định giết, Trung Trắc đem xác chồng về làm lễ mai táng. Nàng là con của một vị tướng, tinh thông võ nghệ lại săn binh quyền trong tay nên nóng lòng báo thù. Sẵn vành khăn tang quấn quanh đầu, nàng cột túm mớ tóc lại và quấn theo gọn để luyện kiếm.

Trung Nhị xem chị luyện kiếm thấy vậy vỗ tay khen chị vấn vành khăn trông oai dũng lạ và cũng bắt chước lấy khăn vấn tóc lên. Hai chị em đồng hủy bỏ những trâm, lược và những món vật rườm rà khác.

Khi khởi nghĩa nàng ra lệnh nữ binh vấn khăn vào tóc quấn ngang đầu và mặc áo ngắn trông oai vệ không thua đám mày râu.

Sau khi đánh đuổi Tô-Định, làm lễ tôn Vương, Trung Trắc và Trung Nhị vẫn dùng khăn màu quấn đầu. Bá quan văn võ cũng đều vấn khăn như vậy.

Phụ nữ Việt bắt đầu vấn khăn từ Vua đến thường dân đều theo một kiểu. Thanh niên thấy đẹp và oai cũng bắt chước vấn khăn chờ không cột chùm như người Trung-hoa nữa. Lâu dần người ta lấy khăn may lại thành khăn vấn sẵn cho gọn, gọi là *khăn đóng*, lưu truyền đến ngày nay.

84. SỰ TÍCH THUỘC LÀO

Khi đạo binh của Lý-thường-Kiệt thắng quân nhà Tống ở Trung-hoa trở lại bình phương Nam, đến nước Lão-qua gặp đạo binh Voi của nước này chà đạp, quân ta chịu không nổi. Lý-thường-Kiệt liền ra lệnh rút lui vào rừng sâu tìm phương đối phó.

Trong đám quân lính thương vong, có một tên bị voi đạp dập chân bất tỉnh. Lúc hồi sức lại thì quá nửa đêm, hắn chịu đau không nổi cất tiếng rên la thảm thiết. Bỗng từ xa có một ngọn đèn đi lầm tới. Hắn càng rên lớn cố ý cho người kia nghe. Quả nhiên, người cầm đèn đến bên hắn, thì ra là một thiếu nữ Lão-qua. Hắn thất vọng, tưởng cô này sẽ giết hắn, nhưng thiếu nữ mỉm cười nói bập bẹ tiếng Việt :

— Anh hùng gì mà dở quá !

Rồi nàng móc bên lưng ít miếng lá nhai đắp lên vết thương. Lát sau hắn thấy bớt đau, mới hỏi vì sao nàng không thù lại còn cứu mình. Thiếu nữ nói rằng có thù với Viên Tướng nước này nên đến đây chỉ cách cho hắn phá đạo binh voi. Nàng đưa chiếc lá cho hắn bảo kiếm thêm thật nhiều.

Hắn dở đau lại cố ý lưu luyến nàng ta, trò chuyện ra vẻ lảng lơ. Nàng mỉm cười e thẹn không nói gì. Hắn muốn lần khân nàng xô ra mà rằng :

— Hẹn anh năm sau.

Hắn hỏi nhà nàng ở đâu, nàng chỉ lên ngọn cây. Hắn nhìn theo vì trời còn tối không thấy. Hắn lấy làm lạ nhà lại ở trên ngọn cây ?

Trời gần sáng, nàng từ giã hắn cầm đèn đi mất. Hắn nhìn lên cây thấy một chiếc quan tài treo lủng lẳng. Hắn hoảng hồn nghi mình gặp ma, nhưng nhìn bàn tay vẫn còn cầm chiếc lá nàng vừa trao cho.

Hắn cố gượng lết đi tìm đội ngũ, gặp viên chủ tướng, hắn trao chiếc lá và giải thích phương pháp phá binh voi.

Lý Thường-kiệt liền sai quân bắt nhiều sâu bọ và nhặt nhiều lá khô giống lá của tên lính què.

Khi lâm trận, Lý-thường-Kiệt đứng phía trên gió chờ binh voi tiến đến truyền quân đốt lá khô và quăng sâu ra. Voi bị khói và sọ sâu bò chạy toán loạn. Quận Lão-qua bị khói làm bất tỉnh, bị bắt vô số. Viên tướng Lão-qua bị chết trong đám loạn quân.

Thắng trận, tên lính què nhặt thứ cây có khói đem về trồng để kỷ niệm đêm gấp gỡ. Hắn lấy lá khô đốt và ngửi thử liền bị hắt hơi và dần dần hôn mê. Trong giấc mộng anh ta thấy người thiếu nữ Lão-qua đến gần chuyện vân. Khi tỉnh dậy, hắn thấy tinh thần sáng khoái thì lấy làm thích lắm. Mấy tên lính khác cũng bắt chước xin lá về đốt ngửi mê man. Chúng đi vào rừng tìm cây đem về trồng, để dành đốt dần dần.

Có người quấn lá khô đốt ngậm hút thấy khoái hơn. Không ai biết lá cây này tên là gì chỉ gọi là «Lá Lão-qua», rồi sau lại gọi là «Thuốc lao».

Tên lính què sống thêm đúng một năm vết thương ở chân tái phát thì chết như người trong mộng đã hẹn với hắn.

85. CHUYỆN ĐƯỢC VÀNG Ở ĐỒNG THÁP

Ông Phan văn Xi ở miền Trung vào Nam lập nghiệp từ năm 1925 tại quận Cao-lãnh nay thuộc tỉnh Kiến-phong. Hai năm sau, ông vào Đồng Tháp-Mười cất nhà trên bờ kinh ở khoảng giữa quận Mỹ-án và «gáy Tháp 10», sống với nghề tát đia, đặt lợp, giăng câu. Ông có hai đứa con, một trai, một gái, nhờ người em họ nuôi cho ăn học ở chợ Cao-lãnh. Hai vợ chồng quẩn quật tối ngày vẫn không dư dả gì cho lắm.

Đêm nọ ông nằm chiêm bao thấy một ông già mặt áo dài xanh, bịt khăn đỏ, tướng mạo phuơng phi nói rằng :

— Ta cho con một vật quý ở gần nhà con, dưới gốc cây ôi, nhưng con phải nhớ đúng ba tháng sẽ đào lên lấy. Đừng cãi lời ta, không nên.

Ông thức dậy, mở cửa nhìn về phía cây ôi thấy có ánh sáng mờ mờ từ dưới đất bốc lên. Ông gọi vợ thuật điềm chiêm bao. Hai người mừng rỡ ngồi ngó gốc ôi đến sáng.

Từ đó, đêm nào ông bà cũng nhìn nơi ấy và cũng thấy ánh sáng bốc lên, chỉ trừ hôm nào mưa thì không có. Ông đếm từng ngày, lấy dao khắc vào cây cột nhà làm dấu và rất nóng lòng thấy thì giờ đã quá chậm.

Được 2 tháng 15 ngày, ông bàn với vợ :

— Tôi nóng ruột lắm không đêm nào ngủ yên giấc cứ thấp thỏm sợ người ta ăn cắp thì uổng công minh

gìn giữ. Tôi tính đào lén coi vật gì rồi đem trước nhà mình chôn xuống, chờ đúng 15 hôm nữa sẽ lấy dùng thì cũng đủ thời hạn 3 tháng vậy.

Bà vợ cũng sợ mất của trời cho, đồng ý với chồng. Giữa đêm ấy, hai người âm thầm ra gốc cây đào lối non thưa tay gấp một nải chuối cao 16 trái lớn bằng thật, toàn là vàng khố. Ông đeo nải chuối vào cái lu nhỏ, đào trước cửa một lỗ sâu chôn xuống.

Mười lăm hôm sau, ông bà đếm đúng 90 gạch trên cây cột, đào lấy cái lu lên, không thấy nải chuối. Cái lu trống không như không có bô vật gì từ trước !

Ông Xí ngạc nhiên vợ, thở dài một tiếng. Ông rửa tay lên giường nằm, sáng lại, bà thấy ông tắt hơi không biết hồi nào ! Bà hoảng kinh nỗi mõ hồi một gọi hàng xóm đến tiếp giúp làm đám tang. Chôn cất xong bà phát bệnh nặng, ba ngày sau từ trần ! Người em họ ở Cao-lanh bơi xuồng đưa hai cháu đến, chỉ thấy hai nấm đất nằm song song !

86. LUỐI TRỜI LÓNG LỘNG

Ông Kha văn Báu là một thương gia ở tỉnh lỵ Sài-gòn lập nghiệp giữa thời khói lửa. Nhờ trí thông minh và tánh cần cù sau ba năm làm nghề đi giới thiệu hàng hóa ở các tỉnh, ông phát tài to. Sẵn tiền của, ông đam mê tửu sắc, thường dùng mưu mẹo chiếm đoạt tiền hành các cô gái ngày thơ, nghèo nàn.

Mùa đông năm 1948, ông đến một thị trấn miền duyên hải tỉnh cờ nghe người bạn ở địa phương nói

chuyện gia đình nọ có đứa con gái đui từ thuở bé, bấy giờ đã đến tuổi cặp kẽ. Ông bèn nhờ bạn dắt ông tới nhà nói thẳng với cha mẹ cô gái xin được làm rể, mặc dầu ông đã có vợ từ mười năm trước. Lẽ cố nhiên ông xưng tên khác, ở địa chỉ khác, làm nghề khác, và nêu lên nhiều lập luận hợp tình, hợp lý khi bị vấn hỏi vì sao một thanh niên ở Sài-gòn tìm vợ ở tỉnh lại mang tật đui mù !

Trong buổi sơ kiến, ông gây được cảm tình với hai ông bà vô phước kia và gieo hy vọng vào lòng cô gái. Ông yêu cầu ông bà cho người đi Sài-gòn điều tra gia cảnh của ông rồi sẽ quyết định. Tối lại, ông đến nhà một mình xin phép chuyện trò với cô gái để làm quen và tìm hiểu nhau. Ông bà thân cô gái rất đồng ý sang nhà bên cạnh để con tiếp chàng rể tương lai. Ông trò nghè tán tỉnh chuyên nghiệp, tặng cô gái chiếc khăn mặt đá màu xanh và nửa giờ sau ông phá hại đói con người tàn tật, rồi về phòng trọ. Từ mờ sáng ông đi Sài-gòn lánh mặt luôn.

Cô gái chờ một ngày một bắt tin, trong lúc bụng cô một ngày một lớn. Cha mẹ cô tìm người giới thiệu hỏi thăm thì anh ta biết tin trước đã trốn biệt. Cha cô viết thơ gửi Bưu điện thì được giao hoàn với lời ghi : Không có người nhận. Đích thân người cha lên Sài-gòn tìm ngay địa chỉ hỏi tên ông ấy thì ra không ai biết bao giờ ! Hết hy vọng, cô gái nhiều lần toan tự tử vì xấu hổ với hàng xóm nhưng nghĩ đến cái thai vô tội, cô gắng gượng sống qua ngày. Cha cô nuốt hận, đưa cô đến nhà người em ở tỉnh khác tránh lời đèm xiêm chê bai,

Ở nhà chú, cô được em gái họ an ủi rất nhiều. Cô thuật hết những gì của gã lưu manh đã nói với cô và gởi chiếc cà rá nhờ em cất. Đúng ngày tháng, cô sanh một trai bụ bẫm. Cô đặt tên Bạc để kỷ niệm sự bạc bẽo của người đàn ông. Một tháng sau, nhân lúc mọi người yên giấc, cô lén sờ soạng ra khỏi nhà, thảng xuống sông trầm mình.

*
**

Ông Kha văn Báu ở Sài-gòn làm ăn khá giả, sắm nhà, mua xe hơi sống sung sướng với vợ con ở thủ đô, không bao giờ nghĩ đến những thiếu nữ mà ông đã phá hại, cả cô gái mù miền duyên hải. Năm 1968, đồng bào khu phố ông ở phải tản cư, ông tom góp tiền mặt chưa kịp gởi Ngân hàng, vòng vàng nữ trang của vợ đồn vào rương da lái xe, đưa vợ con tìm vùng còn yên tĩnh tạm lánh nạn. Nhà ông bị lửa cháy tiêu tan. Ông đến nhà người bạn ngụ đỡ, bất ngờ quân địch tràn vào chiếm đóng, án ngữ cả lối đi. Giữa lúc súng nổ đạn bay, một toán lưu manh vũ trang súng sáu, dao găm bắt ông khảo của. Tên cầm đầu lối zo tuổi tóm thâu hết gia tài ông mà ngờ ông chưa đưa hết, đánh đập ông tàn nhẫn. Vợ ông nóng lòng nhảy lại ôm vật nó, bị nó quật ngã xuống đất trào máu họng nằm im, ông la cầu cứu vừa cầm chiếc ghế nhỏ đập nó. Sự lộ chuyện lôi thôi tên cướp rút dao đâm vào bụng ông lút cán. Ông từ từ quy xuống mặt trọn trùng nhìn chiếc cà rá gắn hột đá màu

xanh của ông tặng cô gái mù, trong ngón tay tên cướp. Ông liền ngoặc nó lại gần cổ gặng hỏi :

— Cậu là con của ai ?

Tên trai lưu manh tưởng làm ông muốn chỉ chỗ dấu bạc, kề tai gần đè nghe. Hắn quắc mắt đáp :

— Ông hỏi làm gì ? Tôi không có cha, mẹ tôi mù từ nhỏ, chết rồi.

Ông há hốc miệng, nước mắt trào ra, thở hoi cuối cùng.

Mấy tên đồng bọn xách rương da chạy ra cửa gọi to:

— Bạc ơi ! Bướm mau đi mầy !

Thằng Bạc quẹt lưỡi dao dính máu trên áo ông Kha văn Báu, chưởi thề một tiếng, phóng ra cửa mất dạng.

87. TÊN ÁC BÃ BỊ TRÀ THÙ

Năm 1910, tại Cù lao ông Chưởng thuộc tỉnh Long-xuyên có một tên Hương quản rất độc ác. Hắn dựa thế viên Quận trưởng người Pháp bấy giờ gọi là ông Phủ hà hiếp dân chúng, ăn hối lộ, giựt đất vườn và tội bại nhất là hãm hiếp vợ con đồng bào. Thuở ấy, viên chức nào của nhà nước Lang-sa ở trong xóm ấp có cây súng trường loại mút-ca-tông bắn từng phát một là ông Trời con. Tên Hương quản thường mang cây súng đi dọa thiên hạ đe thỏa mãn ý muốn và thú tính,

Một trong những nạn nhân của hắn là một thiếu phụ trẻ đẹp, gốc ở xã Phong-mỹ, tỉnh Sa-dec, bây giờ là Kiến-phong có chồng ở Cù-lao ông Chưởng. Người chồng làm lái buôn ghe thường vắng nhà. Người vợ lo săn sóc mảnh vườn nhỏ, nuôi gà, heo. Nhan sắc của thiếu phụ lọt vào mắt dâm ô của tên ác bá. Hắn bèn tìm cách làm quen và ve vãn lăng nhăng. Người đàn bà cương quyết từ chối và xô đuổi hắn như người cùi. Trước tấm lòng cương quyết của mỹ nhân, hắn càng say mê đắm đuối nhất định chiếm cho bằng được. Trước nhất, hắn phải nhò cái gai là người chồng vô tội. Hắn sắp đặt với bọn tay sai sẵn sàng chờ con mồi trở về thăm nhà sẽ ập đến bắt giam, vu cáo là có dính líu vụ Hội kín chống Tây.

May cho thiếu phụ, có một người bà con bên chồng làm việc trong ban Hội tề biết được âm mưu này, lén cho bà biết trước. Lập tức bà bán heo gà thu dọn áo quần đồ đạc thuê ghe về Phong-mỹ, một mặt nhờ bà con nhắn tin chồng đừng về nhà, nên ở bên vợ một thời gian. Người lái buôn đang ở Cần-thơ với vã tìm vợ hỏi nguyên cớ. Nghe xong, ông thức suốt đêm bàn bạc với vợ tìm phương pháp đối phó đồng thời trừ hại cho dân.

Sáng lại, ông ta đi thẳng lên Sài-gòn và một tuần sau, ông nhờ người về quê «thỉnh» tên Hương-quản đến tinh lý Long-xuyên để ông «chịu tội» bằng một số tiền hối lộ.

Tên ác bá mê ăn bằng lòng theo người trung gian

và được ông lái đón tiếp niềm nở trong một khách sạn. Ông thuê riêng cho tên này một căn phòng hạng nhất, đưa đi ăn uống đến nửa đêm. Lấy cớ mệt mỏi và say sưa, ông hẹn sáng mai sẽ bàn công việc. Ông đưa hắn về phòng, nhờ anh bồi gọi một á tú thời hầu hạ suốt đêm. Hắn đã quá chén, đầu óc quay cuồng nên không gấp gì hỏi món tiền hối lộ, bỗng lòng đè sáng mai sẽ nói chuyện đàng hoàng. Và lại có mồi ngon bên cạnh, hắn không muốn phí thì giờ vô ích.

Hắn thay quần áo tắm rửa định hưởng phút say sưa nhưng thình lình hắn cảm thấy mệt mỏi rã rời, hai chân muốn rụng khỏi thân thè ! Hắn nằm trên giường thở dốc, thiếp đi lúc nào không hay.

Sáng lại, hắn mở mắt không thấy ai bên cạnh, chân tay lại dờ không lên ! Hắn hoảng hồn kêu anh bồi nhờ gọi ông lái buôn, anh này cho biết ông lái đã đi Sài-gòn hồi 4 giờ, tiền phòng của hắn đã thanh toán cũng như công lao của cô gái. Hắn cố gượng ngồi dậy, khó nhọc hết sức mới ra bến thuê xe về nhà. Hắn nhờ thầy thuốc xem mạch mới biết hắn ăn nhầm một chất độc cực mạnh làm hắn liệt trụy và có thè bại xui nằm một chỗ nếu không chạy thuốc kịp thời.

Bấy giờ hắn mới vỡ lẽ ra là ông lái buôn trả thù. Hắn luôn tiền uống gần hết mấy tủ thuốc trong chợ xã mà đâu vẫn hoàn đấy. Hắn hoàn toàn vô dụng không còn gần đàn bà được ; đây là điều hắn đau khổ vô cùng. Tay chân hắn té cong từng chập, đang đi vọt té bò xoài giữa đường, bà con khiêng về đồ thuốc

vài ngày thì hết ! Hắn phải xin từ chức, ở nhà ăn hại vợ. Bao nhiêu tiền cướp giựt của thiên hạ chui vào túi thay thuốc hết sạch. Hết còn thuốc thì hắn còn cựa quậy, ngưng lại thì liệt luôn, nằm chết dí một chỗ, miệng chưởi Trời, chưởi Đất, chưởi tên lái buôn thảm độc !

Đồng bào trong xã thấy có sự đều cho là quả báo nhẫn tiền. Người nào bị hắn hà hiếp, tàn hại thì lấy làm hả hê, sung sướng, luôn luôn đem chuyện hắn thuật cho mọi người nghe.

Ông lái buôn nghe tin mưu kế của mình có kết quả mỹ mãn, đưa vợ con trở về làng nối tiếp cuộc sống yên vui và nhìn cảnh đày đọa xác thân tên ác bá cho đến ngày hắn thở hơi cuối cùng.

88. HAI TÊN CƯỚP MÂY VÀ MƯA

Vào đầu thế kỷ 20, tại tỉnh Bến-tre có hai anh em một tên Mây và một tên Mưa nổi danh về tài cướp giựt. Hai anh em mồ côi cha mẹ, không bà con thân quyến, lập sào huyệt trong khu rừng nhỏ gọi là «Đám lá tối trời». Cả hai tinh thông võ nghệ, có biệt tài nhảy rất cao. Đồng bào ở Bến-tre thường nhắc câu : « Nhà lồng Bến-tre (tức là chợ) cao như thế mà Mây Mưa nhảy qua nhảy lại dễ như chơi».

Hai anh em không tụ tập đồng đảng, không cấu kết với kẻ nào khác, chuyên đi đánh cướp với nhau mà

thôi. Mỗi lần chúng xuất hiện, người ta chỉ thấy có hai người. Mục tiêu của chúng là những tên nhà giàu bất nhơn, ác đức, bọn cường hào, ác bá dựa thế Thực dân hống hách với đồng bào. Chúng chỉ lấy tiền chứ không giết ai và không bao giờ động chạm đến phụ nữ. Chúng thường la cà trong xóm ấp, mỗi đứa một nơi thấy chuyện bất bình thì ra tay can thiệp, gặp người khồ cực thì cho tiền, giúp đỡ. Do đấy, danh tiếng của chúng vang dậy khắp nơi, đám dân nghèo coi chúng như bậc anh hùng hiệp sĩ, bọn nhà giàu thì coi như hung thần, còn nhà cầm quyền thì sợ chúng làm chánh trị hô hào dân Việt-nam nỗi dậy như các nhà cách mạng vừa qua (Thiên-hộ Dương, Thủ-khoa Huân, Trương-công-Định, thì càng thêm rắc rối. Viên Tỉnh trưởng cắt một toán lính khổ xanh lùng kiếm bắt cho được chúng trừ hậu họa.

Nhiều lần Mây và Mưa bị bao vây bắt ngờ, nhưng cả hai chạy tránh súng đạn rất tài và sau cùng nhảy qua đầu bọn lính phóng vào rừng mất dạng. Cuộc săn bắt kéo dài cả năm không có kết quả, tiếng đồn Mây Mưa có phép làm súng bắn không trúng, có thuật tàng hình không ai bắt được nồi lên khắp nơi. Những người mê tín thần thánh hóa hành động của hai tên cướp, những người nghèo mong đợi chúng giúp tiền, bọn trọc phú nơm nớp lo sợ ngày đêm khiến người Pháp càng rối trí. Một giải thưởng bằng tiền thật nhiều và chức tước được truyền rao cho ai bắt sống hoặc giết được Mây và Mưa. Nhưng giới bình dân đang có cảm tình với chúng còn giới nhà giàu thì nơm nớp sợ chúng, có ai nghĩ đến việc đương đầu hoặc bắt chúng bao giờ !



Trong giới công bộc của pháp bấy giờ có ông Phủ Thom đang trấn nhậm trong vùng ấy lanh phật sự nã tróc hai tên cướp. Quan Phủ chỉ ngồi nhà sai lính đi tìm và trả về tay không chớ không lập nên công trạng gì cho chủ cả ! Thế nhưng việc đời oái oăm, người có cảm tình nhất với tên Mây là con gái ông Phủ ! Cô gặp Mây một lần trong dịp về quê thăm bà còn bên ngoại thì bị tiếng sét ái tình ! Mây yêu cô vì sắc, cô mến Mây vì tài và tấm lòng cao thượng. Cô thường lén vào một khu vườn sầm uất hội ngộ với Mây. Quá si mê người đẹp, tên cướp không nghi đến sự nguy hiểm cho tánh mạng cứ lén đến gặp cô dê than thở cho cảnh tình ngang trái.

Người em thường khóc lóc khuyên anh chấm dứt cách đùa giỡn với Tử thần như thế, nên tránh cô gái để tránh tai họa, nhưng Mây quá lụy vì tình đã như kẻ mù không còn biết phân biệt phải trái gì nữa. Vì thế Mưa giận anh, bỏ đi nơi khác. Cả hai ngừng hoạt động một thời gian, anh thì mê tình, em thì giận anh nằm nhà dưỡng sức.

Quan Phủ dò biết chuyện con mình dan díu với tên cướp bèn tương kế tựu kế không rầy la con chỉ ngầm sai lính bí mật theo tiêu thơ phục kích. Quả nhiên Mây bị bắt dễ dàng khi vừa từ giã người yêu.

Người em nghe tin anh sa lưới than khóc mấy ngày liền, rồi tự ra nạp mình với Quan Phủ để được sống chết bên anh.

Nhờ một miếng mồi câu được hai con cá, Quan

Phủ được Thực dân khen thưởng phẩm vật và số tiền đã hứa. Hai tên cướp được đưa ra Tòa án xét xử. Với những tội giụt tiền như thế đúng lý ra chỉ mang án tù một thời gian hoặc mãn đời là cùng, đằng này vì tinh thần chống Pháp của dân ta còn quá mạnh, Thực dân cần phải dàn áp, lấy cớ ấy làm gương cho đồng bào sợ nên ra lệnh cho Tòa lên án tử hình !

Cái máy chém (guillotine) mới đem từ Pháp quay sang hiện nay vẫn còn ở Sài-gòn, được hân hạnh khai dao giết anh em Mây Mưa. Đồng bào đến xem cuộc hành quyết đều khen phục chí khí của hai người : Mây bình tĩnh như thường, Mưa thì mỉm cười cho đến khi đầu lìa khỏi cổ hình như mãn nguyện được chết cạnh bên anh.

Hai hôm sau, cô gái con Phủ Thom bỏ nhà đi mất. Có người nói cô nhảy xuống sông tự tử, có người nói cô vào chùa tu để chuộc tội cha.

89. CÔ HỒN TRÊN QUỐC LỘ

Trong một cuộc tảo thanh Việt-minh ở vùng Hốc-môn Bà-điêm vào năm 1946, quân đội Pháp bắn chết hai em bé chăn bò trên quốc lộ số 1. Hai em này đều mười hai tuổi, hăng ngày chơi nhau rất thân. Theo lời những người tin tưởng Thanh quyền thì trẻ em bất đắc kỳ tử với tuổi ấy linh hồn không siêu thoát, thường vẫn vิต nơi trút hơi thở cuối cùng hoặc đùa nghịch như thuở sanh tiền, hoặc phá phách người

sống, hoặc nhập vào đồng cốt nói chuyện tiên tri !

Lối năm tháng sau, nhiều người thấy hai đứa nhỏ xuất hiện trên khoảng quốc lộ ấy giữa ban ngày. Không biết về đêm chúng nó có hiện lên hay không vì không ai dám ra khỏi nhà vào giờ giới nghiêm. Có người đi chợ về thấy chúng đánh đáo trên lề đường, khi đến gần thì mất. Ban đầu các bà rất sợ, cầm đầu đi gấp về nhà vừa niệm Phật hoặc kêu Chúa liền miệng.

Có người đang đi, thình lình thấy chúng từ trong bụi lô đầu ra kêu đúng tên mình như cô hai, di tám, chú bảy rồi thụt vào ! Những người này thường phát ốm nặng, hoặc làm ăn thua lỗ, hoặc bị chết vài ngày sau.

Có người thấy chúng đứng dưới vũng trâu n้ำ xin thức ăn, nói rằng chúng đói lắm.

Nhiều xe đò chạy Gò-dầu-hạ, Tây-ninh, Củ-chi, Hốc-môn bị chúng chiếu cố thường trực. Chúng đón xe dơ tay ra dấu ngừng. Ông tài xế nào tốt bụng thì nghe lời chúng, cho chúng đi một khoảng rồi mất. Hôm đó, tha hồ mà chở khách. Ông nào không thích trẻ con, làm lơ bỏ chạy luôn thì lát sau tự nhiên chóng mặt, lùi càng vào xe khác ! Có ông vãng tục, chởi mắng chúng cho là bọn chăn trâu muốn phá chơi thì vài phút sau hoặc đụng xe khác, hoặc nhào xuống ruộng gây tai nạn nặng hơn, thiệt hại nhiều hơn, có khi mất mạng là khác.

Tiếng đồn hai em bé vang dội khắp vùng và trong giới xe đò. Các ông tài xế hùn tiền cất cái miếu nhỏ

bên lề đường chờ chung. Các bà đi chợ thường mua bánh đè trong miếu thấp nhang van vái chúng, cầu xin chúng cho năm chiêm bao đè đánh đè ở Đại-thế-giới chợ-lớn. Vài bà tự xưng là xác đồng thừa cơ hội ợ ngáp múa men xung là « Cậu Trạng chăn trâu » nhập vào nói quá khứ vị lai. Những người mê tín kéo đến hỏi chuyện gia đình, chồng theo vợ bé, vợ lấy trai, cầu phước, cầu trúng số và cầu đánh trúng đè. Nhưng không ai được hai cậu giúp gì cả vì lẽ hai cậu không có chủ trương việc giả dối mà chính là do mấy bà xác lưu manh bày ra. Sự kiện này xảy ra ngay một buổi bà xác lén đồng giả giữa hơn hai chục bà ngồi chật nhà. Thinh linh trong số người ngồi chờ Trạng xem vựt ợ ngáp nhảy choai choai và « lên » thiêt. Bà ấy xung danh tánh đúng là một trong hai em, chỉ vào mặt xác đe rắng :

— Bà gạt người ta ăn tiền mà nói tôi nhập vào ! Tôi không có làm việc bậy bạ đó. Bà còn tiếp tục tôi sẽ vặt cõi bà tức thì.

Có người hỏi :

— Tại sao hai cậu không đi đầu thai còn ở đây làm gì ?

Đáp :

— Chúng tôi còn chờ một đứa em gái rồi mới đi.

Người đàn bà nói xong ngã ra bất tỉnh, hòi lâu mới mở mắt, ngơ ngác nhìn quanh.

Mụ xác giả hoảng hồn dẹp đồ nghè cuốn gói đi liền hôm đó. Đồng bào trong vùng vẫn gặp hai cậu

như trước và bớt sợ hơn lúc xưa. Ngôi miếu thờ hai cậu được săn sóc tử tế, bánh chuối cúng thường ngày.

Sau ngày qua phân lãnh thổ (1954) nhiều người cất nhà dọc theo quốc lộ, thành phố mở rộng thêm. Phía trên chợ Bà-quẹo một đồi có vị Sí-quan cất ngôi biệt thự xinh xắn cạnh lề đường. Một hôm, đứa con gái lên mười đứng trước cổng chơi thỉnh lình một chiếc xe đò đang chạy bên kia đường vụt đâm qua bên này cán em bé chết tốt ! Ông tài xế nghe tiếng thét của nạn nhân và tiếng la ó của hành khách vội thảng xe lại bàng hoàng như vừa tinh cơn mê. Ông lắp bắp nói :

— Trời ơi ! Hai cậu nhỏ hại tôi !

Rồi, mở cửa phóng xuống xe, thura lúc lộn xộn trốn biệt.

Từ đó về sau không ai còn thấy hai đứa bé xuất hiện nữa.

90. CHIỀC NÓP Ở ĐỒNG THÁP

Trong lúc khởi nghĩa chống thực dân Pháp binh sĩ của ông Thiên-hộ Dương ở Đồng-tháp-mười gánh chịu biết bao nỗi gian lao, nguy hiểm. Một trong những tai ách đáng kinh nhất là muỗi, giống muỗi sinh sản ở đồng bằng không có nọc độc chích người truyền bệnh sốt rét như muỗi ở rừng, nhưng vì quá nhiều đến nỗi chúng có thể hút hết máu con bò qua một đêm ! Vừa sầm tối chúng bay ra mù mịt như bão cát ở sa mạc, bu vào người hay vật đen ngòm. Nếu ta không đuổi chúng, như

lúc ngủ mê lỡ đê cùi chõ sát vách mùng thì chúng cắm vòi rút đầy bụng rồi phóng uế ra, hút nữa ! Những con khác không có chõ đậu, cứ đút vòi vào đít con trước mà hút, con này chòng lên con kia như sợi giây ! (1)

Thuở ấy, nghĩa quân không có mùng mỗi người có một chiếc đệm đưốn bằng lát, nửa nằm nửa đắp thay mền. Vì hai đầu trống nên muỗi vẫn vào được tấn công tới tấp ! Muốn trừ chúng chỉ có cách đốt lửa un khói, nhưng sợ lộ căn cứ đóng quân nên không ai dám. Một nghĩa quân tên Mẹo quá khồ sở vì giống côn trùng bé nhỏ, nghĩ ra một phương pháp xấp đôi chiếc đệm lấy dạt dừa may kín hai đầu, chun vào nầm lật úp lại. Kết quả rất tốt, không có con muỗi nào chun lọt, anh ngủ yên snốt đêm. Tất cả nghĩa quân đều bắt chước làm theo và đặt tên là *chiếc xếp*. Đồng bào quanh vùng cũng hoan nghinh sáng kiến này, không mấy hôm chiếc xếp lan tràn khắp vùng Đồng-tháp và theo các ghe thương hồ đến khắp miền lục tỉnh.

Khi quân Pháp tấn công, đoàn nghĩa quân tan rã, một viên sĩ quan thấy chiếc xếp thì lấy làm lạ hỏi người thông ngôn. Anh ta nghĩ rằng nếu nói là *xếp* thì trùng

(1) Muỗi ở vùng U-minh (Rạch-giá Cà-mau) cũng nhiều như ở Đồng-tháp. Đồng bào ngủ trong 2 cái mùng, một nhỏ, một lớn cách khoảng lối hai tấc đê phòng khi ngủ quên tay chân đê sát vách mùng khỏi bị muỗi ở ngoài bám vào. Năm 1939, một Kỹ sư cảnh nòng Pháp công tác ở U-minh phì cười trước sự lo xa của người Việt. Ông nằm trong cái mùng nhỏ loại nhà binh, nửa đêm đê một cánh tay sát vách mùng bị muỗi bu đen ngòm đến sáng, ông bất tỉnh, chờ ra bệnh viện Rạch-giá thì từ trần.

với tiếng *chef* sợ phạm tội trich thượng và biết đâu quan lớn nghi ngờ mình có ý xỏ xiên dùng chửc vị quan để lót ngồi nên nói trại ra là **nếp**. Anh ta cũng ngầm bảo dân chung gọi là *chiếc nếp* để tránh điều lôi thôi.

Ít lâu sau, có một viên đội người Việt tên **Nếp** đến ở trong đồn kiềm soát tại Đồng-tháp. Ông cấm không cho đồng bào nói tên tộc của ông. Tên chiếc nếp phải đổi thành chiếc **nôp**, và lần lần người ta nói trại ra thành **nóp**, thông dụng đến ngày nay.

91. SƯ CẬU

Năm 1930, một nhà sư Việt trẻ tuổi sang Cao-miên đến khúc sông gần thị trấn Kompong Speu không thấy ghe đò, liền cởi áo toan lội qua bờ bên kia. Một người Miên thấy vậy lật đật cản lại nói :

— Ông ơi ! Sông này có nhiều Sấu lăm ! Ông lội xuống thì bị chúng ăn thịt liền !

Vị sư nghe nói, chăm chỉ nhìn xuống sông mà rắng :

— Mô Phật ! Quả thật vậy, tôi xin nguyện cùng Đức Thê-Tôn : Nếu tôi qua đây khúc sông này thì tôi mới thật có căn cơ, tôi nguyện sẽ lập Chùa tại đây để tu hành, trái lại tôi sẽ bị sấu ăn thịt.

Khán nguyện xong, vị sư liền bình tĩnh lội đến giữa sông, thì quả có một bầy Sấu nòi lên thật nhưng không động đến ông. Lên bờ, nhà sư xin phép cất chùa tại đó,

Việt-kiều ở địa phương và các tỉnh khác biết chuyện này rất sùng kính, gọi nhà sư là « Sư Cậu ». — Sư Cậu là một người bị « Đoán Âm » chỉ nhận người cùng tật với mình vào tu hoặc kẻ xuất gia phải tự thiền mới được. Vì thế, chùa Sư Cậu ít có phái nam. Suốt đời lamas và chữa trị những bệnh nhân đau khổ, danh tiếng Sư Cậu ở chùa Kompong Speu bay khắp xứ Cao-miên, Việt, Hoa và Miên đều kính trọng.

Năm 1968, một buổi sáng, Sư Cậu tụng kinh thời kinh ông vào liêu nghỉ. Độ hai giờ sau, ông Giáo-tho, một người thân tín của Sư Cậu, vào liêu vấp phải một vật mềm mềm, ướt ướt, té chui xuống. Ông ngạc nhiên mở cửa ra thấy Sư Cậu nằm chết trên vũng máu từ bao giờ.

Ông Giáo-tho cho gọi hết các tăng ni trong chùa lại nhờ xem xét các nơi và cấm không cho ai được phát giác vụ án mạng bí mật này, vì ông sợ người Miên nghe được sẽ làm khó dễ trong Chùa, các tăng ni sẽ không được yên thân và quan trọng hơn hết là giảm lòng tôn kính của Việt kiều đối với Sư Cậu.

Ông trình vội với nhà chức trách sở tại là Sư Cậu già yếu mang bệnh Viêm titch và làm ma chay linh đình đê hỏa táng. Dù tuổi cao sức kém Vị Giáo-tho cũng phải tạm gác lại cơn sầu khổ đê âm thầm đóng vai Thám-tử tìm kẻ gian.

Không bao lâu ông biết thủ phạm nhưng vì lòng Từ-bi ông làm ngơ không tố cáo. Thế nhưng kẻ gian lại không chịu im lặng vì hắn còn tham tiền bạc và có tánh hiếu sát.

Hắn là một thiếu niên lối 16, 17 tuổi cháu họ của một ni cô trong chùa, thường lân la đến thăm cô. Hắn có một người cha thường xin tiền của cô để giúp cha. Hắn được Sư Cậu thương mến thường cho vào liêu trò chuyen. Hắn thấy Sư Cậu mở tủ, tiền bạc quá nhiều nên tối mắt. Có lần hắn hỏi:

— Tiền ở đâu mà Sư Cậu có nhiều quá vậy?

Sư đáp :

— Đó là tiền của thập phương đến cúng chùa, lâu ngày mới được chừng đó.

Sư Cậu thường lấy tiền cho hắn nhưng bao nhiêu cho đủ đổi với hắn? Hắn muốn tất cả số tiền ấy và hắn nghĩ cách chiếm kỳ được. Hắn dấu sẵn cái búa trong lưng, lân la ngủ trong chùa với Sư Cậu.

Đúng theo dự tính hắn đã thành công hạ sát Sư Cậu và chiếm đoạt hết số tiền cha con hắn rất mừng, nhưng ít lâu sau tự nhiên cha hắn hộc máu chết. Hắn nghĩ có lẽ vì cha hắn hút quá nhiều nên đứt cuống phổi.

Sau khi chôn cất cha xong hắn cũng vừa hết tiền lại vướng thêm tánh ham mê cờ bạc. Hắn lại nhớ đến nơi có tiền bạc là chùa Sư Cậu. Hắn lại lân la tìm đến thăm người cô. Hắn không biết ông giáo Thọ già đang làm Thám tử, nên hắn lại giả bộ hầu hạ ông như Sư Cậu lúc xưa. Vì hắn biết ông đang cầm chìa khóa.

Ông Giáo Thọ đã nghĩ đến hắn nhưng luật tu hành cấm nghĩ như vậy, nên ông cũng không dám quả quyết. Về phần hắn, hắn thấy mình chịu chuộng cũng

quá nhiều mà ông Giáo Thọ hình như không mến hắn, nên hắn xuống nước nhỏ hỏi xin :

— Sư Cậu ! (Hắn gọi ông này cũng như ông trước) Xin Sư Cậu cho con một ngàn đồng, con dồi quá !

Vị Giáo Thọ điềm đạm, trả lời :

— Đâu có con ! Từ khi Sư Cậu tịch rời tiền bạc bị mất hết, trong chùa đâu có tiền dư.

Hắn thất vọng và căm giận nén buốt miệng :

— Hừ ! Ông coi chừng tôi ! Tôi sẽ cho ông chết như ông trước bấy giờ !

Bấy giờ vị Giáo Thọ biết chắc thủ phạm là hắn rồi nên nói :

— Coi kia ! Sao con dại miệng vậy ? Con nói như vậy người ta nghi con giết Sư Cậu bắt con làm sao ?

Hắn không trả lời, lầm lũi ra về. Vị Giáo Thọ cũng không nói cho ai biết cả. Có lẽ ông nghĩ Sư Cậu đã chết rồi dù làm ra lẽ cũng không sống lại được chỉ gây thêm khổ cho kẻ khác.

Ba hôm sau, một người Miên thấy một đứa con trai nhỏ xâm xâm đến trước cổng chùa, ôm bụng ụa mửa ra từng đống máu tươi và từ từ ngã khuya xuống đất thở. Người này hoảng kinh kêu tăng ni chạy ra. Một Ni cô già ôm xác chết khóc, còn ông Giáo Thọ mò trong lồng kẻ bát hạnh lấy ra một cái búa tay và giải thích cho mọi người biết cái chết của Sư Cậu, còn cái chết của người thì không thể giải thích được. Ông chỉ biết kết luận theo giáo Lý nhà Phật :

— Nó đã tạo ra cái Nhân nên bấy giờ phải gánh

lấy cái Quả ! Nó làm cho kẻ khác đồ máu thì nó cũng phải bị đồ máu ! Phật pháp muôn đời là như vậy !

92 TỤC THỜ THẦN HỘ

Khi Đức Tả Quân Lê văn Duyệt trấn thủ thành Gia Định, Ngài nuôi rất nhiều cọp nào là cọp vắt khăn (văn đen), cọp xám, cọp mun. Sứ thần các nước đến viếng thăm đều khiếp đảm trước các chuồng cọp của Ngài. Những lúc ấy, Đức Tả Quân thường cho những quân lính giỏi võ đấu với cọp để sứ giả xem chơi. Đặc điểm đáng kinh ngạc là Ngài buộc trong cuộc đấu nào luôn luôn người phải phần thắng vật và tướng thường xứng đáng. Nếu người nào đánh cọp chết thì bị phạt ro hèo. Chính Lê văn Khôi trước khi được Ngài nhận làm dưỡng tử cũng bị áp dụng theo luật này.

Tương truyền bầy cọp rất trung thành với Đức Tả Quân. Khi Lê văn Khôi bị giết bầy cọp phá chuồng nhảy ra cắn giết binh Triều, lớp thì bị chết lớp thì chạy thoát về rừng.

Quả cơn loạn lạc, một hôm, dân chúng đi ngang qua phần mộ của Đức Tả Quân thấy có ba con cọp nằm chết, đầu bị bẻ, thì cho rằng đây là những con vật trung thành tự tử theo Ngài. Người ta khiêng xác cọp chôn cất tử tế.

Từ đó, người nào khấn nguyện cầu xin Đức Tả Quân điều gì đều có vái các ông cọp ấy. Và khi lập

đền thờ Ngài người ta cất cái Miếu nhỏ bên cạnh đền thờ ông Hồ, gọi là Thần Hồ.

Lâu dần thành thói quen ở miền Nam, nơi nào có lập Đinh thờ thần được vua sắc phong đều có cất Miếu thờ Thần Hồ, lưu truyền đến ngày nay.

93. MỘT ĐÊM BA MẠNG NGƯỜI

Tháng tám năm 1949, một toán người vũ trang kéo đến vùng An-lợi hô hào dân chúng nên theo một lối sống mới, thích hợp với trào lưu tiến hóa thời bấy giờ. Việc làm đầu tiên của họ là chọn ngôi chùa làm trụ sở, khiêng hết tượng Phật, Thần Thánh bỏ đồng ngoài sân, dẹp bàn thờ, màn, liềng lô bộ. Nơi thờ phụng hơn tám mươi năm phút chốc hóa thành một gian nhà trống trơn để chứa súng ống, dao mác và làm chỗ ngủ. Người chỉ huy kêu gọi đồng bào ủng hộ một con bò tơ, ra lệnh mổ thịt làm nhiều thức ăn cho đám binh sĩ thưởng thức ngay buổi chiều hôm ấy.

Vài vị bô lão thấy hành động trắng trợn, nhở nhẹ ngỏ lời khuyên quý ông không nên làm ô uế cửa thiền và xúc phạm đến các đấng thiêng liêng thái quá. Nhưng vị chỉ huy ngạo nghễ bảo rằng vấn đề vái lạy hình cây tượng gỗ là mê tín, dị đoan, là lạc hậu, thoái hóa rất cần phải đào thải đổi thay quan niệm xưa cũ không thể nào tồn tại trước luồng gió mới vừa thổi đến, phải trịnh trọng đón mừng và rập khuôn theo các bậc đàn anh vì đại đã đi trước ! Đồng bào không dám

phản đối, cản ngăn, không dám lại gần nhìn cảnh trái ngược phong tục cõi truyền.

Tiệc dọn dưới nền gạch giữa chánh điện, từ nơi đè bàn Phật dài tới cửa chùa, chia làm ba mâm dài song song với nhau. Vị chỉ huy ngồi giữa hai bên là hai Ông Phó, kế đó là toàn thể binh sĩ ngồi theo thứ bậc. Sau vài câu mừng anh em xum họp đông đủ, vị chỉ huy nâng ly rượu đè hớp ba hơi dài. Hai Ông phó cũng uống ba hơi, đoạn vỗ tay hoan hô người lãnh tụ tài ba đã khéo dắt anh em trên đường chiến đấu. Toàn thể binh sĩ rập theo, tiếng reo hò vang dậy một hồi lâu.

Thịnh lindh ông Phó ngồi bên trái vùt ôm bụng gặp người xuống rên ứ ứ. Vị chỉ huy lấy làm lạ đỡ dậy hỏi, vừa gọi hai cô nữ cứu thương. Ông Phó nằm dài ra, mắt đờ đẫn, phèu phào mấy tiếng :

— Tôi bị một ông râu ria cầm dao chém vào hông
Vị chỉ huy hỏi tiếp :

— Ông râu ria nào, ở đâu vào đây ? Có ai thấy
đâu ?

Ông Phó giơ tay chỉ ngoài sân, nơi các tượng Phật, Thần Thánh bỏ ngón ngang, rồi trọn ngược mắt, thở hắt ra. Hai cô nữ cứu thương vừa mang bao thuốc đến, chỉ còn cách vuốt mặt kẻ bất hạnh. Dở áo ra xem bụng không có vết thương nào cả.

Tiệc vui trở thành tiệc tang ! Không ai ăn ngon miệng nhưng phải nuốt vội vàng vì quá đói. Vài người ăn xong trước lo tần liệm xác chết tìm chỗ an táng sơ sài. Vị chỉ huy tỏ ra suy nghĩ lung лám. Vẻ sợ sệt hiện ra trong ánh mắt, nhưng ông cố giữ vững tinh thần, gọi anh em họp lại học tập. Ông đem hàng đồng lý

thuyết mới cố dàn áp sự lo sợ của mọi người trước cái chết đột ngột của ông Phó. Đoạn ông cắt người canh gác, ra lệnh cả đoàn ngủ sớm. Ông nằm trằn trọc không yên giấc, chốc chốc lại ngồi dậy ngồi ra sân nơi để các tượng gỗ.

Mười hai giờ khuya, tiếng gà gáy sang canh vừa dứt thì một tiếng thét vang lên, tiếng kêu đau đớn của người bị thương nặng. Cả đoàn báo động cho rằng địch tấn công, mọi người cầm khí giới bò ra ngoài nấp vào các ngõ ngách chờ đợi.

Vị chỉ huy chạy lại nơi phát ra tiếng kêu thấy ông Phó ôm bụng quắn quại, mặt nhăn nhó ra vẻ đau đớn khôn cùng. Ông ngồi xuống dở tay, dở áo không thấy trầy da rướm máu chút nào, bèn hỏi :

— Việc gì thế ?

Ông Phó ấp úng đáp :

— Ông có râu cầm dao chém tôi.

Vừa nói, ông vừa chỉ ngoài sân như ông trước, rồi xuôi tay, tắt thở.

Bấy giờ vị chỉ huy mới phát sợ, ông ngồi chết lặng hồi lâu, không nói được lời nào. Lát sau ông bừng tỉnh vội báo tin buồn cho anh em hay, một mặt cử người chôn cất nạn nhân, một mặt ra lệnh rời khỏi địa điểm lập tức.

Đoàn người âm thầm đi về hướng Nam mang nặng trong đầu nhiều ý nghĩ hoang mang về hai cảnh chết giống nhau trong vài giờ ! Không ai dám bàn tán, phê bình, ngỏ ý kiến gì cả.

Vị chỉ huy lầm lùi đi trước lo lắng đến cực độ. Ông linh cảm rằng chính ông cũng sẽ bị bất đắc kỳ tử

như hai ông Phó vì ông là người cầm đầu đã đề xướng việc chiếm ngôi chùa, khiêng bỏ thần tượng. Vì thế, ông định rời bỏ nơi linh thiêng ấy, tránh càng xa càng tốt. Ông cho rằng cổ gắng đi đến sáng, có ánh mặt trời thì ma quỷ sẽ không dở trò gì được. Nhưng, đúng ba giờ, tiếng gà rùng gáy vừa dứt ông hét lên một tiếng, gặp người té nhói xuống.

Hai binh sĩ đi gần vội quăng bao, vứt súng đỡ ông nằm ngửa ra. Ông thở dài nói :

— Ông có râu chém tôi !

Rồi trợn mắt, tắt hơi. Đoàn người ngần ngại nhìn nhau, rùng mình. Chôn cất vị chỉ huy xong, họ kéo nhau đi tiếp tục thi hành sứ mạng.

Sáng lại, đồng bào không thấy còn ai ở trong chùa mà phía sau có hai ngôi mộ nằm gần nhau, mới dắp vội vàng thì không hiểu đầu đuôi rà sao. Các bậc kỳ lão kêu gọi trai tráng khiêng tượng Phật, Thân vào chùa dọn dẹp như cũ. Hiện nay ngôi chùa vẫn còn. Khi địch quân thua trận, một binh sĩ có mặt trong đêm ấy ghé làng kề lại những biến cố đã xảy ra bấy giờ mọi người mới biết.

94. ÔNG THỢ ĐỨC Ở CAO LÃNH

Ông thợ Đức, có người gọi là Nhứt, quê quán ở xã Tân-an, quận Cao-lãnh, tỉnh Kiến-phong là một ông thợ mộc giỏi bùa Lô ban nổi tiếng hơn tất cả bạn đồng nghiệp đồng thời. Vào những năm 1925, 1930 đồng bào địa phương thường truyền tụng những kỷ công

của ông đã giúp làng xóm và những phép nhỏ nhặt
chọc phá thiên hạ để sửa trị hoặc để đùa chơi.

Thuở ấy, con sông Cao-lanh còn rộng và sâu, tàu thủy loại lớn vào, ra dễ dàng. Tại chợ quận có chiếc tàu chở hành khách và hàng hóa đi Phnom Penh, lướt về đi ngang nhà ông lối nửa đêm, không hiểu vô tình hay cố ý; lần nào cũng vậy ông tài công kéo còi om sòm. Ông mất giấc ngủ, tức lẩm lấy viên đá trải đường họa bùa vào quăng dưới sông. Tàu chạy đến quen mui rú lên từng chap tức thì chun vịt sút ra chìm mất. Thủy thủ nhảy xuống lặn tìm cả giờ không gặp. Trên xóm có người thương hại mách dùm chủ tàu. Ông này biết lối lật đặt đến nhà xin lối ông thợ, hứa sẽ không kéo còi nữa. Ông bảo xuống lối too thước mò sè có. Quả nhiên, cái chun vịt sút ra đáng lẽ chìm tại chỗ mà không hiểu có sao lại trôi quá xa như thế.

Có lần ông đi thăm bà con cách một cánh đồng. Vì gấp về nhà có việc ông săn quần lội ngang miếng ruộng đang cấy dở. Mặc dầu ông cẩn thận né tránh mấy cây mạ mới cắm nhưng các cô công cấy la ó om sòm, nào là ông già kỳ cục bờ đê không đi, nào là ông già muốn phá đám. Ông làm thinh không trả lời bước lên bờ ngắt một nhánh cỏ làm bầm đục thăn chú quăng xuống ruộng. Tức thì một con cá lóc khá to lội lăng xăng vào đám mạ. Các cô thấy cá reo lên, đồ xô nhau chụp bắt. Mười phút sau, cá lủi đâu mất, bao nhiêu mạ cấy xong tróc lên nồi lều bèu!

Có lần ông đi qua xóm gặp hai anh thợ cưa, một anh ngồi dưới đất, một anh đứng trên khúc cây dày và kéo đều tay. Làm hoài một động tác và không có

giùm đỡ nói cho vui, một anh thấy ông Đức thì ngó lời chọc ghẹo. Ông không lấy đó làm giận, lảng lặng đi. Anh kia sẵn miệng nói tiếp theo rồi cả hai cười sảng sặc. Ông nồi giận, làm bầm đoc thắn chú. Tức thì hai anh thợ không biết vì sao lại đầy một lượt và kéo một lượt không cách gì kèm chế mình. Lưỡi cửa đi khơi khơi ngoài thân gỗ không xé được như trước. Hồi lâu hai anh tinh ngộ, vội chạy theo năn nỉ lạy lục một hồi, ông mới tha !

Có lần ông đi ngang ngôi nhà đang cất, hai anh ngồi trên nóc đang lợp lá thấy ông liền nói dùa cho mấy cô gái ở dưới cười chơi. Ông nhìn hai anh rồi bỏ đi thẳng. Hai anh ngồi làm thịnh không nói nữa và không làm việc, mắt mờ trao tráo mà như người ngủ mê. Chủ nhà hoảng hồn hỏi ra mới biết ông liền chạy theo van lạy giữa đường. Ông gật đầu chịu tha thì hai anh mới bừng tỉnh dậy !

*
* *

Ông sống dư giả với nghề thợ mộc, cất đình, mái chùa và nhà cửa cho đồng bào. Các ông Hương chức trong quận hết lòng tin cậy ở tánh cương trực đứng đắn của ông. Đồng bào cũng yên tâm khi nhờ ông cất nhà không bao giờ sợ ông ếm đổi. Ông rất ghét những đồng nghiệp dùng bùa phép phá chủ nhà. Người nào rủi ro gặp thợ xấu bụng chạy nhờ ông thì ông gõ ngay.

Có một lần người thợ lanh cất đình cửa cây sột cái bằng cầm xe, lở hut vài tấc hốt hoảng không biết phải làm sao tìm cây khác thế vào. Người ấy cầu cứu

với ông được ông chỉ giúp một sáng kiến đặc biệt : làm cái đôn bằng xi-măng để trên miếng đá táng đội cây cột lên. Ông họa phù vào cái đôn và cây cột lúc bắt đầu dựng. Kết quả, quý vị hương chức khen người thợ có tài, khéo tay chế ra cái đôn đỡ cây cột xem lạ mắt và đẹp vô cùng.

Ông giúp làng Mỹ-nga một công tác có thể gọi là hi hữu, cỏ lai chua ai làm được hoặc không có dịp trồ tài. Nguyên cây da cạnh ngôi đình làng này có một nhánh khá lớn ve trên nóc sấp gãy. Không ai biết làm cách nào để tránh tai họa vì sức người không thể đỡ nổi nguyên nhánh cây, mà cưa, mé từng cành nhỏ thì cả nhánh sẽ gãy sập đình. Ban Hội tè mời ông Đức đến xem và nhờ ông giúp. Ông nhận lời giữa đêm lập bàn thờ ngoài sân đình, lẽ bái xong, đọc thần chú một chập rồi cho người lên cưa đứt nhánh cây. Trước mắt quý vị Hương chức và đồng đảo đồng bào đứng xem, mọi người đều thấy rõ ràng nhánh da gãy rời khỏi thân cây từ từ bay rớt giữa sân đình. Người ta nói ông dùng bùa sai âm binh đỡ nhánh da đem đi.

Ông Đức xứng đáng là một người thợ mộc gương mẫu, suốt đời không dùng tài phép hại đồng bào. Ông không truyền nghề cho con cháu vì ông cho rằng chúng nó khó thể giữ lòng trong sạch sợ e ý tài hại người. Ông chết với mớ tuồi già trước sự tiếc của toàn thể dân Cao-lanh.



Tài liệu tham khảo của:

Ô. Ô. LÊ - THIÊN - CƯ

- ĐINH - THÁI - SƠN
- TRẦN - QUANG - HẠO
- QUÁCH - QUANG
- LƯƠNG - VĂN - LƯU
- LÊ - HOÀNG - ĐẠI
- LÊ - VĂN - NHẠC
- NGUYỄN - THANH - NAM
- NGUYỄN - VĂN - MUỐI
- VỊ - HÀI

Đính - chánh

trang	dòng	In sai	Xin đọc
17	28	neo xuồng	neo xuồng
19	17	hởm ấy	hởm ăn
38	1	Tự-đức và Thiệu-trị	Thiệu-trị và Tự-đức
42	30	có thân quì	có chân quì
45	10	cờ xi	cờ xi
56	3	Bấy giờ	Bấy giờ
63	21	chúng mày	chú mày
68	20	kẻ nao	kẻ nào
78	26	vợ răng	vợ răng
84	3	Năm 1920	Năm 1936
—	6	Thành hoàng	Linh phò
—	29	Câu đương	Câu đương
96	6	Đồn Tiền-ba, đồn	Đồn Tiền, ba đồn
105	2	xâm vào hai tai	xâm vào hai tay
106	22	nơi nhận xét	nơi sự nhận xét
111	8	sống má,,,	sống mái,,,
123	14	Đồng bo	Đồng bào
—	25	kếng hiệp	kế nghiệp
128	29	du ngoạn	du ngoạn
141	25	có ánh sánh	có ánh sáng
146	17	BangTriều châu dòn	BangTriều châu đến

trang	dòng	In sai	Xin đọc
146	17	ở xã Phú-hài	ở xã Phú-hài
147	10	ở Phú hài	ở Phú hài
—	13	phá hại	phá lại
—	19	mở mắt, hết rụi	mở mắt, hết xui
159	15	bao thân hình đó	bao thân mình nó
169	22	đôi mắt láu liên	đôi mắt láo liên
172	8	một tiếng hit	một tiếng rit
184	2	ngờ con Ô-truy	ngờ con Ô-truy
186	9	đá với một cái	đá với một cái
195	3	thông thiền văn	thông thiên văn
197	2	không lộ và buồn	không lộ vẻ buồn
201	6	quét tường	quét đường
211	9	Nghỉ ngơi	Nghỉ ngơi
212	19	ăn ở hiện lành	ăn ở hiền lành
217	7	nói rắn	nói răng
223	7	tán phieu	tán phiêu
234	26	dấu bặt viet làm	dấu bặt việc làm
241	11	đời nhà trần	đời nhà Trần
250	1	cô gái vừa thét lại	cô gái kéo lại



Mục - lục

Tựa	TRANG
1 — Đứa con thứ 13 của Đức Phật	7
2 — Miếu Ông Hoàng	16
3 — Cồ thụ có Thần nhập	21
4 — Công chúa Mai-Châu	24
5 — Tông Đốc Nguyễn-Đặng-Giai	26
6 — Bà Hai Đệ ở Cao-Lãnh.	29
7 — Ông Chánh Lãnh-binh Nguyễn-Hương	36
8 — Vàng đi	47
9 — Con ông, con bà	49
10 — Người lấy ma	51
11 — Tướng Trời mắc đọa	53
12 — Cô gái không xương	55
13 — Người dễ rắn.	58
14 — Chuyện đầu thai	60
15 — Long Vương lấy gỗ	62
16 — Chuông, Khánh ở núi Đầu Tượng.	66
17 — Ao Trời	68
18 — Thầy Bình	71
19 — Ngỗng Thần ở Dinh Cậu	74
20 — Huyền thoại về Cao-Biển.	76
21 — Thánh Tán-Viên.	80
22 — Ông Chủ chợ Cao-Lãnh.	82
23 — Đạo sĩ núi Tà-Lơn.	85
24 — Ông Thiên-hộ Dương	94
25 — Những vị anh hùng chống Pháp	101

26 — Thái Thượng Hoàng-Minh	104
27 — Chuyện tim vàng ở Đồng-Tháp	106
28 — Đầu lâu trong Thạch-Động	108
29 — Thợ mộc ốm chết người	112
30 — Thầy Pháp bị sa đao	114
31 — Người có lòng tốt.	117
32 — Bùa, ngải	119
33 — Vị Hòa-Thượng núi Hồng linh	122
34 — Tướng giặc làng Long Phang	124
35 — Gộp đá Thất thạch Thang	127
36 — Một chuyện về núi Cú.	130
37 — Những chuyện trú ẩn của người Pháp ở Việt-Nam	132
38 — Hại nhau bằng địa lý	146
39 — Hại người hóa hại mình	148
40 — Giết bò có thai	150
41 — Người đầu cọp	152
42 — Con voi của Vua Lê.	154
43 — Lang loại Đại-tướng quân	156
44 — Con sấu trắng	158
45 — Cá hóa Long.	160
46 — Con rùa biết ơn	162
47 — Món canh máu lươn	163
48 — Rắn Chúa	164
49 — Mả heo.	166
50 — Thần hổ ba chân.	167
51 — Bạch xà hạ mãnh hổ	169

52 — Rắn hít người.	171
53 — Thần Kê	173
54 — Vị anh hùng làng Tuần lẽ	190
55 — Người đọc sách trong rừng Mỹ-hoa	173
56 — Anh giết em.	195
57 — Một con số, 25 mạng người	198
58 — Mười cái trứng chim	201
59 — Vợ chồng đánh nhau	203
60 — Con rệp giết người.	204
61 — Người được cọp chôn	206
62 — Lê Tá thồ	208
63 — Tiên thử lòng người	210
64 — Sự tích chiếc khăn tang.	212
65 — Con dòi nợ cha mẹ	216
66 — Đèn thờ Bà ở cửa Quèn	217
67 — Bà quỷ ở Vầm Cỏ Lau	220
68 — Công-Tử Việt-Nam du-lịch Nhật Bản	224
69 — Kho vàng họ Lưu.	226
70 — Kho tàng Nhật Bản ở Việt-Nam	234
71 — Chiếc áo bà ba	237
72 — Tiền bạc ở nước ngoài	239
73 — Sự tích cây đàn Kim	241
74 — Quả báo nhân tiền.	244
75 — Tráng sĩ Thuồng-luồng	246
76 — Ông Phó bảng Huy.	254
77 — Chuyện hai khầu súng đồng ở Vũng-tàu	256

78 — Tích chiếc bè Thị-Hương	261
79 — Ông Thừa Tiêu	263
80 — Chuyện đánh thuốc cọp	268
81 — Đào được tượng Phật	271
82 — Thảm tình trên bờ thác	274
83 — Tục lệ vấn đầu của phụ nữ miền Bắc	283
84 — Sự tích thuốc lào.	284
85 — Chuyện được vàng ở Đồng Tháp	286
86 — Lướt tròn lồng lộng	287
87 — Tên ác bá bị trả thù	290
88 — Hai tên cướp Mây và Mưa	293
89 — Cô hồn trên quốc lộ	296
90 — Chiếc nón ở Đồng-Tháp	299
91 — Sư cậu	301
92 — Tục thờ thần Hồ	305
93 — Một đêm ba mạng người	306
94 — Ông thợ Đức ở Cao-Lãnh	309

*
* *

TRUYỆN TÍCH VIỆT-NAM
Do Lê Hương sưu tầm và
Một Nhóm Văn Hữu xuất
bản, In xong ngày 1-11-1970
Giấy phép số 2757 / BTT /
PHNT. Triển hạn ngày
21 tháng 10 năm 1970